



Đức Mẹ Hiện Ra Trong Thế Kỷ XX

Narrated by Ricardo Montalban

Đức Mẹ Hiện Ra Trong Thế Kỷ XX



eBook

ĐỨC MẸ HIỆN RA TRÊN THẾ GIỚI

**ĐÃ ĐƯỢC GIÁO HỘI NHÌN NHẬN
HOẶC
CHƯA CHẤP NHẬN**

Tác giả: Ngưỡng Nhân Lưu Âu Nhi

TÌM HIỂU

NHỮNG NƠI ĐỨC MẸ HIỆN RA TRÊN THẾ GIỚI ĐỂ NHẮC NHỚ CON CÁI LO PHẢN RỐI

Lời Hướng dẫn của Công đồng Vatican 2 về Sứ mạng của Đức Mẹ Maria trong chương trình cứu rỗi nhân loại:

"Trong nhiệm cuộc ân sủng, Đức Maria luôn tiếp tục thiên chức làm mẹ, từ khi Ngài tin tưởng ưng thuận trong ngày Truyền Tin – sự ưng thuận mà Ngài đã không ngần ngại giữ vững bên thập giá – cho tới lúc vĩnh viễn hoàn tất việc cứu rỗi mọi người được tuyển chọn.

"Sau khi về trời, vai trò của Ngài trong việc cứu độ không chấm dứt, nhưng Ngài vẫn tiếp tục liên li cầu bầu để đem lại cho chúng ta những ân huệ giúp chúng ta được phần rỗi đời đời. Với tình từ mẫu, Ngài chăm sóc những anh em của Con Ngài đang lữ hành trên dương thế và đang gặp bao nguy hiểm, thử thách, cho đến khi họ đạt tới hạnh phúc quê trời.

"Vì thế, trong Giáo Hội, Đức Nữ Trinh được kêu cầu qua các tước hiệu: Trạng Sư, vị Bảo Trợ, Đấng Phù Hộ và Đấng Trung Gian. Tuy nhiên phải hiểu các tước hiệu ấy thế nào để không thêm bớt gì vào vinh dự và quyền năng của Đấng Trung Gian duy nhất."

Với những lời trên, chúng ta sung sướng được Đức Mẹ "luôn chăm sóc chúng ta" bằng cách này cách khác.

LỜI NÓI ĐẦU

Trong lịch sử Giáo Hội cũng như lịch sử nhân loại cận đại, rất nhiều lần Thiên Chúa gọi Mẹ Maria đến trần gian. Mẹ Maria là Sứ Giả Tình Thương được Thiên Chúa, Cha nhân từ, gọi đến với con cái trần gian. Mẹ đến nhắc nhân loại nhớ và quay về với Chúa là Tình Yêu, là nguồn gốc mọi sự. Mẹ đến báo cho nhân loại biết họ xúc phạm Thiên Chúa, xúc phạm tình yêu vô cùng của Chúa, đã quá sức nặng nề, họ phải cải hối, đền bù, hoặc hình phạt sẽ tới để đem nhân loại trở về với Đấng vì yêu thương mà tạo dựng họ. Mẹ đến để cảnh cáo nhân loại về tai ương, hậu quả đương nhiên của việc phản nghịch chống lại tình yêu vô cùng của Chúa, để nhân loại ăn năn trở về với tình yêu của Thiên Chúa, ngõ hầu tránh khỏi các ác họa. Nhưng tiếc thay, chúng ta hầu như đã chẳng nghe theo lời Mẹ, nên tai ương ác họa đã bao lần xảy đến với nhân loại.

Chúng tôi mạo muội sơ lược những lần Chúa gọi Mẹ Maria đến trần gian từ năm 1214 đến nay, khi công khai nhiều người nghe biết, khi âm thầm nơi tu viện, mà chúng tôi góp nhặt được cách rất hạn chế, chỉ với ước nguyện tôn vinh tình yêu, quyền năng và đức công chính vô cùng của Thiên Chúa, ca tụng tình hiền mẫu yêu thương của Mẹ Maria đối với con cái trần gian.

Chúng tôi sẵn sàng tuân phục phán quyết của Giáo Hội về những lần Đức Mẹ hiện ra chưa được Giáo Hội công nhận.

ĐỨC MẸ MÂN CÔI | MẸ HIỆN RA VỚI THÁNH ĐAMINH

TẠI KHU RỪNG GẦN TOULOUSE, NƯỚC PHÁP, NĂM 1214

Bà Jane ở Aza thánh thiện đến nỗi chiếu sáng như những vì sao trên bầu trời ban đêm. Bà sinh năm 1140, sống ở một lâu đài tại Tây Ban Nha với chồng là Felix, một người được kính trọng với chức hiệp sĩ. Bà là một phụ nữ hay thương người, đầy lòng trắc ẩn với những người kém may mắn, và giúp đỡ vật chất cho người nghèo.

Bà Jane có 2 con trai là Mannes và Anthony, nhưng bà muốn có thêm nhiều con. Một hôm, bà tới tu viện Silos để cầu xin có thêm một con trai nữa, xin Dòng Silos cầu nguyện giúp bà. Một tu sĩ Dòng Đa Minh nói:

- Nay chị, lời cầu của chị đã được nghe và Thiên Chúa sẽ ban cho chị một người con trai. Người con đó sẽ là tôi tớ vĩ đại của Thiên Chúa và có thể làm nhiều điều phi thường cho Chúa Kitô và Giáo Hội.

Khi tạ ơn, bà Jane đặt tên cho con trai là Dominic (Đa Minh).

Trước khi sinh con, bà Jane đã có giấc mơ tiên tri linh cảm việc giảng thuyết mà thánh Đa Minh, trong hình con chó trắng đen, chạy đi với ngọn đuốc sáng ngậm ở miệng, thấp sáng khắp thế giới. Bà Jane sinh bé trai Đa Minh tại Calaroga, thuộc Old Castile, năm 1170. Khi Đa Minh được rửa tội tại nhà thờ xứ, mẹ đỡ đầu của ngài cũng thấy ánh sáng chói lọi, nhìn như ngôi sao, trên lông mày của bé Đa Minh. Lúc đó Đa Minh được tiên định là một luồng sáng, một người sẽ soi sáng những người ở trong bóng tối.

Thánh Đa Minh được trông mong nhiều, nhưng ngài không làm thất vọng. Ngài là một thanh niên thông minh, vui vẻ, có chiều cao trung bình, điển trai, diện mạo khá hồng hào, có tiếng nói ấm và vang. Ngài thừa hưởng ở người mẹ lòng sùng kính Đức Mẹ, biết giá trị của việc kết hợp việc cầu nguyện bằng lời và bằng tâm linh, nghe biết những câu chuyện về cuộc đời Chúa Giêsu mà ngài biết đó là những mẫu nhiệm, và ngài sẽ rao giảng.

Thánh Đa Minh tận hiến cho Thiên Chúa, trở thành linh mục và phục vụ 9 năm ở Osma, sống theo tu luật Thánh Augustinô. Có lòng trắc ẩn trước nỗi đau khổ của người khác, ngài cầu nguyện và khóc thương những người tội lỗi và những người đau khổ. Ngài được nhiều người yêu mến và kính trọng.

Năm 1203, lúc 33 tuổi, ngài rời Osma đi thành phố Fanjeaux thuộc vùng Languedoc, miền Nam Pháp quốc, tại đây ngài giảng đạo gần 13 năm. Trong những hành trình

tông đồ, ngài thường dùng lại đề cầu nguyện ở Nguyễn đường Maria ở Prouille, một làng nhỏ nằm giữa Fanjeaux và Montreal, không xa núi Pyrenees.

Công việc của ngài không hề dễ dàng. Lúc đó, Pháp quốc bị tà thuyết An-bi-gen (*) đe dọa. Những người theo tà thuyết này cho rằng sự sống trên trái đất là công việc của ma quỷ. Niềm tin này sản sinh một nền văn hóa sự chết khủng khiếp. Những người theo tà thuyết này từ bỏ tính thánh thiện của hôn nhân và sự sinh sản con cái. Việc tử được khen ngợi vì nó chấm dứt vấn đề hiện hữu. Những người theo tà thuyết này hoàn toàn bác bỏ các giáo huấn của Giáo Hội, kể cả màu nhiệm Nhập thể.

Mọi thứ có vẻ không suôn sẻ, khi thánh Đa Minh cầu nguyện và khóc ở Nguyễn đường Đức Maria năm 1208, ngài than thở với Đức Mẹ về việc thiếu kết quả của việc rao giảng cho những người theo tà thuyết An-bi-gen. Đang lúc đó thì Đức Mẹ hiện ra với ngài.

Đức Mẹ nói:

- Đừng lo, đến nay con đã đạt được một ít kết quả như vậy nhờ sức lao động của con. Con phải dùng kết quả đó trên vùng đất khô cằn, chưa được tưới bằng sương hồng ân. Khi Thiên Chúa muốn canh tân bộ mặt trái đất, Ngài sẽ bắt đầu bằng cách cho mưa tuôn sự chào đón của thiên thần (rain of the Angelic Salutation). Hãy truyền bá Chuỗi Mân Côi gồm 150 câu chào của sứ thần và 15 kinh Lạy Cha, con sẽ bội thu.

Thánh Đa Minh không có thời gian. Theo mệnh lệnh của Đức Mẹ, ngài bắt đầu truyền bá Chuỗi Mân Côi, bắt đầu từ Toulouse, một thành phố không xa Prouille. Theo ghi chép của thánh Louis Montfort, một nhà truyền giáo người Pháp hồi thế kỷ 18, thánh Đa Minh đã tới nhà thờ, nơi các thiên thần rung chuông mời gọi mọi người. Khi thánh Đa Minh rao giảng, Thiên Chúa đã hỗ trợ: Trái đất rung chuyển, mặt trời tối sầm, sầm chớp dữ dội. Hầu như cả dân thành Toulouse đều bỏ niềm tin lầm lạc và bắt đầu sống đời Kitô hữu.

Sau thành công tại Toulouse, thánh Đa Minh đi từ thành phố này tới thành phố khác ở Pháp quốc, Tây Ban Nha và Ý để truyền bá Kinh Mân Côi. Trên hành trình, ngài tỏ ra rất chịu đựng, đến nỗi những người đương thời diễn tả ngài là “vận động viên mạnh mẽ”. Sức chịu đựng của ngài gây ấn tượng. Bất cứ đi đâu ngài cũng rao giảng chân lý Phúc âm tập trung vào cuộc đời vui mừng, sầu thương, và vinh quang của Đức Kitô. Nói đến một màu nhiệm và giảng một câu về đời sống của Chúa Giêsu, ngài mời người nghe lần một hạt trong chuỗi hạt – thường được dùng để đếm các lời cầu nguyện – rồi đọc kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng, các yếu tố của đức tin vẫn nhắm vào những người theo tà thuyết An-bi-gen. Chú ý những lời đầu tiên Đức Mẹ nói với

ngài, và một lần Chúa Giêsu hiện ra hướng dẫn ngài khơi lòng người ta yêu mến cầu nguyện trước khi giảng thuyết chống lại tội lỗi, thánh Đa Minh và các linh mục khác đều đọc kinh Kính Mừng chung với giáo dân trước khi giảng thuyết để xin Ôn Chúa. Ngài giải thích rằng kinh Kính Mừng chứa đầy các ví dụ về cuộc sống hàng ngày.

Phương pháp đó tác dụng. Hầu như ở các thành phố ngài rao giảng, ngài đều thành lập Hội ái hữu Mân Côi (Confraternity of the Rosary). Thánh Montfort nói rằng các giáo huấn của thánh Đa Minh tạo sự nhiệt thành đến nỗi hoán cải được những người tội lỗi chai lì nhất. Thánh Montfort viết rằng một người đàn ông bị ma quỷ chiếm hữu đã kêu lớn tiếng rằng lời rao giảng của thánh Đa Minh đã làm hoảng sợ cả hỏa ngục. Chuỗi Mân Côi cũng được tin là tạo chiến thắng của đội quân Công Giáo do Count Simon de Montfort dẫn đầu, trong trận Muret hồi tháng 9.1213 ở miền Nam Pháp quốc, gồm 800 binh sĩ chống lại vua Aragon và 40.000 quân của tà thuyết An-bi-gen.

Năm 1215, thánh Đa Minh thu hút 6 người bạn cùng làm việc tông đồ và cho họ mặc trang phục như ngài. Đó là một dòng tu đang hình thành với chương trình cầu nguyện, sống chung, và chương trình học tập với Alexander Stavensky, tiến sĩ thần học người Anh. Rao giảng, dạy dỗ, và làm việc để cứu các linh hồn là lý tưởng của thánh Đa Minh. Một người giàu có tên là Phêrô Siela đến xin theo thánh Đa Minh, giao cho ngài nhà cửa của mình ở gần Narbonne Gate tại Toulouse. Cũng trong năm 1215, thánh Đa Minh đi Rôma và quỳ trước mặt ĐGH Innocent III để xin phê chuẩn Dòng Anh Em Thuyết Giáo (OP – Order of Preachers). ĐGH hướng dẫn ngài dùng tu luật hiện có để sống theo. Thánh Đa Minh và các tu sĩ đồng ý chọn tu luật của thánh Augustinô. Ngày 22.12.1216 có tân giáo hoàng là ĐGH Honorio III, ngài đã phê chuẩn và tuyên bố thánh Đa Minh là “ánh sáng thật của thế giới”.

Khi sinh thời, thánh Đa Minh đã chữa lành các bệnh nhân, phục sinh người chết, và biến lương thực ra nhiều (các phép lạ vẫn tiếp tục xảy ra cho đến sau khi ngài qua đời). Ngài khuyến khích người trẻ và triu mến với những người mà ngài gặp. Dù ngài già theo thời gian, nhưng tâm hồn ngài vẫn trẻ trung và vui vẻ. Sau khi dòng được phê chuẩn 5 năm, thánh Đa Minh qua đời ngày 6.8.1221 tại Bologna, Ý. Ngay khi hấp hối, ngài vẫn an ủi người khác. Ngài nói:

- Anh em đừng khóc. Tôi sẽ có ích hơn cho anh em dù tôi đi bất cứ nơi đâu, có ích hơn khi tôi sống trên đời này.

Ước mơ từ lâu của chân phước Jane, mẹ của thánh Đa Minh, đã thành hiện thực: Con trai bà đã thắp lửa sáng khắp thế giới.

Thánh thi hay Chuỗi Mân Côi?

Trong thời thánh Đa Minh, Chuỗi Mân Côi được nhắc tới như “Thánh thi của Đức Maria”, và mãi tới thế kỷ 15 Chuỗi Mân Côi mới được sử dụng. Nhưng 100 năm sau khi thánh Đa Minh giới thiệu Chuỗi Mân Côi, người ta vẫn không hề nhớ tới.

Chữ ros có thể lấy từ tiếng Latin, nghĩa là “sương”, ám chỉ lời Đức Mẹ nói với thánh Đa Minh về “sương hồng ân” hoặc do tiếng Latin là rosarium, nghĩa là “triều thiên hoa hồng” – từ ngữ “Chuỗi Mân Côi” (Rosary) có sau khi Lm Alan de la Roche, Dòng Đa Minh, người Pháp, được thị kiến Chúa Giêsu, Mẹ Maria, và thánh Đa Minh khuyến khích ngài khôi phục Chuỗi Mân Côi.

Dạng Chuỗi Mân Côi như chúng ta thấy ngày nay cũng không có trong thời thánh Đa Minh. Việc thêm các mầu nhiệm đã mất nhiều thế kỷ để chỉnh sửa và xác định. Thánh GH Piô V, cũng là tu sĩ Dòng Đa Minh, đã làm điều này năm 1569. Ngày 16.10.2002, chân phước GH Gioan Phalô II đề nghị thêm 5 Mầu nhiệm Sự Sáng vào Chuỗi Mân Côi truyền thống. Gọi là “Mầu nhiệm Sự Sáng” vì gồm các mầu nhiệm trong sứ vụ công khai của Chúa Kitô từ khi chịu Phép Rửa tới Cuộc Khổ Nạn.

Tặng phẩm của Áo Đức Bà

Năm 1218, tại Rôma, Đức Mẹ hiện ra với một tu sĩ Dòng Đa Minh là Master Reginald, ở Orleans, là giáo sư nổi tiếng về giáo luật tại ĐH Paris trước khi gặp thánh Đa Minh và gia nhập dòng này. Các bài giảng thuyết của ngài đã thu hút nhiều người vào dòng. Lúc Đức Mẹ hiện ra, Reginald bị bệnh. Mỉm cười với ngài, Đức Mẹ xúc dầu cho ngài, chữa bệnh cho ngài, và giới thiệu với ngài một áo dòng trắng (scapular, Áo Đức Bà). Đức Mẹ nói: “Đây là áo dòng của con”.

Tại sao lần Chuỗi Mân Côi?

Thế kỷ XV, Lm Alan de la Roche, Dòng Đa-minh, bảo đảm Chuỗi Mân Côi là nguồn vô biên của các phúc lành:

1. Tội nhân được tha thứ.
2. Linh hồn nào khao khát sẽ được thỏa khát.
3. Ai khổ sâu sẽ tìm thấy hạnh phúc.
4. Ai bị cám dỗ sẽ được bình an.
5. Người nghèo được giúp đỡ.

6. Tu sĩ được canh tân.

7. Ai không hiểu biết sẽ được hướng dẫn.

Về Chuỗi Mân Côi, Thánh GH Gioan Phaolô II nói: “Lần Chuỗi Mân Côi là giao phó những gánh nặng cho Thánh Tâm Thương Xót của Chúa Kitô và Đức Mẹ”.

ĐỨC MẸ CAMILÔ | MẸ HIỆN RA VỚI THÁNH SIMON STOCK

TẠI AYLESFORD, ANH QUỐC, NĂM 1251

Trong Thánh Kinh Cựu Ước, tại vùng núi đồi cao tên Karmel (Camêlô), tiên tri Êlia đã thấy một đám mây mà nhiều người tin rằng đó là hình ảnh báo trước của Đức Mẹ Maria. Vùng núi này được kể là nơi vị tiên tri của Thiên Chúa chiến đấu với các tiên tri giả của tà thần Baal.

Vị trí núi Camêlô nằm ở giữa làng Nazareth và Biển Hồ Galilê. Thiên Chúa đã gặp gỡ dân của Ngài tại núi này nhiều lần. Sau này, Thiên Chúa trong hình ảnh loài người là Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, lại một lần nữa gặp gỡ dân của Ngài.

Dần dần những người muốn dâng mình cho Chúa tụ họp về đây, sống trong các hang động, tập sống đời nhiệm nhặt, ăn chay hãm mình, cầu nguyện. Năm 38, họ xây cất một nhà nguyện dâng kính Đức Mẹ Maria và chọn Đức Mẹ làm Đấng Bảo trợ cho cả cộng đoàn. Dòng Đức Mẹ Núi Camêlô xuất hiện từ đó, và được Đức Giáo Hoàng Hônôriút thứ 3 chuẩn nhận năm 1226. Dòng này có những vị thánh tiến sĩ nổi tiếng như các thánh Têrêsa Avila, Têrêsa Hải Đồng Giêsu, và Gioan Thánh Giá.

Trong thời gian người Hồi giáo tấn công Thánh địa, tàn sát người Công giáo, các đan sĩ dòng phải rời bỏ núi Camêlô, chạy về nước Pháp, thành lập nhà dòng ở đây và cũng đến lập dòng tại nước Anh. Chính nơi đây, nhà dòng được tiếp nhận Thánh Simon Stóckô (Stock) vào dòng. Và năm 1245, Thánh nhân nhận làm bề trên dòng. Ngài chỉnh đốn lại nếp sống các đan sĩ, đặc biệt củng cố lại lòng sùng kính Đức Mẹ. Thánh nhân đã tha thiết kêu xin Đức Mẹ ban cho nhà dòng một ân huệ.

Theo lịch sử dòng Carmel(ô), ngày 16 tháng 7 năm 1251, Đức Mẹ hiện ra với thánh Simon Stock, tại Aylesford thuộc vùng Kent, Anh Quốc, ban cho ngài Áo Đức Mẹ và dạy các tu sĩ nam nữ trong dòng mang Áo Đức Mẹ, tận hiến và cầu khẩn nhờ Mẹ để được Mẹ bảo đảm phần rỗi đời đời. Đức Mẹ nói với thánh Simon Stock:

- Nay con hãy nhìn Dấu Hiệu Phần Rỗi. Bất cứ người nào mặc áo này khi chết sẽ không phải chịu lửa đời đời.

Đức mẹ cũng nói thêm rằng:

- Hãy mặc Áo Đức Bà Carmelô một cách sùng kính và kiên trì. Đó là Áo của Mẹ. Mặc Áo Mẹ có nghĩa là các con liên tiếp nghĩ đến Mẹ, ngược lại Mẹ sẽ luôn luôn nghĩ về các con và giúp đỡ các con chiếm được sự sống đời đời.

Lời hứa vĩ đại này đồng thời lại được xác nhận khi Đức Mẹ Nữ Vương Thiên Đàng đã hiện ra với Đức Cha Jean Dreze (sau này là Đức Giáo Hoàng XXII) và nói với Ngài rằng:

- Những ai mặc áo Đức Bà Carmelô sẽ được đưa ra khỏi Luyện ngục vào ngày Thứ Bảy Đầu Tháng sau khi chết.

Và rồi sau này chính Đức Giáo Hoàng Benedict XV cũng đã ban bố 500 ngày ân xá cho người nào mặc mỗi lần hôn kính Áo Đức Bà Carmelô.

Và 666 năm sau tại Fatima, vào ngày 13 tháng 10 năm 1917, khi Đức Mẹ Maria hiện ra với 3 trẻ chăn cừu Lucia, Phanxicô và Giaxinta. Ngoài việc Đức Mẹ nhắn nhủ 3 trẻ: “siêng năng lần chuỗi Kinh Mân Côi, cải thiện đời sống và tôn sùng Trái-Tim Vô-Nhiễm Nguyên-tội Mẹ...”. Đức Mẹ Maria lại còn cầm trong tay Bộ Áo Đức Bà Carmelô mà sau này Lucia có nói lại rằng: “Mẹ muốn tất cả mọi người mặc Áo Đức Bà Carmelô của Mẹ và Mẹ muốn lòng sùng kính Áo Đức Bà Carmelô của Mẹ được truyền bá.”

Áo Đức Mẹ núi Carmel(ô) gồm có hai mảnh vải nỉ màu nâu, màu áo dòng Carmel(ô), được nối với nhau bằng hai sợi dây để đeo qua hai vai, một mảnh trước ngực, một mảnh ở lưng. Thường thường, trên một mảnh có hình Đức Mẹ hiện ra với thánh Simon Stock, mảnh kia có ảnh Đức Mẹ bồng Chúa Hài Đồng Giêsu.

Áo Đức Mẹ ban cho thánh Simon Stock được Giáo Hội nhìn nhận và khuyến khích. Ngày nay các tín hữu Công Giáo vẫn nhiều người mang trong mình để tỏ lòng kính yêu, ký thác cuộc đời, nhất là phần rỗi đời đời cho Mẹ.

Để gia nhập gia đình Carmel(ô) và mang Áo Đức Mẹ (Carmelô), người ta xin một linh mục ghi tên gia nhập chỉ một lần suốt đời. Áo Đức Mẹ cũ rách có thể thay thế. Áo Đức Mẹ bằng vải có thể được thay bằng Ảnh Áo Đức Mẹ (bằng kim loại) một mặt có hình Đức Mẹ Núi Carmel(ô) và hình Thánh Tâm Chúa Giêsu ở mặt kia.

Người gia nhập gia đình Carmel(ô) và mang Áo Đức Mẹ cần sống đời Kitô hữu nhiệt thành theo giáo huấn Phúc Âm, lãnh nhận các Nhiệm Tích, bày tỏ lòng tận hiến đặc biệt cho Đức Mẹ bằng việc ăn năn thống hối, cầu nguyện và hãm mình hằng ngày.

Điều kiện để được hưởng đặc ân ngày thứ bảy

Toàn dân Kitô hữu hãy đạo hạnh tin rằng Đức Thánh Trinh Nữ Maria luôn luôn can thiệp đem công đức và sự phù trì đặc biệt của Mẹ mà cứu vớt hết các hội viên Hội Áo Đức Mẹ Carmelô vào một ngày thứ Bảy, ngày đặc biệt dâng kính Mẹ, sau khi họ qua

đời, miễn là họ là thế:

1. Đang khi được ơn nghĩa cùng Chúa.
2. Đang mang Áo Đức Mẹ.
3. Và giữ đức khiết tịnh tùy bậc mình.
4. Đã từng đọc kinh Nhật tụng kính Đức Mẹ, hoặc nếu không đọc được, thì đã giữ chay các ngày Giáo hội dạy, và kiêng thịt các ngày thứ Tư và thứ Bảy, trừ khi gặp lễ Giáng Sinh. Cách thay đổi thông thường nhất là hằng ngày đọc một chuỗi Mân côi hay là 7 kinh Lạy Cha, 7 kinh Kính mừng, và 7 kinh Sáng danh.

Lời nguyện

Lạy Chúa, vì lời Đức Trinh Nữ Maria cầu thay nguyện giúp, xin Chúa luôn bảo vệ và hướng dẫn con trên đường đời, để chúng con thẳng tiến về Núi Thánh, là Đức Giêsu Kitô, Đấng hằng sống và hiển trị cùng Chúa, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời. Amen.

KINH KÍNH ĐỨC MẸ NÚI CÁT MINH

Lạy Đức Trinh Nữ Maria đầy phúc không mắc tội truyền. Mẹ là vẻ đẹp cùng là vinh hiển Núi Cát Minh. Mẹ lấy lòng từ bi nhân hậu đoái nhìn các kẻ mang áo thánh Mẹ. Xin khàng đoái xem đến con, và che chở con dưới áo Mẹ. Con yếu đuối, xin uy quyền Mẹ nâng đỡ. Xin đức khôn ngoan Mẹ soi sáng tâm trí u ám con. Xin in vào lòng con đức tin cậy và đức mến. Xin hãy dùng thánh sủng và đức hạnh mà trang điểm linh hồn con, để con được chính là con của Mẹ và được Mẹ yêu thương. Xin hãy phù hộ con khi sống và trong giờ lâm chung. Xin Mẹ âu yếm đến viếng thăm và yên ủi con, và dâng trình cho Chúa Ba Ngôi con là con cùng là đầy tớ tận tình của Mẹ hầu con được ngợi khen chúc tụng Mẹ đời đời trên thiên đàng. Amen.

Lạy Nữ Vương là xinh đẹp Núi Cát Minh, xin cầu cho chúng con.

KINH ÁO ĐỨC BÀ

Lạy Rất Thánh Đức Bà Maria là Quan Thầy họ Áo Đức Bà, chúng con dốc lòng vào họ Áo Đức Bà, cùng mặc Áo Đức Bà cho đến trọn đời. Khi chúng con chết, thì Đức Bà sẽ lấy Áo thánh ấy ở nơi mình chúng con mà nhận chúng con là con cái Đức Bà, và đưa chúng con về thiên đàng mà chào chực Đức Giêsu cùng rất thánh Đức Bà đời đời chẳng cùng. Amen.

KINH ĐỌC BUỔI SÁNG CỦA NGƯỜI ĐEO ÁO ĐỨC BÀ

Lạy Thiên Chúa của con, con xin hợp với Trái tim Vô nhiễm Mẹ Maria (hôn Áo Đức Mẹ) để dâng cho Chúa Máu Thánh châu báu Chúa Giêsu trên các bàn thờ khắp thế giới. Con cũng xin hợp với Máu Thánh Chúa Giêsu để dâng cho Chúa mọi tư tưởng, mọi lời nói, và mọi việc làm của con trong ngày hôm nay.

Lạy Chúa Giêsu, ngày hôm nay, con ước mong được hưởng mọi ân xá mà con có thể được hưởng. Con cũng xin dâng các ân xá ấy cùng với chính mình con cho Mẹ Maria Vô nhiễm để Mẹ làm vinh danh Thánh Tâm Chúa.

Lạy Máu Thánh châu báu Chúa Giêsu, xin cứu chúng con. Lạy Thánh Tâm Chúa Giêsu, xin thương xót chúng con.

CHÚA GIÊSU VÀ MẸ MARIA HIỆN RA VỚI THÁNH BRIGIT

THỤY ĐIỂN, LA MÃ, NĂM 1310 – 1373

Thánh Brigit, Thụy Điển, sinh năm 1303. Từ khi bảy tuổi, thánh Brigit đã được thị kiến Chúa Giêsu và Mẹ Maria, mà các thị kiến này tiếp diễn thường xuyên cho tới khi thánh nữ từ trần ngày 23 tháng 7, 1373.

Thánh Brigit sinh năm 1303. Khi 10 tuổi, một hôm cô bé Brigit nghe giảng về khổ hình Chúa Cứu Thế chịu, đêm đó Chúa hiện ra với cô trong hình ảnh Chúa chịu treo trên Thánh Giá, và nói:

- Cha chịu hành hạ như thế này đây.

Cô Brigit nghĩ rằng những thương tích đó còn mới, đã hỏi:

- Lạy Chúa, ai gây nông nỗi này cho Chúa?

Chúa đáp:

- Nông nỗi này gây ra cho Cha bởi bất cứ người nào khinh miệt Cha và hắt hủi tình yêu của Cha.

Từ đó mỗi khi suy nghĩ về khổ hình Chúa Cứu Thế chịu, Brigit luôn nước mắt đầm đìa. Và từ đó Chúa nhiều lần hiện ra với thánh nữ trong hình ảnh Chúa chịu khổ hình cứu chuộc.

Khi 13 tuổi, thân phụ ép gả Brigit cho công tử Ulf Gudmarson, lớn hơn cô 5 tuổi. Hai người có bốn con trai và bốn con gái, một trong các con gái là thánh nữ Catherine. Trong đời sống làm vợ, làm mẹ, thánh Brigit vẫn nồng nàn yêu mến Chúa và Mẹ Maria và được Chúa và Mẹ thăm viếng thường xuyên.

Đức Mẹ đã hiện ra với Bridget:

"Hãy nghe Mẹ, hãy hết lòng xin với Chúa cho con những đứa con luôn biết sống làm đẹp lòng Chúa. Lời con cầu nguyện như thế rất hài lòng Chúa. Ở thế gian, không thể có người mẹ nào yêu mến Con Mẹ hơn mọi sự trần gian, lại có thể cầu nguyện cho con họ được ơn mà họ không có như vậy, nếu Mẹ chẳng sẵn sàng bầu cử cho con họ được ơn ấy. Cũng vậy, ở thế gian chẳng có bà góa nào có thể trung thành cầu nguyện xin ơn ở góa cho đến chết để tôn thờ Chúa, mà Mẹ đã không cầu nguyện cho họ làm trọn điều đó. Và cũng thế, ở trần gian, không có cô bạn trẻ nào nguyện xin với Chúa

cho cô ơn giữ trinh khiết trọn đời, nếu không được Mẹ sẵn sàng bảo vệ và ban sức mạnh cho, vì Mẹ thật là Đức Nữ Trinh".

Một lần thấy Bridget quá đau đớn khi sinh con, Mẹ đã đứng bên giường chị và giúp chị khỏi đau. Sau đó, Mẹ nhắc nhở chị về việc ấy: "Khi con run sợ lúc sinh con, Mẹ, Maria, đã đến bên con. Nếu con không yêu mến Mẹ là con vô ơn với Mẹ. Chính vì thế, các con của con là của Mẹ. Mẹ mong là Mẹ các con của Ulf và Birgitta".

Năm Bridget 25 tuổi, người chồng đạo đức của chị xin vào một tu viện khổ tu, và năm sau, năm 1344, anh Ulf từ trần tại đó. Ít lâu sau, thánh nữ giao tài sản cho người khác trông coi, để dành hết sức lực và thì giờ cho đời sống tu trì. Nhiều lần thánh Brigit khuyên can nhà vua và triều thần về những sa đọa tại Thụy Điển.

Thế là, từ năm 1346, các cuộc tiếp xúc thiêng liêng nhiệm mầu bắt đầu, những sự kiện đó đã được cha linh hướng của chị ghi chép lại trong 9 pho sách: "Những Mạc Khải – Revelations".

Năm 1346, thánh nữ được Chúa hiện ra cho biết Chúa muốn thánh nữ đi Lamã. Trong thời gian thánh Brigit ở Lamã, Chúa Giêsu và Mẹ Maria mạc Khải cho thánh nữ về cuộc đời Chúa và Mẹ Maria, về thần học, về hỏa ngục và luyện ngục, về tu đức, và nhiều vấn đề quan trọng khác phúc lợi cho Giáo Hội và xã hội.

Một lần Đức Mẹ hiện ra với chị:

- Mẹ là Maria, Nữ Vương Thiên Đàng và các Thiên thần. Con của Mẹ mến yêu con với cả Thánh Tâm của Người. Vì thế, con hãy mến yêu Người. Khi con được Người là con có được mọi nhân đức.

Sau đó, Chúa nhận Bridget là Bạn Tình nhiệm, và Đức Mẹ. phán với chị:

- Khi Con Mẹ nâng con lên làm tân Bạn Tình nhiệm của Người, vì thế bây giờ Mẹ gọi con là con Dâu của Mẹ. Vì qua con, Thiên Chúa và Mẹ muốn tỏ thánh ý của Chúa cho mọi con cái nơi dương thế.

Khi huấn luyện riêng cho Bridget, Đức Nữ Trinh thường dạy chị nhiều vấn đề, như ăn mặc đoan trang nét na, thực hành đức khôn ngoan và khiêm nhu của người Tín hữu. Vì trong tương lai, chị có bốn phận phải sửa sai và chinh phục tội nhân cứng lòng trở lại, nên trong mọi hoàn cảnh, Bridget phải chứng tỏ Tình thương xót bao la của Thiên Chúa, cũng như cho người ta biết tỏ về thế lực bầu cử của Đức Mẹ mỗi khi họ cầu khẩn đến Mẹ. Một lần Mẹ phán với chị:

- Mẹ là Mẹ Tình thương, là niềm hân hoan của người công chính, và là cửa cho tội nhân đến với Thiên Chúa. Trong Luyện tội, linh hồn không còn đau khổ khi Mẹ cầu bầu cho. Không ai khi còn sống mà bị chúc dữ đến nỗi không được Mẹ thương xót. Không ai bị xa lìa Thiên Chúa đến nỗi họ đáng ghét và không nhận được Tình thương xót, khi họ biết kêu cầu đến Mẹ.

Mẹ Đồng Công của Đấng Cứu thế tử giá cũng giải nghĩa cho chị Bridget là Trái Tim Vô Nhiễm Mẹ tràn ngập thương cảm với những khổ đau của nhân loại tội tình, vì chính Mẹ đã phải chịu đau khổ quá nhiều vì tội lỗi của họ.

Vì tình hình Giáo Hội và xã hội thời đó, nhiều lần thánh Brigit mạnh dạn chống lại những sa đọa trong giáo triều. Đặc biệt mỗi khi Chúa muốn cảnh cáo, sửa dạy hàng giáo phẩm hoặc chính quyền đời, Chúa hoặc Mẹ Maria thường đọc cho thánh Brigit ghi lại lời thánh nữ phải chuyển tới người liên hệ. Thánh nữ không ngần ngại phiến trách nhiều vị giám mục, nài nỉ các bề trên tu viện cải đổi tiêu chuẩn sống tại các tu viện, và thường xuyên trình bày ý kiến khuyến cáo lên chính Đức Giáo Hoàng. Thánh nữ ưu tư về giáo đô, lúc đó đã rời tới Avignon, cần phải được trở lại Lamã.

Nhưng nhiều Vị Giáo Hoàng đã không muốn trở lại Lamã xáo trộn. Mãi tới năm 1367, Đức Urbanô V đưa tòa thánh trở lại Lamã, nhưng năm 1370, chính ngài lại quyết định rời Lamã đến ở Avignon. Việc này khiến thánh Brigit buồn và lo âu; thánh nữ cảnh cáo Đức Urbanô V về sự buồn lòng và hình phạt của Thiên Chúa và xin Ngài đừng rời Lamã. Nhưng Đức Urbanô V đã không nghe lời thánh nữ, và Ngài chết sau khi tới Avignon chưa tròn một tháng.

Thánh Brigit được Chúa và Mẹ Maria dạy lập dòng tu. Chính Đức Mẹ hiện ra đọc cho thánh nữ ghi Hiến Pháp dòng, và được Đức Urbanô V phê chuẩn năm 1370. Dòng này gồm nữ và nam tu sĩ, sống biệt lập trong đời sống nhiệm nhặt.

Năm 1372, vâng lệnh Chúa, thánh Brigit đi Jerusalem. Trong thời gian ở Palestine, thánh nữ được Chúa và Mẹ Maria hiện ra dạy cho biết thêm về cuộc đời Chúa Cứu Thế và Mẹ Maria.

Thánh nữ trở lại Lamã trong năm đó, sức khỏe suy nhược, và từ trần ngày 23 tháng 7, 1373.

Tuy nhiên trước khi qua đời, Đức Mẹ hiện ra với con Dâu của Mẹ, và phán:

"Con sẽ dâng cái chết làm hy sinh để làm vững mạnh và phong phú cho những tâm hồn tha thiết với Thiên Chúa. Mẹ trả lời cho con là Con của Mẹ và Mẹ yêu thương

con. Khi Con Mẹ gọi con vào Thánh đường của Mô thánh Người thì mọi tội lỗi đời con sẽ được thứ tha hết. Ngài không nói là con không còn phải đau khổ nữa ở trần gian. Bác sĩ của con lại chẳng nói là con chưa hấp hối sao? Đúng, con gái của Mẹ, các bác sĩ thường không chú ý tới ý nghĩa của cái chết: Cái chết của con người là khi chính họ tự lìa khỏi Thiên Chúa và cố chấp trong tội lỗi của mình. Con người chết là khi họ không tin vào Thiên Chúa và không yêu mến Đấng Tạo Hóa của mình. Còn những ai luôn kính sợ Thiên Chúa và thường xuyên thanh tẩy tội lỗi của chính mình qua phép Giải tội, họ sẽ đạt được sự sống kết hợp với Chúa của họ và sẽ không phải chết".

Thánh Brigit được Đức Boniface IX phong hiển thánh ngày 8 tháng 10, 1391, Đức Martin V tái duyệt và phê chuẩn năm 1419.

ĐỨC MẸ GUADALUPE

TẠI GUADALUPE, MỄ TÂY CƠ, NĂM 1531

Trước khi sơ lược lịch sử Mẹ Maria hiện ra với Gioan Diego tại Guadalupé, Mễ Tây Cơ, chúng ta lược qua bối cảnh xã hội tại đây trong thời gian 1519 – 1531.

Năm 1501, Columbus và đoàn thám hiểm phiêu lưu của ông đặt chân lên hải đảo Bahamas. Từ đó Bahamas và khu vực lân cận lần lần trở thành thuộc địa Tây Ban Nha. Năm 1511, Diego de Velázquez, vị Toàn Quyền đầu tiên của Tây Ban Nha ở Bahamas, khởi đầu kế hoạch bành trướng sang Mễ Tây Cơ. Việc này bắt đầu vào năm 1518 do Hernán Cortés, ông này được Toàn Quyền Diego de Velázquez chỉ định lãnh đạo cuộc bành trướng và đặt bản doanh tại Santo Domingo. Mễ Tây Cơ ngày đó dưới quyền hoàng đế Montezuma II, quốc vương địa phương Aztec. Thời đó, thổ dân có tục lệ tế người sống cho các thần của dân Aztec. Dân bản xứ tranh đấu đẫm máu chống lại người Tây Ban Nha kéo dài nhiều năm. Về phía tôn giáo, các nhà truyền giáo Tân Ban Nha cũng nhân cơ hội này đến truyền giáo tại đây, và việc truyền giáo tương đối khó khăn vì những hoàn cảnh này. Dẫu vậy, số người bản xứ tòng giáo ngày càng tăng thêm, nhưng tệ nạn xã hội về phía người Tây Ban Nha cũng như thổ dân cũng tăng thêm, về phía tôn giáo, các nhà lãnh đạo cũng gặp phải một số quyết định sai lầm.

Juan Diego, người được thị kiến, vốn tên là Cuautlatohuac (Con Phượng Hoàng hót), một thổ dân Aztec, đã đổi tên là Juan Diego khi tòng giáo.

Juan Diego sinh sống tại làng Cuautilan, gần Mexico City. Juan Diego lúc đó 57 tuổi, ngày ngày ông thường đi bộ 15 dặm (24 cây số) tới dự Thánh Lễ tại Tlatelolco, phía bắc Mexico City.

Sáng ngày 9 tháng 12, 1531, một ngày đông lạnh, Juan Diego đang trên đường tới dự Thánh Lễ, khi ngang qua đồi Tepeyac, ông nghe tiếng như nhạc, như đàn chim hót, và tiếng gọi “Juanito, Juan Dieguito!” từ trên đồi vọng xuống. Juan Diego leo lên đồi, đi chừng 130 bước, ông thấy một Vị Phụ Nữ đẹp ở giữa những bụi xương rồng, và những bụi cây sa mạc khác. Vị Phụ Nữ nói với Juan Diego:

- Nghe này Juan, con trai yêu dấu và bé nhỏ nhất của Mẹ. Con đang đi đâu thế?

Juan đáp:

- Thừa Đức Bà của con, Nữ Vương của con, con đi thiệt xa mãi tới ngôi nhà nhỏ của Người ở Tlatelolco để tham dự Thánh Lễ.

Vị Phụ Nữ nói cho Juan Diego biết về Người:

- Nay con trai yêu dấu của Mẹ, con hãy tin chắc rằng Mẹ là Đấng Trọn Đồi Trinh Khiết Vẹn Toàn, Thánh Mẫu Thiên Chúa đích thực, Thiên Chúa là Đấng Ban Sự Sống cho muôn loài, Đấng Tạo Hóa của mọi người mọi sự gần xa, Đấng là Chúa Tể Trời Đất.

Mẹ rất muốn người ta xây một thánh thất nhỏ dâng kính Mẹ tại đây. Tại đây Mẹ sẽ cho thấy, Mẹ sẽ ban cho mọi người lòng thương xót, sự giúp đỡ và bảo vệ của Mẹ. Mẹ là Mẹ hay thương xót các con. Mẹ thương xót tất cả mọi người sống hiệp nhất trên mảnh đất này, và toàn thể nhân loại, và tất cả những ai yêu mến Mẹ. Tại đây Mẹ sẽ nghe tiếng họ khóc than, những đau buồn của họ, Mẹ sẽ chữa lành và làm nhẹ bớt cho họ mọi đau khổ, thiếu thốn và bất hạnh chồng chất. Con hãy đến trụ sở đức giám mục, nói với ngài rằng Mẹ phái con đến cho ngài biết Mẹ rất muốn ngài xây dâng Mẹ một ngôi nhà tại đây ...”

Lập tức Juan Diego đến trụ sở đức giám mục Zumárraga, tại Mexico City, nhưng Juan Diego đã phải chờ đợi suốt nhiều giờ mới được đưa vào gặp đức giám mục. Người thông ngôn nói với đức giám mục:

- Người này đem những tin tức về những việc sẽ xảy ra trong vòng bảy ngày sau, và sau cùng sẽ thấy hàng trăm ngàn người Aztec ào ạt trở lại đạo và chấm dứt việc đem người sống ra làm lễ vật tế thần.

Ngay sau đó Juan Diego được đưa ra cửa.

Juan Diego trở lại đồi Tepeyac và thấy Đức Mẹ đang chờ ông tại đó. Juan Diego vội vàng nói với Đức Mẹ về việc bị từ chối thẳng thừng:

- Thưa Đức Bà, con đã đi tới nơi Người bảo con đến để chuyển lời Người; mặc dầu con gặp khó khăn... Đức giám mục tiếp con tử tế và chăm chú lắng nghe, nhưng theo cách ngài trả lời con, thì hình như ngài chẳng hiểu gì cả; ngài không tin là thực... Con xin Đức Mẹ chọn người khác có địa vị cao hơn, được kính nể, trọng vọng, chuyển lời Đức Mẹ để đức giám mục có thể tin...

Nhưng Đức Mẹ nói sứ mệnh đó chỉ được chu toàn qua Juan Diego. Ông bằng lòng cố gắng tiếp tục vào ngày hôm sau.

Ngày hôm sau, 10 tháng 12 năm 1531, Juan Diego giữ lời hứa với Đức Mẹ, ông trở lại trụ sở đức giám mục Zumarraga, nhưng lại thất bại.

Juan Diego lại đến gặp đức giám mục Zumarraga lần thứ ba vào ngày 11 tháng 12 năm 1531. Lần này đức giám mục xin Đức Mẹ ban “bằng chứng từ trời” mà ngài để tùy ý Đức Mẹ. Trở lại Tepeyac, Juan Diego nói với Đức Mẹ lời đức giám mục yêu cầu. Đức Mẹ bảo Juan Diego ngày hôm sau trở lại và Đức Mẹ sẽ ban dấu lạ đó.

Nhưng ngày hôm sau, Juan Diego xuýt nữa đã không trở lại trụ sở đức giám mục như đã hứa, vì ngay tối ngày Juan Diego đến tòa giám mục lần thứ ba đã nói trên, ông chú/cậu của Juan Diego bị mắc bệnh dịch, đã nhiều người chết vì bệnh này.

Sớm ngày 12 tháng 12 năm 1531, ông Juan Bernadino, chú/cậu của Juan Diego, nghĩ mình sắp chết, ông nhờ Juan Diego đi Tlaltelolco mời một linh mục tới giải tội và xức dầu (bệnh nhân) cho ông. Juan Diego vội vàng ra đi lúc 4 giờ sáng. Trên đường, Juan Diego đi ngang đồi Tepeyac, nhưng Juan không muốn ghé lại vì sợ trễ nếu Đức Mẹ đang chờ ông, ông đi theo đường sườn đồi phía bên kia. Nhưng Juan sững sốt thấy Đức Mẹ từ trên đồi đi xuống gặp ông trên đường. Đức Mẹ tươi cười hỏi Juan:

- Việc gì thế? Con đang đi đâu?

Juan Diego lúng túng hỏi:

- Sao mà mới sáng sớm đã gặp Người? Con mong rằng Người khỏe mạnh.

Nhưng ý nghĩ về trách nhiệm cấp tốc của mình, Juan Diego xin lỗi Đức Mẹ để đi tìm linh mục cho chú/cậu của ông, và nói thêm:

- Sau khi con làm xong việc này, con sẽ trở lại đây để đi trao thông điệp của Người. Xin Đức Mẹ tha lỗi cho con. Xin chờ con một lát. Con không lừa dối Người đâu. Ngày mai con sẽ tới sớm.

Đức Mẹ nói với Juan Diego:

- Đây con yêu dấu của Mẹ, con hãy nghe và để cho thấm vào tim con; đừng để thứ gì làm con nản lòng, đừng để thứ gì làm con buồn phiền. Con đừng để thứ gì làm thay đổi trái tim con, hoặc sắc diện của con. Mẹ là Mẹ của con không hiện diện tại đây sao? Con không ở dưới bóng và sự bảo trợ của Mẹ sao? Mẹ không phải là nguồn mạch sự sống các con sao? Các con không ở trong nếp áo choàng của Mẹ sao? Các con không ở trong vòng tay Mẹ sao? Các con còn cần thứ gì khác nữa? Các con đừng sợ bất cứ thứ bệnh tật gì hoặc điều phiền toái gì, đừng lo âu hoặc đau đớn. Đừng để cho bệnh của cậu/chú của con làm con đau đớn, ông ấy không chết vì bệnh tật lúc này đâu. Con hãy tin chắc là ông ấy sẽ lành bệnh. Bây giờ con cần leo lên đồi nơi con đã thấy Mẹ trước kia và ngắt đem xuống đây cho Mẹ tối đa những bông hồng mà con có

thể lấy.

Trở lại nơi Juan Diego đã thấy Đức Mẹ những lần trước kia, ông ngỡ ngàng thấy rất nhiều hoa hồng thuộc đủ mọi loại, mọc giữa các khe đá, giữa những bụi xương rồng, và những bụi cây có gai khác. Juan thấy những bông hồng đó lóng lánh sương mai và hương thơm ngát. Ông muốn ngắt hết, nhưng có quá nhiều. Không có gì để đựng các bông hồng mới ngắt, Juan Diego cởi tấm áo choàng ra để bọc các bông hồng đó.

Cần sơ lược về tấm áo choàng tilma của Juan Diego. Áo tilma là thứ áo choàng theo truyền thống thổ dân Aztec, áo dài phủ khắp mình, có lớp ngoài ngắn hơn phủ trên vai, và cột lại ở cổ. Áo này làm bằng thứ vải lấy từ sợi xương rồng, trung bình thì chỉ hai mươi năm là mục rách. Nhưng tới nay đã hơn 460 năm, tấm áo này vẫn còn như mới.

Juan Diego bọc những bông hồng trong áo choàng và trở lại nơi Đức Mẹ đang chờ. Đức Mẹ sắp lại những bông hồng trong áo choàng của Juan Diego. Rồi Đức Mẹ túm gọn lại và bảo Juan Diego đừng xáo trộn những bông hoa đó, và chỉ mở gói đó cho chính đức giám mục Zumárraga coi.

Đến tòa giám mục, Juan Diego lại phải chờ đợi, có một vài người muốn lấy một vài hoa hồng Juan Diego đang cầm, nhưng khi họ đưa tay ra thì hoa đó tan thắm vào vải áo tilma của Diego chẳng khác gì được thêu vào áo đó.

Có người nào đó cấp tốc nói cho đức giám mục biết Juan cần được tiếp tức thời. Đức giám mục Zumárraga đang thảo luận với một số nhân vật quan trọng, có thể là với Don Sebastián Ramírez y Fuenleal, vị toàn quyền mới của Mỹ Tây Cơ.

Juan Diego được dẫn vào gặp đức giám mục. Có thể Juan đã nói dối hoặc ông chỉ việc trao bọc hoa hồng đó cho đức giám mục hoặc để cho tấm áo choàng tự động mở ra. Những bông hồng tuyệt đẹp màu sắc rực rỡ và hương thơm ngào ngạt rơi xuống đất.

Những hoa hồng trái mùa lạ lùng này không thể nào có cách tự nhiên vào thời tiết lạnh ngắt như thế được ở Mexicô vào thời đó. Vấn đề này được điều tra nhiều lần, nhưng vẫn không thể xác định Juan Diego lấy những bông hồng đó từ đâu. Trong số các bông hồng đó, đức giám mục và toàn quyền ngạc nhiên nhất vì có loại hoa hồng Castilian, thời đó chưa được đưa vào Mexicô.

Mọi người hiện diện còn ngạc nhiên hơn nữa vì từ tấm áo tilma lúc này một hình ảnh từ từ hiện lên rõ ràng trước mắt họ. Juan thoát tiên không nhìn thấy hình ảnh này, vì

mắt ông mãi nhìn đức giám mục lúc này đến quì trước tấm áo choàng của ông. Khi Juan nhìn xuống, thấy trên áo tilma có hình ảnh y hệt Đức Mẹ hiện ra với ông trên đồi Tepeyac.

Lập tức tin này truyền khắp trụ sở đức giám mục và khắp phố phường. Đức giám mục Zumárraga khóc và đứng lên ôm Juan Diego và rõ ràng là ngài xin lỗi vì trước kia đã không tin lời Juan Diego. Đức giám mục ân cần mời Juan Diego lưu lại như một thượng khách của tòa giám mục.

Đức giám mục Zumárraga cho rước ảnh Đức Mẹ và đặt trong nhà nguyện riêng trước khi đưa tới trưng bày trong nguyện đường nhỏ đầu tiên xây trên đồi Tepeyac. Hàng ngàn thổ dân Aztec kính viếng ảnh Đức Mẹ và tất cả những xáo trộn và tệ đoan sát tế người sống chấm dứt.

Trở lại với Juan Diego. Sáng hôm sau, đức giám mục Zumárraga để Juan Diego trở về nhà. Khi tới nhà, ông thấy ông cậu/chú, Juan Bernadino, đã lành bệnh đang ngồi phơi nắng, ông Juan Bernadino cho Juan Diego biết Đức Mẹ đã hiện ra với ông và cho ông biết mọi việc xảy ra. Ông Bernadino cũng nói Đức Mẹ cho biết tước hiệu mà Người muốn người ta nói đến Người trong tương lai. Đức Mẹ muốn người ta gọi Người là: “Đức Thánh Maria, Toàn Vẹn Trinh Khiết, Đáng Sẻ Đạp Nát, Loại Trừ Con Rắn Bằng Đá”.

“Con Rắn bằng Đá” ám chỉ con rắn thần có lông vũ Quetzalcoatl, quái vật kinh khủng nhất trong các thần của thổ dân Aztec, mà mỗi năm, hàng ngàn người phải tế sống cho nó. Thổ dân Aztec dường như được thần ứng về điều này, và việc tế sống người đã thành linh chấm dứt. Vào năm 1539, có tới hơn tám triệu người Aztec nhận lãnh đức tin Công Giáo.

Ảnh Đức Mẹ, được in trong tấm áo choàng tilma của Juan Diego (được gọi là Đức Mẹ Guadalupé), cho thấy Đức Mẹ mang vóc dáng một phụ nữ thổ dân. Đức Mẹ mặc áo dài màu nâu phớt hồng. Áo choàng xanh lá cây có viền vàng và những ngôi sao lóng lánh phủ từ trên đầu Đức Mẹ xuống tới chân. Hai tay Đức Mẹ chắp trước ngực, cho thấy cổ tay áo trong gần cổ tay áo dài. Điểm đặc biệt là Đức Mẹ mang thắt lưng nhỏ màu đen hoặc nâu đậm, một tiêu biểu toàn vẹn trinh khiết của trinh nữ và được cởi ra trao cho người chồng trong ngày cưới theo tục lệ Aztec. Và Đức Mẹ đang mang thai. Đức Mẹ đứng trên vành trăng lưỡi liềm, được một thiên thần, sắc diện thổ dân, mặc áo dài tay màu hồng, nâng đỡ. Phía sau Đức Mẹ là vòng hào quang hình bầu dục, có những tia sáng vàng tỏa ra chung quanh.

Ảnh Đức Mẹ trên áo choàng của Juan Diego ngày nay được bảo quản và trưng bày tại

thánh đường Đức Mẹ Guadalupé, xây trên đồi Tepeyac theo lời Đức Mẹ. Giáo Hội nhìn nhận việc Mẹ Maria hiện ra với Juan Diego tại Gadalupé với tước hiệu “**Mẹ Thiên Chúa Thực**”. Tấm áo tilma và ảnh Đức Mẹ nhiều lần được để cho các khoa học gia khảo cứu. Các chất liệu trên áo vẫn còn nguyên phẩm chất tốt mặc dầu đã gần 500 tuổi, và mặc dầu loại vải bằng tơ xương rồng bình thường chỉ tồn tại được 20 năm.

Điều đặc biệt nhất là cặp mắt Đức Mẹ trong ảnh. Những ảnh chụp cặp mắt Đức Mẹ được các chuyên viên nhãn khoa nghiên cứu vào năm 1960, 1962, 1981. Cặp mắt có giác mạc y như mắt người sống. Các chuyên gia dùng quang tuyến, lazer, máy vi tính, phóng đại lên và nhìn nhận rằng đây là mắt người sống, họ không thể giải thích rằng đây là ảnh vẽ. Và trong đáy mắt ảnh Đức Mẹ, người ta thấy hình của ít nhất là ba người rõ ràng. Nhiều người tin rằng đây là hình ảnh đức giám mục Zumárraga và toàn quyền Ramírez y Fuenleal.

Áo Tilma giống như cái mền – chăn của Việt Nam, gọi là khăn thì không đúng vì nó dài và rộng, gọi là cái áo thì cũng không đúng vì nó không có tay áo, về mùa đông khoác vào để chống lạnh.

Các khoa học gia chuyên nghiên cứu về mắt và những bệnh liên quan đến mắt đã làm những thí nghiệm sau đây trên hai mắt của Đức Mẹ:

Khi luồng ánh sáng chiếu thẳng vào mắt, các cơ bao quanh mống mắt (iris) co lại làm thu nhỏ đồng tử (pupil), do đó ánh sáng đi xuyên qua đồng tử để vào võng mạc (retina) bị giảm đi. Khi tắt luồng ánh sáng, cơ mống mắt mở rộng làm cho đồng tử mở to ra.

Hiện tượng trên đây xảy ra giống như mắt người còn sống vậy, nó giống như khẩu độ (aperture) của camera mở to bé tùy thuộc vào ánh sáng.

Nhiệt độ áo khoác ngoài Tilma của thánh Juan Diego (dệt bằng sợi lấy ra từ cây xương rồng) có nhiệt độ không thay đổi là 98,6 độ F (37°C), giống như thân nhiệt ở người. Nói cách khác, áo Tilma của thánh Diego luôn phát ra độ ẩm là khoảng 98,6 độ F.

Một vị bác sĩ trong nhóm đã đặt ống nghe ở cái nơ đen tại chỗ eo của Đức Mẹ và đếm được mạch tim là 115 nhịp mỗi phút, giống như mạch tim của em bé trong bụng mẹ.

Không có bất cứ một loại sơn nào ở trên trần gian này được dùng trên áo Tilma của thánh Juan Diego.

Nếu đưa hình gần lại mắt khoảng 3 tới 4 inches (8 tới 10 cm), người ta chỉ thấy vật liệu dệt bằng sợi của cây xương rồng, còn màu sắc của hình biến mất, khi đưa hình cách xa mắt khoảng 1 mét, ta thấy hình Đức Mẹ rõ trở lại.

Các nghiên cứu khoa học ngày nay không đủ khả năng để trả lời là: Màu sắc lấy ra từ đâu cũng như cách thức sơn. Họ không tìm thấy dấu vết lõi lõm của cọ sơn để lại trên hình hay bất cứ phương pháp sơn nào trên trần gian này để vẽ.

Các khoa học gia thuộc cơ quan Nasa (cơ quan hàng không và không gian Mỹ) xác định rằng vật liệu sơn dùng để vẽ không có mặt ở trên trái đất này (Có nghĩa rằng không có trong bảng hóa học phân loại tuần hoàn Periodic Table)

Không một quốc gia nào biết cách chế biến vật liệu đặc biệt (Laser gun, sơn không bị oxy hóa, vật chịu được nóng lạnh, bền bỉ, vài trăm năm không bị hao mòn...) sẽ có khả năng kiểm soát thế giới, do đó Nasa gửi các nhà khoa học tới để nghiên cứu và bắt chước.

Khi vật liệu của áo Tilma được thử nghiệm dưới tia sáng Laze (Laser), (Vì đường kính của luồng ánh laze rất nhỏ và sắc hơn dao cạo, nên người ta dùng nó để cạo và tách ra bề dày của khăn vải), thử nghiệm cho biết rằng không có lớp màu sắc nào ngấm hoặc dính chặt vào đằng trước hay đằng sau mặt của áo vải, đó là một lớp màu sắc mỏng như film layer, bay ở trạng thái lơ lửng (không dính vào khăn vải) và cách mặt khăn vải độ 3/10 milimét mà không tróc ra khỏi tấm vải áo. Chiếc áo đã như tấm phim chớp lại hình ảnh Đức Mẹ. Bức hình không có nét vẽ mà chỉ có những màu sắc được in vào như chớp ảnh.

Thông thường, khăn vải dệt bằng sợi cây xương rồng chỉ chịu được thời gian là 20 tới 30 năm mà thôi, sau đó sẽ bị mục nát với thời gian.

Cách đây vài thế kỷ, một tấm hình đã được họa lại trên một khăn vải giống hệt vật liệu nhưng nó bị tan nát bởi thời gian sau vài chục năm.

Trong suốt gần 500 năm, tấm khăn phép lạ với hình Đức Mẹ vẫn tồn tại tốt như những ngày đầu tiên. Khoa học không tài nào giải thích được tại sao vật liệu làm khăn vải không bị mục nát với thời gian.

Những màu sắc trên chiếc áo nguyên thủy luôn bền vững in hình Đức Mẹ Guadalupe, trong khung cảnh ở Tepeyac và đã được giữ lại không phai nhạt, hư hỏng qua nhiều thế kỷ, bởi vậy khoa học kỹ thuật tiến bộ cũng không thể nào giải thích được.

Màu xanh trên khăn choàng của Đức Mẹ trông như mới, mặc dù sức nóng của khí hậu

nhật đới, màu hồng của chiếc áo phản chiếu ánh sáng tuyệt đẹp, trên nét mặt có những nét hòa hợp của người bản xứ và Tây phương với những nét đậm đà và trắng trẻo, sáng láng và tỏa ra màu rực rỡ như cánh bướm. Đôi mắt đen nhánh và làn tóc của Mẹ cũng đầy những huyền nhiệm.

Vào năm 1791, tai nạn làm đổ axít (muriatic acid hay clohidric acid = HCl) vào phần trên phía tay phải của khăn vải và làm hư hại. Và khi đó, trong suốt 30 ngày, không có một cuộc chữa trị đặc biệt nào, phần khăn vải cháy bởi axít từ từ “mọc lại” cách lạ lùng kỳ diệu.

Các ngôi sao trên hình áo choàng của Đức Mẹ phản ánh giống hệt sự xếp đặt các vị trí mà chúng được thấy đúng như trên bầu trời trong lúc phép lạ xảy ra. Hay nói cách khác, các nhà thiên văn học dùng computer đi ngược lại thời gian để truy lùng các tên cùng vị trí các ngôi sao và nhận thấy rằng các ngôi sao hiện trên áo Đức Mẹ giống hệt các ngôi sao xuất hiện ở bầu trời Mỹ Tây Cơ vào ngày Đức Mẹ hiện ra.

Về phía bên phải áo choàng của Đức Mẹ Đồng Trinh, ta thấy các chòm sao phía nam theo thứ tự sau đây:

- Cao nhất ta thấy 4 sao kết hợp thành chòm sao Orphiuchus.
- Dưới đó về phía trái, ta thấy nhóm sao hình cung Thiên Xứng Libra, và xít về phía phải, bắt đầu bằng chòm sao hình cánh cung Hồ Cáp Scorpio trông giống như hình mũi tên.
- Phần giữa là chòm sao Chó Sói Lupus và về phía trái, kết thúc bằng sao Thủy Tinh Vương Hydra.
- Xuống nữa, ta thấy rõ ràng chòm sao Thập Tự Nam Southern Cross; trên đó, nhóm sao Nhân Mã Centaurus xuất hiện giống hình thoi.
- Còn về phía trái áo choàng của Đức Mẹ Đồng Trinh, người ta thấy các chòm sao phía bắc như sau đây:
 - Chỗ vai của Đức Mẹ, có 4 sao thuộc phần của chòm sao Herdsman; Dưới đó và phía trái là chòm sao Gấu Lớn Great Bear; Xít về phía phải là sao Berenice's Hair; dưới đó là Hunting Dogs gồm 2 sao, và về phía trái ta thấy có 1 vì sao Thuban sáng nhất trong chùm sao Draco.
 - Dưới đó, có 2 sao song song với nhau và vẫn là thành phần của chòm sao Great Bear.

- Người ta còn tìm thấy những vì sao từ những 2 chòm sao khác như: 5 sao của chòm sao Auriga và 3 sao của chòm sao Thiên Ngưu Taurus.

Như thế, trong tổng số, 46 vì sao sáng nhất và vị trí của nó đã được nhìn thấy tại chân trời của vùng Thung Lũng Mễ Tây Cơ và đã được kiểm chứng bằng computer.

Năm 1921, một người (vô thần) dẫu quả bom có sức công phá mạnh ở trong lùm hoa và đặt ở dưới chân hình áo Mẹ, bom nổ đã phá hủy hoàn toàn tất cả những gì chung quanh chỉ còn lại hình áo của Mẹ nguyệt vẹn.

Các khoa học gia khám phá mắt của Mẹ (trên áo) có ba đặc tính “khúc xạ” như người sống.

Trong mắt của Mẹ (đường kính = 1/3 inch), người ta khám phá trong con người (đồng tử) có hình thánh San Diego, vì quá nhỏ không có bất cứ người họa sĩ nào trên thế gian này có thể vẽ được. Hình trong con người mắt trái giống hệt hình trong con người bên mắt phải.

Dùng kỹ thuật computer hiện đại để digitized phân chia hình con người của Mẹ thành những hình vuông pixel nhỏ nhất (mà không mất đi chi tiết) rồi phóng to ra cho dễ thấy, phương pháp khoa học này cho thấy rằng mỗi mắt của Mẹ phản ảnh hình thánh Juan Diego trong lúc thánh nhân mở áo choàng Tilma của ngài cho giám mục sở tại Zumarraga xem.

Kích thước của hình thánh Juan Diego chỉ to bằng 1/100 inch (1/4 milimet ~ mỏng hơn 3 tờ giấy học trò).

Và một điều rất lạ lùng là trước đó đã có nhiều nỗ lực truyền giáo mà chẳng gặt hái được bao nhiêu kết quả. Vậy mà từ biến cố Đức Mẹ Guadalupe, thì chỉ trong vòng 10 năm đã có tới 10 triệu người theo Đạo Công Giáo. Do lòng nhân hậu thương xót của Chúa, bằng ơn thánh, Đức Mẹ đã đánh động trái tim của biết bao linh hồn.

Xin đọc phần chi tiết tại:

<http://ebooks-tscongghiao.blogspot.com/2016/08/Duc-Me-Guadalupe.html>

CHÚA VÀ MẸ MARIA HIỆN RA VỚI NỮ TU MARIA

THÀNH AGREDA, NĂM 1627 VÀ VỀ SAU

Chúa Giêsu và Mẹ Maria hiện ra dạy nữ tu Maria thành Agreda về cuộc đời Chúa Cứu Thế và Mẹ Maria, các vấn đề thần học và tu đức, để truyền lại cho đời sau. Bộ sách "Mistical Ciudad De Dios = Thành Thánh Thiên Chúa" được nữ tu Maria thành Agreda viết lần thứ nhất vào năm 1637 và lần thứ hai vào năm 1665. Tác phẩm này gồm 8 cuốn, 205 chương, dày gần 2000 trang. Chúng tôi chỉ sơ lược Chương Mở Đầu, các Chương I và II cuốn Một, và một số lời bình luận của một số vị giám mục, và học giả về tác phẩm này.

Tại sao Thiên Chúa mạc khải cuộc đời Mẹ Maria trong thời đại chúng ta (Lời tác giả, đáng kính Maria thành Agreda)

Tác giả xin chia Lịch Sử Cuộc Đời Mẹ Maria làm ba phần.

Phần thứ nhất đề cập những sự việc trong mười năm đầu đời Mẹ, mọi việc Đáng Tội Cao thể hiện cho Mẹ trong các năm này: từ thời điểm Vô Nhiễm Thai cho tới khi Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể nơi lòng dạ trinh khiết Mẹ.

Phần thứ nhì gồm mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể, trọn cuộc đời Chúa Cứu Thế, Tử Nạn Khổ Giá, Chúa Phục Sinh, và Chúa về trời. Như thế mô tả cuộc đời Mẹ Maria hợp nhất với cuộc đời Thiên Chúa Con Mẹ và tất cả mọi việc Mẹ thi hành khi sống bên Chúa.

Phần thứ ba về cuộc đời Đức Hiền Mẫu Maria trong thời gian không có Chúa Cứu Thế ở bên, cho tới giờ phút Mẹ trút hơi thở cuối cùng, Mẹ được rước cả hồn xác về trời và được đội triều thiên tôn vinh là Nữ Vương Thiên Đàng,...

Để sơ lược về thời gian Lịch Sử Thiên Đàng này được viết ra, tác giả thấy cần ghi lại rằng thân phụ của tác giả là tu sĩ Phanxicô Coronel, thân mẫu là dì phước Catharine d'Arana. Song thân tác giả đã sáng lập tại nhà riêng các ngài tu viện "Vô Nhiễm Thai" theo lệnh và thánh ý Chúa truyền cho thân mẫu tác giả. Việc lập dòng này xảy ra trong tuần tám ngày Lễ Hiền Linh, ngày 13 tháng Giêng, 1619. Cũng trong ngày hôm đó, chúng tôi, thân mẫu tác giả và hai ái nữ, lãnh áo dòng. Thân mẫu và chính tác giả tuyên khấn vào ngày Lễ Thanh Tẩy Mẹ Maria, ngày 2 tháng 2, 1620. Vì người con gái kia tuổi quá nhỏ nên ngày cô tuyên khấn bị hoãn lại. Thân phụ tác giả sống đời tu sĩ ẩn dật tại tu viện thánh Phanxicô, nơi hai con trai của ngài đã từ lâu là tu sĩ.

Năm 1627, năm thứ tám từ ngày lập tu viện, đức vâng lời đặt trên vai tác giả, lúc đó

mới hai mươi lăm tuổi và mặc dầu bất xứng, chức vụ bề trên từ đó tới nay. Suốt mười năm đầu trong chức vụ bề trên, tác giả nhiều lần được Chúa và Mẹ Maria truyền phải ghi lại Lịch Sử Cuộc Đời Mẹ. Tác giả lo sợ và chống lại mệnh lệnh này suốt thời gian dài cho tới năm 1637 mới khởi sự viết về Cuộc Đời Mẹ Maria lần thứ nhất. Khi hoàn tất tác phẩm đó, vì quá lo âu, và vì được cha giải tội khuyên (ngài hướng dẫn tác giả trong thời gian cha linh hướng thường xuyên của tác giả đi vắng), tác giả đốt tất cả những gì đã viết, không phải chỉ riêng tác phẩm Lịch Sử Cuộc Đời Mẹ Maria, mà cả nhiều vấn đề quang trọng và huyền nhiệm khác nữa. Nhưng sau đó tác giả bị các bề trên và cha linh hướng quở trách hết sức nặng, và bắt tác giả viết lại Lịch Sử Cuộc Đời Mẹ Maria. Đáng Tội Cao và Mẹ Maria cũng lặp lại lệnh truyền và tác giả vâng theo. Nhờ ơn Chúa, tác giả khởi đầu ghi lại Lịch Sử này ngày 8 tháng 12, 1665, ngày Lễ Mẹ Maria Vô Nhiễm Thai.

Con thú nhận và tôn vinh Chúa, Đức Vua Tội Cao, rằng trong Sự Uy Nghi đáng chúc tụng của Chúa, Chúa giấu những mầu nhiệm cao cả này không cho những người khôn ngoan và các bậc thầy được biết (Mt 11:25), nhưng đoái thương mạc khải cho con, một nữ tì thấp hèn nhất trong Giáo Hội Chúa, ngõ hầu Chúa càng được chúc tụng hơn nữa là Tác Giả Toàn Năng của Lịch Sử này, còn phần con, con chỉ là công cụ thấp hèn của Chúa.

Tác giả đã thấy một dấu lạ vĩ đại và huyền nhiệm trên trời mà các thiên thần nói với tác giả:

- Đây là Vị Phụ Nữ được chúc phúc, Đáng mà thánh Gioan đã thấy trong Khải Huyền, nơi Người các mầu nhiệm kỳ diệu Ôn Cứu Chuộc được ký thác, tích chứa và giấu kín. Thiên Chúa Toàn Năng yêu thương Thụ Tạo này tốt độ đến mức chúng tôi, các thiên thần của Chúa, đều hết sức ngỡ ngàng. Hãy chiêm ngưỡng và ca tụng các đặc ân của Người, ghi lại các đặc ân đó thành sách. Đây là mục đích mà các đặc ân đó sẽ được tiết lộ rõ ràng cho con tùy theo mức độ thích hợp và hoàn cảnh của con.

Lần khác, tác giả thấy một chiếc thang rất đẹp có nhiều bậc, nhiều thiên thần đứng chung quanh, và rất nhiều thiên thần lên xuống. Thiên Chúa phán bảo tác giả:

- Đây là chiếc thang Jacob huyền nhiệm, nhà Thiên Chúa và cửa thiên đàng (STK 28:17), nếu con tha thiết phấn đấu sống đẹp lòng Cha, con sẽ lên thang đó đến với Cha.

Tác giả đã sống một vài ngày trong tâm trạng ngút lửa yêu mến, cố gắng cải đổi cuộc đời mình. Thị kiến chiếc thang vẫn tiếp tục, nhưng tác giả không được giải thích cho hiểu.

Cho tới một ngày tác giả được Thiên Chúa phán bảo rằng chiếc thang đó (có nghĩa) là Cuộc Đời Đức Trinh Nữ Maria rất thánh, là các thánh đức và ân sủng của Mẹ. Chúa phán:

- Con yêu dấu của Cha, Cha muốn con lên thang Jacob, vào qua cửa thiên đàng này để lãnh hội kiến thức từ các đặc tính của Cha và tích lũy cho mình trong việc suy niệm về Thiên Tính của Cha. Con hãy chỗi dậy, bước đi và lên thang đó đến với Cha. Các thiên thần này đây, đứng chung quanh và lên xuống thang này, được Cha chỉ định hộ vệ Đức Hiền Mẫu Maria, các thiên thần này là đạo quân phòng vệ canh giữ thành thánh Sion. Con hãy chăm chú chiêm ngưỡng Đức Hiền Mẫu Maria, chiêm niệm các thánh đức của Người, học hỏi bắt chước các thánh đức đó.

Khi đó dường như tác giả lên thang Jacob và nhận ra được những sự lạ lùng vĩ đại và những điều kỳ diệu khôn tả của Chúa nơi Thụ Tạo duy nhất và sự thánh thiện trọn lành thánh đức tốt đỉnh từng được quyền năng Thiên Chúa tạo thành. Trên đầu thang tác giả thấy Chúa các thiên thần và Mẹ Maria. Chúa và Mẹ ra lệnh cho tác giả tôn vinh, chúc tụng và ngợi khen Chúa vì những mầu nhiệm cao cả này và bằng trọn khả năng của mình viết ra hết những điều đó. ...

Mẹ Maria đáp lại các lời tác giả cam kết và nói:

- Con của Mẹ, thế giới hết sức cần học thuyết này, vì thế giới không biết, cũng không thực hành lòng tôn kính đối với Thiên Chúa Toàn Năng, đức công thẳng của Thiên Chúa được kêu nài phạt và làm cho nhân loại khiêm nhượng vì sự ngu dốt của họ. Nhân loại chìm đắm trong sự hững hờ vong ân bội nghĩa và chìm ngập trong tối tăm, không biết cách nào tìm kiếm ơn cứu trợ và ánh sáng. ...

... Thiên Chúa và Mẹ Maria cho tác giả nhiều chỉ dạy khác, ngõ hầu làm cho tác giả hiểu thánh ý Chúa và Mẹ về tác phẩm này.

... Thiên Chúa nói với tác giả:

"Con của Cha, khi Cha gọi Con Một của Cha xuống trần gian, ngoại trừ một số ít người phụng thờ Cha, cả thế gian ở trong hoàn cảnh tối tăm hơn hết kể từ khởi nguyên. Từ thuở tạo dựng và tội lỗi của con người đầu tiên cho tới khi Cha ban Luật cho Maisen, nhân loại, tự nó thống trị theo bản năng chúng, đã phạm nhiều sai lầm và tội

lỗi (Rom 5:13). Sau khi nhận được Luật, nhân loại lại phạm tội vì không tuân giữ Luật (Gn 7:19) và chúng tiếp tục sống tự mình tách rời khỏi chân lý và ánh sáng, đi tới tình trạng hoàn toàn vong ân bội nghĩa.

"Trong tình thương Hiền Phụ, Cha đã gọi tới cho nhân loại Ôn Cứu Chuộc Đời Đời và thuốc chữa mọi bệnh tật nan y của bản tính loài người, như thế làm sáng tỏ phần Cha. Cũng như khi Cha chọn đúng thời điểm để tỏ rõ hơn lòng nhân từ của Cha, bây giờ Cha cũng chọn thời điểm thích hợp để cho nhân loại thấy một đặc ân hết sức lớn lao khác nữa. Đã tới đúng thời điểm để cho nhân loại biết đức công thẳng và con thịnh nộ của Cha; lúc này nhân loại bị kết tội cách chính đáng. Cha tỏ lộ cơn giận của Cha và thi hành phép công thẳng và đức công bằng, Cha sẽ cho thấy phép công thẳng của Cha nghiêm chính chừng nào. Bây giờ đến lúc lòng thương xót của Cha tỏ hiện rõ ràng hơn, và tình yêu của Cha không thể ở yên, Cha sẽ ban cho nhân loại thuốc điều trị kịp thời, nếu nhân loại biết sử dụng thần dược đó để trở lại với ân sủng của Cha.

"Lúc này, thế giới đã tới một hoàn cảnh hết sức bất hạnh, khi ngày tận thế vụt đến, khi bóng đêm tối tăm đời đời mỗi ngày mỗi tới gần hơn cho những kẻ dữ, và khởi đầu ngày không bao giờ có bóng đêm cho những người công chính, và mặc dầu Ngôi Lời đã nhập thể, nhân loại càng thờ ơ với hạnh phúc và càng ít tìm kiếm hạnh phúc. Khi đại đa số nhân loại ngày càng lún sâu vào tăm tối ngu đần và tội lỗi, đàn áp người lành, chế nhạo con cái Cha, thánh luật của Cha bị miệt thị vì các kẻ tội lỗi sắp đặt mưu mô chống lại Sự Khôn Ngoan của Cha, khi những kẻ ác không xứng đáng chút nào đối với lòng thương xót của Cha, và tới những giai đoạn đã được ấn định này, Cha muốn mở cửa thiên đàng cho người công chính để nhờ đó họ có thể tìm thấy đường vào tình thương xót của Cha. Cha muốn ban cho họ ánh sáng để nhờ đó họ có thể xua đuổi bóng tối che khuất con mắt lương tri họ. Cha muốn ban cho nhân loại phương thuốc thích hợp để phục hồi cho họ ân sủng Cha. Hạnh phúc cho những ai biết được điều này, và phúc thay cho những ai biết được giá trị ân sủng này. Những ai gặp được kho tàng này sẽ giàu có biết chừng nào. Hạnh phúc và khôn ngoan biết chừng nào những ai tìm kiếm và hiểu được những điều kỳ diệu và huyền nhiệm của Cha. Cha muốn cho nhân loại biết lời chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria rất thánh có giá trị chừng nào. Người là Đấng hồi phục sự sống bằng việc dâng bản tính hay chết của nhân loại lên Thiên Chúa. Để thưởng công, Cha muốn nhân loại ngắm nhìn những việc kỳ diệu do quyền năng Cha thực hiện nơi Thụ Tạo Tinh Tuyền này, như nhìn vào tấm gương mà qua đó nhân loại có thể ước lượng được sự vô ân bạc nghĩa của họ. Cha muốn tiết lộ cho nhân loại phần lớn những điều kỳ diệu đó, mà theo thánh ý tối cao của Cha, những điều liên quan đến Mẹ Ngôi Lời Thiên Chúa vẫn còn được giấu kín.

"Cha không tiết lộ những huyền nhiệm này trong Giáo Hội sơ khai, vì những huyền nhiệm này quá sức vĩ đại, đến độ các tín hữu chìm ngụp trong việc chiêm niệm và ca tụng các huyền nhiệm này trong thời gian khá lâu, trong khi đó việc thiết lập Luật Ân Sủng và Phúc Âm cho vững chắc thì cần thiết hơn. Mặc dầu mọi mầu nhiệm trong đạo đều phù hợp với nhau cách tuyệt hảo, nhưng sự ngu dốt của loài người có thể bị tác hại ngược lại và hoài nghi tính cách trọng đại của các mầu nhiệm này, khi đức tin vào Ngôi Lời Nhập Thể và Ôn Cứu Chuộc và các giáo huấn của Luật Phúc Âm mới vẫn còn trong thời kỳ phôi thai. Cũng vì lý do đó, Ngôi Lời Nhập Thể nói với các môn đệ trong bữa tối sau cùng: 'Nhiều điều Thầy cần phải nói cho anh em biết, nhưng anh em chưa sẵn sàng đón nhận' (Jn 16:12). Chúa Cứu Thế nói lời này với toàn thể nhân loại, vì nhân loại chưa có thể vâng nghe trọn vẹn luật ân sủng và hoàn toàn tin theo Thiên Chúa Con, nhân loại càng được chuẩn bị ít hơn để đón nhận các mầu nhiệm về Mẹ Thiên Chúa.

"Nhưng lúc này nhân loại cần đến mạc khải này rõ ràng hơn, và điều cần thiết này thúc đẩy Cha bỏ qua khuynh hướng tội lỗi của họ. Nếu bây giờ nhân loại tìm kiếm làm hài lòng Cha bằng việc tôn kính, tin tưởng, học hỏi những điều lạ lùng liên quan trực tiếp đến Vị Hiền Mẫu Hay Thương Xót này, và nếu mọi người thành tâm xin Người cầu bầu, nhân loại sẽ sớm được cứu giúp. Cha không thể giấu nhân loại Thành Thánh nơi nương náu huyền nhiệm này nữa. Cha mô tả và phác họa cho họ về Thành Thánh này, theo mức độ khả năng hạn hẹp của họ. Cha không muốn những điều con mô tả và tuyên xưng về Cuộc Đời Đức Trinh Nữ Maria rất thánh chỉ thuần tuý kiến hoặc tư tưởng chiêm niệm, mà phải là sự thực chính xác. Những ai có tai để nghe, hãy nghe. Những ai khát hãy tới mạch nước hằng sống và hãy rời bỏ những thùng chứa khô cạn. Những ai tìm kiếm ánh sáng hãy theo đuổi cho tới kết cuộc. Chúa, là Thiên Chúa Toàn Năng, dạy như thế!"

Trích Lược Lược Một Số Ý Kiến Về Mystical Ciudad de Dios (Thần Đồ Huyền Nhiệm)

Chúng tôi lược trích kiến của Đại Học Louvain, một trong các đại học danh tiếng ở Âu Châu, về tác phẩm MISTICAL CIUDAD DE DIOS.

"...Sau khi nhận định rằng quyền năng Thiên Chúa không bị giới hạn trong việc mạc khải tư cho người Chúa chọn, và sau khi nêu ra một số định luật căn bản đối với mạc khải tư. ..."

"... Sau khi đọc toàn bộ tác phẩm Ciudad de Dios, chúng tôi tuyên ngôn và nhận định rằng các tín hữu có thể đọc sách này mà không nguy hiểm đến đức tin của họ và

không tổn hại sự tinh tuyền luân lý. Không một điều gì trong Ciudad de Dios khả dĩ dẫn tới phóng túng xao lãng bốn phận hoặc dẫn tới sự khắt khe quá đáng, trái lại, tác phẩm này sẽ rất hữu ích cho việc chấn hưng và làm tăng thêm lòng nhiệt thành của các tín hữu, gia tăng lòng tôn kính Đức Trinh Nữ rất thánh, và kính trọng các mầu nhiệm thánh."

"... Tác phẩm Lịch Sử này giải thích trên một ngàn điểm khúc mắc trong Sách Thánh cách tương đối tự nhiên và kỳ diệu. Ở mỗi giai đoạn, người ta đều gặp những giải thích sâu sắc, mà cho tới nay chưa ai biết, các điều đó từng bị giấu kín, nhưng lúc này được phơi bày rõ ràng, được công khai hóa trong bộ sách này. Tóm lại, toàn thể tác phẩm này là hệ thống tuyệt vời các đoạn Sách Thánh mà, mặc dầu xuất hiện trong nhiều tập khác nhau, đều được trực tiếp và đặc biệt dệt thành một khối."

"Thêm vào nội dung là những lời giáo huấn của Đức Trinh Nữ ở cuối mỗi chương. Những lời giáo huấn này chứa đựng lời huấn đức tuyệt vời, dạy bảo, nuôi dưỡng, và đồng thời dịu dàng ghi khắc lòng yêu mến thánh đức và ghê tởm tội lỗi, tô điểm tất cả mọi thứ đó bằng những mầu sắc linh động nhất. Những lời Đức Maria giáo huấn không những chỉ làm cho người thông thái phải tin, mà còn đầy ắp sức xúc tác ngọt ngào đặc biệt, làm cháy lên trong tâm hồn người ta lòng nhiệt thành thánh thiện. Khi suy gẫm các lời giáo huấn của Đức Trinh Nữ rất thánh, chắc chắn người ta sẽ hưởng niềm hoan lạc thích thú không gặp được nơi các tác phẩm thông thường. Càng đọc những lời Đức Maria dạy bảo, niềm hoan lạc người ta được hưởng càng lớn lao. Kết luận, toàn thể tác phẩm chứa đựng điều gì hết sức hiếm quý và hấp dẫn đến độ, một khi đã bắt đầu, người ta không thể nào không đọc cho đến hết."

"Tính chất khác thường và muôn vẻ khác nhau nổi bật trong tác phẩm này làm cho người đọc được lòng yêu mến nhiệt thành mới. Mọi người đều dễ dàng tin rằng, nếu cuộc sống bề trong của Đức Kitô Chúa chúng ta và cuộc đời Đức Trinh Nữ rất thánh không đúng hết như được mô tả trong các tập sách này thì hẳn cũng tương tự như thế. ..."

"... Đây là nhận xét của chúng tôi; chúng tôi hoàn toàn vâng phục quyết định tối thượng của Đức Thánh Cha, chỉ một mình Đức Thánh Cha có quyền đưa ra phán định cuối cùng về các tác phẩm như thế."

Louvain, ngày 20 tháng Bảy, 1715

Một Số Ý Kiến Tiêu Biểu Về Phía Giáo Hội

Vị Giáo Hoàng đầu tiên chính thức chú ý tới Mystical Ciudad de Dios là Đức Innocent

XI. Ngày 3 tháng 7, 1686, khi trả lời hàng loạt những công kích hiểm độc của một số thành viên Đại Học Sorbonne, mệnh danh là những người nhóm Jansen, Đức Innocent XI đã ban sắc chỉ cho phép phát hành và đọc tác phẩm *Mistical Ciudad de Dios*. Sau này các Đức Thánh Cha Alexander VIII, Clement IX và Benedict XIII cũng đưa ra những sắc chỉ tương tự. Các sắc chỉ này được nối tiếp bởi hai sắc lệnh của Thánh Bộ Phụng Vụ, được phê chuẩn bởi các Đức Thánh Cha Benedict XIV và Clement XIV, trong đó chính thức nhìn nhận tính chất xác thực của tác phẩm *Mistical Ciudad de Dios* như hiện hữu được viết ra bởi dì phước Maria đệ Giêsu, Tôi Tớ Đáng Kính của Thiên Chúa. Vị Đại Giáo Hoàng Benedict XIII, khi còn là Tổng Giám Mục Benevent, đã dùng các mạc khải này làm chất liệu cho hàng loạt những bài giảng thuyết về Đức Trinh Nữ rất thánh.

Sau đây là lời đề cao của Đức Tổng Giám Mục Salzburg, Đại Diện Đức Thánh Cha, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Đức quốc, v.v.:

"Theo những Sắc Chỉ của các Đức Thánh Cha Innocent XI và Clement XI, các tín hữu có thể đọc tác phẩm *Ciudad de Dios* được viết ra bởi dì phước Maria đệ Giêsu, Người Tôi Tớ Đáng Kính của Chúa.

"Một số các lời chuẩn án, các khuyến cáo của bốn Đại Học danh tiếng là Đại Học Toulouse, Salamanca, Alcalá và Louvain, và vô số các thành viên danh tiếng thuộc nhiều dòng tu khác nhau, đều đồng thanh tán tụng tác phẩm nói trên. Đức Hồng Y uyên bác và đạo đức D'Aguires nói ngài coi tất cả mọi học hỏi trong năm mươi năm trước trong đời ngài có kết quả hết sức nhỏ nhoi so với các học thuyết ngài tìm thấy trong sách này, trong đó mọi sự đều thuận hợp với Thánh Kinh, với các Đức Thánh Cha và các Hội Đồng Giáo Hội. Vị Bề Trên Cả đáng kính St Sulpice, Tu Viện Trưởng Emery, nói thêm:

- Chỉ từ khi tôi đọc các mạc khải mà Mẹ Bề Trên Maria thành Agreda viết ra tôi mới biết được Chúa Giêsu và Đức Hiền Mẫu rất thánh của Chúa cách rõ ràng.

"Vì thế, chúng tôi không ngần ngại trong việc ban Chuẩn Án của chúng tôi cho *Ciudad de Dios* và ước mong giới thiệu sách này với các tín hữu và đặc biệt là với hàng giáo sĩ của chúng tôi."

ĐỨC MẸ HỒ LỤA | OUR LADY OF LAUS

TẠI HỒ LAUS, PHÁP QUỐC, NĂM 1664

Sau hơn 3 thế kỷ, Đức Mẹ hiện ra ở Laus (tạm dịch Hồ Lụa), một thành phố dưới chân rặng núi Alps, nước Pháp có lẽ mang đến một thông điệp cho thế giới hôm nay. Một trong những lời tiên báo của Đức Mẹ Laus là một thông điệp được ban ở đó sẽ tái xuất hiện vào thời kỳ cuối cùng của thế giới. Đức Mẹ Laus, nơi ẩn náu của các linh hồn tội lỗi được các Giám Mục Pháp chính thức công nhận vào ngày 7 tháng 5 năm 2008 vừa qua.

Tọa lạc tại Dauphiné thuộc miền Nam nước Pháp dưới chân rặng núi Alps, nằm về phía Đông Nam của thành phố Gap là thung lũng Laus. Tiếng địa phương Laus có nghĩa là hồ nước, vì đã từng có một cái hồ ở tại thung lũng này.

Vào năm 1666, Laus gồm khoảng 20 gia đình sống rải rác trong những túp lều nhỏ. Dân Công giáo ở đây đã xây một nhà nguyện kính Đức Mẹ. Đức Mẹ đã chọn nơi này để hiện ra với một thiếu nữ khiêm tốn, thất học, nghèo khó, sống đau khổ tên là Benoite Rencurel. Đức Trinh Nữ nói với cô bé chần chừ:

- Ta đã xin Con của Ta cho những người kẻ tội lỗi ở Laus được ơn hoán cải, và Ngài đã ban cho Ta điều đó.

Benoite đã học chịu đựng đau khổ từ thời thơ ấu, khi cô sinh ra trong cảnh rất nghèo khổ, mà hoàn cảnh càng trở nên tồi tệ hơn lúc cha của cô qua đời khi cô mới lên bảy. Benoite ra đời vào tháng 9, năm 1647, và 2 tháng trước ngày sinh nhật của thánh nữ Mađalêna Maria, người nữ yêu mến của Thánh Tâm Chúa, các chủ nợ không ngừng xiết nợ người mẹ góa phụ của Benoite, và vì thế các con của bà phải đi lao động để nuôi sống và giúp đỡ gia đình.

Benoite không những là một sự trợ giúp mà còn là một sự bảo vệ cho mẹ của cô, người đã trung thành dạy dỗ các con cái của bà thuộc kinh Lạy Cha, Kính Mừng và kinh Tin Kính. Một ngày nọ, cô thấy một số đàn ông đang đi về phía nhà của mình, và cô đã chạy về cảnh báo cho mẹ, và chống lại một người trong bọn họ đã cả gan dám mua chuộc bằng tiền bạc để đổi lấy tiết nghĩa của mẹ cô.

Khi Benoite lên 12 tuổi, gia đình cô bị rơi vào thảm cảnh tồi tệ nhất, vì thế cô đã xin làm việc chần chừ cho hai tá điền cùng một lúc. Vì vậy, giữa sự mất mát, hy sinh và cầu nguyện mà vị thánh tương lai đã chuẩn bị cho sứ mệnh được tiền định cho cô.

Vào tháng 5, năm 1664, cô được 17 tuổi, khi đang cầu nguyện lần chuỗi Mân Côi,

kinh mà cô yêu thích nhất trong khi chần sóc đàn chiên, thì bỗng nhiên một người đàn ông khả kính, mặc áo của Đức Giám Mục thời Giáo hội sơ khai (sau biết là thánh Maurice), đến với cô và nói:

- Con gái của Ta, con làm gì ở đây vậy?

Cô trả lời:

- Con đang trông coi đàn chiên của con, và đang đi tìm nước để uống.

Ông già trả lời:

- Ta đi lấy nước cho con. Và ông đi đến bên bờ giếng mà Benoite chưa thấy bao giờ.

Cô nói:

- Ông đẹp quá, ông ơi! Ông là thiên thần hay là Chúa Giêsu vậy?

Người đàn ông trả lời:

- Ta là Maurice, người mà nhà nguyện ở gần đây đã dùng để đặt tên... Con gái của ta, đừng trở lại nơi đây nữa. Nó thuộc về lãnh thổ của người khác, những lính canh sẽ tịch thu đàn chiên của con, nếu họ thấy nó ở đây. Hãy đến thung lũng trên đồi Saint Étienne. Nơi đó, con sẽ gặp Mẹ Thiên Chúa.

Cô gái nói tiếp:

- Nhưng thưa ông, Đức Mẹ ở trên thiên đàng cơ mà. Làm sao con gặp Mẹ ở đó được chứ?

Ông nói:

- Đúng thế, Đức Mẹ ở thiên đàng, và cũng ở dưới đất nữa, khi Mẹ muốn.

Vào sáng sớm ngày hôm sau, Benoite vội vã dẫn đàn chiên tới nơi đã chỉ định là Vallon des Fours, được gọi như vậy bởi vì ngọn đồi trên thung lũng này có chất thạch cao, mà người trong làng gạn lọc và nung vào lửa làm chất thạch cao cho các căn nhà của họ. Benoite vừa đến trước một cái hang nhỏ ở nơi ấy, khi cô thấy một Phụ Nữ đẹp khôn sánh đang ẵm một Hài Nhi trong vòng tay cũng không kém vẻ đẹp của Thiều Nữ. Cô say đắm trước những gì mình đang thấy. Mặc dù thánh Maurice đã báo trước, thế nhưng cô bé chần chiên ngây thơ không nghĩ ra rằng cô đang ở trước sự hiện diện của Mẹ Thiên Chúa. Nghĩ rằng mình đang thấy một người nhân thể bình thường, cô

nói rất ngây thơ:

- Bà yêu quý ơi, bà làm gì ở đây vậy? Bà đến để mua chất thạch cao à?

Và rồi không đợi được trả lời, cô nói tiếp:

- Bà làm ơn có thể cho chúng tôi Em Bé này không? Em Bé này sẽ làm chúng tôi vui mừng lắm.

Người Thiếu Nữ mỉm cười không nói gì. Ngây ngất và khâm phục, Benoite ngưỡng mộ vẻ đẹp của người Thiếu Nữ. Vào giờ ăn, cô lấy một miếng bánh mì và hỏi:

- Bà có muốn ăn với con không? Con có một ít bánh mì ngon lắm. Chúng ta có thể chám xuống dòng suối.

Người Thiếu Nữ mỉm cười lần nữa, và tiếp tục để cô tận hưởng sự hiện diện của mình, Bà đi vào và đi ra khỏi hang đá, đi đến với Benoite và lúc thì rời xa cô. Và rồi, khi trời tối, người Thiếu Nữ ẵm lấy Hải Nhi đi vào trong hang biến mất.

Ngày kế tiếp và liên tục trong 4 tháng liên tiếp, Benoite chiêm niệm ở nơi đó, Niềm Vui của Các Thiên Thần và Trang Cảnh của Thiên Đàng. Mặt cô bé chần chẫn biến dạng ngay từ lúc đầu gặp Người Thiếu Nữ. Cô chia sẻ niềm vui của cô với mọi người trong niềm vui đơn sơ. Thấy sự thay đổi nơi cô, người ta bắt đầu thắc mắc, “nếu như người cô thấy có phải là Mẹ Thiên Chúa không?” Benoite không biết về điều này, và cô không bao giờ dám hỏi người Thiếu Nữ đã cho cô tất cả niềm vui này, rằng Bà là ai?

Trước khi cho Benoite là bạn của Bà, và là người trao ban hồng ân của Bà, Đức Trinh Nữ đã gắn chặt linh hồn cô bé chần chẫn với Người, bằng sự lôi cuốn không thể khước từ. Thế rồi sau hai tháng yên lặng, Đức Mẹ đã làm cho cô trở nên người học trò, và bắt đầu nói để dạy, để thử và khuyến khích cô.

Đức Mẹ đã hạ mình xuống trình độ của một cô gái thất học miền rừng núi, Nữ Vương Thiên Đàng đã hạ mình xuống với những người thấp kém điều đó sẽ làm ngạc nhiên chúng ta, nếu chúng ta không biết rằng sự tốt lành của Mẹ Maria không có biên giới. Một ngày nọ, Người Mẹ dịu dàng của chúng ta mời Benoite an nghỉ bên cạnh Mẹ, và người con mệt mỏi này đã ngủ an bình trên tà áo choàng của Đức Trinh Nữ. Lần khác, giống như những người mẹ dạy con cái mình cầu nguyện, Mẹ dạy cô lặp lại từng chữ, đọc kinh cầu Đức Mẹ Loreto, và ra chỉ thị cho cô về dạy cho các cô gái ở làng Saint Étienne, và đi nhà thờ với họ mỗi tối để ca hát ở đó.

Với sự dịu hiền và kiên nhẫn của một người mẹ, Đức Mẹ đã uốn nắn cô từ từ trong viễn ảnh sứ mệnh tương lai của Mẹ dành cho cô. Cô gái ngoan đạo vẫn chưa quen thuộc, không lay chuyển và thiếu kiên nhẫn. Trước khi Đức Trinh Nữ tự mình tiết lộ danh tánh của Mẹ, Mẹ bắt đầu cho Benoite trong vai trò mà cô sẽ thi hành suốt cuộc đời của cô: **đó là làm việc để hoán cải những người tội lỗi qua cầu nguyện, hy sinh và một ơn gọi đặc biệt** --- sự cổ võ (hoán cải tội lỗi), vì Thiên Chúa đã ban cho cô một đặc sủng đọc thấu các tâm hồn người ta. Vì vậy, cô được giao cho những công việc quan trọng cải sửa các linh hồn, và tiết lộ tình trạng bi thảm của họ cho họ biết. Khi cần thiết, cô nhắc nhở họ về những tội đã quên hay che dấu không thấy, và khuyến khích họ thánh tẩy về những tội đó.

Một sự hoán cải nổi bật giữa các người khác đã xảy ra để xác tín không phải chỉ cho cuộc hiện ra, mà cho khả năng nhìn thấu suốt tâm hồn của cô. Bà chủ của Benoite, Bà Ralland, một người đàn bà không có thích thú gì về tôn giáo, đã muốn chính bà được thấy điều gì đã đang xảy ra ở nơi có các cuộc hiện ra. Một ngày nọ trước bình minh, bà đã bí mật đi tới hang đá, rồi bà đi vào trước cả Benoite, và núp đằng sau một hòn đá để xem. Khi Benoite đến, một vài phút sau, cô thấy Người Thiếu Nữ đẹp tuyệt vời xuất hiện.

Mẹ Maria nói:

- Bà chủ của con ở kia kia, đang núp sau một hòn đá. Hãy nói với bà đừng chửi thề với danh Chúa Giêsu, bởi vì nếu bà ta cứ làm như thế, thì sẽ không có thiên đàng dành cho bà: Lương tâm của bà đang ở trong tình trạng tội tệ. Bà cần đi xưng tội.

Bà chủ của Benoite nghe được tất cả, đã khóc sụt mướt hứa sửa đổi đời sống. Và bà đã giữ lời hứa của mình.

Tin tức về các cuộc hiện ra bắt đầu lan tràn. Người ta bắt đầu nói về những cuộc hiện ra ấy ở khắp nơi. Nhiều người đã tin, nhưng một số khác thì hoài nghi, và đối xử với cô bé chần chừ như là một nhà thần bí giả hình. Trong số những người ủng hộ Benoite là một cô bé thuộc cộng đoàn St Stephen, cũng giống như Benoite, cô yêu mến Mẹ Maria với hết cả trái tim. Để tổng kết những lại gì đã nói ở trên, Đức Trinh Nữ nói với cô:

- Hãy nói với các cô gái ở cộng đoàn St. Stephen hát bài kinh cầu Đức Mẹ Đồng Trinh vào mỗi buổi tối trong nhà thờ, với phép của bề trên, và con sẽ thấy họ sẽ làm điều đó”.

Quả thực, khi những cô gái đã học bài học của họ, kinh cầu được xướng hát lên mỗi

tôi với lòng sùng kính lớn lao. Điều đáng lưu ý để nêu ra ở đây, đó là cộng đoàn Laus ở trong địa phận Embrun. Từ năm 1638, năm tận hiến nước Pháp cho Mẹ Maria do Vua Louis thứ XIII ban hành, kinh cầu Đức Mẹ Loreto được xướng hát thường xuyên trong nhà thờ chính tòa Embrun.

Những tin tức về các cuộc hiện ra được loan truyền rộng rãi. Quan tòa Francois Grimaud của vùng thung lũng Avancon, một người Công giáo thuần thành và là người có đức độ, đã quyết định mở cuộc điều tra. Sau cuộc điều tra kỹ lưỡng, ông kết luận rằng Benoite chưa hề hỏi người Phụ Nữ tiết lộ danh tánh của mình, cũng như Người Phụ Nữ chưa nói ra. Theo yêu cầu của quan tòa, dù rằng điều này chính cô đã phải trả giá rất lớn, Benoite bị ép buộc để hỏi:

- Người Phụ Nữ tốt lành của con ơi, con và tất cả mọi người ở đây nóng lòng muốn biết Bà là ai. Bà có phải là Mẹ của Thiên Chúa tốt lành không? Xin vui lòng thương xót nói cho con đi, và chúng con sẽ xây một nhà nguyện để tôn kính Ngài.

Người hiện ra từ thiên đàng trả lời rằng không cần thiết phải xây cái gì ở nơi đây, bởi vì Bà đã chọn một nơi khác đúng ý hơn. Và rồi, Benoite đã không thấy Người Phụ Nữ từ thiên đàng nguyên cả tháng trời. Điều này đã khiến cho cô rơi vào tình trạng buồn rầu khôn tả, mà nếu không có sự trợ giúp từ thiên đàng, cô đã không thể sống được.

Vào ngày 29.9.1664, ở bên kia bờ suối, giữa đường dẫn đến Laus, cô gái đã nhận ra Đức Trinh Nữ và nói với Mẹ:

- Ôi, Mẹ tốt lành! Tại sao Mẹ nở lấy đi niềm vui được thấy Mẹ quá lâu như thế?

Và cô lội qua con suối ngập nước đến sấp mình dưới chân Nữ Vương thiên đàng. Đức Trinh Nữ trả lời thế này:

- Kể từ bây giờ trở đi, con chỉ thấy Mẹ trong nhà nguyện ở Laus mà thôi.

Và Mẹ Maria chỉ cho cô gái con đường đi lên và đi qua ngọn đồi dẫn tới Laus, một ngôi làng mà cô bé đã nghe nói đến, nhưng chưa bao giờ đặt chân tới viếng thăm, vì cô thực sự sống ở làng St Étienne d'Avancon.

Vào năm 1640, một số người đạo đức đã xây một nhà nguyện nhỏ để kính Đức Mẹ của Cuộc Gặp Gỡ Tốt Lành nằm sâu nơi vắng vẻ của Laus. Họ đã làm với mục đích để tụ họp cầu nguyện khi mực nước dâng cao khiến họ không thể tới nhà thờ giáo xứ ở Saint Etienne. Bên ngoài nhà nguyện lợp mái lá khô nhìn giống như những căn nhà nhỏ khác; chỉ lớn khoảng 2 mét vuông, có một bàn thờ thạch cao với hai chân nền bằng gỗ và một chén thánh. Đó là nơi Nữ Vương thiên đàng chờ đợi cô bé chần chừ,

như là một chuông chiên bò Bethlehem mới.

Vì Benoite chưa được biết về nhà nguyện ấy, nên ngày hôm sau cô đi tìm kiếm rất lâu không thấy, nước mắt rơi dàn dụa. Cô đi từ nơi này đến nơi khác để tìm. Có khi đi lạc một lúc. Cô đã dừng chân trước mỗi căn nhà nghèo nàn trong làng, cố gắng ngửi hơi tìm “mùi nước hoa dịu dàng” (của Đức Mẹ). Cuối cùng, cô đã nhận ra mùi nước hoa gần một cánh cửa khép hờ của một căn nhà. Bước vào cô đã thấy Người Phụ Nữ đẹp tuyệt vời đang đứng trên một bàn thờ lấm bụi. Mẹ nói:

- Hỡi con gái của Mẹ, con đã tìm kiếm Mẹ mỗi morn, nhưng con không nên khóc. Dù vậy, con đã làm hài lòng Mẹ vì đã không thiếu sự kiên nhẫn”.

Benoite khiêm nhường đón nhận lời nói của Mẹ, và rồi cô rất buồn nhận ra tình trạng thảm thương của bàn thờ. Cô nói:

- Người Phụ Nữ đáng kính ơi, Bà có muốn con trải tấm khăn của con dưới chân Bà không? Khăn rất là trắng.

Đức Mẹ trả lời:

- Không, chẳng bao lâu sẽ không có gì thiếu thốn ở đây cả - ngay cả áo lễ, khăn trải bàn thờ, hay nến đốt. Ta muốn một ngôi nhà thờ lớn xây ở nơi này, và một ngôi nhà cho một số linh mục thường trú. Ngôi nhà thờ sẽ xây để tôn kính Con yêu dấu của Ta và chính Ta nữa. Nơi này, nhiều người tội lỗi sẽ được hoán cải. Ta sẽ hiện ra với con thường xuyên ở nơi này”.

Benoite la lên:

- Xây nhà thờ? Ở đây làm gì có tiền để xây!

Đức Mẹ trả lời:

- Đừng lo lắng gì. Khi thời gian đã đến để xây, con sẽ tìm được tất cả những gì cần, và sẽ không còn bao lâu nữa đâu. Những đồng xu của người nghèo sẽ cung cấp tất cả. Chẳng có gì sẽ thiếu thốn.

Trong suốt mùa Đông năm 1664-1665, mặc dù cách 4 cây số đường ngăn cách làng Saint Etienne và ngôi nhà nguyện ở Laus, nhưng cô bé Benoite đã đến nơi ấy mỗi ngày. Và ở đó, Benoite thường được thấy Đức Trinh Nữ. Đức Mẹ nói với cô:

- Hãy cầu nguyện luôn cho những người tội lỗi. Có những lúc, Đức Mẹ nêu tên những

người mà Đức Mẹ muôn cô cầu nguyện cho họ.

Bằng cách này, Đức Trinh Nữ đang uốn nắn Benoite cho sứ mệnh của ngài, đó là giúp các linh mục trong mục vụ Giải tội, và hoán cải những người tội lỗi. Vào năm 1665, Đức Trinh Nữ xin Benoite ngưng đi chăn chiên để tận hiến mình cho sứ mệnh của Mẹ. Đức Trinh Nữ nói với Benoite:

- Ta đã xin Con Ta cho Laus được ơn hoán cải những người tội lỗi, và Ngài đã ban cho Ta điều ấy.

Những lời của Mẹ Thiên Chúa được ứng nghiệm. Tin tức về các cuộc hiện ra tiếp tục được loan đi rộng rãi, các khách hành hương đến Laus tiếp tục gia tăng. Những hồng ân và phép lành được tuôn đổ xuống cho nhiều linh hồn. Người ta đến từng hàng trăm, rồi lên hàng ngàn ngàn để đến cầu nguyện nơi nhà nguyện nghèo nàn, xác xơ. Những sự chữa lành mọi căn bệnh xảy ra nhan nhản, và những người tội lỗi được hoán cải rất đông. Vào ngày 25.3.1665, gần một năm sau cuộc hiện ra lần thứ nhất, đoàn người đông đảo tuôn đến ngôi nhà nguyện mà trước đây đã một thời hoang vắng. Cũng vào năm ấy, vào ngày 3.5.1665, ngày lễ kính Thánh Giá, 35 cộng đoàn đổ về nơi ấy, mỗi cộng đoàn đi sau một biểu ngữ dẫn đầu. Những bàn thờ và tòa giải tội phải dựng nên ngoài trời để đáp ứng lòng nhiệt thành của dân chúng. Các linh mục lân cận đến giúp một bàn tay cho linh mục Fraisse, cha sở giáo xứ Saint Etienne, và giải tội cho nhiều người.

Những người có thẩm quyền của Giáo phận cách khôn ngoan đã không tuyên bố một quyết định nào, nhưng cho phép cử hành thánh lễ ở nơi nhà nguyện. Đó là khi linh mục Canon Pierre Gaillard, phụ tá Giám mục Giáo phận Gap đến hiện trường. Chẳng bao lâu sau đó, ngài trở thành giám đốc hành hương, và sau này ngài đã viết một số tường thuật thuộc thẩm quyền giáo hội. Từ việc tò mò dò dẫm vào tháng 8, 1665, ngài đã xin và nhận được nhiều ơn lớn lao, khiến ngài xác tín ngay lập tức tính chất xác thực của các cuộc hiện ra.

Thế nhưng khốn nỗi, Laus lại thuộc về Giáo phận Embrun vào lúc ấy. Là người đến từ Giáo phận Gap, linh mục Gaillard không có thẩm quyền để thông qua quyết định chính thức. Dựa trên những đề nghị của một số linh mục, ngài đã viết thư cho linh mục Antoine Lambert, phụ tá Giám mục Giáo phận Embrun, và yêu cầu ngài bắt đầu cuộc điều tra. Linh mục Lambert hầu như không có cảm tình về các cuộc hiện ra ở Laus, và ngài không hài lòng khi thấy những giáo dân rời bỏ nơi hành hương cũ là Đức Mẹ Embrun. Ngài thì tin rằng các cuộc hiện ra với Benoite là trò của ma quỷ, và cô chỉ là một người tô son quét phấn thông thường.

Vào ngày 14.9.1665, ngài đi đến Laus cùng với một số linh mục lỗi lạc, họ cũng tương tự chẳng có cảm tình về các biến cố ở Laus, hy vọng là sẽ chấm dứt “trò phù thủy” này, và chứng minh rằng Benoite có tội lường gạt thiên hạ, và để đóng cửa nhà nguyện. Khi cô bé chần chừ nghèo nàn nghe các linh mục ấy đã đến, cô sợ hãi và cô muốn bỏ đi, thế nhưng Mẹ Thiên Chúa bảo đảm với cô:

- Đứng, hỡi con gái của Ta. Con không thể bỏ chạy. Con phải ở lại, vì con phải thi hành công lý đến những người của giáo hội. Họ sẽ khảo cung con từng người một, và cố gắng bắt bớ con bằng chính lời nói của con. Thế nhưng, đừng sợ hãi. Hãy nói với linh mục phụ tá Giám mục rằng ngài có thừa tác truyền phép làm cho Thiên Chúa phải từ trời xuống, do bởi quyền năng mà ngài đã lãnh nhận khi làm linh mục, thế nhưng ngài chẳng có mệnh lệnh nào đối với Mẹ Thiên Chúa.

Khi linh mục phụ tá Giám mục đặt chân đến Laus, ngài vào nhà nguyện cầu nguyện một lát và triệu hồi cô bé chần chừ đến. Trợ giúp bởi những người bạn đồng hành, ngài chất vấn Benoite một cách ngạo mạn, cố ý gài bẫy cô, và làm cho cô mâu thuẫn với chính mình. Cô vẫn giữ bình tĩnh và trả lời vị linh mục cách giản dị và bình tĩnh. Những lời của cô minh bạch và rất cương quyết. Vị linh mục phụ tá Giám mục nói cách nghiêm nghị:

- Đứng nghĩ là tôi tới đây để cho phép các thị kiến và ảo thuật của cô, và tất cả những điều kỳ lạ đang được người ta nói về cô, và về nơi này. Sự xác tín của tôi cũng như của mọi người với lý lẽ bình thường là những thị kiến của cô là giả tạo. Thêm vào đó, tôi sẽ đóng cửa nhà nguyện này, và cấm những việc sùng kính. Còn với cô, cô chỉ có nước trở về nhà.

Theo sự khích lệ của Đức Trinh Nữ, cô bé chần chừ trả lời vị linh mục:

- Thừa ngài, mặc dù ngài có lời truyền phép dâng lên Thiên Chúa mỗi buổi sáng, và làm cho Chúa phải ngự đến nơi bàn thờ, nhờ quyền năng ngài nhận được khi là linh mục, nhưng ngài chẳng có mệnh lệnh nào như thế đối với Mẹ Thiên Chúa, Mẹ làm là vì Mẹ hài lòng ở đây.

Cảm phục bởi những lời nói ấy, vị linh mục phụ tá Giám Mục trả lời:

- Vậy nếu như những điều người ta đang nói là sự thật, thì cô hãy cầu nguyện với Mẹ cho tôi thấy sự thật bằng một dấu chỉ hay phép lạ, và tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm, để hoàn thành ước nguyện của Đức Mẹ. Thế nhưng lần nữa, hãy cẩn thận những điều này không phải là những trò ảo thuật, và những hiệu quả của sự tưởng tượng để đánh lừa thiên hạ đâu nhé. Và nếu như thế tôi sẽ trừng phạt cô đích đáng tội đã lường

gạt những người tin tưởng vào cô. Tôi sẽ dập tắt mọi sự lạm dụng với tất cả quyền hành của tôi.

Benoite khiêm nhường cảm ơn linh mục và hứa sẽ cầu nguyện theo như ý chỉ của vị linh mục. Linh mục Fraisse, chánh xứ cộng đoàn Saint Étienne, quan tòa Francois Grimaud và linh mục Pierre Gaillard cũng chất vấn cô. Vị linh mục phụ tá Giám Mục thay vì đóng cửa nhà nguyện, thì đã làm bản kiểm kê chi tiết, và đồng thời viết một bản tường trình dài về mục vụ thăm viếng của ngài. Ngài đã dự tính rời nơi đó vào buổi tối, thế nhưng mưa tầm tã buộc ngài phải ở lại thêm hai ngày nữa. Đức Trinh Nữ đã sắp đặt điều này, để ngài chứng kiến một phép lạ đặc biệt.

Có một bà nổi tiếng trong vùng tên là Catherine Vial đã khổ sở vì mắc chứng bệnh co thắt giây thần kinh ở chân đã sáu năm qua. Cả hai chân bẻ cong ra phía sau, và như là bó lấy thân thể bà. Không có cố gắng nào có thể tách rời hai chân ra được. Chứng bệnh của bà đã được tuyên bố là không chữa được bởi hai bác sĩ giải phẫu lỗi lạc. Đến với Laus cùng với mẹ của bà để làm tuần cửu nhật, bà là người chú ý đáng thương, khom mình cả ngày trong nhà nguyện. Vào khoảng nửa đêm ngày cuối cùng của tuần cửu nhật, bà tự nhiên cảm thấy chân bà xoãi ra, và bắt đầu cử động được. Bà đã được chữa lành.

Buổi sáng hôm sau, bà đã vào nhà nguyện với sức lực của bà (chứ không phải nhờ ai) trong khi linh mục phụ tá Giám Mục đang cử hành thánh lễ. Sự hiện diện của bà đã làm khuấy động cả nhà thờ khi mọi người la lên: Phép lạ! Phép lạ! Catherine Vial đã được chữa lành. Đánh động đến rơi lệ, linh mục Lambert đã phải khó khăn lắm mới có thể hoàn tất thánh lễ. Linh mục Gaillard, người đang phục vụ đã viết: Tôi là chứng nhân trung tín về tất cả những điều đã xảy ra. Và vị linh mục phụ tá Giám mục đã tuyên bố:

- Có một điều gì siêu nhiên đang xảy ra ở nhà nguyện ấy. Vâng, có bàn tay của Thiên Chúa ở đây!

Cha Lambert thăm vấn người đàn bà đã được chữa khỏi bệnh, và viết một bảo tường trình chính thức về phép lạ đó. Sau đó, ngài xin mọi người vào nhà nguyện để hát bài Te Deum và kinh cầu Đức Mẹ Đồng Trinh. Ngài chỉ định hai linh mục trẻ làm tuyên úy cho Laus: cha Jean Peytieu, người đã qua đời vì kiệt sức ở tuổi 49 sau 24 năm mục vụ hoàn toàn tận hiến để giúp các linh hồn, và cha Pierre Gaillard, người đã thi hành mục vụ là giám đốc hành hương trong 50 năm. Cha Barthelemy Hermitte được chỉ định là phụ tá, và đã phục vụ 28 năm cho đến lúc qua đời. Vị linh mục phụ tá Giám Mục quyết định bằng việc cho phép xây một nhà thờ như Đức Trinh Nữ yêu cầu.

Căn nhà nguyện nhỏ ở Laus nơi mà chỉ có thể chứa khoảng 10 đến 12 người đã trở nên cần thiết để thay thế với một nhà thờ lớn hơn. Việc xây cất và tài trợ căn nhà thờ đó cấu tạo một phần của “kỳ công của Laus”. Mặc dù không có nguồn tài trợ nào cả, việc xây cất được cam kết gánh vác với lòng nhiệt thành lớn lao. Nó vượt trên tất cả dân nghèo, những người nhỏ bé đã gánh lấy thách đố, và gặp nhiều gian nan bởi những con đường dẫn đến nơi đó không thể sử dụng được. Dân làng và nhiều khách hành hương đi đến Laus đã mỗi người mang một hay nhiều hòn đá từ con suối và vác đến nơi xây cất. Ngay cả các trẻ nhỏ cũng tự mình mang những hòn đá đến. Mọi người ai nấy đều muốn đóng góp một cái gì đó, cho dù là vật chất hay tiền bạc. Phải mất đến một năm mới có thể thu lượm được những vật liệu cần thiết. Cám ơn sự bền bỉ của cha Gaillard, việc xây cất được thi hành theo như chỉ thị của Đức Mẹ đã ban cho Benoite. Nhờ uy tín, kinh nghiệm của những người có trách nhiệm, nhà nguyện Notre Dame de Bon Rencontre đã được nối kết vào khung sườn nhà thờ, và trở nên chỗ cho ca đoàn của nhà thờ mới.

Vào ngày 7.10.1666, ngày lễ kính Đức Mẹ Mân Côi, cha Gaillard đặt viên đá đầu tiên của nhà thờ và các linh mục dòng Đaminh từ Gap chủ tọa một cuộc rước của đoàn người hành hương rất dài. Cũng vào biến cố này, Benoite đã trở thành một hội viên Dòng Ba Đaminh. Kể từ đó, cô mang khăn choàng và áo dài, và người ta bắt đầu gọi cô là “chị Benoite”. Cha Gaillard trực tiếp điều khiển việc xây cất. Benoite thì xem xét mọi sự và động viên các thợ xây. Chị sửa soạn bữa ăn, cầu nguyện cho họ, và đôi lúc nói những lời cứu rỗi với họ, thỉnh thoảng chị thêm vào một lời góp ý để tránh những tai nạn xảy ra. Kết quả của việc này là qua thời gian xây cất, không có một lời phi báng hay tai nạn nào xảy ra. Trong khoảng 4 năm, nhà thờ được hoàn tất. Một nhà sử học thời ban đầu đã viết: “Nhà thờ Đức Mẹ Laus (Đức Mẹ Hồ Lụa) được xây với tiếng hát của những bài thánh vịnh và thánh thi. Những bàn tay của dân nghèo đã thu lượm những vật liệu, quyên góp, đào nền móng, ý Chúa dựng nên những bức tường, và tin tưởng vào Thiên Chúa, những nhà sử học tiên khởi của Laus đã đồng thanh tường thuật về mùi thơm dịu dàng từ thiên đàng ở nơi đó. Họ nói về điều đó vì biến cố công cộng xảy ra được nhiều người đã chứng nhận. Những mùi thơm này có khi rất mạnh, đến nỗi mùi ấy lan tỏa ra từ nhà nguyện đến khắp cả thung lũng.

Quan tòa Francois Grimaud chứng nhận: trong mùa Phục Sinh 1666, tôi đã ngửi thấy một mùi thơm rất dịu dàng trong khoảng 7 phút. Tôi chưa bao giờ ngửi được như thế bao giờ trong đời của tôi, và nó cho tôi một sự hài lòng sâu thẳm mà tôi rất thích thú. Sự kiện này cũng có liên tới sự kiện từ ngày 24.3 đến hết tháng 5 năm 1690, nhà thờ Laus có mùi thơm lan tỏa khắp nhà thờ mà mọi khách hành hương đều chứng nhận như thế. Vào năm 1716, bởi vì đã được ngửi thấy mùi thơm dịu dàng này, Honore Pela, một thợ điêu khắc ở Gap, đã dâng tặng một bức tượng rất đẹp bằng đá hoa

cương hình Đức Trinh Nữ và Hải Nhi. Mùi thơm kỳ diệu này vẫn còn tinh thoáng được ngửi thấy bởi khách hành hương ngày hôm nay. Để tránh việc có thể bị lường gạt, hoa không được phép dâng ở tượng đài.

Chị Benoite đã ngửi những mùi thơm này từ nguồn gốc nguyên thủy (từ Đức Mẹ). Sở tay của Laus tường thuật: “Mỗi khi Đức Trinh Nữ ban cho chị cuộc viếng thăm, người ta ngửi thấy một mùi thơm thiên đàng bay tỏa khắp cả nhà thờ. Có khi áo quần của cô bé chần chien thấm đậm các mùi thơm thiên đàng lâu đến 8 ngày. Những mùi thơm siêu nhiên này thật là dịu dàng và dễ chịu đã nâng linh hồn người ta lên, và vượt quá tất cả những mùi thơm nước hoa ở trần gian có thể cho. Bất cứ khi nào Benoite trở về sau khi ở với Đức Mẹ, mặt cô trở nên sáng chói, giống như mặt Môsê khi xuống núi Sinai ngày xưa. Sau đó cô quỳ, đọc kinh cầu Đức Mẹ Đồng Trinh, và rồi nghỉ ngơi cho đến hết ngày, cô không thể ăn gì.

Một ngày nọ vào mùa đông năm 1665, Benoite được Đức Mẹ khuyên mời những người bệnh tật đến để xức dầu cho những thành viên khốn khổ của họ. Đức Mẹ nói với cô rằng:

- Nếu họ lấy dầu từ ngọn đèn châu trong nhà nguyện và xức dầu trên họ, và nếu họ trông cậy vào sự cầu bầu của Đức Mẹ và có đức tin, họ sẽ được chữa lành. Thiên Chúa đã ban cho Mẹ đến nơi này để giúp hoán các linh hồn tội lỗi.

Dầu từ ngọn đèn cháy ở cung thánh trước Thánh Thể Chúa, và sự hiện diện từ mẫu của Đức Trinh Nữ hiện ra ở nơi đó đối với Laus cũng giống như nước suối ở Lộ Đức vậy. Sự chữa lành về thể xác và luân lý được ban cho nhiều người qua việc xức dầu thánh này với lòng tin. Một số lượng dầu thường được lấy từ ngọn đèn để cho các khách hành hương dùng, và hiệu quả của nó vẫn còn hiệu lực đến ngày hôm nay. Tưởng cũng nên nhắc đến nguyện đường Thánh Giuse ở Montreal, Canada cũng dùng dầu từ đèn cung thánh để chữa lành bệnh nhân, và các cửa hàng ở nơi đây cũng bán dầu Thánh Giuse cho khách hành hương mua về sử dụng.

Hơn bất cứ chỗ nào khác, chính nơi nguyện đường được chúc phúc này, Đức Trinh Nữ Maria đã hiện ra với Benoite ít nhất một tháng một lần trong khoảng 54 năm, và ở nơi này Mẹ Maria đã dùng sứ giả của Mẹ là khí cụ để hoán cải các người tội lỗi. Trung thành với sứ mệnh của mình, Benoite không bao giờ ngưng cầu nguyện, chịu đau khổ hy sinh, và cố võ mọi người. Đối với nhiều người, không có gì khó hơn là việc đi xưng tội. Thay vì nhìn nhận tội lỗi của mình xưng thú với linh mục để nhận được ơn tha tội, nhiều linh hồn không còn giữ đạo và lãnh các Bí tích để rồi chìm sâu trong dòng tội lỗi. Vì thương xót cho những người con tội lỗi của Mẹ, Đức Trinh Nữ Maria

đã ban cho Benoite ơn đặc biệt đọc thấu các linh hồn (nhìn thấu tâm hồn tội lỗi của họ). Về sau này, thánh Gioan Mary Vianney và sau nữa là thánh Padre Pio cũng nhận được đặc sủng giống như thế để hoán cải tâm hồn người tội lỗi.

Được sự khuyến khích nâng đỡ từ thiên đàng, Benoite khuyên những người tội lỗi xét lương tâm của họ theo thứ tự; chị soi sáng cho những người không nhận ra tội lỗi và nếu cần, tiết lộ những tội đã quên hay che giấu. Chị nói, chị có thể thấy lương tâm người ta như chúng ta nhìn vào gương soi vậy, tất cả cùng một lúc. Chị tiết lộ những lầm lỗi, đau buồn và những tội nhẹ hơn, những nguyên do che giấu, đạo đức giả và lỗi lầm thường phạm phải mà không biết. Chị đòi hỏi sự đơn sơ ngay thật, tinh tuyền của linh hồn, khiêm nhường, và ý chí kiên quyết để biến đổi. Chị còn kéo những người không ở trong tình trạng đón nhận ân sủng (sạch tội) xuống khỏi thềm rước lễ. Benoite có lúc phải nói những lời nhận định, và nói những điều không lọt tai nghe, thế nhưng chị rất tử tế và dễ mến khiến người ta rất biết ơn chị. Sau khi nói chuyện với chị, họ quyết tâm thanh tẩy mọi khía cạnh lương tâm của họ để sửa đổi đời sống của họ. Công việc khó khăn nhất của chị là khiển trách hay khuyến cáo những tâm hồn nhất định nào đó theo chỉ thị của Đức Mẹ. Khi chị trì hoãn nhiệm vụ này, Đức Trinh Nữ cũng trì hoãn sự hiện ra với chị. Không phải thị nhân thánh thiện kiêu ngạo chống lại Đức Mẹ, nhưng là chị quá khiêm nhường và đơ sơ trong sự mọn hèn đó, mà chị xem mình không xứng đáng với nhiệm vụ ấy. Có lần một linh mục hỏi chị tại sao chị tại sao chị lại hành động như chị đã làm. Chị trả lời:

- Mẹ Thiên Chúa ra lệnh cho con làm việc đó với thái độ rất dịu dàng, khiến con không tin là Mẹ thực sự muốn như thế. Và khi con thất trung, Đức Mẹ hiền từ của con sửa đổi con, nhưng không giận dữ. Bởi vì sự ngưng ngùng mà con cảm thấy trong việc răn bảo người khác, con thường chờ đợi một mệnh lệnh thứ nhì, và rồi con mới vâng theo”. Không phải chỉ là việc đặt câu hỏi với người tội lỗi – nhưng chị còn hướng dẫn linh mục giải tội của họ nữa.

Với các linh mục, chị cho họ biết sự thiếu sáng suốt, thiếu khôn ngoan trong việc đặt câu hỏi với người xưng tội, về thái độ thờ ơ, làm việc miễn cưỡng. Liên quan tới một thầy tu luôn luôn thuyên chuyên, chị nói:

- Hãy để thầy ở nơi đang ở. Đó là nơi thầy sẽ tìm ra sự cứu rỗi của mình, nhưng thầy phải trung thành với ân huệ của Thiên Chúa.

Chị có thể thấy mức độ các linh mục trên bàn thờ chiếu sáng với ánh sáng hay lu mờ tùy theo tình trạng lương tâm của các ngài, và chị có thể sẽ khuyên nhủ vị linh mục này. Một linh mục ở Emburn nói:

- Bạn không thể ở trong nhà nguyện đó mà không run sợ, nếu lương tâm của bạn không được rõ ràng.

Đức Trinh Nữ, về phần của Mẹ, không bỏ qua những thất bại của sứ giả của Mẹ. Mẹ cố vấn và sửa đổi chị:

- Hãy thực lòng, hỡi con gái của Mẹ. Hãy kiên nhẫn... Hãy làm bốn phận của con cách vui vẻ... Đừng mang hận thù với những kẻ thù địch ở Laus... Đừng xao xuyến và chán nản về điều đó nếu như người ta không gặt hái ích lợi gì từ lời khuyên nhủ của con... Đừng để bị quấy rầy trước những cám dỗ, những linh khí hữu hình và vô hình hay những vẩn nạn trần thế... Phần đầu đừng quên sự hiện diện của Thiên Chúa, vì những ai có chút đức tin thì chẳng dám cả gan chống lại Thiên Chúa.

Cô gái chần chừ chiền hèn mọn không thể yêu mến Mẹ Maria, mà không có tình yêu sâu đậm với Chúa Giêsu, Thánh Tử của Mẹ. Mẹ đã chọn Ngài là Đức Lang Quân của linh hồn Mẹ, và Mẹ đói khát được chịu khổ với Ngài để hoán cải những người tội lỗi. Có một cây Thánh giá nhìn xuống Avacon tại lối vào của viền thung lũng Laus. Benoite xuống đó cầu nguyện mỗi ngày, ngay cả khi mưa gió và tuyết rơi. Quỳ xuống, chị nhìn lên Đấng Cứu Độ của chúng ta trên Thánh giá và tâm can chị mềm chảy với tình yêu và lòng thương cảm khi nghĩ tới tất cả những gì Ngài đã làm để cứu độ nhân loại. Để ban thưởng cho chị, Đấng Cứu độ của chúng ta hiện ra với chị trong hiện thực sống động của sự đau khổ của Ngài. Chị đã thấy Ngài chịu đóng đinh, chảy máu và trong đau đớn, với các thương tích nơi bàn tay, bàn chân và cạnh sườn Ngài, và các vết thương bị đánh đòn hằn trên thân xác. Cưu mang nhiều buồn sầu, chị nói:

- Ôi, Lạy Chúa Giêsu, nếu Chúa tiếp tục cho con thấy như thế này trong một chốc lát nữa, con sẽ chết mất thôi.

Việc nhìn thấy sự đau khổ của Chúa Giêsu làm cho chị buồn sầu tột độ, đến nỗi một ngày kia thiên thần bản mệnh của chị đến an ủi chị, nói rằng:

- Đừng xao xuyến, hỡi chị. Mặc dù Thầy của chúng ta hiện ra với chị trong tình trạng như thế. Ngài không có đau đớn gì hết. Đó chỉ là để cho chị thấy Ngài đã đau khổ vì yêu nhân loại là dường nào.

Thế nhưng, những lời này chẳng an ủi được chị. Sự thật là Thầy nhân từ và dịu dàng của chị đã chịu đau đớn trong tình trạng ấy, và vượt đến phạm vi đủ để chị cảm thấy xót thương.

Vào thứ Sáu ngày 7.7.1673, Chúa Giêsu với hình hài chảy máu nói với chị:

- Hồi con gái của Ta, Ta tỏ mình ra cho con thấy chính Ta trong tình trạng như thế, để con có thể tham dự vào những đau buồn của cuộc thương khó của Ta.

Kể từ ngày đó, mỗi tuần khoảng thời gian từ thứ Năm đến thứ sáng Bảy, chị đã chịu đau khổ của cuộc đóng đinh cách huyền nhiệm. Sự đau đớn hàng tuần này kéo dài 15 năm, với 2 năm bị gián đoạn từ năm 1677 – 1679, khi Benoite lo cơm nước cho những người thợ xây làm nhà ở cho các linh mục ở. Vào tháng 11.1679, cuộc đóng đinh huyền nhiệm lại tái diễn khi chị cầu nguyện dưới chân Thánh Giá ở Avancon.

Những kẻ chống đối ở Laus, kể cả một số linh mục, xem những biến cố chịu đau đớn cuộc đóng đinh này như là những đợt tái diễn của căn bệnh, hiện tượng liên quan đến bệnh động kinh hay chứng loạn thần kinh. Họ gọi các cha tuyên úy hành hương là “những thị nhân, những người ngu dốt, và đần độn vì dễ tin một cô gái không được bình thường. Còn đối với Benoite, sự tử đạo bên ngoài của cô khiến cô đau khổ, bởi vì nó cuốn hút sự tôn kính của người ta vào điều đó, vì thế làm tổn thương đến tính nhạy cảm khiêm nhường của cô. Một ngày kia, Benoite hỏi Mẹ nhân từ của cô:

- Những đau khổ của con có sẽ trở nên tồi tệ hơn không, nếu như điều đó đẹp lòng Thiên Chúa, thì xin đừng để chúng lộ ra bên ngoài.

Đức Trinh Nữ hiện ra với cô vào thứ Bảy kế tiếp và nói:

- Con sẽ không còn chịu những đau đớn vào ngày thứ Sáu nữa, nhưng con sẽ có thêm nhiều đau khổ khác.

Chị đã thực sự có nhiều đau khổ khác. Sự giận dữ gia tăng của ma quỷ có thể cảm thấy được chung quanh chị. Điều gì nữa, Chúa Giêsu luôn đánh dấu chứng thực các công việc của Ngài với dấu ấn tín của Thánh giá. Canon Gaillard nói rằng trong khoảng thời gian từ năm 1664 đến 1672, sự hoài nghi chỉ tạo ra vài cơn sóng gió nhỏ. Thế nhưng, trong 20 năm kế tiếp những sự mâu thuẫn không diễn tả được đã nổi lên, đặc biệt là trong giới tu sĩ, và rồi nhiễm nọc độc của nhóm người lảm chuyện. Cha Lambert, linh mục phụ tá Giám Mục của giáo phận Embrun qua đời. Một vài thành viên của nhóm thuộc tòa Giám mục có thành kiến đối với Laus lợi dụng thẩm quyền, họ thi hành quyền hạn lâm thời ban hành một lệnh cấm đối với cô gái thánh thiện. Họ đăng tài liệu của họ trên cánh cửa nhà thờ chính tòa Emburn, và đe dọa cất phép thông công bất cứ linh mục nào cử hành thánh lễ ở nhà nguyện Laus. Họ cũng dán một thông báo trên cửa nhà thờ ở Laus cấm những sự tôn kính tại nơi hiện ra. Đức Trinh Nữ truyền lệnh cho Benoite:

- Hãy tháo gỡ những tờ giấy đó xuống... và để thánh lễ được cử hành ở đây như đã

được cử hành trước đó.

Benoit đã vâng lời. Các cuộc hiện ra ở Laus và Benoite đã gặp với nhiều chống đối trong vòng 20 năm kế tiếp. Đức Giám mục giờ đây đã già, và ở trong tình trạng yếu sức đã chỉ thị hai tuyên úy không có thiện cảm với Laus, và đã ngăn cản không cho giáo dân đến. Trong 15 năm, Benoite bị giam giữ tại gia, chỉ được phép dự lễ Chúa Nhật mà thôi.

Ma quỷ thậm chí gia tăng những thị nhân bắt chước lòng sùng kính của Benoite, cốt ý để lường gạt nhiều linh hồn. Người ta ngưng đến Laus một thời gian. Cũng trong thời gian buồn sâu này, các linh mục thánh thiện cha Jean Peytieu và cha Barthelemy Hermitte, những người ủng hộ Benoite qua đời. Dù vậy, không có gì thành công trong việc huỷ diệt hoàn toàn cuộc hành hương. Thiên thần bản mệnh của Benoite an ủi chị qua việc vén mở tấm khăn che phủ tương lai của chị cho chị thấy:

- Sẽ luôn có những khó khăn ở Laus cho đến khi sinh hoạt tôn giáo được thành lập ở đây.

Lòng trung thành của cô sứ giả Benoite giành được chiến thắng trên thời gian dài “nguyệt thực ở Laus” (bóng tối che phủ Laus). Sau thời gian dài, Đức Giám Mục Embrun thức tỉnh từ sự lãnh đạm của ngài. Vào năm 1712, 6 năm trước khi Benoite qua đời, sự hướng dẫn hành hương được ủy thác cho một số linh mục tốt lành, có tên là Pères Gardistes, một tổ chức học thuyết tôn giáo sâu đậm. Vào ngày 18.3.1700, Thiên thần bản mệnh của Benoite nói với cô:

- Lòng sùng kính ở Laus là công việc của Thiên Chúa, vì thế chẳng có con người hay ma quỷ có thể huỷ diệt được. Nó sẽ tiếp tục cho đến ngày tận cùng của thế giới, phát triển mạnh hơn, và hơn nữa, và mang hoa trái lớn lao khắp mọi nơi.

Một mặt, chị Benoite chịu khổ sở bởi ma quỷ ở hỏa ngục vì lợi ích hoán cải của các người tội lỗi, mặt khác, chị sống thân mật mới các thiên thần. Đặc biệt chị ở rất gần với thiên thần bản mệnh của chị, người mà chị chia sẻ tất cả mọi đau đớn và buồn sâu, tham khảo với ngài mỗi giây phút. Thiên thần đáp trả những điều này với bằng sự tín nhiệm tuyệt đối với tất cả mọi công việc, vì sự đơn sơ hoàn hảo của Benoite thậm chí chẳng làm ngạc nhiên chị. Thiên thần giúp chị lau chùi nhà nguyện. Một lần kia, chị quên cái khăn choàng nhỏ lớn hơn mảnh vải vụn một chút, mà chị đã treo trên một cành cây ở khu rừng. Khi chị bị lạnh lẽo cực độ vì đêm lạnh lẽo, thiên thần của chị mang khăn ấy về cho chị. Trong nhiều trường hợp khác, thiên thần mở cửa nhà nguyện cho chị, và lần chuỗi Mân côi với chị. Thế nhưng, thiên thần cũng biết khi nào cần sửa đổi chị. Một lần kia, thiên thần lấy đi một chuỗi Mân Côi rất đẹp được người

ta tặng cho Benoite, mà chị đã quá gắn bó với nó. Và một thời gian sau, thiên thần mới đưa lại cho chị.

Cuối cùng, mặc dù những đau khổ liên tục, Benoite kiên trì là môn đệ trung thành, và người trợ giúp các người tội lỗi. Khi Đức Mẹ ngưng thăm viếng chị để thánh tẩy chị, thì Satan la lên:

- Mẹ bỏ cô rồi... Cô chẳng còn sự trợ giúp nào nữa, ngoài trừ ở tôi.

Benoite trả lời nó:

- Nè, tôi thà chết ngàn lần vì Mẹ bỏ rơi, còn hơn là tôi bỏ rơi Mẹ dù chỉ một giây phút.

Giờ đây, cơn sốt nóng đang thiêu hủy chị, và đối với chị, những đêm trường dường như “dài cả nhiều năm”. Chị bị bệnh nằm liệt giường một tháng trước khi qua đời. Vào Giáng sinh năm 1718, sau khi xin những người có mặt tha thứ cho những gương xấu mà có thể chị đã làm trong cuộc đời. Chị xin và được rước Thánh Thể. Ngay tức thì, Mẹ Maria lại xuất hiện trước mắt chị, để lại theo sau một mùi thơm tràn ngập căn phòng nghèo nàn.

Các linh mục Pères Gardistes cầu nguyện cho chị được chữa lành. Họ nài xin Thiên Chúa cho chị sống thêm hai năm nữa. Thế nhưng vào ngày 28 tháng 12, chị đòi được lãnh bí tích xức dầu thánh, vì biết rõ chị sẽ đoàn tụ với các Thánh Anh Hải vào ngày lễ kính của các ngài. Chị đã lãnh bí tích cuối cùng vào 3 giờ chiều. Không có sự đau đớn nào trước giờ chết. Chị tỏ ra rất vui tươi. Cha Royere nói với chị:

- Chúng tôi là con cái của chị. Xin chị chúc lành cho chúng tôi trước khi ra đi được không?

Trên hết sự khiêm nhường khiến Benoite có khuynh hướng muốn từ chối, nhưng rồi sự khiêm nhường đã chiến thắng. Chị nói:

- Thôi tùy vào Đức Mẹ của chúng ta có chúc lành cho quý cha hay không.

Và một lần, chị giơ tay lên khỏi giường, không phải từ chối họ ước muốn này, chị nói với họ:

- Con xin sẵn lòng làm điều này cho quý cha, hỡi những người cha tốt lành.

Chị đã bình tĩnh chào tạm biệt mọi người.

Vào 8 giờ tối, sau khi lời kinh cầu cho người hấp hối đã đọc xong, chị xin người con

tinh thần của chị đọc kinh cầu Chúa Giêsu Hải Đồng. Và rồi, chị ra đi trong niềm vui. Chị được 71 tuổi khi chị qua đời trong hương thơm thánh khiết. Chị Benoite Rencurel được tuyên bố là Chân phước vào năm 1871, và phong chân phước vào năm 1984. Nhà thờ ở Laus được nâng lên hàng tiểu vương cung thánh đường vào năm 1893.

Các cuộc hiện ra tại hồ Laus đã được thẩm quyền Giáo phận xác nhận ngày 18 tháng 9 năm 1665. Và Tòa Thánh Vatican xác nhận ngày 5 tháng 5 năm 2008.

Hiện nay, hàng năm có tới hơn 120 ngàn người hành hương kính viếng nơi Đức Mẹ hiện ra tại hồ Laus này.

Năm 1666, Đức Mẹ đã nói với Benoite: "Hãy cầu nguyện và hi sinh cho tội nhân ăn năn trở về cùng Chúa để được ơn cứu rỗi".

Năm 1917, Đức Mẹ cũng nói với 3 em ở Fatima lời tương tự: "Nhiều linh hồn bị hư mất, vì không có ai cầu nguyện và hi sinh cho họ". Mẹ cũng đang nói với mỗi người chúng ta đây?

Xin đọc phần chi tiết tại:

<http://ebooks-tscongiao.blogspot.com/2016/08/Duc-Me-Luas.html>

ĐỨC MẸ LAVANG

TẠI LAVANG, VIỆT NAM, NĂM 1798

Đức tin Công Giáo đến Việt Nam từ năm 1533. Tín hữu Công Giáo Việt Nam phải chịu đựng bao lần bách hại ác nghiệt kéo dài 300 năm, từ năm 1644 (thế kỷ 17) đến năm 1885 (thế kỷ 19), hàng trăm ngàn tín hữu, trong đó 200 linh mục (150 vị quốc tịch Việt Nam), 340 thầy giảng, 270 nữ tu dòng Mến Thánh Giá, đã kiên dũng hiên ngang hy sinh mạng sống tuyên xưng đức tin, và 3000 họ đạo bị tàn phá. Trong khi con cái Công Giáo Việt Nam của Mẹ Maria anh dũng chịu đau khổ triền miên, Mẹ Maria đã cùng với Chúa Hải Đồng hiện ra tại La Vang để an ủi, ban ơn vững đức tin, và hứa ban mọi ơn lành hồn xác cho con cái Mẹ, mà một vài điểm lịch sử sơ lược sau đây.

La Vang nguyên gốc là Phường Lá Vàng, như được ghi trong địa bạ làng Cổ Vưu thiết lập thời Lê Triều. Cổ Vưu là một họ đạo thuộc giáo xứ Đinh Cát. Giáo xứ Đinh Cát được thành lập vào thế kỷ 17, nay đổi tên là Trí Bưu, gần thị xã Quảng Trị.

Theo sử liệu, đồng bào lương giáo tại Cổ Vưu mưu sinh bằng nghề đi rừng (lấy gỗ, bẫy dã thú) và nghề nông. Để tăng gia diện tích canh tác, đồng bào Cổ Vưu phá một khu rừng để trồng khoai sắn và cây lúa. Diện tích canh tác và hoa màu gia tăng, một số người dựng lều tại khu tân khai này để coi hoa màu khỏi bị thú rừng phá hoại. Khi diện tích khẩn hoang canh tác và người tới ngụ tại đó tăng thêm nhiều, dân cư xin đăng bộ nhập hộ, lập phường, mà vì tại đây có nhiều cây lá vàng, nên lấy tên là Phường Lá Vàng, sau đổi là La Vang.

Theo nhiều tác phẩm về Đức Mẹ hiện ra tại La Vang thì năm 1798, cao điểm của biến cố hải hùng đến với các tín hữu Công Giáo, nhiều người Công Giáo từ Cổ Vưu, Thạch Hãn, v.v... chạy vào ẩn ở La Vang, vì La Vang ở sâu trong rừng xanh núi hiểm. Trong khi lánh nạn, tối đến bà con tụ nhau cầu nguyện Kinh Mân Côi. Một lần đang khi cầu nguyện Kinh Mân Côi, những người hiện diện bất chợt thấy trong hào quang rực rỡ một Vị Phụ Nữ đẹp tuyệt vời, mặc áo choàng, hiện ra gần một đại thụ. Các Kitô hữu tại đây nhận ra Vị Phụ Nữ này là Đức Mẹ Maria vì Người bồng Chúa Hải Đồng và có hai thiên thần cầm đèn tháp tùng. Đức Mẹ an ủi những người hiện diện và dạy họ bẻ lá cây quanh đó nấu uống sẽ được lành bệnh. Đức Mẹ cũng hứa bất cứ ai tới cầu nguyện tại đây sẽ được Đức Mẹ ban ơn phù hộ. Đức Mẹ hiện ra với các tín hữu tại đây nhiều lần trong thời gian này. Đồng bào đến ở La Vang ngày càng đông, và vào những lúc vua quan nói rộng việc bắt đạo, bà con đã dựng một nhà thờ nhỏ dâng kính Đức Mẹ tại nơi Đức Mẹ đã hiện ra.

Tiếc rằng sử liệu về Đức Mẹ hiện ra tại La Vang không được ghi chép đầy đủ, mà hầu

hết là truyền khẩu, mãi về sau mới có những vị biết sự tích kể lại dưới hình thức những bài văn (ca bình dân). Dưới đây là bài Văn La Vang trong tác phẩm Linh Địa La Vang của linh mục Xintanilaô Nguyễn Văn Ngọc:

“Trời sinh cái chốn lạ lùng.

Tự nhiên giữa núi nên cung Chúa Bà.

Truyền rằng: có một cây đa,

Mọc trên núi nọ gọi là La Vang.

Ngày thì hạc phụng dạo chơi,

Đêm thì hổ báo châu nơi linh hoàng.

Chốn này linh ứng nghiêm trang,

Hai bên khe ruộng giữa làng La Vang...”

Những người địa phương đi làm rừng thường hay tới van vái tại cây đa (nơi Đức Mẹ hiện ra) ở Phường La Vang. Về sau họ nghe nói có Bà Linh Thiêng hiện ra tại đây, nên ba làng chung nhau đắp một cái nền vọng dưới gốc cây đa và rào sơ bốn mặt, họ dựng mái chùa tranh tại đây, nhưng không ổn, và phải nhượng lại cho giáo dân La Vang. Vì thế trong Văn La Vang có đoạn:

“Bên lương chức dịch rộn ràng.

Đắp nền thờ vọng rào hàng xơ ly.

Chốn này linh ứng oai nghi.

Ngoại mình khẩn vái điều gì cũng linh.

Dân thôn chớ khá nại tình.

Công lao khó nhọc thần linh phù trì.

Qua đây thì phải kiêng vì.

Chốn này linh ứng nhiều khi lạ lùng.

Những ai vào chốn sơn trung,

Hễ khi đến đó nguyện cùng được an.

Những người mót củi đốt than,

Cũng đều đến đó kêu van khẩn nài”.

...

“Dân ta chớ khá công nài.

Bút tranh đón củi để mai làm chùa.

Làm rồi khi ấy đi mua

Hương đèn lễ vật dọn chùa sửa sang.

Dọn ra Thần Phật hai hàng,

Lư hương bát nước nghiêm trang đề huề.

Làm rồi chức dịch mới về.

Nhơn dân lao khổ ê hề bấy lâu.

Về nhà nghỉ giấc canh thâu.

Tự nhiên mộng寐 chiêm bao rập ràng.

Trên chùa Thần Phật rộn ràng.

Về bắt chức dịch mấy làng xôn xao.

Rằng Phật rằng Thần lao đao.

Có “Bà bên đạo” phép cao lạ lùng.

Bà vào Bà đánh tứ tung.

Bao nhiêu Thần Phật đều tung ra ngoài.

Tiếng Bà thật đã linh oai.

Lư hương bát nước đèn đài đều hư.

Chức làng thức dậy lao lư.

Hỏi nhau coi thử cũng như một điềm.

Sáng mai chức việc đi liền.

Kêu nhau coi thử sự thiêng làm sao.

Xét coi trong việc chiêm bao.

Hoặc hư hoặc thiệt thể nào cho yên.

Kéo nhau mới tới ngoài viên.

Thấy ngôi Thần Phật ngả nghiêng ngoài đường.

Kêu nhau khi ấy rộn ràng.

Kẻ khiêng người vác về làng cho mau.

Tưởng rằng Thần thánh linh mầu.

Dem về cúng tế bấy lâu nay tròn

Không hay Phật giả yên ngôn.

Tiệc vàng quang thiếp, tiệc son, tiệc dầu.

Linh Bà người hóa phép mầu.

Thôi thôi ta phải chạy mau về làng.

Cùng nhau bàn bạc rộn ràng.

Chùa này để cúng về đàn đạo nhơn.

Rỡ đi thì sợ người hờn.

Phá không dám phá thiệt hơn thể nào.

Tiệc công dân sự lao đao.

Ăn làm ba tháng lại hao của tiền.

Bây giờ Phật ở không yên.

Lo làm nơi khác tiêu miền xứ xa”.

Sau biến cố lạ lùng trên, các chức dịch sắc hào cả ba làng đồng thuận nhượng cúng đất và ngôi chùa tranh mới làm cho bên Công Giáo.

Tài liệu theo đức giám mục Hồ Ngọc Cẩn (giáo phận Bùi Chu) nói về biến cố tử đạo tại La Vang:

“Ngày 7 tháng 9 năm 1885, đoàn người theo đảng Văn Thân tàn sát và thiêu hủy nhà cửa các tín hữu Công Giáo họ Cổ Vưu. Ngày hôm sau, tức 8 tháng 9, 1885, họ kéo vào La Vang, nhưng dân cư đã chạy trốn lên núi, họ vơ vét tài sản, rồi phóng hỏa đốt hết nhà cửa, nhưng không dám đốt nhà thờ Đức Mẹ, vì họ nghe tiếng Đức Mẹ linh thiêng. Trưa ngày 9 tháng 9, 1885, một người theo đảng Văn Thân, tên Thợ, con ông Mẹo, thuộc xóm Bốc, làng Phú Long, đến La Vang. Y thấy nhà cửa của các tín hữu đã bị thiêu rụi, nhưng nhà thờ Đức Mẹ còn nguyên vẹn, y liền phóng hỏa đốt rồi bỏ đi. Nhưng không hiểu lý do gì, chiều hôm đó, nhóm Văn Thân, đã tàn sát giáo dân tại Cổ Vưu và đốt nhà cửa các tín hữu tại La Vang, kéo đến bao vây nhà ông Mẹo và đốt hết cả gia trang. Ông Mẹo, tên Thợ và vợ con y đều bị chết thiêu”.

“Ngày 12 tháng 9 năm 1885, một số giáo dân La Vang từ núi trở về, chẳng may ba mươi người bị quân Văn Thân chặn bắt và thiêu sát. Trong số này, có ông tên Thoàn đứng ra xin đặc ân là được chết trên nền nhà thờ Đức Mẹ (nhà thờ đã bị đốt), quân Văn Thân thuận cho. Ông Thoàn và hai mươi chín bạn đồng đạo bị trói thiêu sống trên nền nhà thờ Đức Mẹ La Vang. Về sau, một số giáo dân La Vang kể lại rằng ít ngày sau khi nhà thờ Đức Mẹ La Vang bị đốt, các giáo dân ẩn trên núi gần đó thấy ban đêm tại nền nhà thờ đèn sáng trưng và nghe tiếng người cầu kinh. Nhà thờ bị đốt, nhưng bàn thờ và mấy chân đèn bằng gỗ chỉ cháy sém thôi”.

“Cuộc bách đạo chấm dứt. Giáo dân La Vang dựng lại nhà thờ Đức Mẹ trên nền cũ, và nhiều lần trùng tu. Ngày 22 tháng 8 năm 1961, thánh đường Đức Mẹ La Vang được Tòa Thánh nâng lên hàng Tiểu Vương Cung Thánh Đường. Tại thánh đường Đức Mẹ La Vang, ngày 22 tháng 8 năm 1961, đức tổng giám mục Nguyễn Kim Điền, tổng giám phận Huế, sau khi tuyên đọc Sắc Lệnh của Tòa Thánh nâng thánh đường Đức Mẹ La Vang lên hàng Tiểu Vương Cung Thánh Đường, ngài tuyên bố: “Kể từ nay, Vương Cung Thánh Đường và khu vực La Vang là Nhà của Mẹ, đất của Mẹ, là Trung Tâm Thánh Mẫu toàn quốc”.

Ngược dòng lịch sử, năm 1901, đức cha Lộc (Gaspar) đã ấn định: Bồn Mạn của thánh đường La Vang là Đức Bà Phù Hộ Các Giáo Hữu. Chúng ta nhớ năm 1571, Đức Piô V lập lễ kính Đức Bà Phù Hộ Các Giáo Hữu vào ngày 24 tháng 5 hằng năm, và thêm vào Kinh Cầu Đức Bà lời nguyện: “Đức Bà phù hộ các giáo hữu, (xin cầu cho chúng con)”.

Nhiều mẫu tượng ảnh Đức Mẹ La Vang được nhiều điêu khắc gia và họa sĩ sáng tác, nhưng năm 1901, giáo quyền Việt Nam đã chính thức chọn hình tượng Đức Mẹ đứng trên mây, hai tay nâng Chúa Hài Đồng đứng trên trái cầu; Đức Mẹ mặc áo gấm thêu, phảng phất màu sắc Á Đông. Về sau, nhiều điêu khắc gia và họa sĩ sáng tác tượng và ảnh Đức Mẹ La Vang hoàn toàn Việt Nam, Đức Mẹ mặc y phục Việt Nam, có khăn choàng đầu và trên đầu có vương miện, đang bồng Chúa Hài Đồng, Đức Mẹ mang hài mũi cong và đứng trên trái cầu.

ĐỨC MẸ ẢNH PHÉP LẠ

TẠI PARIS, NƯỚC PHÁP, NĂM 1830

Nước Pháp từng được mệnh danh là Trường Nữ Giáo Hội Công Giáo vì có lịch sử gốc rễ đức tin Công Giáo sâu đậm. Nhưng Nước Pháp trải qua nhiều biến cố vĩ đại, nhiều giai đoạn thăng trầm, biến cố lớn lao về chính trị, về đạo đức luân lý, suy thoái đức tin. Một trong những thời kỳ khủng hoảng lớn nhất của Pháp là thời kỳ 1789 – 1830 và về sau. Tại đây Mẹ Maria đã hiện ra để báo trước những biến cố sắp xảy ra và để đưa con cái Mẹ về với Chúa, về với đức tin.

Người được Mẹ Maria chọn làm thông tin viên cho Mẹ trong biến cố này là một đệ tử tại tu viện các Nữ Tu Bác Ái thánh Vincent de Paul ở phố BAC, Paris, tên chị là Cathérine Labouré. Chị Cathérine Labouré sinh ngày 2 tháng 5, 1806, tại làng nhỏ Fain-les-Moutiers, Pháp Quốc. Cha của chị là một nông gia, đã từng theo học lên chức linh mục nhưng ông hồi tục vì ghét các cơ cấu của Giáo Hội. Mẹ của Cathérine chết khi chị mới 9 hoặc 10 tuổi. Cathérine thất học và bướng bỉnh. Mãi tới tuổi 24, chị mới bắt đầu được nhận vào tập tu tại dòng Nữ Bác Ái Vinh-sơn ở phố BAC, Paris. Thời gian tập luyện này, chị được trao cho nhiệm vụ lau nhà. Ngay trong thời gian đầu tại nhà dòng này, chị được ban những ơn lạ lùng, nhưng chị không thể giữ kín được mà nói cho các chị em khác biết, nên cha giải tội phải nói với chị rằng:

- Chị ở đệ tử viện để học phục vụ người nghèo khó, chứ không phải để mộng mơ.

Đêm 18 tháng 7, 1830, áp lễ thánh Vincent de Paul, chị Cathérine đi ngủ, chị tin rằng thánh quan thầy sẽ giúp chị đạt được ước nguyện cao vời là được thấy Đức Mẹ. Khoảng 11g30 khuya, chị Cathérine bị đánh thức dậy, nghe có tiếng gọi tên chị ba lần. Trong phòng của chị, chị thấy một cậu bé trạc bốn hoặc năm tuổi, tóc vàng óng ánh, mặc áo trắng, có vàng hào quang bao quanh. Cậu bé nói:

- Này sơ! Này sơ! dậy đi. Đi mau tới nhà nguyện. Đức Trinh Nữ chờ đợi sơ ở đó!

Chị Cathérine sợ, nhưng cậu bé nói:

- Đừng sợ, mọi người đều ngủ say cả. Tôi sẽ đi với sơ.

Chị Cathérine đi theo cậu bé dọc hành lang. Hành lang rực sáng vì ánh sáng từ cậu bé tỏa ra. Cửa nhà nguyện tự động mở ra, và trong nhà nguyện đèn nền sáng trưng như thể chuẩn bị Thánh Lễ Nửa Đêm. Cậu bé dẫn chị Cathérine tới chờ tại phòng mặc áo. Chị Cathérine kể rằng khoảng nửa đêm, chị nghe tiếng xào xạc của những lớp áo lụa. Chị nói:

- Tôi thấy một vị phụ nữ đang ngồi trên ghế dành cho cha giám đốc đặt trên bục bàn thờ.

Cậu bé nói với Cathérine:

- Đây là Đức Trinh Nữ!

Nhưng Cathérine thoát tiên không tin rằng vị phụ nữ đó là Đức Trinh Nữ, và cậu bé đọc được tư tưởng của chị, nên đổi giọng như giọng người lớn và xác nhận vị phụ nữ đó chính là Đức Trinh Nữ.

Trong khi Cathérine còn bối rối, Đức Mẹ bắt đầu nói:

- Con của Mẹ, Thiên Chúa nhân lành muốn trao cho con một sứ mệnh. Con sẽ phải đau khổ nhiều, nhưng con sẽ vượt trên những đau khổ đó bằng cách suy gẫm rằng những việc con làm là vì vinh danh Thiên Chúa. Con sẽ bị dày vò cho tới khi nào con nói hết với cha linh hướng con. Con sẽ bị chống đối; nhưng đừng sợ, con sẽ được ân sủng. Con hãy can đảm nói tất cả những gì xảy ra tại đây và trong (lòng) con. Con hãy nói cách đơn sơ. Đừng sợ.

Đức Mẹ nói tiếp:

- Thời kỳ này hết sức tồi tệ. Những đau khổ sẽ trút xuống nước Pháp, ngai vàng sẽ (lại) bị lật đổ, cả thế giới sẽ sớm rơi vào thống khổ. Nhưng bây giờ hãy đến chân bàn thờ. Tại đó muôn ơn sủng sẽ tràn đầy cho mọi người, lớn nhỏ, những người tha thiết cầu xin các ơn đó. Những xáo trộn nặng nề đang đến. Nguy cơ nặng nề sẽ xảy đến cho đệ tử viện này và các cộng đoàn tu khác. Tới một lúc khi sự nguy khốn đó cao độ, mọi người sẽ tin là mất tất cả; con sẽ nhớ lại lần viếng thăm này của Mẹ và đệ tử viện này sẽ được Thiên Chúa bảo vệ. Nhưng việc đó không xảy ra cho các cộng đoàn tu khác.

Tới đây Đức Mẹ khóc nước mắt chan hòa.

Đức Mẹ nói tiếp:

- Trong hàng giáo phẩm ở Paris sẽ có nhiều người là nạn nhân trong đó có Đức Tổng Giám Mục, con của Mẹ; thánh giá sẽ bị coi thường, người ta sẽ liệng thánh giá xuống đất và chà đạp lên. Máu sẽ đổ. Các phố phường sẽ ngập máu. Đức Tổng Giám Mục sẽ bị lột trần (tới đây Đức Mẹ quá đau thương không nói được trong một lát). Mắt Mẹ sẽ luôn dõi nhìn các con. Mẹ sẽ ban cho các con ân sủng. Những ân sủng đặc biệt sẽ được ban cho mọi người xin, nhưng người ta phải cầu nguyện.

Tới đây Đức Mẹ biến đi.

Những điều Đức Mẹ nói với chị Cathérine đã lần lượt xảy ra. Có những việc hầu như xảy ra ngay, hoặc trong thời gian rất ngắn sau đó, có những việc mãi 40 năm sau (1870) mới xảy ra.

Đức Mẹ nói trong đêm 18 – 19 tháng 7, 1830 rằng "ngai vàng sẽ lại bị lật đổ" xảy ra 8 ngày sau, khi Vua Charles X bị lật đổ vào ngày 26 – 28 tháng 7, 1830, trong "Ba Ngày Vinh Quang" được mệnh danh là Cuộc Cách Mạng tháng Bảy năm 1830.

Lời tiên báo "những xáo trộn lớn" xảy ra khi đường phố Paris bị cản, những cuộc náo loạn bùng nổ khắp Paris và nhiều nơi khác, nhiều người bị giết. Những quân cướp xông vào các thánh đường, Tượng Chịu Nạn bị gỡ ra, bể gãy, bị chà đạp và tiểu tiện vào. Đức Tổng Giám Mục bị đánh đập, bị lột trần chỉ còn quần lót, và hai lần ngài phải chạy trốn để giữ mạng sống.

Đệ tử viện Nữ Tử Bác Ái trên đường BAC bị vây và phóng hỏa nhưng được bình an, trong khi các nhà dòng khác bị đốt cháy hoặc phá sập.

Lời Mẹ Maria cảnh cáo về "những xáo trộn trầm trọng" còn xảy ra trong thời cách mạng 1848, trong thời gian này đức tổng giám mục Affré bị bắn chết. Năm 1870, thánh giá lại bị chà đạp, và đức giám mục Darboy, tổng giám mục Paris thời đó, bị ám sát ngay lúc khởi đầu Cuộc Chiến Pháp-Phổ.

Bốn tháng sau ngày 18 tháng 7, 1830, Đức Mẹ hiện ra nhưng khác với lần trước. Sau đây là lời chị Cathérine kể lại:

"Ngày 27 tháng 11, 1830, Chúa Nhật trước Chúa Nhật thứ nhất Mùa Vọng, lúc 5g30 chiều, tôi nghe âm thanh tựa như áo lụa xào xạc, từ diễn đàn gần ảnh thánh Giuse.

"Nhìn sang hướng đó, tôi thấy Đức Trinh Nữ đang lưng lơ ngang tầm bức ảnh thánh Giuse. Đức Trinh Nữ đứng lại. Người cao vừa phải, và mặc áo toàn trắng.

"Áo dài của Đức Mẹ trắng như sương mai, có cổ cao và cánh tay áo dài tròn. Khăn choàng màu trắng phủ trên đầu Người xuống tới chân. Dưới khăn choàng là tóc Đức Mẹ, cuốn lộn, được cột lại bằng dây trang sức ... Mặt Đức Mẹ lộ ra vừa đủ, dĩ nhiên rất đẹp, quá đẹp đến độ tôi không thể nào mô tả sắc đẹp tuyệt vời của Người.

"Hai chân Đức Mẹ đứng trên trái cầu màu trắng, đúng ra phải nói nửa trái cầu, hoặc ít ra là tôi chỉ nhìn thấy một nửa. Cũng có con rắn màu xanh đốm vàng.

"Một khuôn, hơi hơi bầu dục, bao quanh Đức Trinh Nữ. Trong khuôn đó có những chữ bằng vàng kim: 'Lạy Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, xin cầu cho chúng con là những kẻ cầu khẩn với Người.' Dòng chữ này chạy nửa vòng khuôn bầu dục, bắt đầu từ ngang bàn tay phải, vòng trên đầu, và chấm dứt ở ngang bàn tay trái của Đức Trinh Nữ. Hai bàn tay Đức Mẹ lúc này đưa lên ngang trong tư thế tựa như đang hiến dâng lên Thiên Chúa trái cầu nhỏ bằng vàng, tiêu biểu cho thế giới, trên trái cầu có thánh giá bằng vàng. Cặp mắt Đức Trinh Nữ nhìn xuống. Khuôn mặt Đức Trinh Nữ xinh đẹp tuyệt vời tôi không thể diễn tả. ...

"Tôi thấy mỗi ngón tay Đức Mẹ có ba chiếc nhẫn lớn nhỏ khác nhau. Nhẫn lớn nhất ở đốt sát lòng bàn tay. Nhẫn cỡ trung ở đốt giữa. Nhẫn nhỏ nhất ở ngoài cùng. Trên mỗi chiếc nhẫn có những hạt kim cương lóng lánh lớn nhỏ khác nhau. Một vài hạt đẹp hơn các hạt khác. Những hạt kim cương lớn chiếu ra tia sáng lớn. Những hạt nhỏ chiếu ra tia sáng nhỏ hơn. Những tia sáng đó chói lòa bao phủ bộ dưới chân Đức Mẹ và tôi không còn nhìn thấy hai bàn chân Đức Mẹ nữa.

"Trong khi tôi đang say sưa ngắm nhìn Đức Trinh Nữ, Người nhìn xuống tôi. Tôi nghe Người nói:

- Trái cầu này tiêu biểu toàn thể thế giới, đặc biệt là Nước Pháp, và cách riêng từng người. Những tia sáng này tiêu biểu các ân sủng Mẹ ban cho những ai cầu xin các ơn đó. Những viên kim cương không chiếu tia sáng là những ân sủng mà các linh hồn quên không xin."

"Trái cầu bằng vàng biến đi trong bầu ánh sáng; hai bàn tay mở ra và hai cánh tay thả xuống vì sức nặng của các kho tàng ân sủng trong tay. Khi đó tiếng Đức Mẹ nói:

- Con hãy nói người ta làm ảnh theo mẫu này. Tất cả những ai mang ảnh này sẽ được những ân sủng lớn lao; người ta nên đeo ảnh này ở cổ. Các ân sủng sẽ dồi dào cho những ai mang ảnh này với lòng tin vững vàng."

"Khuôn mẫu ảnh đó xoay phía sau tới, tôi nhìn thấy mặt sau của tấm ảnh: một mẫu tự M lớn và thánh giá đặt trên một đà ngang; phía dưới mẫu tự M có Thánh Tâm Chúa và Trái Tim Mẹ Maria, một trái tim có vòng gai bao quanh, một trái tim bị lưới giáo xuyên thấu."

Chỉ ít lâu sau, các Nữ Tử Bác Ái đã trao ảnh đó cho các bệnh nhân mà các dì săn sóc. Nhiều người trở lại và được lành bệnh nhờ phép lạ, và từ đó ảnh này được gọi là "Ảnh Hay Làm Phép Lạ" và được phổ biến khắp thế giới Công Giáo.

Nữ đệ tử Cathérine Labouré tuyên khấn ngày 30 tháng Giêng, 1831, và được cử làm đầu bếp tại nhà tế bần Enghien tại thành phố Reuilly. Chị khiêm tốn ẩn mình suốt bốn mươi sáu năm, cố gắng tránh không nói về việc Đức Mẹ hiện ra. Mãi tới trước ngày chị lìa trần vào ngày 31 tháng 12, 1876, chị mới vì vâng lời mà xác nhận rằng chị đã thị kiến "Đức Trinh Nữ."

Năm 1895, việc Đức Mẹ hiện ra với chị Cathérine Labouré được Giáo Hội nhìn nhận với tước hiệu "ĐỨC MẸ HAY LÀM PHÉP LẠ" và ấn định chi tiết phụng vụ Thánh Lễ và giờ kinh kèm theo.

Năm 1933, khi cải mộ để lập hồ sơ xin phong thánh cho chị Cathérine Labouré, xác chị được giới y khoa xác nhận là nguyên vẹn tươi tốt với cặp mắt vẫn còn xanh (khi chết cặp mắt người ta luôn đổi màu và rữa nát). Chị Cathérine Labouré được Đức Thánh Cha Pio XII phong hiển thánh năm 1947.

ĐỨC MẸ HIỆN RA TẠI PHÁP

TẠI PHÁP QUỐC, NĂM 1836

Dưới đây là sơ lược lịch sử việc người ta được lôi cuốn đến với Trái Tim Mẹ Maria tại thánh đường danh tiếng dâng kính Đức Bà Thắng Trận tại Paris vào thập kỷ 1830 – 1940. Thánh đường này bị Cuộc Cách Mạng Pháp mạo phạm và sau đó biến thành cơ sở hội đoaí. Về sau thánh đường được hồi phục và cha Des Genettes được chỉ định làm cha sở vào năm 1832.

Khi cha Des Genettes cử hành thánh lễ Chúa Nhật đầu tiên với tư cách là cha sở tại thánh đường Đức Bà Thắng Trận, chỉ có bốn giáo dân tới dự lễ. Suốt nhiều năm cha cố gắng hết sức để đem các tín hữu trở lại, nhưng kết quả rất ít ỏi. Suốt cả năm 1835, chỉ có 720 người rước lễ: chia đều thì mỗi tuần chỉ có 14 người.

Năm 1836, một hôm khi cha Des Genettes đang dâng Thánh Lễ, cha quá bần khoản không biết Chúa xét xử cha thế nào đến độ làm cha chia trí. Khi cha cầu nguyện xin khỏi sự chia trí này để có thể thánh hiến Phép Thánh Thể cho xứng đáng, cha nghe rõ ràng những lời, “Hãy dâng hiến giáo xứ của con cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria Rất Thánh”. Cùng lúc đó, cha được an bình và tiếp tục dâng Thánh Lễ cách sốt sắng.

Sau Thánh Lễ, đang lúc suy nghĩ về sự việc vừa qua, cha bắt đầu nghĩ rằng cha chỉ tưởng tượng ra điều đó thôi. Nhưng ngay khi sắp sửa rời khỏi thánh đường, cha lại nghe rõ ràng cũng những lời, “Con hãy dâng giáo xứ của con cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria Rất Thánh”. Lúc này cha biết chắc không phải là tưởng tượng. Hết sức lúng túng, cha vạch ra những kế hoạch để cộng đoàn tôn kính Mẹ Maria. Chúa Nhật kế tiếp, bằng giọng hùng hồn vang vang, cha loan báo các việc tôn kính được cử hành chiều hôm đó để cầu nguyện nhờ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria xin cho việc cải hóa người tội lỗi.

Chỉ có mười giáo dân tham dự Thánh Lễ sáng Chúa Nhật đó. Cha Des Genettes sững sốt khi thấy hai trong số mười người đó vốn ít khi lãnh nhận các bí tích đã đi vào phòng áo xin xưng tội. Chiều hôm đó, cha còn ngạc nhiên hơn nữa, khi có tới bốn hoặc năm trăm người tham dự buổi cầu nguyện đặc biệt. Cha vẫn tiếp tục xin Chúa ban cho dấu chỉ, và dấu chỉ đó là cha xin cho một người tên Joly trở lại.

Suốt đời ông già tám mươi tuổi này lúc nào cũng chống đối Giáo Hội. Bây giờ gần chết mà ông vẫn một mực từ chối mọi nỗ lực của cha sở để cho ông chịu các bí tích. Cha Des Genettes đến nhà ông nhiều lần. Người giữ nhà không muốn để cha vào

trong nhà, nhưng sau cùng cha đã đi qua bà ta vào trong phòng ông lão Joly. Sau lời chào vắn tắt, ông già Joly xin cha chúc lành, điều này khiến cha Des Genettes sững sốt và xúc động. Ông già Joly nói:

- Thừa cha, con không nhìn thấy cha, nhưng con cảm thấy cha hiện diện. Từ khi cha tới, con cảm thấy bình an, yên lòng, và sung sướng trong tâm hồn mà trước kia chưa bao giờ con cảm thấy.

Từ đó về sau, cha Des Genettes đã tận lực rao giảng việc sùng kính Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria. Năm sau, 1837, đã có 8550 lần rước lễ, gấp quá mười lần năm trước. Năm sau nữa, 1838, số lần rước lễ lên quá 12 ngàn, trong khi đó gần 8 ngàn người ghi danh vào giáo xứ của cha.

ĐỨC MẸ MÈ ĐAY HUYỀN NHIỆM | MẸ HIỆN RA VỚI NỮ TU JUSTINE BISQUEYBURU

TẠI PHÁP, NĂM 1840

Ngày 8 tháng 9 năm 1840, Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Đức Mẹ hiện ra với nữ tu Justine Bisqueyburu, dòng Nữ Tử Bác Ái thánh Vincent de Paul.

Đức Mẹ ban cho nữ tu Justine Áo Đức Mẹ với những lời hứa cứu giúp cho những ai mang Áo Đức Mẹ. Áo Đức Mẹ ban cho nữ tu Justine màu xanh lá cây: mặt trước có hình Đức Mẹ đứng trên đám mây, Trái Tim Đức Mẹ lộ trước ngực và tỏa ra những tia sáng; mặt sau có Trái Tim Mẹ, trên Trái Tim có ngọn lửa, giữa ngọn lửa có hình thánh giá, và Trái Tim Mẹ bị một lưỡi gươm xuyên thấu từ trên xuống theo 45 độ, và được bao quanh bởi những chữ “(Lạy) Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria. Xin Mẹ cầu cho chúng con bây giờ và trong giờ chúng con chết”.

Đức Mẹ hứa với nữ tu Justine rằng Áo Đức Mẹ mới này sẽ góp phần vào việc cải hóa các linh hồn, nhất là những người không có đức tin và ban cho họ ơn chết lành. Những người mang Áo Đức Mẹ này được nhiều ơn lành phù giúp họ tìm kiếm và duy trì đức tin.

Đức Mẹ hứa rằng ma quỷ sẽ không chạm được đến những người nào làm Áo Đức Mẹ, mang Áo Đức Mẹ, truyền bá việc mộ mến Áo Đức Mẹ. Tất cả những người mang “Áo Đức Mẹ Màu Xanh” minh chứng cho ma quỷ thấy rằng họ là con cái của Mẹ Thiên Chúa, và ma quỷ biết chúng không làm hại được những người đó. Đức Mẹ nhấn mạnh:

- Thiên Chúa muốn Áo Đức Mẹ màu xanh trở nên dấu hiệu – một thứ khiên thuẫn, rào cản, không cho ma quỷ tấn công linh hồn đó.

Ngày nay, Áo Đức Mẹ Màu Xanh thông dụng nhất khắp thế giới.

Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria đã hứa tới cứu giúp bất cứ ai yêu mến mang Áo Đức Mẹ, chữa lành bệnh tật thể xác và tâm thần. Mẹ cũng hứa:

- Mẹ sẽ chúc lành tất cả trái tim những người truyền bá lòng mộ mến Áo Màu Xanh của Mẹ. Đó là Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ.

Không cần phải có nghi lễ cử hành đặc biệt. Chỉ cần xin một linh mục làm phép Áo Màu Xanh Của Mẹ và đeo hoặc mang trong mình. Tuy nhiên, nếu người cần được ơn Đức Mẹ lại cứng lòng và không mang Áo của Mẹ, thì người bảo trợ có thể kín đáo đặt

Áo Màu Xanh của Mẹ phía trong y phục, hoặc ở trong nhà, trong xe, v.v... của người đó, và người bảo trợ nhớ dâng lời cầu nguyện thay cho người đó.

Một phụ nữ đã ghi tên người bà muốn cầu nguyện cho trên Áo Màu Xanh của Mẹ, treo hoặc để ảnh đó ở áo, ở tủ chén, ở cửa tủ lạnh ngay trong nhà bà, và hằng ngày dâng lời cầu nguyện Áo Đức Mẹ thay cho người đó.

Lời cầu nguyện Áo Đức Mẹ Màu Xanh là:

“(Lạy) Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria, xin Mẹ cầu cho chúng con bây giờ và trong giờ chúng con chết. Amen”.

Mỗi ngày chỉ cần dâng lời nguyện này một lần, tuy nhiên, nếu càng nhiều lần càng quý.

ĐỨC MẸ LA SALETTE

TẠI LA SALETTE, PHÁP QUỐC, NĂM 1846

Xóm nhỏ hẻo lánh La Salette và hai xóm lân bang là Ablandins và Corps ở trên triền núi Alps, phía nam Paris. Từ bao thế kỷ, đời sống tại thôn nhỏ xa xôi hầu như vô danh này luôn khó khăn, chật vật và nghèo nàn. Hầu như chẳng ai ở La Salette để ý tới những biến cố xáo trộn lớn lao xảy ra khắp nơi ngày càng nhiều và dồn dập. Tuy thế, Mẹ Maria đã chọn địa điểm này và hai mục đồng tại đây để kêu gọi dân Pháp và khắp thế giới ăn năn trở lại với Thiên Chúa hầu tránh khỏi những thảm họa lớn lao sẽ xảy ra tại Pháp và thế giới. Đức Mẹ đã dùng hai mục đồng nhỏ làm thông tin viên loan báo thông điệp của Mẹ.

Hai mục đồng này là Mélanine Máthieu, 14 hoặc 15 tuổi, và Maximin Giraud, 11 tuổi. Cả hai đều chào đời và sinh sống tại Corps, một làng nhỏ cách La Salette khoảng bốn cây số. Ablandins, Corps và La Salette là ba thôn nhỏ gần nhau ở triền núi Alps thuộc Pháp. Ba thôn nhỏ này trước kia hầu như vô danh, không mấy ai biết tới, dân chúng sinh sống tại đây rất nghèo nàn cơ cực, và thất học. Mélanine là con thứ hai trong gia đình có tám người con, và bị đẩy đi ăn xin từ lúc còn thơ ấu. Maximin thì lang thang đầu đường xó chợ ăn xin, hoặc có khi lấy cắp thứ gì để ăn. Mélanine và Maximin ở cùng một thôn, nhưng mãi tới ngày 18 tháng 9, 1846, hai em mới gặp nhau nhờ được mượn chăn bò cho một nông gia tại Ablandins.

Chiều ngày 19 tháng 9, 1846, giữa lúc trời nắng gay gắt và chói chang, hai em mục đồng Maximin Giraud 15 tuổi và Mélanine Matheu 10 tuổi, dẫn nhau vào hang núi để ăn trưa, rồi kéo nhau ra suối cạnh gần hang núi để nghỉ ngơi, vì nơi đây mát mẻ và dễ nhìn xem đàn vật gặm cỏ trên sườn đồi.

Khi hai em ngủ. Bỗng Mélanine giật mình tỉnh giấc, thấy đàn vật biến mất sau sườn đồi, nên đánh thức Maximin dậy, đi lùa đàn vật về gần hang động hơn. Trở lại còn cách hang chừng 15 thước, hai em nhìn thấy một bầu sáng xuất hiện ngay chỗ các em nằm nghỉ. Ánh sáng phát ra chói lọi như ánh sáng mặt trời ban mai, khiến hai em chóa mắt và sợ hãi muốn bỏ chạy. Thế rồi từ trong bầu sáng ấy xuất hiện một bà đẹp lộng lẫy và chói lọi giữa vầng sáng hào quang. Bà ngồi xuống bệ đá mà hai em đã ngồi nghỉ lúc trước đó.

Hình ảnh Đức Mẹ và thông điệp thì mãi tới năm 1853 – 1854 mới được Mélanine kể lại đầy đủ và Maximin xác nhận: “Bà mặc áo màu trắng bạc đẹp không thể diễn tả. Dáng Người cao và cân đối. Khuôn mặt Người rất oai nghi. Giọng nói của Người êm ái, dịu

ngọt. Cặp mắt Người đẹp tuyệt hơn ngàn lần những viên kim cương đẹp nhất, sáng láng như hai mặt trời, nhưng dịu và trong tựa tấm gương. Trong cặp mắt Bà, người ta có thể nhìn thấy thiên đàng. Cặp mắt đó lôi kéo người ta đến với Người; dường như Bà muốn lôi kéo và ban chính Người.

Đức Trinh Nữ đeo hai sợi dây chuyền, một sợi lớn một sợi nhỏ. Sợi nhỏ nơi cổ Bà có Tượng Chúa Chịu Nạn tuyệt đẹp. Tượng này dường như bằng vàng. Chúa Kitô treo trên thánh giá; màu da Chúa là màu da người tự nhiên, nhưng sáng chói; ánh sáng từ toàn thân Chúa tỏa ra giống như những mũi tên sáng chói xuyên trái tim tôi. Tôi ước ao tan biến trong Chúa.

Đôi lần, Chúa Kitô có vẻ như chết. Đầu Chúa gục xuống phía trước và Thánh Thể Chúa dường như rớt xuống, nếu không có những chiếc đinh xuyên qua tay chân giữ vào Thánh Giá. Có lúc, Chúa Kitô như sống. Đầu Chúa thẳng lên, cặp mắt mở lớn, và dường như Chúa bằng lòng ở trên Thánh Giá.”

Hai bàn tay Bà bung mặt, mình hơi ghé về phía trước, hai chân đạp bên giòng suối cạn. Coi dáng Bà như đang có một nỗi buồn muốn được tỏ lộ. Hai em đứng sững người, nhìn chật vào hiện tượng lạ lùng trước mắt. Bà đẹp từ từ đứng dậy, tiến về phía hai em. Bà nhẹ nhàng cất tiếng nói:

- Hãy đến đây các con, đừng sợ. Ta đến để cho các con hay một tin mới.

Nghe giọng nói êm đềm và dễ dãi, khiến hai em không cảm thấy sợ hãi muốn trốn thoát như lúc trước nữa, nhưng thấy ấm lòng như có sức lôi cuốn, hấp dẫn, khiến hai em nhanh chân tiến lại gần bà. Với giọng nói dịu dàng đượm nét buồn. Bà nói:

- Nếu các con của Mẹ không cải thiện đời sống mình, thì Mẹ hết cách trù lại phép công thẳng của Con chí thánh Mẹ, vì cơn giận của Chúa đã quá nặng. Mẹ không bỏ các con, nhưng các con không hiểu, không đáp lại lòng Mẹ. Thiên Chúa đã cho các con của Mẹ 6 ngày để làm việc, Ngài chỉ xin các con một ngày Thứ Bảy để làm việc tôn kính Ngài, mà các con cũng không ưng cho.

- Nếu mùa màng và hoa màu có bị hư hỏng, thì cũng chính là tại người ta cả. Năm vừa qua khoai lang bị hư thối nhiều mà người ta không hiểu, người ta lại còn trách móc, than van.... Lại còn dùng cả danh Chúa mà nguyên rửa, mà xúc phạm nữa. Năm nay việc hư hại ấy vẫn chưa dứt đâu và cho tới lễ Giáng Sinh năm nay, người ta sẽ không còn kiếm đâu ra thực phẩm mà ăn nữa.

“Đức Trinh Nữ khóc ròng suốt thời gian Người nói với chúng tôi. Nước mắt của Người

tuôn trào, từng giọt, từng giọt như những tia sáng, rơi xuống trên đầu gối, rồi những giọt lệ đó biến đi. Những giọt lệ đó lóng lánh và đầy yêu thương. Tôi muốn an ủi Người và làm ngưng những giọt lệ của Người.”

Hai em nghe Bà nói mà chẳng hiểu gì hết, vì Bà nói thứ tiếng khác với tiếng thổ dân của hai em. Mãi tới khi nghe được tiếng "khoai lang", em Maximin mới hiểu và đoán rằng Bà hứa cho thứ đó, vì khoai lang đang khan hiếm, tìm không đâu có mà mua, nên em vui vẻ nhảy múa để tỏ cho chị Méline cùng hiểu.

Biết ý các em muốn hiểu, Bà nhắc lại từng đoạn bằng tiếng nói của các em, để các em hiểu:

- Nếu mùa màng và hoa màu bị hư hỏng.....

- Sự khốn khó sẽ đến nếu người ta không hồi cải. Các trẻ em sẽ chết rất nhiều. Các tai họa sẽ đến dồn dập: Đói khát, lúa mạ bị lép, hoa màu đều bị sâu ăn. Nhưng nếu người ta biết thực sự ăn năn hồi cải, thì đá trên núi cũng sẽ trở nên lúa mì và khoai lang sẽ tự nó sinh ra gấp bội.

Bà tiếp:

- Hai con phải chịu khó cầu nguyện sáng chiều, còn khi quá bận rộn thì ít là các con hãy đọc kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng.

Bà sâu nào nói:

- Chỉ có những người già đi lễ thôi sao! Những người khác thì quá mải làm ăn, kể cả ngày Chúa Nhật. Khi không có việc gì làm thì lại đến nhà thờ lấy việc đạo ra mà điều cốt, mà chê bai. Trong mùa Chay họ vẫn ăn thịt mà chẳng kiêng cử gì.

Đức Trinh Nữ nói:

- Các con của Mẹ, vì các con không hiểu lời Mẹ nói, Mẹ sẽ nói với các con cách khác (kèm theo hình ảnh sự việc diễn ra). Nếu hoa màu bị hư, việc đó có vẻ chưa ảnh hưởng tới các con. Mẹ cho các con thấy mùa khoai cuối năm này. Khoai sẽ tiếp tục bị hư và tới Lễ Giáng Sinh thì không còn củ nào.

Nếu các con có bắp, các con đừng gieo. Vì súc vật sẽ ăn hết những gì các con gieo. Tất cả những thứ gì mọc lên sẽ tan thành bụi khi các con thu hoạch. Một trận đói lớn sẽ xảy ra. Trước khi trận đói đến, các trẻ nhỏ dưới bảy tuổi sẽ bắt đầu run cầm cập và chết trong vòng tay những người bồng ẵm chúng. Những người khác sẽ đền tội qua sự

đói khát. Đậu cũng sẽ hư, nho cũng sẽ mất mùa”.

“... Các linh mục, những thừa tác viên của Con Mẹ, vì cuộc sống ác độc của họ, do sự bất kính và khô khan của họ khi cử hành các nhiệm tích thánh, vì yêu tiền bạc, vì ham danh và lạc thú, các linh mục đã trở nên hồ chứa phân dơ bẩn. Đúng vậy, các linh mục đang đòi báo thù, và sự báo thù đang treo lơ lửng trên đầu họ...”

“... Thiên Chúa sẽ phạt như chưa từng thấy. Khôn thay những người trên địa cầu!... Các người lãnh đạo dân Chúa đã chệnh mảng cầu nguyện và đền tội, và ma quỷ làm mờ lương tri họ... Thiên Chúa sẽ cho phép con rắn già tạo ra chia rẽ giữa những người cầm quyền nơi mọi xã hội và nơi mọi gia đình. Người ta sẽ phải chịu những thống khổ thể chất và tinh thần. Thiên Chúa sẽ bỏ mặc nhân loại cho chính nó và sẽ gửi hình phạt nối tiếp nhau đến... Xã hội loài người sắp phải chịu những hình phạt kinh khủng nhất và những biến cố lớn lao nhất. Nhân loại sẽ phải... uống chén thịnh nộ của Thiên Chúa...”

“... Xin cho vị đại diện Con của Mẹ, Đức Giáo Hoàng Piô IX, không bao giờ rời khỏi Lamã sau năm 1859 nữa; ... Mẹ sẽ ở bên ngài. Xin cho ngài cảnh giác chống lại Napoleon: con người đó hai mặt, và khi ý muốn tự mình vừa làm giáo hoàng vừa làm hoàng đế, Thiên Chúa sẽ sớm rời khỏi y...”

“... Thế giới sẽ bị đủ mọi loại thiên tai, thêm vào với những bệnh dịch và đói khát khắp nơi. Sẽ có một loạt những cuộc chiến cho tới cuộc chiến sau cùng... Trước khi cuộc chiến cuối cùng chấm dứt, thế giới sẽ có một thứ hòa bình giả tạo. Người ta chỉ nghĩ tới vui chơi. Những kẻ ác độc sẽ phạm đủ mọi thứ tội lỗi... Nhưng phúc thay các linh hồn khiêm tốn được Chúa Thánh Linh hướng dẫn. Mẹ sẽ giúp những linh hồn này chiến đấu cho tới khi kết thúc...”

“... Nếu dân của Mẹ không tự nguyện tuân theo, Mẹ sẽ phải để cho cánh tay Con của Mẹ giáng xuống trên họ. Mẹ đã đau buồn quá lâu vì các con! Mẹ đã phải cầu nguyện không ngừng để Con của Mẹ không bỏ rơi các con. Các con không bao giờ hiểu Mẹ đau lòng biết chừng nào...”

“... Thiên nhiên sẽ đòi báo thù nhân loại, và thiên nhiên rùng mình kinh sợ vì những gì xảy ra cho trái đất đã bị ô uế vì tội lỗi. Hỡi trái đất, hãy rùng mình kinh sợ... và hãy run sợ, hỡi những người cho rằng mình phụng sự Chúa Giêsu Kitô mà trong thâm tâm họ, họ phụng sự chính họ...”

“Bốn mùa sẽ bị thay đổi. Trái đất sẽ chỉ sinh ra những hoa màu hư xấu. Các tinh tú sẽ mất đi sự vận hành bình thường. Mặt trăng sẽ chỉ tỏa ra ánh sáng đỏ ủa”.

“Địa cầu sẽ bị bao phủ bởi nước và lửa, bị chấn động vì những trận động đất kinh hoàng nuốt đi những núi đồi, những thành thị... Những quái vật không gian... sẽ tạo ra những lạ lùng kinh hoàng trên mặt đất, nơi bầu khí quyển, và nhân loại sẽ ngày ngày càng hư hỏng đồi trụy”.

“Khôn thay những người sống trên mặt đất! Sẽ có những trận chiến đẫm máu và đói khát, bệnh dịch và truyền nhiễm... Người ta sẽ đập đầu vào tường, đòi chết, và sự chết sẽ là nguồn thống khổ của họ”.

“Sẽ có những trận bão tố làm rung động các thành thị, những trận động đất làm sụp đổ nhiều quốc gia... mặt trời sẽ tối đi... vực thẳm mở rộng thêm...”

“Ai sẽ đứng vững nếu Thiên Chúa không rút ngắn thời gian thử thách?”

... Và khi đó nước và lửa sẽ tẩy sạch địa cầu và tiêu hủy mọi công trình kiêu ngạo của loài người (sau đó) mọi thứ sẽ được đổi mới. Thiên Chúa sẽ được phụng thờ và tôn vinh”.

Người dạy hai trẻ nói các điều đã xem, đã nghe cho các con khác của Mẹ được biết.

Mélanie, những gì Ta nói với con bây giờ sẽ không phải luôn luôn là một bí mật, con có thể xuất bản vào năm 1858.

Sau đó, Bà từ từ bước đi, rồi như lướt trên cỏ lên tận đỉnh đồi cao và bay nhẹ lên không trung, mắt ngược nhìn xuống nước Ý.

Câu chuyện Mẹ hiện ra được vài hôm thì nhiều người nghe biết, liền đến tìm hai em, xin thuật lại cho họ nghe. Trong số đó có cả ông quận chúa trong hạt nữa. Sau khi nghe các em kể, cùng nhắc lại những điều các em đã được Bà nói, ông Quận Chúa tỏ vẻ không tin, lại còn tìm mọi cách ngăn cản và đe dọa cầm tù.

Đứng trước sự cương quyết của hai em, nhìn quang cảnh suối nước khô cạn nay lại có nước trong mát chảy không ngừng; nhiều người được ơn lạ khi uống nước suối và những lời Bà nói có ứng nghiệm, nhà cầm quyền bắt đầu thay đổi thái độ.

Tin Đức Mẹ hiện ra tại La Salette đã được mau chóng loan truyền khắp Nước Pháp, và trung tuần tháng 10, 1846, phần đầu của thông điệp đã được in để phổ biến.

Các lời Đức Mẹ loan báo trong phần đầu thông điệp đã xảy ra vào những ngày cuối tháng 12, 1846. Những xáo trộn chính trị, kinh tế, mất mùa đói khát, bệnh dịch, đã xảy ra ảnh hưởng hầu hết mọi người khắp Nước Pháp. Vào những ngày cuối năm 1846,

khoai thối từ dưới đất, bắp bị hư, những thứ này chỉ có thể cho súc vật ăn, nhưng súc vật đã lăn ra chết vì ăn các thứ đó. Kế đến mùa đậu (óc chó) cũng mất. Nho là sản phẩm quan trọng của Pháp cũng mất mùa trầm trọng. Nạn đói hoành hành khắp nơi khiến hàng ngàn người chết; nhiều trường hợp chết hết cả gia đình.

Tất cả những biến cố này xảy ra đúng như Đức Mẹ đã cảnh cáo khiến người ta phải nhìn nhận lời Mẹ thông báo xảy ra chính xác đến độ kinh ngạc.

Ngay từ đầu năm 1847, việc Đức Mẹ hiện ra tại La Salette bắt đầu được nhìn nhận, người ta đổ đến La Salette ngày càng đông, và giáo quyền khởi sự điều tra sự lạ lùng tại La Salette.

Một sự kiện yêu thương đặc biệt của Đức Mẹ là một dòng suối xuất hiện tại chính nơi Đức Mẹ hiện ra, và rất nhiều phép lạ được giáo quyền và hội đồng y khoa công nhận đã xảy ra nhờ nước suối này.

Lời tiên tri về Đức Piô IX và hoàng đế Napoleon III đã xảy ra đúng như lời tiên báo. Đức Piô IX đắc cử Giáo Hoàng vào đầu năm 1846. Vào thời gian này, không một ai tưởng tượng được là một hoàng đế Napoleon nữa xuất hiện trên đất Pháp. Một người cháu của đại đế Napoleon lên kế vị lấy tên là Napoleon III. Người cháu này của đại đế Napoleon vốn ít được người ta biết tới. Những người quen biết ông trước kia đều cho rằng ông ta tầm thường, ngờ nghệch, và không ai có thể tưởng tượng ông ta sẽ leo lên được chức tước gì. Mặc dầu vậy, tháng 12, 1848, giữa lúc mất mùa đói kém, chính trị bất ổn, ông ta được bầu làm Tổng Thống Nước Pháp, và tháng 11, 1850, ông trở thành hoàng đế Napoleon III độc tài đầy quyền lực.

Năm 1848, Đức Pio IX phải rời khỏi giáo đô Lamã vì những xáo trộn chính trị và loạn lạc. Năm 1850, Đức Piô IX trở về Lamã nhờ sự can thiệp của Napoleon III. Cuối năm 1846 những tin tức về La Salette đã tới giáo đô Lamã, nhưng mãi tới năm 1851, Đức Piô IX mới nhận được phúc trình đầy đủ về những sự việc và thông điệp Đức Mẹ ban tại La Salette. Cũng thời gian này (cuối năm 1851), Napoleon III cho thấy ý định muốn tiếm vị (chiếm ngôi vị) giáo hoàng, y hệt người bác của ông là Napoleon I trước kia.

Những lời cảnh cáo nghiêm trọng nhất về các biến cố, về cuộc sống và số phận nhân loại được các nhà nghiên cứu bình luận ghi nhận là nói về cuộc chiến Pháp-Phổ, Thế Chiến I và II, sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản. Tất cả đều là những “roi đòn khủng khiếp nhất” gây ra tổn thất sinh mạng và thống khổ cho hàng tỉ người.

Những điều Đức Mẹ cảnh cáo không phải chỉ xảy ra cho Nước Pháp và trong thế kỷ

19, mà cho khắp thế giới tới ngày nay. Ngày ngày các điều Đức Mẹ nói xuất hiện càng rõ ràng, nhìn vào lịch sử thế giới từ hậu bán thế kỷ 19 tới nay, chúng ta thấy biết bao lần những biến cố kinh hoàng đã xảy ra, và ngày nay các điều này càng rõ ràng hơn. Cuộc chiến Pháp-Phổ, Thế Chiến I và II đã chấm dứt, các cuộc chiến cục bộ ngày càng bớt, nhưng nguy cơ của cuộc chiến khốc liệt hơn vẫn còn treo lơ lửng trên đầu nhân loại. Mặc dầu y khoa và khoa học tiến vượt bậc, nhưng từ 1960 tới nay, ô nhiễm không khí và nhiều bệnh nan y chết người lan tràn khắp thế giới, như Aids, Ebola, các tội ác gia tăng, luân lý suy đồi, thiên tai, hạn hán, lụt lội, động đất, cháy rừng, v.v... xảy ra tới mức độ khủng khiếp khắp nơi. Mà nhân loại cứ đổ thêm dầu vào lửa, người ta chỉ biết tôn thờ chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa khoái lạc, và cướp quyền Đấng Tạo Hóa, nhất là đại ác họa giết các hài nhi còn trong dạ mẹ. Chúng ta không thể tưởng tượng được những kinh hoàng gì sẽ xảy ra theo phần cuối thông điệp của Mẹ Maria tại La Salette. Chúng ta không thể biết khi nào những việc đó xảy ra, phải chăng đã và đang lần lần xảy ra.

Vấn đề là chúng ta phải nghe theo lời Đức Mẹ mà nhờ Mẹ dẫn dắt trở về với Thiên Chúa là Cha Nhân Từ nếu chúng ta muốn những đại họa tiên báo không xảy ra hoặc được giảm thiểu.

Đức Mẹ hiện ra tại La Salette được Giáo Hội nhìn nhận với tước hiệu: “Đức Mẹ Sầu Bi và Sự Ân Năn Sám Hối”

Ngày nay chính nơi Đức Mẹ hiện ra, đã trở nên một Thánh địa linh thiêng, với Thánh đường nguy nga rộng lớn, với đôi Thánh Giá hiên ngang vươn lên nền trời, gắn đầy những bằng tạ ơn. (Tính đến năm 1912 đã có trên 6 ngàn tấm bia tạ ơn Đức Mẹ). Ai ai đến đây cũng đều nhận được những ơn lành của Mẹ.

ĐỨC MẸ LỘ ĐỨC

TẠI LỘ ĐỨC (LOURDES), PHÁP QUỐC, NĂM 1858

Chỉ 12 năm sau ngày Mẹ Maria hiện ra tại La Salette với những lời báo động nghiêm khắc và nhiều biến cố kinh hoàng đã xảy ra trong thời gian ngắn trong năm 1846, và những việc khác còn chưa xảy ra, thì ngày 11 tháng 12 năm 1858, Mẹ Maria lại hiện ra tại Lourdes (Lộ đức). Lourdes là một thôn dã hẻo lánh ít người biết, thuộc miền Bigorre, trên triền núi Pyrénées, dãy núi phân ranh Pháp và Tây ban nha.

Miền núi Pyrénées về phía Pháp có nhiều mưa, phong cảnh đẹp và nhiều suối khoáng chất, những suối này trở nên trung tâm thương mại và y khoa trị liệu, đem lại nhiều lợi tức cho giới doanh thương. Tuy vậy tình trạng nghèo nàn, cả đến quần bách cùng cực, vẫn hiện diện tại nhiều nơi.

Ngày 11 tháng 12 năm 1858, một ngày mùa đông lạnh cóng, ba cô gái xanh xao gầy guộc, áo quần tả tơi, đi kiếm củi. Ba cô là Bernadette Soubirous, cô thứ hai là Toinette, em của Bernadette, cô thứ ba là Jeanne Abadie. Bernadette Maria Soubirous sinh ngày 7 tháng 1 năm 1844, là con đầu lòng trong 8 người con của ông bà Francois và Louise Soubirous. Ông Francois làm việc tại xưởng cưa Boly và gia đình ngụ tại đây. Khi Bernadette tám tuổi, mắt trái của ông Francois bị hư, và hai năm sau ông bị mất việc, gia đình phải rời khỏi trại cưa. Gia đình ông Francois được một người bà con làm nghề đục đá cho tá túc ở tầng trệt của xưởng đục đá, nơi này ẩm thấp ướt át, và gia đình sống trong cảnh nghèo nàn cùng cực. Bernadette 14 tuổi vẫn chưa biết chữ.

Ba cô tới chỗ Massabielle, nơi có chỗ lõm vào như hang động, trước cửa hang Massabielle lúc đó có vài bụi cây và một cụm hồng dại khô gần chết. Bernadette Soubirous, lớn tuổi nhất trong ba cô, tới đó kiếm củi. Khi hai cô kia tới cửa hang Massabielle để tìm cô, hai cô thấy Bernadette đang quỳ trước cửa hang, mắt nhìn lên. Hai cô chạy tới bên Bernadette và thấy cô bất động, mắt mở lớn ngó trân trân. Hai cô lay Bernadette nhưng không thể nào làm cô nhúc nhích, cả đến lay chuyển cánh tay cô cũng không được. Hai cô la lên vì sợ. Khi tỉnh lại, Bernadette nói cho hai cô kia biết sự việc xảy ra.

Thoạt tiên Bernadette thấy một bóng sáng mà cô đã thấy hai lần trước kia. Lần này một Vị Phụ Nữ đẹp mặc y phục trắng hiện ra trong bóng sáng. Vị Phụ Nữ gập đầu chào Bernadette, đồng thời đưa hai cánh tay ra, trên cánh tay phải có chuỗi Mân Côi. Vị phụ Nữ mỉm cười dịu dàng, và như thể ra dấu gọi Bernadette tới gần hơn, nhưng cô bé sợ, không đáp lời và muốn bỏ chạy. Sau đó Bernadette bình tĩnh lại và lấy chuỗi Mân Côi ra cầu nguyện kinh Mân Côi. Trong khi Bernadette cầu nguyện kinh Mân Côi,

Vị Phụ Nữ cũng lần từng hạt theo, môi không mấp má, nhưng cúi đầu khi Bernadette đọc kinh Sáng Danh.

Trong khi lần chuỗi, Bernadette nhìn rõ Đấng Hiện Ra hơn. Vị Phụ Nữ mặc áo dài trắng xuống tới chân, chỉ để lộ những ngón chân.

Áo dài có cổ cao và cột bằng một dây băng màu trắng. Tấm khăn choàng màu trắng phủ trên đầu qua vai, qua hai cánh tay, xuống gần tới gấu áo dài. Trên mỗi bàn chân của Vị Phụ Nữ có một bông hồng màu vàng. Khăn thắt lưng màu xanh dương, thả xuống tới đầu gối. Xâu chuỗi, dây vàng, hạt trắng lớn và kết cách khoảng rộng hơn chuỗi thường. Vị Phụ Nữ rất trẻ và đứng trong vầng hào quang.

Khi Bernadette cầu nguyện xong năm chục kinh Mân Côi, Vị Phụ Nữ mỉm cười chào cô, rồi biến đi.

Trên đường về, Bernadette gặp một cô em khác và kể lại cho cô này nghe việc cô đã thấy Vị Phụ Nữ đẹp tuyệt vời đứng trong bầu ánh sáng. Cô em này nói cho bà mẹ biết. Cô Jeanne Abadie chạy khắp xóm kháo rằng Bernadette được thị kiến và phát khùng. Cha mẹ của Bernadette bực mình vì những chuyện đó và cấm Bernadette không được tới hang Massabielle nữa. Khi xung tội chiều hôm sau, Bernadette nói chuyện này với cha giải tội và xin ngài tường trình với cha sở là cha Peyramale, nhưng ngài bỏ qua.

Chúa Nhật 14 tháng 2, 1858, Bernadette xin được cha của cô cho phép tới Massabielle với hai cô cùng đi hôm trước và một số người khác. Có tất cả hai mươi người, trong đó có bảy người lớn, đi theo. Lần này Bernadette đem theo nước thánh. Bernadette quì cầu nguyện tại nơi cô đã quì lần trước, có hai người quì hai bên. Khi Bernadette và mọi người cầu nguyện xong chục kinh Mân Côi thứ nhất, Vị Phụ Nữ tuyệt đẹp hiện ra. Bernadette rảy nước thánh lên Vị Phụ Nữ, và nói:

- Nếu Người từ Thiên Chúa mà đến, thì xin ở lại!

Vị Phụ Nữ mỉm cười. Lúc này Jeanne Abadie leo lên phía trên hang đá, vô tình làm lăn một cục đá lớn xuống ngay sát bên Bernadette. Nhưng Bernadette không hay biết gì vì cô đã bất động trong tình trạng xuất thần. Hai cô kia không làm cách nào cho Bernadette tỉnh lại khiến người khác sợ. Một số người chạy tới xướng cửa nhờ người đưa Bernadette tới đó. Họ khiêng Bernadette tới xướng cửa, trong khi đi đường cô vẫn đăm đăm nhìn và mỉm cười với thứ gì mà không ai khác ngoài cô có thể thấy, và cô bé dần dần tỉnh lại.

Tại nhà máy cửa, người ta hỏi Bernadette thấy gì tại hang đá Massabielle. Cô bé đáp:

- Tôi thấy một Vị Phụ Nữ đẹp tuyệt vời, Người có chuỗi Mân Côi ở cánh tay phải, và hai bàn tay chấp trước ngực.

Jeanne Abadie lại loan truyền khắp xóm về thị kiến này khiến bà mẹ của Bernadette hết sức tức giận và lo âu về tình trạng điên khùng của cô và cấm cô trở lại Massabielle. Nhờ một bà nhà giàu can thiệp, ngày hôm sau (16.2.1858) cô được trở lại Massbielle.

Sớm ngày thứ Ba (16.2.1858), Bernadette trở lại hang Massabielle, có nhiều người đi theo, những người này cầm trong tay chuỗi Mân Côi để xua trừ ma quỷ. Trong số này có bà Millet, bà này đem theo cây nến phép, giấy, bút và lọ mực để Bernadette xin Vị Phụ Nữ viết cho biết tên của Người. Bernadette quì xuống và lại xuất thần. Một lúc sau cô tỉnh lại và người ta hỏi cô:

- Tên của Vị Phụ Nữ đó là gì?

Như bà Miller đã nhận cô hỏi. Bernadette đáp:

- Cháu đã hỏi, nhưng Người nói điều đó không cần thiết và Người hỏi cháu: "Con có vui lòng đến đây mười lăm (15) ngày không? Mẹ không hứa làm cho con hạnh phúc ở trần gian này, nhưng ở đời sau."

Bernadette đã trung thành thực hiện lời hứa với Vị Phụ Nữ:

- Được cha mẹ con cho phép, con sẽ tới.

Ngày càng đông người đi theo Bernadette mỗi lần cô tới hang đá Massabielle.

Vị Phụ Nữ hiện ra lần thứ bốn vào ngày thứ Sáu, 19 tháng 2, 1858. Bà Millet đi theo và quì bên Bernadette kể rằng khi Vị Phụ Nữ hiện ra thì nụ cười của cô trở nên tươi tắn và sắc diện thay đổi. Cô chào Đấng Hiện Ra bằng tay và cúi đầu. Cuộc thị kiến lâu chừng ba mươi phút, và khi thị kiến chấm dứt, Bernadette mệt nhoài ngã vào vòng tay của bà mẹ. Trên đường trở lại phố Petits-Fossés, Bernadette cho biết đôi chút tại sao đôi lúc buổi thị kiến có vẻ khác thường:

“Bất chợt những tiếng la lớn phát ra từ GAVE, xé tan bầu không khí yên tĩnh của Massabielle. Chúng 'ấu đả, chửi rửa nhau, tựa như tiếng la thét của đám đông đang cãi lộn nhau'. Một tiếng nói, lớn lấn át những tiếng nói khác, gầm lên: 'Ra khỏi đây! ... Ra khỏi đây đi!'.”

Bernadette nghĩ rằng lời nguyện rửa đó không ám chỉ vào cô, mà là xúc phạm trực tiếp Đấng Trong Ánh Sáng đang đứng trên cây tầm xuân. Đấng Hiện Ra liếc nhìn về

phía ồn ào đó, và lập tức chúng nín tiếng. Về sau Bernadette cho biết Satan lồng lộn tức giận vì chúng nhìn nhận chúng bị đánh bại, vì tại Massabielle nhiều người tội lỗi ăn năn cải hối.

Ngày 20 tháng 3 năm 1858 là lần thị kiến thứ năm. Sau khi Bernadette bắt đầu cầu nguyện kinh Mân Côi, Vị Phụ Nữ hiện ra. Trong lần này, Người kiên nhẫn dạy Bernadette từng tiếng từng tiếng của lời cầu nguyện mà cô dùng trong mỗi thị kiến và hằng ngày suốt đời cô, nhưng không người nào khác biết nội dung.

Đấng Hiện Ra đến với Bernadette tại Massabielle lần thứ sáu vào Chúa Nhật I Mùa Chay, ngày 21 tháng 2, 1858. Hôm nay rất đông người đến Massabielle, có quân đội, cảnh sát, cả thị trưởng của Terbes cũng hiện diện để quan sát, nhưng không có hành động gì. Bác sĩ Dozous cũng hiện diện.

Ngay khi tới hang đá, Bernadette quì xuống, lấy râu chuổi ra cầu nguyện kinh Mân Côi. Không lâu sau đó, sắc diện cô thay đổi, cho biết cô đang diện kiến Đấng Hiện Ra. Bác sĩ Dozous ở sát bên Bernadette để theo dõi diễn tiến và trắc nghiệm nhịp tim và hơi thở của cô, và thấy nhịp tim của cô đều hòa, hơi thở nhẹ nhàng. Khi bác sĩ Dozous buông cánh tay Bernadette ra, cô tiến lên một chút về phía nóc hang đá. Một chút sau đó, sắc diện của Bernadette thay đổi lúc thì hết sức hân hoan sung sướng, lúc thì buồn: hai hàng nước mắt chảy dài xuống hai bên má. Đấng Hiện Ra biến đi sau khi Bernadette lần xong chuổi Mân Côi, và cô dần dần tỉnh lại. Bác sĩ Dozous hỏi tại nước mắt của cô tuôn rơi sau những nụ cười sung sướng.

Bernadette nói:

- Vị Phụ Nữ không nhìn con mà nhìn ra xa, qua đầu con, một lúc. Rồi, Người lại nhìn con, khi con hỏi Người điều gì làm Người đau buồn, Người nói với con: 'Con hãy cầu xin Thiên Chúa cho những người tội lỗi.' Con lại được thấy nét mặt nhân từ của Người, và Người biến đi.

Bernadette được thị kiến lần thứ bảy vào thứ Ba, 23 tháng 12, 1858. Lần này có rất đông người tới Massabielle. Những người đàn ông đã mở nón, quì gối, khi họ thấy nét mặt Bernadette thay đổi tức là Vị Phụ Nữ đã tới. Trong thị kiến này, Bernadette được Đấng Hiện Ra ký thác ba bí mật và dạy một lời cầu nguyện, mà Bernadette giữ kín không hề tiết lộ. Tuy nhiên Bernadette nói cô được Đấng Hiện Ra cho biết cô sẽ sớm lìa bỏ trần thế. Chắc là điều này không nằm trong ba bí mật nói trên.

Lần thị kiến thứ tám vào ngày 24 tháng 2 năm 1858. Khi Bernadette ngây ngất vừa đứng lên vừa khóc, nước mắt đầm đìa, nắm chặt chuổi Mân Côi trong hai bàn tay, và

hình như muốn nói với đám đông. Thực vậy, những người ở kề bên Bernadette nghe được tiếng cô nói trong ngất trí:

- Hãy ăn năn thống hối! ... Hãy ăn năn thống hối! Hãy ăn năn thống hối!

Ngày hôm nay có tới 400 hoặc 500 người đến Massabielle với Bernadette và họ xúc động vì những gì họ nhìn và cảm thấy.

Lần thị kiến thứ chín xảy ra ngày 25 hoặc 26 tháng 2, 1858. Hôm nay Bernadette đến hang Massabielle rất sớm, trước rạng đông, và Đấng Hiện Ra đến chỉ ngay sau khi Bernadette chưa hết một màu nhiệm Mân Côi. Đấng Hiện Ra bảo cô:

- Con hãy đi uống nước suối và rửa mặt con trong đó.

Bernadette đang quì bồng chỗi dậy, nhưng vẫn trong tình trạng xuất thần. Trước tiên cô quay lưng lại hang đá, nhìn về hướng GAVE DE PAU. Cô quay lại nhìn Đấng Hiện Ra, nhưng không ai khác nhìn thấy, như để xin chỉ dẫn. Cô lại bắt đầu bước đi, nhưng lần này đi vào trong hang đá một chút. Cô quì xuống một chỗ đất khô và bới đất bằng hai bàn tay. Lập tức một ít nước pha bùn phun lên trong chỗ đất trũng cô vừa mới bới. Bernadette vốc một chút nước đó thoa lên mặt, rồi bứt và ăn một vài cọng cỏ dọc theo rãnh nước bùn đó. Cô đứng lên bước đi ra ngoài hang, mặt còn dính bùn, miệng còn nhai cỏ. Một số người cho rằng cô điên và hô hào giữ cô.

Bernadette được đưa tới một ngôi nhà ở phố Petites-Fosses trong thị trấn. Trước khi tới ngôi nhà này, Bernadette nói:

- Vị Phụ Nữ bảo con đào bới chỗ đất khô đó, uống nước và rửa mặt ở dòng suối, ăn những cọng cỏ con thấy mọc ở đó.

Chiều hôm đó, người ta tới hang đá Massabielle và thấy một dòng suối chảy từ hang đá xuống Gave De Pau, dòng suối càng lúc càng rộng. Nhiều bệnh tật được chữa lành nhờ nước từ suối hang đá Massabielle ngay từ ngày đầu xuất hiện. Tại Lourdes có một người tên Louis Bouriette, được giới y khoa xác nhận, mắc bệnh nan y về mắt, ông sắp bị mù. Ông Louis xin người ta lấy cho ông một ít nước ở suối Massabielle. Ông rửa cặp mắt gàn đui của ông bằng nước suối đó và mắt lại được sáng, sự kiện này được vị bác sĩ tại địa phương xác nhận. Nhiều phép lạ khác xảy ra tiếp theo. Người ta náo loạn vì tranh nhau lấy nước suối đến độ cảnh sát và quân đội phải giữ trật tự.

Sáng sớm hôm sau, bà Jeanne Crassus, bị bại một tay đã mười năm, ngâm bàn tay bị bại của bà trong suối một lúc, rồi rút bàn tay lên thì bàn tay bà trở lại bình thường.

Bernadette thị kiến Đấng Hiện Ra lần thứ mười, ngày 27 tháng 2, 1858, lúc quá 6g30 sáng. Ngay khi Bernadette tới và quì xuống, mọi người đều im lặng. Lúc sau người ta thấy Bernadette trong tình trạng xuất thần, nhiều lần sụp xuống hôn đất. Về sau chị cho biết Đấng Hiện Ra bảo chị:

- Hôn đất để đền bù cho những kẻ tội lỗi.

Và Đấng Hiện Ra trao cho chị sứ mệnh khác nữa:

- Con hãy đi xin các linh mục xây dựng một thánh đường tại đây.

Bernadette thi hành sứ mệnh, báo cho cha Peyramale lời yêu cầu của Đấng Hiện Ra: "Con hãy đi xin các linh mục xây dựng một thánh đường tại đây." Sau khi cha Peyramale chất vấn Bernadette xong, chị đứng lên, cúi chào cáo biệt cha.

Bernadette tới hang đá Massabielle đón Đấng Hiện Ra, lần thứ mười một, khoảng trước 7 giờ sáng Chúa Nhật, 28.2.1858. Lúc đó đã có độ chừng hai ngàn người hiện diện với cả một đại đội lính giữ trật tự, đám đông đã tới đây từ 3 hoặc 4 giờ sáng, bắt chập mưa lớn và lạnh cóng. Bernadette xuất thần sau khi đọc hết ba mầu nhiệm Kinh Mân Côi. Bất chợt, cô cố gắng đi bằng đầu gối, đứng lên, lại quì xuống đi bằng đầu gối, một hình thức làm việc phạt xác đền tạ mà Đấng Hiện Ra bảo cô. Trong lần thị kiến này, Bernadette trình lên Đấng Hiện Ra yêu cầu của cha Peyramale:

- Xin Đấng Hiện Ra cho biết phương danh của Người, và xin Người chứng minh sự hiện diện của Người bằng cách làm cho cây tầm xuân nở rộ hoa tức thì.

Trên đường về, Bernadette tới nhà cha sở báo cho ngài biết cô đã thi hành lệnh của cha, nhưng Vị Phụ Nữ chỉ mỉm cười.

Bernadette và gia đình là đối tượng của chất vấn, hăm dọa của chính quyền, nhất là từ sau lần thị kiến từ mười một trở đi. Dân chúng đã tin rằng Đấng Hiện Ra chính là Đức Trinh Nữ Maria.

Bernadette đọc kinh Mân Côi khi quì tại hang đá và nói:

- Đấng Hiện Ra yêu cầu cầu nguyện cho các người tội lỗi.

Vậy thì hỏi rằng Đấng Hiện Ra có thể là ai khác ngoài Đức Mẹ?

Nhiều người nói họ thấy Đức Trinh Nữ tại hang đá và nghe tiếng nói từ đâu đó. Nhiều trẻ nhỏ ngất trí.

Thứ Hai, 1 tháng 3, 1858, Bernadette tới Massabielle, có cha mẹ đi theo. Tại đó đã có khoảng 1300 người và có cả cảnh sát hiện diện.

Và chúng ta nghe lời ông Estrade, hiện diện trong buổi thị kiến thứ mười hai này kể lại:

"Bernadette, vừa mới từ mỏm đá trở lại, quì xuống và lấy trong túi ra xâu chuỗi như mọi khi, ngay khi cô lại ngược mắt lên bụi cây, nét mặt cô buồn bã ... Cô hết sức đưa xâu chuỗi lên ... Ngưng một chút cô bỏ xâu chuỗi vào túi. Rồi lấy ra xâu chuỗi khác và đưa lên cao như lần trước. Vẻ đau buồn trên nét mặt cô biến mất. Cô cúi đầu, mỉm cười và lại bắt đầu đọc kinh Mân Côi."

Về sau Bernadette kể lại rằng:

"Trên đường tới Massabielle, một bà đưa cho con xâu chuỗi của bà (xâu chuỗi đẹp mắt tiền) và yêu cầu con dùng khi lần hạt ở hang đá. Con hứa với bà ấy và đã dùng xâu chuỗi đó.

Nhưng Đức Mẹ hỏi con:

- Xâu chuỗi của con đâu?

Con đáp:

- ở trong túi của con.

Đức Mẹ nói:

- Đưa cho Mẹ coi.

Con đưa tay vào túi lấy xâu chuỗi của con ra và đưa lên cao cho Đức Mẹ coi. Đức Mẹ bảo con:

- Con hãy dùng xâu chuỗi đó'; và con dùng để cầu nguyện ngay.

Sau thị kiến, Bernadette trở lại chuyển tới cha Peyramale thông điệp của Đấng Hiện Ra. Cô nói: "Vị Phụ Nữ bảo con rằng Người muốn dân chúng rước kiệu tới hang đá ..." Cha Peyramale lại hỏi tên của Vị Phụ Nữ là gì. Bernadette đáp rằng cô không biết. Và cha Peyramale nặng lời chỉ trích cô.

Về sau Bernadette nhờ bà Dominique Cazenave dẫn trở lại gặp cha sở, và được cha bình tĩnh nghe. Lần này Bernadette nhắc lại lời Đấng Hiện Ra về yêu cầu mới và nhắc

lại yêu cầu trước là các linh mục xây một thánh đường tại Massabielle. Cha sở hứa xây một thánh đường lớn tại đó nếu Bernadette xin được phương danh của Đấng Hiện Ra. Ngài nói:

- Con hãy nói với Người sai con đến đây, như con khẳng định, rằng nếu Người muốn cha tin con, Người phải làm cho bụi tầm xuân trở bông; nếu Đức Trinh Nữ muốn có cuộc rước kiệu, Người phải nói với Đức Giám Mục chứ không nói với cha.

Trong thị kiến Đức Mẹ hiện ra lần thứ mười hai, chúng ta lưu ý tới một chi tiết là Đức Mẹ bảo Bernadette dùng xâu chuỗi giá 2 xu (cents) của cô và khuyến cáo cô giữ xâu chuỗi đó vì là kho tàng quý báu của cô. Đây cũng là bài học về lòng khiêm nhường, yêu mến đức thanh bần, vì Thiên Chúa ghé thăm sự khoe khoang phô trương ngay cả trong việc đạo đức.

Đức Mẹ hiện ra tại Massabielle lần thứ mười ba vào ngày 2 tháng 3, 1858. Hôm nay khi Bernadette tới Massabielle thì đã có đông người hiện diện. Thị kiến lâu chừng nửa giờ. Sau thị kiến, Bernadette đi cùng với hai bà cô/dì là Basile và Bernarde tới nhà cha sở.

Cha Peyramale lớn tiếng hỏi Bernadette:

- Mi vẫn tới Massabielle hả! Mi trở lại đây làm gì?

Bernadette nói với ngài:

- Vị Phụ Nữ nói với con 'Người muốn dân chúng đi rước đến hang đá'.

Cha sở lại hỏi:

- Thế phương danh của Vị Phụ Nữ là gì?

Bernadette nói:

- Thừa cha, con không biết. Người không muốn cho biết.

Sau lời đối thoại này, cha Peyramale lớn tiếng nói nặng Bernadette. Nhưng cô và hai bà cô/dì bình tĩnh chào cáo lui.

Sau đó Bernadette gặp bà Dominique Cazenave và nài nỉ bà dẫn cô tới cha sở lần nữa. Lần này, cha sở bình tĩnh tiếp Bernadette và cô nhắc lại hai yêu cầu của Đấng Hiện Ra. Cha sở bảo cô:

- Con hãy hỏi Vị Phụ Nữ phương danh Người là gì, và khi chúng ta biết phương danh Người, chúng ta sẽ xây dâng Người một nhà nguyện. Không phải nhỏ, mà là nhà nguyện thiết lớn.

Ngài nói tiếp:

- Con hãy nói với Vị Phụ Nữ, Người phái con, như con xác nhận, rằng nếu Người muốn cha tin con, Người phải làm cho bụi tầm xuân trở hoa; nếu Đức Trinh Nữ muốn có đám rước, Người phải nói với đức giám mục chứ không phải nói với cha.

Đức Mẹ hiện ra lần thứ mười bốn, ngày 3 tháng 3, 1858. Khi Bernadette tới Massabielle lúc 7 giờ sáng, đã có khoảng ba ngàn người chờ sẵn, nhưng Đức Mẹ không hiện ra. Bernadette đi về. Đến 8g30, Bernadette được ông chú/cậu, ông André Sajous, dẫn đi đường tắt tới Massabielle. Khi tới nơi, như thường lệ, cô lấy râu chuổi ra và cầu nguyện kinh Mân Côi, Đức Mẹ hiện ra chỉ ít phút sau. Về sau, Bernadette nhắc lại lời Đức Mẹ nói với cô lúc 8g30 về lý do Đức Mẹ không hiện ra lúc 7 giờ:

- Con không thấy Mẹ lúc sáng nay, vì có một số người muốn xem con trông như thế nào khi Mẹ hiện diện tại đây, nhưng những người đó không xứng đáng vì họ đã ngủ đêm tại hang đá và làm ô uế hang đá.

Trong lần thị kiến lúc 8g30 ngày 3-3-1858, Đức Mẹ cũng bảo Bernadette nhắc lại với cha sở các yêu cầu của Người. Lần này cha sở tiếp Bernadette cách khoan từ. Ngài hỏi:

- Con đến nói cho cha biết điều gì đây? ... Vị Phụ Nữ nói gì với con?

Bernadette nói:

- Người mỉm cười khi con nói với Người rằng cha xin Người làm phép lạ. Con xin Người làm cho bụi hồng, ở gần Người, nở hoa; Người mỉm cười. Nhưng Người muốn có nguyện đường.

Cha Peyramale hỏi:

- Con có tiền để xây nhà nguyện đó không?

- Con không có.

- Cha cũng chẳng có! Con hãy xin Vị Phụ Nữ cho con một số tiền.

Đến đây Bernadette cáo từ ra về.

Ngày 4 tháng 3, 1858, là hẹn Đức Mẹ hiện ra lần thứ mười lăm.

Từ 11 giờ khuya đêm trước, chính quyền đã kiểm soát khu vực Massabielle. Lúc 5g sáng đã có những toán cảnh sát đến khu vực. Phái đoàn các bác sĩ y khoa tới nhà để thăm vấn Bernadette. Khoảng 7 giờ, Bernadette tới hang đá thì đã có khoảng hai mươi ngàn người chờ sẵn.

Ngay khi tới nơi, Bernadette quì xuống cầu nguyện kinh Mân Côi như thường lệ, và cô chỉ mới đọc xong kinh Kính Mừng thứ ba trong mầu nhiệm thứ hai, thì mắt cô nhìn xoáy vào phía trên bụi tầm xuân. Đức Mẹ hiện ra và Bernadette tiếp tục cầu nguyện. Khi lần chuỗi xong, ba lần Bernadette đưa tay lên làm dấu Thánh Giá đều không thể đưa tay lên được, mãi lần thứ bốn mới được. Về sau cô nói lại lý do: "Vì tới lúc đó Đức Mẹ mới lần chuỗi xong và làm dấu Thánh Giá." Bernadette đứng lên và người chị/em họ đi theo vào trong hang đá, chị đứng đó, mắt vẫn gắn vào đối tượng vô hình trước mặt. Về sau chị nói:

- Lúc đó Đức Mẹ tới gần chị, có thể đưa tay ra chạm vào Đức Mẹ.

Sau thị kiến, Bernadette đứng lên ra đi mà không nói với ai lời nào. Chị đi thẳng tới gặp cha sở để nhắc lại với cha về hai yêu cầu của Đức Mẹ. Cha đáp:

- Con hãy xin Vị Phụ Nữ diễm tuyệt cho biết phương danh Người ... Nếu cha biết rằng chính là Đức Trinh Nữ, cha sẽ tiến hành mọi điều Người muốn, nhưng một lần nữa, vì cha không biết, cha không làm gì được. ... Người có bảo con trở lại đó nữa không?

- Thưa cha, không ạ.

- Người có nói với con rằng Người sẽ không bao giờ trở lại nữa không?

- Thưa cha, Người không nói điều đó.

- Vậy, nếu Người trở lại, con xin Người cho con biết phương danh Người.

Các ngày từ 5 đến 24 tháng 3, 1858, Bernadette không cảm thấy muốn đến hang đá Massabielle. Trong hai mươi ngày này, biết bao là bàn thảo và nghi vấn đặt ra. Nhưng Bernadette vẫn vô tư như trước ngày và trong những ngày Đức Mẹ hiện ra. Chính quyền và giáo quyền theo dõi, nhận định và dự liệu.

Mặc dầu Bernadette vắng mặt, từ ngày 5.3.1858 trở đi, ngày nào cũng có những đoàn các thiếu niên và người lớn đi thành đoàn rước tới hang đá cầu nguyện. Người ta đặt những biểu hiệu tôn giáo và những hòm tiền dâng cúng trong hang đá mà số tiền thu

được hằng ngày được ký thác nơi cha Peyramale.

Ngày Lễ Truyền Tin, 25.3.1858, Bernadette thức giấc và cảm thấy hết sức ước ao tới hang đá. Nhưng cha mẹ cô bắt cô chờ đợi tới 5 giờ sáng để cả gia đình cùng đi, và lần này Đức Mẹ hiện ra (Đức Mẹ hiện ra lần thứ mười sáu). Bernadette kể lại:

"Người đứng đó, lặng lẽ mỉm cười và nhìn đám đông y hệt một hiền mẫu âu yếm nhìn đàn con của Người. Khi tôi quì trước mặt Người, tôi xin Người tha lỗi cho sự chậm trễ của tôi. Người vẫn nhân từ ra dấu cho tôi biết không cần phải xin lỗi. Kế đó tôi nói với Người lòng tôi yêu mến và tưởng nhớ Người, và tôi sung sướng biết chừng nào được gặp lại Người. Sau khi đã nói hết nỗi lòng của tôi, tôi bắt đầu cầu nguyện kinh Mân Côi."

Khi bầu ánh sáng hình bầu dục di chuyển từ bụi tầm xuân xuống gần đến đất và ngừng lại phía dưới vòm cửa hang đá. Lập tức Bernadette đứng dậy đi về phía Đấng Hiện Ra. Cô đứng đó, tay cầm ngọn nến cháy. Lúc này Bernadette nhất định tìm biết phương danh của Vị Phụ Nữ. Bernadette hỏi tới ba lần.

Lời Bernadette:

- Thưa Bà, xin Bà vui lòng cho con biết Bà là ai?

"Đấng Hiện Ra" bắt đầu mỉm cười.

Nhưng Bernadette nhắc lại câu hỏi lần thứ ba.

"Đấng Hiện Ra, tới lúc này vẫn chấp tay, mở hai tay ra và hạ thấp xuống như trong ảnh Đức Bà Hay Làm Phép Lạ, râu chuỗi tuột xuống đến cổ tay: chính là lúc Người chúc lành cho địa cầu được cứu chuộc. Sau cùng, Người ngược mắt lên trời, theo dáng điệu chúc tụng Magnificat, Người nói ra điều bí mật của Người: 'MẸ LÀ ĐÁNG VÔ NHIỆM NGUYÊN TỘI.' Kế đó, Đức Mẹ mỉm cười và biến đi."

Lập tức Bernadette chỗi dậy, mặt hân hoan, cùng với đoàn người đông đảo, vội vàng đi vào thị trấn, vừa đi cô vừa lớn tiếng nhắc lại để nhớ. Khi vào thị trấn, đám người đông đảo kéo tới nhà cha Peyramale. Bernadette đứng dưới nhìn lên, cha sở ở trên cao nhìn xuống và Bernadette chỉ vồn vện nói: "MẸ LÀ ĐÁNG VÔ NHIỆM NGUYÊN TỘI."

Cha Peyramale xúc động, vì đây không phải chỉ là vấn đề thuần túy tôn giáo, mà còn là những vấn đề trọng đại khác nữa, và ngài cũng biết Bernadette mù chữ có thể cô chẳng hiểu gì điều đó.

Đây là vấn đề phức tạp gay go, vì từ thế kỷ 14, tín điều Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội đã từng là đề tài tranh luận.

Sau cùng Vị Phụ Nữ đã tự xưng mình là "Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội" thì hiển nhiên Người là Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Chúa Cứu Thế, và Mẹ Giáo Hội. Rõ ràng Bernadette chẳng hiểu gì về ý nghĩa "Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội" vì cô chỉ hiểu đầy đủ sau khi được các nữ tu ở Nerves giải thích nhiều lần.

Dân chúng tuôn đến hang đá và suối nước Massabielle ngày càng đông tạo nên nguy cơ về vệ sinh và trật tự. Đầu tháng 5, 1858, vì không thể đàn áp dân chúng, nhà cầm quyền tại Tarbes hăm dọa bắt bỏ tù bất cứ ai nói là được thị kiến. Cảnh sát tịch thu mọi vật dụng sùng kính. Đến tháng 6, 1858, khu hang đá Massabielle bị vây kín, mặc dầu dân chúng nhiều lần kéo sập những bức tường phong tỏa đó.

Tin tức về Đức Mẹ hiện ra và nước phép lạ phổ biến khắp nước Pháp, và sự cảm đoán của nhà cầm quyền chầm dứt vào khoảng trung tuần tháng 8, 1858. Hoàng tử của Napoleon III, lúc đó hai tuổi, đang ở nhà nghỉ mát của nhà vua tại Biarritz, cách Lourdes khoảng 150 cây số (90 miles). Hoàng tử này bị trúng nắng nặng và biến chứng đau màng óc. Nhà vua, đứng ra là hoàng hậu, phái bà vú của hoàng tử tới Lourdes. Bà này tới hang đá Massabielle và nhân danh hoàng đế ra lệnh cho lính gác phải lấy cho bà bình đầy nước suối, lấy ở giữa dòng càng tốt. Người lính gác tuân lệnh. Hoàng tử được tắm nước suối ba lần và khỏi bệnh. Tháng 10, 1858, hoàng đế Napoleon III đích thân ra lệnh cho nhà cầm quyền tại Tarbes và Lourdes gỡ bỏ hẳn những rào cản chung quanh hang đá và không được cản trở dân chúng tới hang đá.

Một ủy ban điều tra được đức giám mục giáo phận Tarbes thành lập vào tháng 11, 1858. Ủy ban này làm việc suốt bốn năm mới kết thúc. Đức giám mục Laurence, giáo phận Tarbes thông cáo:

" Chúng tôi nhìn nhận rằng Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, Mẹ Thiên Chúa, thực sự đã hiện ra với Bernadette Soubirous ngày 11 tháng 2 năm 1858 và những lần sau đó, tất cả mười sáu lần. Các tín hữu có thể tin đây là sự thực. Chúng tôi cho phép thành lập lòng sùng kính Đức Mẹ ở hang đá Lourdes trong giáo phận chúng tôi. ... Và thể theo những ước nguyện của Đức Trinh Nữ được đưa ra hơn một lần trong những lần Người hiện ra, chúng tôi đề nghị thiết lập một linh địa tại khu đất hang đá, lúc này đã thuộc sở hữu của tòa giám mục."

Năm 1906, hang đá và Vương Cung Thánh Đường được Nước Pháp tặng cho đức giám mục giáo phận Tarbes, đến năm 1910 thì quyền sở hữu được chuyển cho Lourdes. Đức Gioan Phaolô II viếng Lourdes năm 1982.

Hằng năm có trên mười lăm triệu khách hành hương viếng Lourdes (Lô Đức) và mỗi năm nhiều phép lạ được giáo quyền và hội đồng y khoa xác nhận xảy ra tại đây.

Trở lại với chị Bernadette. Tháng 7 năm 1860, trong khi ủy ban điều tra tiến hành nghiên cứu sự kiện Lô Đức, cha sở Peyramale và ông thị trưởng Lourdes yêu cầu mẹ bé trên bệnh viện và trường học các nữ tu tại Nerves nhận Bernadette vào nội trú. Lúc đó Bernadette mười sáu tuổi và vẫn còn ngây thơ như đứa trẻ thơ. Gia đình chị mặc dầu nghèo khó, nhất định không nhận một trợ giúp nào khác ngoài việc cha sở thu xếp cho gia đình một chỗ trú ngụ khả quan hơn.

Tại nhà nội trú, Bernadette phải tiếp xúc với nhiều người tới phỏng vấn, điều tra. Các nữ tu tại đây ngạc nhiên vì lòng khiêm tốn và sức chịu đựng những cuộc phỏng vấn gay gắt đến mệt mỏi. Bernadette bị suyễn nặng, và đến mùa xuân năm 1862, hai lá phổi của chị bị tàn phá nặng nề. Khi cha tuyên úy ban Nhiệm Tích Xức Dầu Bệnh Nhân cho chị, chị mở mắt ra và xin uống nước suối, chị uống và lành bệnh.

Bernadette được chuyển sang nhà dòng ở phía bắc Lourdes, xa khoảng 500 cây số, tại đây chị tuyên khấn và trở thành nữ tu Marie Bernard. Chị sống khiêm tốn và ân dật cho tới khi chết, ngày 16 tháng 4 năm 1879, lúc ba mươi bốn tuổi.

Ngày 22 tháng 9 năm 1909, xác chị Marie Bernard (Bernadette) được khai quật. Xác chị còn nguyên vẹn tươi tốt, và án phong thánh cho chị được tiến hành. Ngày 3 tháng 4 năm 1919, 14 năm sau ngày khai quật lần thứ nhất, xác chị lại được khai quật và vẫn nguyên vẹn, chỉ một chút đổi màu trên da mặt chị. Chị được phong hiển thánh, thánh Bernadette, năm 1933.

ĐỨC MẸ PONTMAIN

TẠI PONTMAIN, PHÁP QUỐC, NĂM 1871

Sơ lược bối cảnh nơi Đức Mẹ hiện ra lần thứ bốn tại Nước Pháp trong thời gian 1858 – 1871: Nước Pháp trong hoàn cảnh tương đối thịnh vượng và ổn định mọi mặt. Tuy nhiên những chống đối Hoàng Đế Napoleon III và những tính toán của ông, đã đưa ông tới quyết định sai lầm gây ra Cuộc Chiến Crimea với Đức-Phổ. Ông tuyên chiến ngày 19 tháng 7, 1870 và kéo quân ra biên giới Đức-Pháp.

Ngày 4 tháng 8, 1870, quân Phổ vượt biên giới tràn vào Pháp, và bắt Hoàng Đế Napoleon III. Tại Paris, các phe chống đối truất phế ông khiếm diện. Ngày 16 tháng 1, 1871, quân Phổ tới vùng Brittany, chỉ cách Paris khoảng 250 cây số, cách thị trấn Laval và xóm Pontmain chỉ 15 cây số. Dân chúng sống trong lo âu phập phồng.

Trong đó có Pontmain, một làng khoảng 500 cư dân, đơn sơ và chăm chỉ. Giáo dân được linh mục Michel Abbé Guérin hướng dẫn. Gia đình Barbadette gồm ông bố César, bà vợ Victoire, với hai con trai Joseph và Eugene, 10 và 12 tuổi.

Gần 6 giờ chiều ngày 17 tháng 1 năm 1871, tại nông trại của ông Cesar Barbadette ở xóm Pontmain, thuộc thị xã Laval, cách Paris khoảng 230 cây số (kilomètre) về phía Tây, bà Details tới để báo tin cho gia đình về người con trai là August Friteau (cùng mẹ khác cha), ở mặt trận Pháp-Phổ tại biên giới Đức-Pháp. Lúc đó ông Cesar đang giúp hai cậu con làm bài.

Khi bà Details tới, cậu Eugène Barbadette, 12 tuổi, và Joseph, 10 tuổi, tuy yêu mến anh cùng mẹ khác cha là August Friteau, nhưng hai cậu không ở lại nghe tin tức, mà ra ngoài nhìn trời ngắm sao. Eugène nhìn lên trời phía nhà ông Augustine Guidecod, gần nhất ở phía bên kia đường, nhưng không thấy ánh sao nào. Cậu đang phân vân không biết tại sao. Trong khi Eugène chăm chú nhìn vào khoảng bầu trời không ánh sao đó, bất chợt cậu thấy một “Vị Phụ Nữ Đẹp” đứng cách nóc nhà ông Augustine khoảng 6 hoặc 7 mét. Thoạt mới thấy hiện tượng này, Eugène nghĩ rằng đó là dấu báo anh cùng mẹ khác cha của cậu tử trận. Nhưng sau cậu đổi ý nghĩ vì thấy Vị Phụ Nữ mỉm cười.

Eugène gọi bảo bà Details nhìn vào nhà ông Guidecoq xem có thấy gì không. Bà Details nói bà không thấy gì cả. Ông Cesar và Joseph lúc này tới cửa, nhưng ông Cesar không thấy gì cả, còn Joseph la lên “Có Vị Phụ Nữ đẹp và cao lớn” đứng trên không phía trên nóc nhà đó. Hai cậu thích thú trao đổi với nhau về những gì các cậu nhìn thấy.

Lời cậu Eugène nói sau này “Vị Phụ Nữ có khuôn mặt trái soan, luôn có nụ cười tuyệt vời trên môi. Người mặc áo dài xanh dương đậm, rộng và không có dây lưng. Trên áo có những ngôi sao vàng kim lóng lánh. Chân Người mang hài cùng màu với áo và có viền vàng kim. Người đội khăn choàng màu đen, phủ một phần trán, che mái tóc và hai tai, phủ xuống qua vai. Trên khăn choàng là chiếc mào vàng cần kim cương”.

Trong khi đó ông Cesar và bà Details vẫn không thấy gì cả. Bà Details ra về, ba cha con ông Cesar đi vào trong nhà. Ít phút sau ông bố bảo Eugène ra coi lại xem cậu có còn thấy gì nữa không. Eugène ra cửa nhìn và nói với ông bố:

- Thưa bố, có, Vị Phụ Nữ vẫn còn đó.

Bà Victoria, mẹ của Eugène và Joseph, từ trong bếp bước ra nhìn, nhưng bà cũng không thấy gì cả. Trong khi đó Joseph vỗ tay mừng “Vị Phụ Nữ đẹp”, nhưng bà mẹ bảo cậu đừng làm ồn vì mọi người đang nhìn vào gia đình.

Những tiếng nói lớn của hai cậu con trai làm lói xóm để ý. Bà Victoria bảo hai cậu đọc năm kinh Kính Mừng, rồi bà bảo hai cậu lại nhìn lên. Các cậu nói vẫn nhìn thấy Đấng Hiện Ra. Bà mẹ đeo kính lên mắt và chăm chú nhìn, nhưng cũng không thấy gì cả. Bà bảo mọi người đi vào ăn tối. Hai cậu đi vào trong nhà, nhưng mắt vẫn ngoái nhìn sang phía nhà ông Augustine.

Ăn xong, hai cậu lập tức chạy ra, và Vị Phụ Nữ vẫn yên tĩnh đứng đó. Hai cậu nói Vị Phụ Nữ đó tầm vóc bằng sơ Vitaline. Ông bà Cesar cho người đi mời sơ Vitaline tới. Sơ Vitaline cũng không thấy gì, và cùng bà Victoria trở lại nhà của sơ. Tại đây sơ Vitaline gặp Francoise Richer, 11 tuổi, Jeanne-Marie Lebosse, 9 tuổi, dẫn hai bé này tới nông trại của gia đình Barbadette, nhưng không nói với hai cô bé về thị kiến. Khi tới nơi, và vẫn chưa gặp hai cậu con trai, hai cô bé này đồng thanh nói hai cô thấy một "Vị Phụ Nữ đẹp mặc áo màu xanh có những ngôi sao bằng vàng", y như hai cậu con trai đã nói.

Sơ Marie-Edouard tới, nhưng cũng không thấy gì. Nhưng sơ nghĩ rằng các bé thơ có thể được thị kiến. Sơ Marie tới nhà ông Friteau, gần nhà ông Barbadette, dẫn cháu của ông Friteau là Eugèn Friteau tới, nhưng chú bé này không thấy gì cả. Sơ Marie-Edouard chạy tới nhà xứ, nói với cha sở (đã già và tật bệnh):

- Có phép lạ, một thị kiến! Máy đứa bé thấy Đức Trinh Nữ!

Và mời cha mau tới nhà ông Barbadette. Rồi sơ chạy đi trước tới nơi có thị kiến. Tại đây sơ quì gối cầu nguyện kinh Mân Côi. Trong khi đó, bà vợ ông Boitin với cô con

gái là Augustine Boitin, 2 tuổi, tới. Cô bé Augustine Boitin thích thú chỉ tay lên trời, la lên:

- Chúa Giêsu, Chúa Giêsu!

Lúc này có khoảng năm mươi người hiện diện, và cha sở cũng đã tới nơi hỏi các thiếu niên nhìn thấy gì. Các cô cậu nói với cha sở như đã nói với nhiều người trước đó. Từ lúc này trở đi, thị kiến thay đổi lần lần.

Eugène kể lại:

“Một Thánh Giá màu đỏ xuất hiện trên áo Vị Phụ Nữ nơi vị trí trái tim. Thánh Giá này lớn dần và Đức Mẹ phải lấy tay áp vào ngực. Lúc này Đức Mẹ đứng trong một vầng sáng hình bầu dục. Trong khuôn này có bốn cây nến (đèn cầy) chưa thắp sáng. Các ngôi sao trên nền trời bên ngoài vầng ánh sáng bắt đầu di chuyển sắp thành hai hàng dưới chân Đức Mẹ; lúc này các ngôi sao trên áo Đức Mẹ cũng tăng thêm nhiều hơn”.

Số người tới mỗi lúc mỗi đông hơn. Một số người ca hát, một số người quì gối. Giữa lúc này, anh Joseph Babin, một người ở Pontmain, lớn tiếng nói:

- Quân Phổ đã ở Laval rồi! Chúng ta phải cầu nguyện!

Lúc này, thị kiến sang một cảnh khác. Đức Mẹ đưa hai tay lên quá tầm vai, lòng bàn tay hướng ra ngoài (dấu này được coi là dấu Đức Mẹ ngăn chặn không cho quân Phổ tràn tới). Kế đến một mặt phẳng rộng màu trắng hiện ra dưới chân Đức Mẹ và bầu ánh sáng hình bầu dục, và dường như một bàn tay vô hình đang viết chữ rất đẹp trên nền đó.

Sơ Marie Edouart và sơ Vitaline hướng dẫn đám đông hát kinh Magnificat và các ca khúc khác. Hát xong, mọi người quì thình lặng, chỉ đôi khi các bé được thị kiến nói lên những cảnh mới của thị kiến hoặc các mẫu tự xuất hiện. Lần lượt các câu sau đây hiện ra trên nền trắng:

+ “Mais priez mes enfants = Nhưng, các con của Mẹ, các con phải cầu nguyện”.

+ “Dieu vous exaucera en peu de temps = Thiên Chúa sẽ sớm nhận lời cầu nguyện của các con”.

Khi câu thứ hai xuất hiện, Thánh Giá nơi ngực Đức Mẹ tăng kích thước, và Đức Mẹ phải lấy tay áp Thánh Giá vào ngực.

+ “Mon Fils se laisse toucher = Con của Mẹ xúc động”. Thánh Giá biến đi khi câu thứ ba này xuất hiện.

Đức Mẹ đưa tay ra và một ngôi sao di chuyển lần lượt thấp sáng bốn cây nến, rồi đến đậu trên mào nơi đầu Đức Mẹ. Sau khi bốn cây nến được thấp sáng, Đức Mẹ hạ tay xuống, và hai Thánh Giá nhỏ màu trắng xuất hiện trên hai vai Đức Mẹ.

Đến lúc này, các em được thị kiến đều nói một tấm khăn voan màu trắng lớn từ chân Đức Mẹ từ từ bay lên che khuất dần dần từ chân Đức Mẹ trở lên, cuối cùng chỉ còn khuôn mặt với nụ cười nhìn xuống các em được thị kiến. Sau cùng mặt Đức Mẹ cũng biến mất.

Thấy các em được thị kiến im lặng, cha sở hỏi:

- Các con còn thấy Đức Mẹ chứ?

Các em đồng thanh đáp:

- Thưa cha, không ạ. Đức Mẹ biến đi rồi.

Ngày hôm sau, tin tức về Đức Mẹ hiện ra tại Pontmain loan truyền tới Paris, và chỉ ba ngày sau được loan truyền khắp Nước Pháp.

Một sự kiện lịch sử cần ghi nhớ là khoảng 5 giờ 30 chiều ngày 17 tháng 1, 1871, quân đội Đức ngừng không tiến vào thị trấn Laval, khi Đức Mẹ bắt đầu hiện ra. Tin loan truyền là Tướng Schmidt, chỉ huy quân Phổ, nói:

- Chúng tôi không thể tiến xa hơn. Phía xa xa, về hướng Brittany, Đức Bà, không rõ hình, cản đường.

Nông trại của gia đình Barbadette sớm trở nên một linh địa, mà hằng ngày nhiều người tới cầu nguyện.

Ngày 2 tháng 2, 1875, đức giám mục Wicart, giáo phận Laval, tuyên bố:

“Chúng tôi nhìn nhận rằng Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, Mẹ Thiên Chúa, đã thực sự hiện ra với Eugène Barbadette, Joseph Barbadette, Francoise Richer, Jeanne-Marie Lebosse, tại xóm Pontmain. Chúng tôi, hết lòng khiêm nhượng và phục tòng, đặt phán quyết này dưới quyền Đức Thánh Cha, Trung Tâm Kết Hiệp và đầu não bất khả ngộ về chân lý của toàn thể Giáo Hội”.

Đại thánh đường được khởi đầu xây dựng trên phần đất nông trại của gia đình

Barbadette vào năm 1872. Kê đến nông trại của gia đình Guidecoq và khu vực nhà thờ giáo xứ cũng nhường chỗ cho toàn thể khu vực đại thánh đường nguy nga. Một tượng Đức Mẹ đứng tại phần đất nơi có ngôi nhà của gia đình Guidecoq mà Đức Mẹ đã đứng khi hiện ra. (1)

ĐỨC MẸ KNOCK | ĐỨC MẸ THINH LẶNG

TẠI KNOCK, ÁI NHĨ LAN, NĂM 1879

Knock là một xóm nghèo nàn, hẻo lánh, ít ai biết đến, nằm trên một đồi cao nhìn xuống một bãi lầy mênh mông, gần thị trấn Tuam. Một nhà nguyện được xây dựng vào năm 1829, khi Giáo Hội Công Giáo Ái Nhĩ Lan được tự do hành đạo. Nơi đây đã trở nên trung tâm hoạt động tôn giáo của vùng Knock và Aghamore thuộc Giáo Phận Tuam. Nhưng khi nạn đói kinh hoàng xảy ra năm 1879, nó chỉ còn khoảng 18 gia đình ở lại.

Những năm trước 1879, Ái Nhĩ Lan phải chịu đựng những khủng hoảng khôn đốn về chính trị, kinh tế, tôn giáo, và những lãnh vực khác. Những lần mất mùa khoai đói kém từ các năm 1840 đến 1851 là những đại họa xứ này phải chịu mà các quốc gia lân bang không cứu trợ.

Tình trạng kỳ thị trầm trọng giữa các giới quý phái và bình dân, giữa các chủ nhân và nhân công, giữa Công Giáo với Tin Lành, Anh Giáo, giữa người Ái Nhĩ Lan với người Anh. Trầm trọng nhất là giữa giới giàu với người nghèo nơi các xí nghiệp và nông trại.

Knock là một xóm nhỏ ở trên đồi nhìn xuống bãi lầy mênh mông, gần thị trấn Tuam ở giữa vùng lầy này. Vào thời gian Đức Mẹ hiện ra tại Knock, nơi này là một xóm nhỏ xa xôi hẻo lánh, nghèo nàn, ít ai biết. Nhà nguyện tại Knock được dựng lên vào năm 1829 khi Giáo Hội Công Giáo tại Ái Nhĩ Lan được chút tự do hành đạo. Nhà nguyện nhỏ này trở nên trung tâm sinh hoạt tôn giáo cho vùng Knock và Aghamore thuộc giáo phận Tuam. Nhưng khi nạn đói kinh hoàng xảy ra năm 1879, chỉ còn khoảng 18 gia đình ở lại Knock và vùng lân cận.

Ngày 21 tháng 8, 1879, Tổng Phó Tế Cavanaugh đi thăm các giáo dân trở về nhà xứ (nơi linh mục hoặc tu sĩ thuộc giáo xứ cư ngụ). Chị Mary McLoughlin, người trông coi nhà xứ, giúp Phó Tế Cavanaugh hong quần áo sũng nước của ngài và chuẩn bị bữa ăn tối và nơi ngụ cho ngài.

Khoảng 7 giờ 30 tối, Mary Beirne, con gái bà Margaret Beirne (cũng gọi là bà góa Beirne), tới nhà thờ để khóa cửa, cô thấy những hình người hoặc thứ gì sáng, nhưng cô không để ý. Cũng khoảng thời gian đó, bà Carty đi ngang qua nhà thờ và thấy những hình tượng đó; bà nghĩ bụng “Lại một cuộc lạc quyền đóng góp nữa, Chúa ơi, xin giúp chúng con”.

Khoảng 8 giờ 30 tối, chị Mary McLoughlin rời nhà xứ đi thăm người bạn là bà

Margaret Beirne. Khi chị bước đi ngang qua nhà thờ trong cơn mưa tầm tã, chị thấy ở đầu nhà thờ có “những khuôn mặt đẹp đẽ mà lạ và một bàn thờ”. Mặc dầu chị thấy có ánh sáng chung quanh các khuôn mặt đó, nhưng chị cho rằng thầy phó tế đã đặt mua các tượng đó từ Dublin đem tới và để ngoài mưa như thế. Không nghĩ gì thêm, chị tiếp tục đi tới nhà bà Margaret Beirne.

Tới nhà bà Margaret Beirne, chị Mary McLoughlin nói với bà này về điều bà thấy ở đầu nhà thờ trên đường tới đây. Cô con gái của bà chủ nhà cũng chia sẻ câu chuyện, và tình nguyện đi với chị Mary trở lại nhà xứ. Chị Mary McLoughlin và Mary Beirne thấy những hình ảnh lúc trước bây giờ càng sáng hơn. Hai người thấy các hình người đó dường như đứng trên đầu những lá cỏ, nhưng chân không chạm các lá cỏ đó. Hai chị cũng thấy là mưa không làm ướt đám cỏ ở đầu nhà thờ. Hai chị nhận ra hình ảnh thánh Giuse, Đức Mẹ và thánh Gioan (Tông Đồ).

Hai chị ngạc nhiên, và Mary Beirne chạy về báo cho mẹ và chị là Catherine Beirne, cô cháu gái là Catherine Murray, 8 tuổi, và anh/em trai của cô là Dominick. Mary Beirne hỏi những người này chạy mau tới nhà thờ vì “Đức Trinh Nữ ở đó”. Dominick bảo Mary (Beirne) đừng tự lừa dối mình. Nhưng Mary bất chấp và vội vàng chạy đi. Dominick khuyên mẹ đi tìm chị về “Đừng để người lối xóm cười”. Bà góa Beirne tới nhà thờ mà ướt sũng mưa, bà thấy các hình ảnh đó mà lúc này rực sáng hơn. Không lâu sau đó Dominick, Catherine Murray và một số người lối xóm cũng tới. Tất cả những người này đều chứng kiến việc hiện ra. Catherine Murray chạy đi kiểm di Margaret và nhiều người lối xóm khác cũng tới. Hầu như tất cả mọi người ở xóm Knock đều tới, nhìn thấy việc hiện ra; mọi người hiện diện đều được bao bọc trong bầu ánh sáng màu bạc êm dịu bao quanh các hình thánh. Thị kiến hôm nay kéo dài tới khoảng 11 giờ khuya.

Bà góa Beirne, một trong các người được thị kiến nói:

“Tôi lập tức đi tới nơi được chỉ. Khi tới nơi, tôi thấy rõ ràng ba hình ảnh. Lập tức tôi tới hôn, như tôi nghĩ, chân Đức Trinh Nữ; nhưng tôi không cảm thấy gì trong vòng tay ôm của tôi mà chỉ là bức tường phía sau ảnh đó, và tôi tự hỏi tại sao tôi không sờ được bằng tay tôi những hình ảnh tôi nhìn thấy rõ ràng”.

Bà Bridget Trench, lúc đó 75 tuổi, nói:

“Hình ảnh ba vị có vẻ bất động, tựa như các pho tượng; các hình ảnh đứng gần đầu nhà thờ và dường như cách đầu lá cỏ khoảng hai gang tay. Đức Trinh Nữ đứng giữa; Người mặc áo trắng, và có khăn choàng phủ từ đỉnh đầu tới chân.

“Hai bàn tay của Đức Trinh Nữ đưa lên cao như linh mục khi cầu nguyện trong Thánh Lễ. Tôi thấy rõ hai chân Đức Trinh Nữ và ba lần cố gắng hôn chân Người; Đức Trinh Nữ đội trên đầu thứ gì giống như vương miện, và cặp mắt Người nhìn lên trời.

“Lúc đó trời mưa như trút, nhưng không một giọt mưa nào rơi trên ba hình thánh đó. Tôi cẩn thận sờ đất, đất hoàn toàn khô. Gió từ hướng nam thổi tới, thổi vào đầu nhà thờ, nhưng không một giọt nước mưa nào rơi vào nơi các hình thánh đứng. Tôi không thấy có cử động nào nơi các hình thánh”.

Chị Mary Beirne nói:

“(Hình ảnh) Đức Trinh Nữ bằng tầm vóc người thực, hình thánh Giuse và thánh Gioan Tông Đồ không quá lớn hoặc quá cao so với hình Đức Trinh Nữ; ba vị đứng cách tường đầu nhà thờ một khoảng, và cách mặt đất khoảng một gang rưỡi hoặc hai gang tay”.

“Đức Trinh Nữ đứng thẳng, cặp mắt ngược nhìn lên trời, hai bàn tay ngửa và đưa lên cao qua khỏi vai hoặc cao hơn một chút; Người mặc áo choàng rộng màu trắng; trên đầu Người có vương miện vàng”.

“Hình thánh Giuse, đầu ngài hơi nghiêng về phía Đức Trinh Nữ, như thể ngài tỏ lòng tôn kính Đức Trinh Nữ; thánh Giuse có mái tóc và râu màu muối tiêu. Hình ảnh thứ ba có vẻ là thánh Gioan Tông Đồ”.

“Một con chiên đứng trên bàn thờ, nhìn vào thánh Gioan Tông Đồ. Tôi không nhìn thấy hình thánh giá hoặc ảnh chịu nạn nào cả. Tôi thấy những ngôi sao vàng kim trên mình và chung quanh con chiên. Tôi nhìn hình ảnh này từ lúc 8g15 đến 9g30 tối. Trong thời gian này trời mưa tầm tã”.

Đức Mẹ, Thánh Giuse và Thánh Gioan Tông Đồ hiện ra tại Knock tất cả khoảng bốn lần. Lần thứ hai vào ngày 2 tháng 1, 1880. Lần này Tổng Phó Tế Cavanaugh và hai người khác nữa chứng kiến. Lần thứ ba vào đêm ngày 5 tháng 1, 1880. Lần này có đông người thị kiến và hai viên chức Hoàng Gia Ái Nhĩ Lan đồn trú tại Knock giữ trật tự. Đêm ngày 6 tháng 1, 1880, rất đông người hơn nữa được thị kiến, có cả những người từ thị xã Claremorris lân cận cũng tới và được thị kiến.

Trong những lần hiện ra này, có những hiện tượng lạ lùng như những trái cầu rực sáng hoặc những vòng hào quang di chuyển tới lui trên thánh đường và các nơi khác trong khu vực Knock. Nhiều người cho hiện tượng này do khí vùng lầy phát ra. Nhưng những ý kiến đó đã bị các phép lạ chữa lành bệnh xảy ra tại Knock đánh bại. Những

phép lạ điển hình là một phụ nữ, 28 tuổi, bị điếc từ lúc 6 tuổi, đã nghe lại được sau khi đến cầu nguyện tại thánh đường Knock. Michael Ansborough và John Mckenna, bị mù khoảng 10 năm, lại được sáng mắt. Bà Mary Prendergast, suốt nhiều năm không đi đứng được, đã khỏi bệnh đứng lên đi lại không cần ai giúp, sau khi được đưa tới đầu nhà thờ nơi Đức Mẹ, thánh Giuse và thánh Gioan Tông Đồ hiện ra. Tới nay đã có hơn ba trăm phép lạ chữa lành bệnh tại Knock, tuy nhiên các phép lạ này không được khảo nghiệm và chứng minh theo tiêu chuẩn tại Lộ Đức.

Giáo quyền chưa có cơ hội xét và chính thức nhìn nhận sự kiện thiên đàng hiện ra tại Knock, vì hai lần ủy ban điều tra được thành lập đều không đem lại kết quả cuối cùng. Tuy nhiên mỗi năm vẫn có hàng ngàn người đến Knock để cầu nguyện và xin ơn.

Đức Mẹ hiện ra tại Knock, Ái Nhĩ Lan, được gọi là “Đức Mẹ Thinh Lặng” vì trong những lần hiện ra tại đây, Đức Mẹ không nói lời nào cả. Người ta coi việc Đức Mẹ hiện ra tại Knock là để an ủi và cứu trợ con cái Mẹ. Chính nhờ sự kiện này mà chỉ vài năm sau, một trận đói khác xảy ra tại vùng này, đã được các quốc gia lân bang gửi thực phẩm cứu trợ tới Ái Nhĩ Lan kịp thời.

Tới nay, thánh đường nhỏ tại Knock vẫn là một linh địa hành hương. Một phi trường được thiết lập phía ngoài Knock để thỏa mãn nhu cầu di chuyển. Đầu nhà thờ phía nam, nơi Đức Mẹ, thánh Giuse và thánh Gioan Tông Đồ hiện ra, nay được bao bằng kính.

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tới viếng nhà nguyện Knock khi đến thăm Ái Nhĩ Lan. Việc Đức Thánh Cha tới thăm nơi thiên đàng hiện ra được coi là mặc nhiên công nhận sự việc.

ĐỨC MẸ TILLY-SUR-SEULLES

TẠI TILLY-SUR-SEULLES, PHÁP, NĂM 1896

Đức Mẹ hiện ra tại Tilly-Sur-Seulles đặc biệt khác với những lần trước.

Khoảng 4 giờ chiều một ngày tháng Ba năm 1896, một cậu học sinh từ trong lớp học liếc nhìn qua cửa sổ ngó ra cánh đồng, cậu nhìn thấy một Vị Phụ Nữ đẹp từ trời từ từ xuống. Cậu kêu lên và các học sinh khác trong lớp, cả cô giáo (nữ tu), ùa tới các cửa sổ và nhìn thấy cũng hình ảnh đó. Vị Phụ Nữ đáp xuống đứng trên một cây sồi ở giữa cánh đồng trống.

Sáu mươi học sinh và ba nữ tu rời trường chạy tới cánh đồng để nhìn gần Vị Phụ Nữ đẹp. Tất cả đều nhìn thấy Đấng Hiện Ra. Đức Mẹ đứng trong vòng ánh sáng hình bầu dục phát ra tia sáng màu lá cây, đỏ, hồng, xanh dương, và vàng. Vị Phụ Nữ có dáng vóc người thực, mặc áo rộng theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, lấp lánh và màu sắc thay đổi. Tuy nhiên không phải chỉ có học sinh và các nữ tu tới đó, mà nhiều người cũng tới và thấy Đấng Hiện Ra. Đa số người hiện diện quì gối cầu nguyện. Mọi người tin rằng Đức Mẹ hiện ra. Một lát sau, Đức Mẹ biến đi. Nhưng thị kiến xảy ra liên tiếp những ngày sau đó và cách quãng trong thời gian bốn năm. Các lần thị kiến đều xảy ra giữa ban ngày. Sau những lần đầu, các người được thị kiến về sau thường ở trong tình trạng xuất thần, bất tỉnh, tuy nhiên mắt họ dán vào nơi thị kiến, và không phản ứng trước những châm chích, ngắt nhéo, hoặc vỗ mạnh vào má.

Ngày ngày số người tới và được thị kiến càng đông. Nhưng không phải mọi người đều nhìn thấy Đức Mẹ, và không phải mọi người đều thấy những cảnh giống nhau. Diễn tiến này xảy ra nhiều giai đoạn và nhiều cảnh đối chọi nhau khiến người ta có nhiều nghi vấn và ý kiến khác nhau. Những hình ảnh người ta thấy có tính cách tiên tri và khả huyền, những biến cố hãi hùng như thời gian tận thế. Một số người thị kiến các thánh, thiên thần, quỷ, và những hình ảnh ghê sợ khác. Nhiều người được thị kiến cảnh chiến đấu giữa các thiên thần và ma quỷ. Nhiều người được thị kiến biến đổi cơ thể, vụn vẹo hoặc co quắp thân thể, cách lạ lùng mà chỉ sau này người ta mới hiểu đó là hình ảnh của những biến cố khủng khiếp sẽ xảy ra.

Một số người được thị kiến nhắc lại lời Đức Mẹ kêu gọi mọi người cầu nguyện. Thiên Chúa gửi Mẹ Maria đến với con cái trần gian để cảnh cáo, kêu gọi con cái Chúa và Mẹ ăn năn thống hối; để báo trước những thiên tai mà con cái Mẹ cần phải cầu nguyện để được cứu thoát hoặc được giảm thiểu; để thông báo thánh ý Thiên Chúa cho con cái Mẹ tuân theo hầu mưu cầu hạnh phúc đời này và đời sau.

Đức Mẹ hiện ra tại Tilly-Sur-Seulles trong thời kỳ tương đối ổn định, thịnh vượng. Không ai ngờ được những kinh hoàng sớm xuất hiện, và Thời Đại Vô Chính Phủ (1903-1906) xảy ra ngay sau lần Đức Mẹ hiện ra này và sau đó là Thế Chiến I. Toàn thể khu vực chung quanh Tilly-Sur-Seulles và duyên hải Normandy trở nên chiến địa kinh hoàng, những chiến hào, bùn lầy, những vũ khí giết người, bệnh tật, đói khát, chết chóc, hàng ngàn xác chết rữa nát không ai chôn cất và những nấm mồ tập thể. Thế Chiến I kéo dài bốn năm với những khốc liệt khủng khiếp được báo trước qua các hình ảnh của các người được thị kiến trong thời gian bốn năm những lần Đức Mẹ hiện ra tại Tilly-Sur-Seulles.

ĐỨC MẸ HIỆN RA TẠI MANTARA

TẠI MANTARA, LEBANON, NĂM 1908 – 1911

Mantara, ngoại ô của thị xã Sidon, cũng gọi là Saida, ở miền đồi núi phía nam Núi Lebanon. Năm 1908, một số khu nhà tranh nghèo nàn nằm giữa vùng đồi núi và thành phố Sidon. Sidon là một trong các hải cảng quang trọng phía đông Địa Trung Hải của người Phoenicians và được dựng lên khoảng 1400 năm trước Chúa giáng sinh, và năng được nhắc tới trong Phúc Âm.

Tại một trong những xóm làng ở vùng Mantara, có một xóm/làng Kitô hữu Ai Cập, tại đây có một hang đá rộng (rộng và sâu hơn hang đá Lộ Đức). Tương truyền rằng tại hang đá này, thánh nữ Maria Magdalena đã nhiều lần hiện ra. Đức Trinh Nữ cũng một số lần hiện ra tại đây. Lưu truyền rằng thánh Maria Magdalena đẹp nhưng không đẹp bằng Đức Trinh Nữ, thánh Maria Magdalena nhỏ con hơn Đức Trinh Nữ, nhưng tóc thánh nữ vàng hơn.

Lưu truyền rằng thánh Maria Magdalena yêu cầu hang đá này phải là “Nơi hoàn toàn yên lặng, không ai ăn uống gì tại đây. Nơi này phải triệt để im lặng dành cho những trái tim chờ đợi Chúa Giêsu Kitô trở lại”.

Một nhà nguyện nhỏ có tường, có vách ngăn và cửa sổ, được dựng trong lòng hang đá này, nhưng vào năm 1908, khi có sự kiện thiên đàng hiện ra tại đây được nói trong chương này, thì hầu như hư tàn. Trong những năm 1908 đến 1911, nhiều người nói họ nhìn thấy một bóng sáng hiện ra ở trong hang đá hoặc phía ngoài gần đó, nhưng suốt bốn năm đó không có sự việc đặc biệt nào được ghi nhận. Từ ngày có tin là người ta thấy bóng sáng hiện ra tại hang đá ở Mantara, Bề Trên Nicola Halabi đôi khi đến dâng thánh lễ tại đây. Vì thế một bàn thờ được thiết lập thoạt đầu ở cửa hang đá, sau di vào trong hang đá. Hai hoặc ba căn phòng trong nhà nguyện được sửa lại.

Sáng sớm ngày 11 tháng 6, 1911, Bề Trên Nicola Halabi dâng thánh lễ tại đây và có khoảng 60 người tham dự. Khoảng 7 giờ tối, một nhóm phỏng chừng 50 phụ nữ trở lại hang đá. Bảy người trong số 50 người này tới gần hang đá trước và họ bị lóa mắt vì làn ánh sáng từ bàn thờ ở trong nhà nguyện phát ra (nhà nguyện cách cửa hang đá chừng 10 mét). Thoạt tiên, các bà này nghĩ bầu ánh sáng đó là phản chiếu ánh mặt trời đang lặn ở phía sau lưng họ. Nhưng cường độ ánh sáng càng tăng thêm và bắt đầu phát ra nhiều màu sắc kỳ lạ. Các bà này không im lặng được nữa, mà la lên báo cho các người khác tới coi sự lạ. Có khoảng 60 người đã vào hang đá và tất cả đều lóa mắt, vì ánh sáng cực mạnh đến độ không thể nhìn thẳng vào bầu ánh sáng đó được.

Nhưng chỉ ít phút sau, ánh sáng giảm cường độ và trở nên những bóng mây sáng từ đó tỏa ra những tia sáng muôn màu và những ánh sáng lóng lánh khác. Ở giữa bầu ánh sáng đó, người ta thấy một Vị Phụ Nữ mà mọi người lập tức nhìn nhận là Đức Trinh Nữ vì Người bồng Chúa Hài Đồng.

Một số bà chạy xuống đồi lớn tiếng báo tin Đức Trinh Nữ Maria hiện ra. Tin Đức Mẹ hiện ra đã mau chóng loan truyền khắp các làng xóm lân cận, và rất đông người đến hang đá, trong số đó có cả Bề Trên Nicola Halabi và vị phụ tá. Đức Mẹ hiện ra lần này lâu khoảng hai hoặc ba tiếng đồng hồ. Tất cả những người tới gần bàn thờ lúc này đều được thấy Đức Mẹ. Đức Mẹ còn hiện ra ba hoặc bốn lần vào những ngày kế tiếp. Tờ báo địa phương ước lượng có trên 400 người đã được thấy Đức Mẹ.

Đức Mẹ hiện ra bồng Chúa Hài Đồng đứng trong bầu ánh sáng. Chúa Hài Đồng và Đức Mẹ không nói gì, nhưng nhìn đám đông tụ họp, trong khi đó Đức Trinh Nữ âu yếm đón nhận tất cả bằng cách gật đầu, ánh mắt nhìn, cử động của hai bàn tay, và nụ cười hài lòng.

Những xáo trộn chính trị tại vùng Trung Đông nhất là những biến cố tại Lebanon trong thế kỷ này đã khiến ít người lưu ý tới Mantara.

CHÚA GIÊSU VÀ MẸ MARIA HIỆN RA TẠI BỈ

TẠI BỈ, NĂM 1910

Bà Berthe Petit, một phụ nữ người Belgique (Bỉ), 1870 – 1943, được thị kiến Chúa Giêsu và Mẹ Maria nhiều lần.

Năm 1910, bà thấy Thánh Tâm Chúa Giêsu và Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria nhập làm một, Chúa Giêsu nói với bà:

- Con phải nghĩ đến Trái Tim Mẹ Cha như nghĩ đến Thánh Tâm Cha; sống trong Trái Tim này như con mưu tìm sống trong Thánh Tâm Cha; tận hiến cho Trái Tim Mẹ Cha như con tận hiến cho Thánh Tâm Cha. Con phải truyền bá lòng yêu mến Trái Tim này hoàn toàn hiệp nhất với Thánh Tâm Cha.

Một vài ngày sau, Chúa Giêsu hiện ra nói với bà Berthe:

- Thế giới phải được tận hiến cho Trái Tim Tân Khổ và Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ của Cha, như được tận hiến cho Thánh Tâm Cha.

Bà Berthe thấy cảnh cả thế giới được đổi mới nhờ sự tận hiến này.

Từ các năm 1914 – 1945, bà Berthe được nhiều mạc khải về các biến cố tương lai và ý nghĩa tiềm ẩn của các biến cố đó. Khi Quận Công Ferdinand, Nước Áo, bị ám sát ở Sarajevo, Chúa Giêsu nói:

- Bây giờ các biến cố khởi đầu dồn dập xuất hiện dẫn tới sự biểu lộ cả thể của đức công thẳng của Cha.

Khi Hiệp Ước (Hòa Bình) được ký kết, Chúa nói:

- Chẳng bao lâu người ta sẽ thấy bấp bênh chừng nào cái nền hòa bình được thiết lập mà không có Cha và không có sự chứng kiến của đại diện Cha (Đức Thánh Cha). Quốc gia coi như bị đánh bại đó, sức mạnh của nó chỉ tạm thời giảm thiểu, vẫn còn là mối đe dọa đối với đất nước quê hương của con và Nước Pháp... Chiến tranh sẽ lại bùng lên khắp nơi; những cuộc nội chiến, những xung đột chủng tộc. Điều đáng lẽ ra hết sức vĩ đại, hết sức chân thực, hết sức đẹp đẽ, hết sức lâu bền, bị trì hoãn... Nhân loại đang xô tới cơn bão lốc kinh sợ, cơn lốc này sẽ chia rẽ các quốc gia hơn nữa, toàn thể các kế hoạch của loài người sẽ bị xóa sạch...

Năm 1922, Chúa nói về "... thiên tai kinh hoàng sẽ xảy ra làm đảo lộn hết tất cả mọi

toan tính hiện tại của loài người và những chính sách khôn nạn của họ”.

Tháng 1 năm 1940, Chúa bảo bà Berthe Petit:

- Nước Bỉ sẽ bị xâm chiếm.

Việc này xảy ra đúng 3 tháng sau. Năm 1941, Chúa bảo đảm với bà rằng Nước Bỉ sẽ lại phồn thịnh và “việc giải phóng nước đó là việc của hai Thánh Tâm”.

Sau cùng, năm 1942, trước khi bà từ trần và 2 năm trước khi bom nguyên tử rơi xuống Hiroshima, Chúa Giêsu nói với bà Berthe:

“Một cơn lốc kinh hoàng sắp sửa xảy ra. Người ta sẽ thấy rằng những sức mạnh được phóng đi trong lúc tức giận như thế sẽ sớm bị thả lỏng. Ngay bây giờ hoặc không bao giờ là lúc tất cả loài người tận hiến cho Trái Tim Tân Khổ Mẹ của Cha”.

“Do sự chấp nhận của Người trên đồi Calvary, Mẹ của Cha đã chia sẻ tất cả mọi đau đớn thống khổ của Cha. Tôn sùng Trái Tim Mẹ của Cha kết hợp với Thánh Tâm Cha sẽ đem lại hòa bình, thứ hòa bình đích thực rất nặng được nài xin nhưng vẫn còn quá ít xứng đáng”.

Để tiêu biểu cho việc sùng kính này, Chúa Giêsu chỉ cho bà Berthe ảnh Đức Mẹ được kính tại Nữ Tu Viện Biển Đức ở Olligenies, Nước Bỉ. Năm 1918, khi quân đội chiếm đóng rút lui khỏi trường học của nhà dòng, một nữ tu tìm thấy nơi hầm nhà một hình tạc tữu dán trên tấm bìa cứng. Xé tấm hình dơ bẩn đó đi, chị nữ tu khám phá ra ảnh Mẹ Maria, nơi tay cầm bông huệ trắng, tay phải chỉ vào Trái Tim Tân Khổ của Mẹ, Trái Tim Mẹ bị lưỡi gươm xuyên thấu và rục lửa chung quanh. Các nữ tu Biển Đức đặt ảnh Đức Mẹ nơi trang nghiêm và chẳng bao lâu nhiều người cầu nguyện trước ảnh Đức Mẹ Trái Tim Tân Khổ này đã được nhiều ơn lành. Bà Berthe và các cộng sự in ảnh này để phổ biến, có kèm theo lời nguyện: “Lạy Trái Tim Tân Khổ và Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria, xin cầu cho chúng con chạy đến kêu cầu Mẹ”.

Lược trích việc đền tạ Thánh Tâm Chúa Giêsu 9 thứ sáu đầu tháng:

Liên kết với lời Chúa Giêsu nói với bà Berthe về việc đền tạ Thánh Tâm Chúa và Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria, chúng tôi sơ lược lại việc Rước Lễ Tận Hiến Đền Tạ Thánh Tâm Chúa chín thứ Sáu đầu tháng mà Chúa đã dạy thánh Mary Margarete Alacoque. Việc đền tạ Thánh Tâm Chúa các thứ Sáu đầu tháng rất phổ biến và thịnh hành khắp thế giới.

Sau đây là lời Chúa Giêsu nói với thánh nữ Mary Margarete Alacoque về Mười Hai

Điều Trái Tim Cực Thánh Chúa hứa cho những ai xưng tội rước Lễ tận hiến đền tạ Thánh Tâm Chúa Giêsu chín thứ Sáu đầu tháng liên tiếp:

1. Cha sẽ ban mọi ơn lành cần thiết cho cuộc sống của những người đó.
2. Cha sẽ ban hòa bình trong gia đình họ.
3. Cha sẽ an ủi họ trong mọi cơn bão rôi gian nguy.
4. Những người đó sẽ tìm được nơi Thánh Tâm Cha chốn nương náu vững chắc an toàn trong suốt cuộc sống và nhất là trong giờ lâm chung (giờ chết).
5. Cha sẽ đổ tràn đầy ân sủng trên mọi việc những người đó làm.
6. Những kẻ tội lỗi sẽ tìm thấy trong Thánh Tâm Cha biển nguồn thương xót vô tận.
7. Những linh hồn khô khan sẽ trở nên sốt sắng.
8. Những linh hồn sốt sắng sẽ mau chóng tiến tới trọn lành.
9. Cha sẽ chúc lành cho các gia đình nơi ảnh Thánh Tâm Cha được trưng bày và tôn kính.
10. Cha sẽ ban cho các linh mục sức mạnh đánh động những tâm hồn chai đá nhất.
11. Cha sẽ viết tên những ai truyền bá việc sùng kính này nơi Thánh Tâm Cha, và những tên đó sẽ không khi nào bị xóa.
12. Tình yêu toàn năng của Thánh Tâm Cha sẽ ban cho tất cả những ai rước Lễ chín Thứ Sáu đầu tháng liên tiếp ơn thống hối trong giờ lâm chung; những người này sẽ không chết trong khi mất lòng Cha; cũng không chết mà không được lãnh các Phép Bí Tích; Thánh Tâm Cha sẽ là nơi nương náu an toàn bảo đảm cho những người này trong giờ phút cuối cùng cuộc đời họ”.

Thánh Magarita nói tiếp:

“... và Chúa cho con thấy Chúa hết sức khao khát được mọi người yêu mến, Chúa khao khát lôi kéo người ta ra khỏi đường lối diệt vong mà Satan xô đẩy biết bao người vào đó. Tình yêu khao khát của Thánh Tâm Chúa thúc đẩy Chúa tỏ ra cho mọi người thấy Thánh Tâm Chúa chứa đựng mọi kho tàng yêu mến, xót thương, ân sủng, thánh hóa và cứu độ, để những ai ao ước tận hiến cho Chúa, hết lòng làm vinh danh Chúa và làm cho nhiều người yêu mến Chúa, được tràn đầy mọi kho tàng thánh thiện mà

Thánh Tâm Chúa là nguồn mạch. Chúa phải được tôn thờ dưới hình ảnh Thánh Tâm, và ảnh Thánh Tâm phải được trưng bày tôn kính cách đặc biệt, Chúa sẽ tuôn đổ tràn đầy thánh sủng và ân huệ. Việc tận hiến này là nỗ lực sau cùng của lòng yêu thương Chúa ban cho nhân loại trong thời đại sau cùng này để kéo nhân loại ra khỏi bẫy quyền của Satan mà Chúa muốn tận diệt, và do đó đưa nhân loại vào cuộc sống tự do ngọt ngào của tình Chúa yêu thương ngự trị mà Chúa muốn bồi đắp trong tâm hồn những ai yêu mến việc tận hiến này”.

Sơ lược về thánh Mary Margarete Alacoque:

Thánh Mary Margarete Alacoque sinh ngày 22 tháng 7 năm 1647 tại l'Hautecour, Burgundy, Pháp. Khi thánh nữ tám tuổi, cha của thánh nữ qua đời và gia đình gửi thánh nữ vào trường các nữ tu dòng thánh Clara Khó Nghèo tại Charolles. Thánh nữ bị bệnh đau khớp xương làm cho liệt suốt năm năm cho tới tuổi mười lăm. Thánh nữ sớm yêu mến Phép Thánh Thể. Thánh nữ từ chối hôn nhân và năm 1671 nhập nữ tu viện Thăm Viếng tại Paray le Monial và tuyên khấn một năm sau đó. Khi thánh nữ hai mươi tuổi, Chúa Giêsu bắt đầu hiện ra với thánh nữ. Từ ngày 27 tháng 12 năm 1673 và liên tiếp một năm rưỡi, thánh nữ được Chúa mặc khải cho nhiều điều. Trong các mặc khải này Chúa cho thánh nữ biết thánh nữ được Chúa chọn làm dụng cụ truyền bá lòng tôn sùng Thánh Tâm Chúa, chỉ dạy thánh nữ những điều liên quan đến việc Đền Tạ Thánh Tâm Chúa chín Thứ Sáu đầu tháng và Giờ Thánh, và yêu cầu Giáo Hội lập Lễ Thánh Tâm Chúa.

Bị bề trên, Mẹ de Saumaise, từ chối khi theo đuổi các chỉ dẫn mà thánh nữ nhận được trong các thị kiến, sau cùng thánh nữ thuyết phục được Mẹ Bề Trên, nhưng không thuyết phục được nhóm các nhà thần học về tính cách xác thực của những lần Chúa hiện ra, cũng không đạt được sự tin tưởng của các chị em trong dòng. Thánh nữ được thánh Claud la Colombière, cha giải tội của nhà dòng trong một thời gian, ngài tuyên bố các lần Chúa hiện ra là đích thực. Năm 1683, việc chống đối chấm dứt khi Mẹ Melin được cử làm bề trên và cử thánh nữ Mary Margarete làm phụ tá. Về sau thánh nữ giữ chức giáo tập. Từ năm 1686, riêng nhà dòng bắt đầu mừng lễ Thánh Tâm Chúa. Hai năm sau một nguyện đường được xây dựng để tôn kính Thánh Tâm Chúa được xây dựng tại Paray le Monial. Việc tôn thờ Thánh Tâm Chúa đã sớm được thể hiện tại nhiều tu viện khác của dòng Thăm Viếng.

Thánh Mary Margarete Alacoque từ trần tại Paray le Monial ngày 17 tháng 10 năm 1690 và được phong hiển thánh năm 1920. Thánh Mary Margarete Alacoque, thánh Gioan Eudes, thánh Claud La Colombière được xưng tụng là “Các thánh của Thánh Tâm Chúa”. Năm 1675, Đức Thánh Cha Clement XIII chính thức nhìn nhận việc tôn

thờ Thánh Tâm Chúa trong Giáo Hội.

ĐỨC MẸ FATIMA

TẠI FATIMA, BÒ ĐÀO NHA, NĂM 1917

Những thập niên cuối thế kỷ 19 và hai thập niên đầu thế kỷ 20 là thời kỳ đen tối và cũng đặc biệt nhất trong lịch sử quốc gia và dân tộc Bồ Đào Nha. Quốc gia này vốn theo thể chế quân chủ và hầu như toàn tòng Công Giáo, cho tới những năm 1890 – 1899 và thập kỷ đầu thế kỷ 20, Bồ Đào Nha là một quốc gia quân chủ và mộ đạo gắn liền với Giáo Hội Công Giáo. Thống kê nói vào thời gian này có lúc cứ 9 người thì 2 người là linh mục hoặc tu sĩ.

Từ những năm cuối thế kỷ 19, các lực lượng chống hoàng gia và giáo hội bắt đầu thành hình. Năm 1900, các lực lượng này kết hợp với nhau trong chủ trương “vị vua cuối cùng sẽ bị treo cổ cùng với ruột gan của vị linh mục cuối cùng”. Năm 1908, vua Charles I và hoàng thái tử bị ám sát. Năm 1910 vua Manuel I trốn sang Anh Quốc, và chính thể cộng hòa cách mạng cầm quyền. Chính quyền này theo chủ trương Marxist, vô thần, xã hội, tự do tư tưởng. Chính quyền mới đã cai trị dựa trên căn bản khủng bố tàn bạo và gây sợ hãi.

Thống kê cho thấy trong các năm 1911 – 1916, ít nhất 17 ngàn linh mục, tu sĩ nam nữ bị giết, hoặc riêng rẽ hoặc tập thể. Đôi khi ruột gan và đầu của người bị giết bị treo vào cây sào đem riêu ngoài đường phố để khủng bố tinh thần các linh mục, tu sĩ, còn sót lại. Tất cả các thánh đường đều bị đóng cửa hoặc tiêu hủy. Không một ai dám đi dự Thánh Lễ, cả kinh Mân Côi cũng không dám cầu nguyện công khai. Ảnh tượng Chúa, Đức Mẹ và các thánh bị chà đạp giữa đường phố. Sự sợ hãi thống trị – và tôn giáo như đã chết. Trong khi đó Thế Chiến I, một trong những đại ác họa của nhân loại, xảy ra tại Âu Châu.

Thiên thần dọn đường

Năm 1915, Lucia dos Santos, một cô bé mập mạp, 8 tuổi, thuộc xóm Aljustrel, giáo xứ Fatima, cùng với hai chị em cô Maria Rosa và Teresa Matias và cô Maria Justino thuộc xóm Velha, đang chăn cừu tại núi Cabeco. Ăn trưa xong, bốn cô đọc kinh Mân Côi theo truyền thống yêu mến Đức Mẹ tại miền Fatima. Chính lúc đó các cô thấy một bóng người trắng hơn tuyết bay là là trên ngọn cây trong thung lũng phía dưới chân các cô. Riêng Lucia thấy bóng dáng này ba lần, nhưng không biết là gì.

Đến năm 1916, bóng trắng này chính là thiên thần ba lần hiện ra với Lucia, và hai em họ là Jacinta và Francisco Marto. Lần thứ nhất khi ba chị em đang chăn cừu cho gia đình tại Chousa Velha. Thiên thần hiện ra với các em trong hang đá nơi các em ăn trưa

và đọc kinh Mân Côi xong. Thiên thần nói với các em:

- Các bé đừng sợ. Tôi là Thiên Thần Hòa Bình. Mời các bé cầu nguyện chung với tôi.

Nói xong, thiên thần quì sấp mình tới khi trán chạm đất. Các bé cũng bắt chước thiên thần trong tư thế phủ phục đó. Khi đó thiên thần dâng lời nguyện:

- Lạy Thiên Chúa, con tin, con thờ lạy, con trông cậy, và con yêu mến Chúa. Con tha thiết xin Chúa tha thứ cho những kẻ không tin, không thờ lạy, không cậy trông, và không yêu mến Chúa.

Sau khi dâng ba lần lời nguyện này, thiên thần nói với các bé:

- Các bé hãy cầu nguyện như vậy. Thánh Tâm Chúa Giêsu và Đức Mẹ Maria lắng nghe lời các bé cầu nguyện.

Thiên thần hiện ra lần thứ hai với các bé tại núi Cabeco, trên đường các bé dẫn đàn cừu về nhà khoảng 9 hoặc 10 giờ sáng vì trời quá nóng. Thiên thần hỏi:

- Các bé đang làm gì thế? Các bé hãy cầu nguyện, cầu nguyện thật nhiều! Thánh Tâm Chúa Giêsu và Đức Maria yêu thương các bé. Các bé hãy liên tục dâng lời cầu nguyện và hy sinh lên Thiên Chúa Tối Cao.

Lucia hỏi:

- Làm cách nào chúng con dâng được các hy sinh?

Thiên thần đáp:

- Các bé hy sinh trong bất cứ điều gì có thể, và dâng lên Thiên Chúa làm của lễ đền tạ vì tội lỗi xúc phạm đến Thiên Chúa và làm của lễ cầu xin cho người tội lỗi ăn năn trở lại. Bằng cách này, các bé xin được hòa bình cho quê hương các bé. Tôi là Thiên Thần bảo vệ, Thiên Thần của nước Bồ Đào Nha. Trên hết, các bé hãy tiếp nhận và vâng chịu những đau khổ Chúa sẽ gởi đến cho các bé.

Thiên thần hiện ra lần thứ ba vào mùa thu năm 1916. Cũng chính tại hốc đá núi Cabeco, ba chị em mục tử đọc kinh Mân Côi và lời cầu nguyện Thiên Thần dạy xong. Thiên thần hiện ra, trong tay cầm Chén Thánh, và trên Chén Thánh, Thiên Thần cầm Bánh Thánh. Từ Bánh Thánh những Giọt Máu chảy vào trong Chén Thánh. Để Chén Thánh và Bánh Thánh trên không trung, Thiên Thần quì sấp mình xuống đất, đọc ba lần lời cầu nguyện sau đây:

- Lạy Thiên Chúa Ba Ngôi Cực Thánh, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Linh, con thờ lạy Chúa thăm sâu và dâng lên Chúa Thân Xác, Máu và Linh Hồn Cực Châu Báu và Thiên Tính của Chúa Giêsu Kitô, hiện diện trong các Nhà Châu trên khắp thế giới, để đền tạ những tội xúc phạm, những tội bất kính và hững hờ chính Chúa Giêsu Kitô phải chịu. Nhờ công nghiệp vô cùng Trái Tim Cực Thánh Chúa Giêsu và công nghiệp vô cùng Đức Maria, con nài xin Chúa thánh hóa các người tội lỗi khôn nạn.

Thiên Thần đứng dậy, cầm Chén Thánh và Bánh Thánh, đặt Bánh Thánh vào lưỡi Lucia. Thiên Thần cho Jacinta và Francisco uống Máu Thánh. Khi phân phát Mình và Máu Thánh Chúa cho ba bé, Thiên Thần nói:

- Các em hãy ăn Mình và uống Máu Thánh Chúa Giêsu Kitô bị loài người xúc phạm kinh khủng. Các bé hãy làm việc đền tạ vì tội lỗi nhân loại và an ủi Thiên Chúa của các bé.

Thiên Thần lại sắp mình xuống đất đọc chung với các bé ba lần lời nguyện: “Lạy Thiên Chúa Ba Ngôi Cực Thánh...” Sau đó Thiên Thần biến đi.

Đức Mẹ hiện ra lần thứ nhất

Chúa Nhật, 13 tháng 5, 1917, sau khi đọc kinh Mân Côi, ba chị em Lucia, Jacinta và Francisco, đang chơi vui ở sườn đồi Cova da Iria, Fatima, bắt chợp các bé thấy làn ánh sáng lạ như chớp. Ba chị em bàn nhau gom cừu định dẫn về vì sợ bão. Khi gần tới cây sồi lớn, các bé thấy một làn chớp sáng hơn nữa từ cây sồi phát ra. Lucia, Jacinta và Francisco dừng chân nhìn lên và thấy một Vị Phụ Nữ xinh đẹp đứng trên đỉnh cây sồi. Người nói:

- Các con đừng sợ. Mẹ không làm hại các con đâu.

Các bé lạng lẽ ngây ngất chiêm ngưỡng Đấng Hiện Ra.

Sau một lúc chiêm ngưỡng say sưa, Lucia mạnh dạn hỏi:

- Thưa Bà, Bà từ đâu tới?

Vị Phụ Nữ từ ái trả lời:

- Mẹ từ thiên đàng đến.

Cô bé hỏi tiếp:

- Và Bà muốn chúng con làm gì?

Người đáp:

- Mẹ đến xin cả ba các con đến đây sáu tháng liên tiếp, vào ngày 13 mỗi tháng, cũng giờ này. Khi đó Mẹ sẽ cho các con biết Mẹ là Ai, và Mẹ muốn điều gì. Sau đó Mẹ sẽ trở lại đây lần thứ bảy.

Được khích lệ, Lucia hỏi thêm:

- Con có được lên thiên đàng không?

- Có, con sẽ được lên thiên đàng.

- Còn Jacinta?

- Có.

- Còn Francisco?

- Nó cũng được lên thiên đàng, nhưng nó phải đọc rất nhiều kinh Mân Côi.

Lucia hỏi về người bạn mới qua đời:

- Chị Maria das Neves có ở trên thiên đàng không?

- Có.

- Còn Amelia?

- Cô đó sẽ phải ở luyện ngục cho tới tận thế.

Sau khi trả lời các câu hỏi của Lucia, Đức Mẹ đưa ra lời yêu cầu quan trọng:

- Các con có vui lòng tận hiến cho Thiên Chúa và chịu các đau khổ Chúa muốn gửi đến cho các con, để đền tạ tội lỗi xúc phạm đến Thiên Chúa và van xin cho các kẻ tội lỗi ăn năn trở lại không?

Lucia thấy lời yêu cầu này tương tự lời yêu cầu của Thiên Thần lúc trước, và tin rằng hai em họ cũng đồng ý, cô đáp:

- Thưa Bà, chúng con vui lòng.

Các bé xúc động, và quì xuống sốt sắng dâng lời nguyện thiên thần dạy:

- Lạy Thiên Chúa Ba Ngôi Cực Thánh, con thờ lạy Chúa. Lạy Chúa, con yêu mến Chúa trong Phép Thánh Thể.

Lúc sau, Đức Mẹ nói:

- Các con hãy đọc kinh Mân Côi hàng ngày để xin hòa bình và chấm dứt chiến tranh”.

Tới đây Đức Mẹ biến đi.

Đức Mẹ hiện ra lần thứ hai

Ngày 13 tháng 6, 1917, Lucia, Jacinta và Francisco không dẫn đàn cừu đi chăn, mà lên đồi Cova da Iria với nhiều người đi theo. Mọi người đọc kinh Mân Côi, nhưng lâu quá không thấy Đức Mẹ tới. Mọi người chia trí, các bé cũng đứng lên một lúc. Lucia lại yêu cầu mọi người cầu nguyện kinh Mân Côi, khi người ta muốn đọc kinh cầu, Lucia nói:

- Không đủ giờ đọc kinh cầu đâu.

Ngay sau đó Lucia mừng rỡ reo lên:

- Jacinta à, kia Đức Mẹ tới! Tia sáng vừa mới lóe lên.

Lập tức người ta thấy ba bé trong tình trạng xuất thần.

Sau một lúc im lặng chiêm ngưỡng, Lucia hỏi:

- Thưa Bà, Bà muốn con làm gì?

Đức Mẹ nói:

- Mẹ muốn các con đến đây ngày 13 tháng tới, và Mẹ muốn các con đọc kinh Mân Côi hàng ngày.

Sau đó Đức Mẹ vui vẻ nói:

- Mẹ muốn các con học chữ. Rồi Mẹ sẽ nói cho các con biết Mẹ muốn gì.

Nhớ đến những ơn người ta nhờ Lucia chuyển lên Đức Mẹ, cô nói:

- Có một người tật nguyền xin Đức Mẹ chữa anh ta.

Đức Mẹ đáp:

- Con hãy nói cho anh ấy biết nếu anh ta ăn năn thống hối, anh ta sẽ được chữa lành trong vòng một năm.

Lucia sung sướng vì được Đức Mẹ nhận lời, đã xin:

- Con muốn xin Đức Mẹ đưa chúng con về thiên đàng.

Đức Mẹ trả lời:

- Được, chẳng bao lâu nữa Mẹ sẽ đưa Jacinta và Francisco về thiên đàng, nhưng con phải ở lại thế gian lâu hơn. Chúa Giêsu muốn dùng con làm cho thế giới biết và kính yêu Mẹ. Chúa Giêsu muốn thiết lập trên khắp thế giới việc kính yêu Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ. Mẹ hứa ban ơn rỗi linh hồn. Những linh hồn này sẽ được Thiên Chúa yêu thương như những bông hoa Mẹ trang hoàng Thánh Ngai Thiên Chúa.

“Con sẽ phải ở lại thế gian lâu hơn” như lưỡi kiếm xuyên thấu trái tim thơ ngây của Lucia.

Cô bé hỏi:

- Con phải ở lại thế gian này một mình sao?

Đức Mẹ trả lời:

- Không, con à. Có phải điều này làm cho con đau khổ lắm không? Con đừng nản lòng. Mẹ sẽ không bao giờ bỏ rơi con đâu. Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ là nơi con nấu ấu và là đường đưa con tới Thiên Chúa.

Khi nói lời này, Đức Mẹ mở rộng hai bàn tay và ánh sáng từ bàn tay Đức Mẹ tỏa ra bao bọc các bé.

Mãi mê chiêm ngưỡng Đức Mẹ, các bé thấy Người đưa chuỗi tràng hạt ra như thể nài nỉ các bé nhận và áp xâu chuỗi vào trái tim. Kế đó các bé bị thu hút bởi Trái Tim bị những mũi gai lớn đâm thấu mọi phía. Các bé hiểu rằng đang chiêm ngưỡng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria bị xúc phạm vì tội lỗi loài người, và Trái Tim này mong được đền tạ.

Đến đây, Đức Mẹ biến đi. Lucia kêu lên:

- Nhìn kia, nếu các ông bà muốn thấy Đức Mẹ. Người ra đi kia kia! Đức Mẹ đi kia kia!

Đức Mẹ hiện ra lần thứ ba

Hỏa ngục, chiến tranh, và Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria

Ngày 13 tháng 7, 1917, Lucia, Jacinta và Francisco có rất nhiều người cùng đi lên đồi Cova da Iria. Tới nơi, Lucia xướng và mọi người đáp kinh Mân Côi. Đọc kinh xong, Lucia đứng lên, nhìn về hướng đông, từ đó Đức Mẹ thường đi tới. Lập tức Lucia la lên báo mọi người đang dùng dù che nắng giữa trưa:

- Xin các ông bà gấp dù lại! Các ông bà hãy gấp dù lại! Đức Mẹ đã tới rồi đó!

Các bé vui sướng chiêm ngưỡng Đức Mẹ. Lúc sau, Lucia hỏi Đức Mẹ:

- Thưa Đức Mẹ, hôm nay Đức Mẹ muốn chúng con làm gì?

- Mẹ muốn các con trở lại đây ngày 13 tháng tới và tiếp tục đọc kinh Mân Côi hàng ngày dâng kính Đức Mẹ Mân Côi, để xin được hòa bình cho thế giới và chấm dứt chiến tranh, vì chỉ một mình Mẹ mới cứu giúp được các con.

Lucia nói tiếp:

- Thưa Bà, con muốn xin Bà cho chúng con biết Bà là Ai. Và xin Bà làm phép lạ để mọi người tin Bà đã hiện ra với chúng con.

Vấn tắt Đức Mẹ loan báo quyết định của Người:

- Các con hãy tiếp tục đến đây mỗi tháng. Đến tháng 10, Mẹ sẽ nói cho các con biết Mẹ là Ai và Mẹ muốn gì. Và Mẹ sẽ làm một phép lạ mọi người đều thấy và phải tin.

Lucia xin Đức Mẹ chữa lành một số người, và Đức Mẹ hứa chữa cho một số nếu những người đó đọc kinh Mân Côi.

Sau đó Đức Mẹ nói:

- Các con hãy hy sinh bản thân các con cho các kẻ tội lỗi, và năng nhắc lại, nhất là sau mỗi lần các con làm việc hy sinh cho kẻ tội lỗi: ‘Lạy Chúa Giêsu, chính vì lòng yêu mến Chúa, xin cho các kẻ tội lỗi ăn năn thống hối, và để đền tạ những tội lỗi xúc phạm đến Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria’.

Khi nói những lời này, Đức Mẹ mở rộng hai bàn tay như dáng điệu của linh mục khi chúc: “Chúa ở cùng anh chị em” trong Thánh Lễ. Lập tức Lucia kêu lên kinh sợ. Chỉ những người ở gần các bé nhất nghe được tiếng kêu này. Nhưng tất cả những người có

thể nhìn được mặt các bé đều thấy rõ thình lình sắc diện các bé biểu lộ vẻ kinh hoàng và đau khổ. Vì khi Đức Mẹ mở hai bàn tay ra, những tia sáng phản chiếu từ tay Đức Mẹ như xuyên qua trái đất, và hỏa ngục mở ra trước cặp mắt kính hoàng của các bé. Rúng động toàn thân, các bé ngược mắt lên cầu khẩn. Bằng giọng hết sức nhân từ xót thương Đức Mẹ nói:

“Các con đã nhìn thấy hỏa ngục, nơi linh hồn những kẻ tội lỗi phải tới. Để cứu các linh hồn đó, Thiên Chúa muốn thiết lập khắp thế giới việc sùng kính Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ.

“Nếu nhân loại thi hành điều Mẹ dạy, nhiều linh hồn sẽ được cứu vớt và sẽ có hòa bình.

“Chiến tranh này sắp chấm dứt, nhưng nếu loài người không thôi xúc phạm đến Thiên Chúa, một chiến tranh khốc liệt hơn sẽ bùng nổ trong triều đại Đức Thánh Cha Piô XI. Khi nào các con thấy một đêm bùng sáng do làn ánh sáng lạ, các con biết đó là dấu Thiên Chúa cho biết Người sắp phạt thế giới vì tội ác của nhân loại bằng chiến tranh, đói khát, bắt bớ Giáo Hội và Đức Thánh Cha.

“Để ngăn cản điều này, Mẹ đến yêu cầu dâng hiến nước Nga cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ, và rước Lễ đền tạ các ngày thứ Bảy đầu tháng.

“Nếu người ta tuân theo những lời Mẹ yêu cầu, nước Nga sẽ trở lại và sẽ có hòa bình. Nếu không, nước Nga sẽ gieo rắc tai ương khắp thế giới, xúi giục chiến tranh, đàn áp Giáo Hội, những người lành sẽ tử đạo, Đức Thánh Cha sẽ phải đau khổ nhiều, nhiều quốc gia sẽ bị xóa trên bản đồ.

“Sau cùng, Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ vinh thắng. Đức Thánh Cha sẽ dâng nước Nga cho Mẹ và nước đó sẽ trở lại, và một thời gian hòa bình sẽ được ban cho thế giới.

“Ở Bồ Đào Nha, đức tin sẽ mãi mãi được duy trì”.

Vì những lý do không tiết lộ, Đức Mẹ muốn thị kiến về hỏa ngục và lời tiên tri khủng khiếp về tai họa của thế giới phải được giữ kín. Đức Mẹ bảo các bé:

- Các con đừng nói điều này với bất cứ ai. Tuy nhiên các con có thể nói cho Francisco biết (Francisco được thấy Đức Mẹ, nhưng không nghe được các lời Đức Mẹ nói).

Ngưng một lúc, Đức Mẹ nói tiếp:

“Khi các con đọc kinh Mân Côi, sau mỗi mầu nhiệm, các con hãy dâng lời nguyện:

‘Lạy Chúa Giêsu, xin tha thứ tội lỗi chúng con, xin cứu chúng con khỏi hỏa ngục, xin hướng dẫn mọi linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng Chúa thương xót hơn’”.

Đức Mẹ hiện ra lần thứ bốn

Không vào ngày 13 tháng 8, mà vào ngày 19 tháng 8 năm 1917.

Ngày 13 tháng 8, 1917, khu đồi Cova da Ira đông đầy người chờ đợi các bé được thị kiến đến đón Đức Mẹ hiện ra. Nhưng đã quá trưa không thấy bóng dáng các bé đâu, mọi người nóng lòng trao đổi những nghi vấn về việc xảy ra cho các bé. Các bé không đến Cova da Iria được vì bị viên thị trưởng xí gạt bắt cóc đem đi mất. Tại tòa thị chính, các em bị phỉnh gạt, hăm dọa bỏ vào chảo dầu sôi, nạt nộ đủ cách, bị nhốt qua đêm trong nhà giam cùng với các phạm nhân, nhưng rồi sau cùng, viên thị trưởng vốn là người vô thần chịu đầu hàng và ngày hôm sau tha các em.

Bốn ngày sau khi các em được trở về, ngày 19 tháng 8, 1917, lúc khoảng 4 giờ chiều, người ta thấy nhiệt độ thành linh giảm xuống, đồng thời mặt trời nhuộm cả vùng quê và mọi vật bằng nhiều mầu sắc khác nhau như đã xảy ra tại Cova da Iria hôm 13 tháng này. Đức Mẹ hiện ra với các em trên cây sồi tại Os Valinhos, một đồng cỏ ở giữa Aljustrel và Núi Cabeco.

Sau khi ngây ngất vì những yêu kiều diễm lệ của Đức Mẹ, Lucia hỏi:

- Thưa Đức Mẹ, Đức Mẹ muốn con làm gì?

Đức Mẹ đáp:

- Mẹ muốn các con tiếp tục đến Cova da Iria ngày 13 mỗi tháng và tiếp tục đọc kinh Mân Côi hàng ngày. Đến tháng chót, Mẹ sẽ làm phép lạ để mọi người phải tin. Tiếc thay, nếu người ta không đem các con tới thị trấn, hẳn phép lạ còn vĩ đại hơn.

Đức Mẹ chấm dứt phần thông điệp bằng giọng vui vẻ nói:

- Chúa Hải Đồng Giêsu sẽ cùng với thánh Giuse đến ban phép lành cho thế giới, và Thiên Chúa sẽ ban hòa bình cho thế giới.

Lúc đó Lucia nhớ bà Maria Cerreira đã bảo cô hỏi Đức Mẹ về số tiền người ta dâng cúng mà bà đang giữ, cô bé hỏi:

- Phải làm gì với số tiền người ta để lại dâng cúng tại Cova da Iria?

Đức Mẹ đáp:

- Sẽ làm hai chiếc kiệu mừng Lễ Đức Mẹ Mân Côi. Con và Jacinta với hai cô gái khác, mặc áo trắng, khiêng một kiệu, Francisco và ba bé trai khác khiêng chiếc kia. Số tiền trên hai chiếc kiệu đó sẽ phải dùng để mừng Lễ Đức Mẹ Mân Côi.

Lucia dâng lên lời cầu khẩn người ta nhờ bé chuyển lên Đức Mẹ:

- Nhiều người bệnh hoạn nhờ con xin Đức Mẹ chữa họ.

- Được, Mẹ sẽ chữa lành một số người trong vòng một năm.

Đức Mẹ nói tiếp mà nét mặt Người rất buồn:

- Các con hãy cầu nguyện, hãy cầu nguyện thật nhiều, và các con hãy dâng hy sinh cho các kẻ tội lỗi, nhiều linh hồn sa hỏa ngục chỉ vì không có ai dâng hy sinh và cầu nguyện cho.

Đức Mẹ hiện ra lần thứ năm, ngày 13 tháng 9 năm 1917

Có tới ba mươi ngàn người từ rất xa đến cùng với những người ở gần, ở địa phương, đón Đức Mẹ hiện ra tại Cova da Iria ngày 13 tháng 9, 1917. Trong số này không thiếu những nhân viên chìm của chính quyền, và người vô thần. Giáo quyền cũng quan tâm theo dõi.

Giờ Ngọ (12 giờ trưa) điểm, mặt trời trong vắt chói chang trên nền trời. Tiếng chuông báo kinh Truyền Tin vọng lên từ tháp chuông thánh đường Anthony. Mọi người theo dõi, mặt trời dịu dần, mờ đi tới độ nhìn thấy những ngôi sao. Bất chợt Lucia ngưng đọc kinh, mặt rạng rỡ, cô reo lên:

- Kia, Đức Mẹ đó! Tôi thấy Đức Mẹ!

Nhiều người nhìn thấy bầu ánh sáng trắng di chuyển từ hướng Đông đi tới và ngưng lại trên cây sồi.

Trong khi mọi người chứng kiến những thay đổi ánh sáng của mặt trời, các em đắm chìm trong thị kiến Đức Mẹ. Sau một lúc chiêm ngắm, Lucia hỏi:

- Đức Mẹ muốn chúng con làm gì?

Đức Mẹ đáp:

- Các con hãy tiếp tục cầu nguyện kinh Mân Côi để xin chấm dứt chiến tranh. Đến tháng 10, Thiên Chúa sẽ hiện ra, Đức Mẹ Bảy Sứ (Đức Mẹ Sầu Bi) và Đức Mẹ Núi Carmel cũng sẽ hiện ra. Thánh Giuse cùng với Chúa Hải Đồng sẽ đến ban phép lành cho thế giới.

Đến đây Đức Mẹ ngưng nói, nét mặt bớt uy nghiêm và bằng giọng hết sức dịu dàng, Đức Mẹ nói tiếp:

- Thiên Chúa hài lòng với những hy sinh các con dâng, nhưng Chúa không muốn các con ngủ với thất lưng vải đó. Các con chỉ mang thất lưng đó ban ngày thôi.

(Ba em tự sáng chế và mang thất lưng bằng vải cứng đâm vào da để dâng hy sinh cầu nguyện cho kẻ tội lỗi như Đức Mẹ dạy các em).

Kế đó, Lucia nói với Đức Mẹ:

- Người ta nhờ con xin Đức Mẹ nhiều điều, một người câm điếc xin được chữa lành, những ơn xin ăn năn thống hối... và những ơn xin chữa lành mọi thứ bệnh tật.

Đức Mẹ trả lời:

- Mẹ sẽ chữa một số, nhưng không phải tất cả, trong vòng một năm.

Nhớ lại lời bà Maria Carreira và một số người ngoan đạo khác mong muốn một nhà nguyện được kiến thiết ngay tại chính nơi Đức Mẹ hiện ra, và nhờ Lucia hỏi Đức Mẹ có cho phép dùng một phần tiền dâng cúng tại Cova da Iria vào mục đích này không. Lucia hỏi:

- Đức Mẹ có muốn một nhà nguyện nhỏ được kiến thiết tại chính nơi này với số tiền người ta để lại dâng cúng không?

Đức Mẹ đáp:

- Có, Mẹ muốn một nhà nguyện nhỏ được xây cất ngay tại chỗ này để dâng kính Đức Mẹ Mân Côi. Nhưng con nói với người ta chỉ dùng một nửa số tiền vào việc xây nhà nguyện thôi. Nửa số tiền con lại sẽ dùng vào việc tôn kính và mừng lễ Đức Mẹ Mân Côi. Hai cỗ kiệu được mua bằng số tiền dâng cúng, phần còn lại được khiêng trên hai kiệu tới nhà thờ giáo xứ trong ngày lễ Đức Mẹ Mân Côi. Con và Jacinta với hai bé gái khác kiệu một cỗ; Francisco và ba bé trai khác khiêng chiếc kia.

Đức Mẹ biến đi sau khi hứa ban phép lạ cả thể vào ngày 13 tháng 10, 1917.

Đức Mẹ hiện ra lần thứ sáu, lần cuối, ngày 13 tháng 10 năm 1917

Phép lạ mặt trời vũ

Ngày 13 tháng 10, 1917, trời mưa như trút, nhưng người ta đoàn đoàn lũ lũ từ muôn phương xa xôi đã bằng mọi phương tiện đến Cova da Iria, nhiều người đến từ hôm trước. Lucia, Jacinta và Francisco phải được nhiều người lớn hộ tống mới đến được nơi cây sồi. Quá giờ ngọ (giờ chính quyền), nhưng chưa thấy dấu hiệu Đức Mẹ hiện ra, nhiều người trong đó có cả một linh mục, vốn hoài nghi, cố lôi các em ra khỏi chỗ các em đang chờ đón Đức Mẹ. Lucia và hai em kiên trì, cưỡng lại mọi sức xô đẩy.

Chỉ ít phút sau đó, Lucia ngẩng đầu lên để tiếng nói vọng đi xa:

- Xin im lặng! Xin mọi người im lặng! Đức Mẹ đang đến! Chúng tôi vừa mới thấy làn chớp sáng của Người.

Bây giờ mới đúng là giờ ngọ theo mặt trời.

Lucia, Jacinta và Francisco, lúc này hoàn toàn đắm mình trong Đức Mẹ sáng chói, hôm nay Đức Mẹ rực rỡ hơn những lần trước. Đức Mẹ sáng chói đến độ những tia sáng từ Đức Mẹ tỏa ra, dù không làm hư mắt các bé, cũng khiến các bé hấp háy lim dim mắt. Ngoại trừ ánh sáng rực rỡ hơn, Đức Mẹ vẫn y hệt những lần hiện ra trước. Đức Mẹ cũng mặc chiếc áo ánh sáng trắng đó, tay Người cũng chấp lại và xâu chuỗi đeo giữa hai bàn tay vòng qua lưng bàn tay phải, vẻ diễm kiều của Người vẫn y như vậy. Lucia quá ngây ngất quên cả nói, Jacinta thúc cùi chỏ (khuỷu tay) vào Lucia và nói:

- Lucia, chị nói với Đức Mẹ đi chứ! Đức Mẹ đang chờ đợi đó!

Bùng tỉnh, Lucia nói với Vị Khách từ thiên đàng:

- Thưa Đức Mẹ, Đức Mẹ muốn chúng con làm gì?

Đức Mẹ nói:

- Mẹ muốn một nhà nguyện được xây cất tại chính chỗ này để dâng kính Đức Mẹ Mân Côi. Các con hãy tiếp tục đọc kinh Mân Côi hàng ngày. Chiến tranh này sắp chấm dứt và các binh sĩ sẽ hồi hương.

Vì Đức Mẹ đã hứa hôm nay Người sẽ cho biết Người là Ai, Lucia hỏi:

- Xin Bà vui lòng cho chúng con biết tên của Bà.

Đức Mẹ trả lời:

- Mẹ là **Đức Mẹ Mân Côi**.

Nhớ đến vô số lời khẩn nguyện người ta nhờ cô dâng lên, Lucia nói:

- Con có nhiều ơn muốn xin, nhiều người xin ơn lành bệnh và thống hối ăn năn.

Đức Mẹ trả lời:

- Mẹ sẽ ban một số ơn xin, nhưng không phải tất cả. Những người đó phải cải đổi đời sống và xin tha thứ tội lỗi của họ.

Rồi với nét mặt hết sức buồn sâu làm các bé xúc động, Đức Mẹ nói thêm:

- Người ta không được xúc phạm đến Thiên Chúa thêm nữa, vì Thiên Chúa đã bị xúc phạm quá nhiều rồi.

Sau khi nói lời cuối cùng này, Đức Mẹ ra đi, quay mình lướt lên từ từ về hướng đông. Lucia nhìn mặt trời và lớn tiếng kêu: “Hãy nhìn mặt trời kia!” Và phép lạ vĩ đại mặt trời vũ bắt đầu.

Mọi người ngược mắt nhìn trời. Mặt trời trông giống như một cái đĩa sáng rực rỡ, chói lọi nhưng không làm lóa mắt. Mặt trời đang run rẩy, có những cử động đột ngột, mặt trời bắt đầu nhảy múa rồi ngưng rồi tiếp tục nhảy. Và rồi cái đĩa sáng chói đầy màu sắc rực rỡ chuyển động rất nhanh, cái đĩa lửa quay tròn với một tốc độ nhanh khủng khiếp, như một bánh xe bằng lửa, mặt trời rơi khỏi không trung, và tiến đến gần mặt đất với màu đỏ máu. Từ đám đông những người có mặt hôm đó bỗng chốc vang lên những tiếng kêu la thất thanh sợ hãi... Sau cùng, mặt trời ngừng lại và trở về vị trí cũ trên không gian. Một sự lạ khác không thể giải thích là mọi người đang ướt đầm dưới cơn mưa, bỗng nhiên thấy mình hoàn toàn khô ráo.

Sơ lược về Lucia, Jacinta và Francisco sau ngày Đức Mẹ hiện ra.

Khi hiện ra lần thứ nhất, ngày 13 tháng 5 năm 1917, Đức Mẹ hứa sớm đưa Francisco và Jacinta về thiên đàng, Lucia còn phải ở lại để truyền bá việc yêu mến đền tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ.

- Ngày 4 tháng 4 năm 1919, Francisco được Mẹ Maria đưa về thiên đàng qua bệnh phổi.
- Ngày 20 tháng 2 năm 1920, Mẹ đưa Jacinta về thiên đàng cũng qua bệnh phổi.
- Ngày 16 tháng 6 năm 1921, chị Lucia vào nội trú tại nhà dòng các nữ tu dòng thánh Dorothy tại Aliso de Villa. Ngày 2 tháng 10 năm 1925, chị vào nhà tập lấy tên là Irma Maria des Dores (chị Maria Đức Mẹ Sầu Bi). Chị khấn trọn đời ngày 3 tháng 10 năm 1934, và hiện nay (1999) chị vẫn còn sống.

Các đoàn hành hương ngày càng đông, và các phép lạ ngày càng nhiều. Ngày 26 tháng 6, 1927, đức giám mục José Correia da Silva chính thức tới thăm Fatima. Ngày 13 tháng 10, 1930, trước hơn một trăm ngàn người hiện diện, đức giám mục đọc văn kiện cảm động kết thúc bằng lời tuyên bố:

“Chúng tôi cho rằng đúng:

1. Tuyên bố xứng đáng tin tưởng những thị kiến các bé mục tử được thấy tại Cova da Iria, giáo xứ Fatima, thuộc giáo phận chúng tôi, vào những ngày 13 các tháng từ tháng 5 đến tháng 10, năm 1917.
2. Chính thức cho phép việc tôn kính Đức Mẹ tại Fatima.

José, Giám Mục Leiria.

Leiria, ngày 13 tháng 10, 1930.

Đền tạ Trái Tim Mẹ các thứ bảy đầu tháng và dâng hiến Nước Nga:

Để bổ túc thông điệp về “Rước Lễ đền tạ các ngày thứ Bảy đầu tháng”, ngày 10 tháng 12 năm 1925, Mẹ Maria và Chúa Hải Đồng hiện ra với chị Lucia tại nhà dòng ở thành phố Tuy, Tây Ban Nha. Đức Mẹ cho chị Lucia thấy Trái Tim Mẹ, và Chúa Hải Đồng buồn rầu nói:

- Con hãy xót thương Trái Tim rất hiền dịu này liên tiếp chịu tử đạo vì sự bội bạc của loài người mà chẳng có ai an ủi bằng việc đền tạ.

Kể đó, Đức Mẹ ban thông điệp chính yếu này:

“Này con của Mẹ, con hãy nhìn Trái Tim Mẹ bị gai nhọn vây quanh, loài người đâm

những gai nhọn này vào Trái Tim Mẹ mỗi lần người ta lộng ngôn và bội bạc.

“Ít nhất, con hãy cố gắng an ủi Mẹ. Mẹ hứa ban ơn cứu rỗi, giúp đỡ cần thiết trong giờ cuối cùng của cuộc đời, cho những ai thành tâm đền tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ bằng cách xưng tội, rước Mình Thánh Chúa, cầu nguyện năm chục kinh Mân Côi và cùng với Mẹ suy gẫm mười lăm Mầu Nhiệm Mân Côi trong mười lăm phút, năm thứ Bảy đầu tháng liên tiếp”.

Trong một tài liệu đề ngày 21 tháng 9, 1939, đức giám mục giáo phận Leiria giải thích một số điểm về việc đền tạ Trái Tim Mẹ Maria như sau:

“Việc xưng tội có thể được thực hiện trong vòng 8 ngày trước ngày thứ Bảy đầu mỗi tháng, miễn là rước Lễ trong tình trạng có ân nghĩa với Chúa. Nếu một người quên lập tâm đền tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Đức Maria, thì việc lập tâm có thể được lập vào lần xưng tội kế tiếp.

“Việc suy gẫm gồm một hoặc nhiều mầu nhiệm; việc này hiển nhiên bao gồm hết cả mười lăm mầu nhiệm hoặc riêng rẽ từng mầu nhiệm một, tùy theo cá nhân ưa thích hoặc lòng tận hiến; tuy nhiên mỗi tháng suy gẫm một mầu nhiệm thì tốt hơn”.

Ngày 10 tháng 12, 1929, Đức Mẹ ban cho chị Lucia đầy đủ thông điệp về việc dâng hiến nước Nga cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Đức Mẹ khi chị đang quỳ cầu Thánh Thể lúc nửa đêm. Đức Mẹ nói:

- Thiên Chúa muốn Đức Thánh Cha kết hợp với toàn thể các giám mục khắp thế giới thi hành việc dâng hiến nước Nga cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ. Thiên Chúa sẽ cứu nước đó bằng cách này.

Việc này đã được các Đức Thánh Cha Piô XII, Phaolô VI thi hành nhưng không đạt điều kiện được yêu cầu.

Nước Nga và thế giới được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II dâng hiến cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria ngày 13 tháng 5, 1982. Ròng rã một năm trời, Đức Gioan Phaolô II đã chuẩn bị mọi việc nhất là gửi thư kêu gọi các giám mục toàn cầu kết hợp với Đức Thánh Cha trong việc dâng hiến này dịp Ngài tới Fatima cảm tạ Đức Mẹ đã duy trì mạng sống của Ngài. Lần này được coi là toàn thể các giám mục khắp thế giới, theo tỉ lệ tối đa, hợp ý với Đức Thánh Cha trong việc dâng hiến này. Và chỉ một số năm sau nước Nga và khối Đông Âu đã trở lại như lời Đức Mẹ hứa.

ĐỨC MẸ BEAURAING

TẠI BEAURAING, NƯỚC BỈ, NĂM 1932 – 1933

Thôn Beauraing, thuộc miền Ardennes, cách thị trấn Namur 48 cây số về phía nam, cách biên giới Pháp-Bỉ 9 cây số về phía đông. Năm 1932, Beauraing là một thôn nhỏ ít ai biết và cũng không có tên trên nhiều bản đồ.

Khoảng 6 giờ 30 chiều ngày 29 tháng 11, 1932, Fernande và Albert Voisin, có 2 người con gái của ông bà Degeimbre cùng đi, đến đón em là Gilberte Voisin ở trường các Nữ Tu dòng Christian Doctrine. Gần cổng trường có hang đá Đức Mẹ Lộ Đức. Trong khi chờ đợi Gilberte từ tu viện đi ra, Albert Voisin tình cờ nhìn về phía hang đá Đức Mẹ, cậu thấy thứ gì sáng mờ mờ. Cậu có vẻ sợ hãi. Kế đến cả ba cô kia cũng nhìn thấy bóng sáng đó. Khi Gilberte Voisin từ trong tu viện đi ra, cô bé cũng nhìn thấy hiện tượng đó. Các cô cậu thôi không nhìn vào bóng sáng nữa mà ra về.

Ngày hôm sau, 30 tháng 11, 1932, các cô cậu lại thấy hiện tượng bóng sáng hôm trước tại đài Đức Mẹ. Ngày 1 tháng 12, 1932, cũng vậy. Hôm nay các cô cậu nói cho bà Degeimbre biết về bóng sáng các cô cậu nhìn thấy ở đài Đức Mẹ. Bà Degeimbre cùng với một vài người bà con và lối xóm đi đến nơi xem thế nào. Các bà đi cùng với Albert, Fernande Voisin và Andrée Degeimbre.

Tới nơi, Fernande, Albert Voisin và Andrée Degeimbre thấy Vị Phụ Nữ hiện ra, cả ba cô cậu lập tức quì gối đọc kinh Kính Mừng Maria. Bà Degeimbre và các người lớn khác không nhìn thấy gì. Vì nóng lòng muốn tìm hiểu, bà Degeimbre bước tới gần hang đá. Andrée Degeimbre, con gái bà, la lên:

- Má! Má đừng bước thêm bước nào nữa! Má đứng ngay vào chỗ Đức Mẹ đứng đó!

Đức Mẹ biến đi.

Chiều thứ Sáu, 2.12.1932, ông bố của Gilberte Voisin đến đón cô. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, cả năm cô cậu và một nhóm người lớn trở lại hang đá Đức Mẹ. Vừa mới tới nơi lập tức các cô cậu cùng có cảm giác ngây ngất, xuất thần, quì xuống và lớn tiếng đọc kinh “Kính Mừng Maria” khiến các người lớn ngạc nhiên.

Những lần trước, các cô cậu chỉ thấy bóng dáng khuôn mặt người ta, nhưng lần này các cô cậu thấy một “Vị Phụ Nữ đẹp”. Sau khi đọc kinh “Kính Mừng”, Albert Voisin bất chợt hỏi:

- Thưa Bà, Bà có phải là Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội không?

Vị Phụ Nữ gặt đầu xác nhận.

Albert lại hỏi:

- Đức Mẹ muốn chúng con làm gì?

Đức Mẹ đáp:

- Mẹ muốn các con tốt lành.

Tới đây Đức Mẹ biến đi.

Lối 9 giờ tối, các em trở lại hang đá Đức Mẹ, lần này những người lớn đi theo đông hơn. Lần này (lần thứ hai trong ngày) cũng xảy ra như lần trước, nhưng khác là riêng Andrée Degeimbre được Đức Mẹ bảo phải “tốt lành”.

Chúa Nhật, 4.12.1932, cả năm cô cậu trở lại hang đá Đức Mẹ, có nhiều người lớn đi theo. Trong số này có một lão bà khiếm thị, và một thiếu niên khập khiễng cũng trạc tuổi các em. Khi Đức Mẹ hiện ra, Albert xin Đức Mẹ chữa hai người đó. Rồi không chờ kết quả lời xin Đức Mẹ chữa hai người, cậu hỏi tiếp:

- Ngày nào chúng con phải tới?

Đức Mẹ đáp:

- Ngày Lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Đến đây Andrée Degeimbre, lớn nhất trong 5 cô cậu, hỏi:

- Chúng con có phải xin xây nhà nguyện dâng kính Đức Mẹ không?

Đức Mẹ đáp:

- Có.

Đức Mẹ biến đi.

Thứ Hai, 5 tháng 12, 1932, khi Đức Mẹ hiện ra, Albert Voisin xin Đức Mẹ làm phép lạ, nhưng Đức Mẹ không đáp. Khi cậu lặp lại lời xin và không được trả lời, cậu khóc. Nhưng khi cậu hỏi:

- Bao giờ chúng con lại tới đây?

Đức Mẹ đáp:

- Tôi nay.

Tôi ngày 5 tháng 12, 1932, Đức Mẹ lại hiện ra như đã hứa. Ngày thứ Ba, 6 tháng 12, 1932, Đức Mẹ cũng hiện ra hai lần, nhắc lại lời yêu cầu các bé trở lại vào ngày Lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, thứ Năm, 8 tháng 12, 1932.

Thứ Ba, 6 tháng 12, 1932, rất đông người đã chờ sẵn tại hang đá Đức Mẹ khi năm thiếu niên được thị kiến tới nơi. Cả phóng viên báo chí cũng chờ sẵn. Qua báo chí, tin Đức Mẹ hiện ra tại Beauraing đã mau chóng phổ biến khắp nước Bỉ. Người ta từ khắp nơi trong nước bắt đầu đến Beauraing. Các em được thị kiến và hai gia đình bị báo giới và những người hiếu kỳ vây quanh để phỏng vấn, tìm hiểu. Khi đáp lời phỏng vấn, Fernande và Albert Voisin một đôi lần nói Đáng Hiện Ra là Đức Trinh Nữ.

Ngày 8 tháng 12, 1932, ngày Lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, có tới mười ngàn người đến nơi Đức Mẹ hiện ra gần cổng nhà dòng tại Beauring. Hôm nay Đức Mẹ đến sớm hơn, ở lại lâu hơn, và rục rờ hơn. Một phái đoàn y khoa, do bác sĩ Maistriaux hướng dẫn, đã thí nghiệm thể lý các em được thị kiến khi Đức Mẹ hiện ra và các em trong tình trạng xuất thần. Cây quẹt đơ lửa châm vào lòng bàn tay, nhéo thật mạnh, cả đến đâm mũi nhọn vào má, nhưng các em không phản ứng gì. Khi thị kiến chấm dứt, các bác sĩ khám nghiệm các em thì những chỗ trên bàn tay bị đốt, chỗ má bị đâm, không còn dấu vết gì.

Ngày 17 tháng 12, 1932, các em được thị kiến lại nói chuyện với Đức Mẹ, các em đồng thanh hỏi:

- Theo lời các linh mục, chúng con xin Đức Mẹ cho chúng con biết Đức Mẹ muốn chúng con làm gì?

Người ta nghe các em đồng thanh đáp:

- Vâng, chúng con sẽ xin xây nhà nguyện tại đây.

Ngày 23 tháng 12, 1932, khi trả lời câu hỏi chi tiết về linh địa, Đức Mẹ đáp:

- Để mọi người tới hành hương.

Ngày Áp Lễ Giáng Sinh, có ít nhất sáu ngàn người đến hang đá Đức Mẹ. Lần này các em xin Đức Mẹ làm phép lạ chữa lành những người bệnh tật hiện diện. Nhưng hình như Đức Mẹ không nhận lời xin. Sau lần này, một vài em đôi khi không được thị kiến

Đức Mẹ, riêng Albert Voisin ít nhất ba lần không được thị kiến khi Đức Mẹ hiện ra.

Thứ Hai, 2 tháng 1, 1933, Đức Mẹ nói:

- Ngày mai Mẹ sẽ nói riêng với từng người các con.

Ngày 3 tháng 1, 1933, Fernande Voisin không được thị kiến phần đầu, và chỉ được Đức Mẹ nói riêng với lời:

- Adieu = Từ biệt.

Gilberte Degeimbre nghe Đức Mẹ nói:

- Từ biệt. Mẹ sẽ cải hóa các tội nhân.

Albert Voisin nói Đức Mẹ dạy cậu điều gì mà cậu không được nhắc lại với người khác. Khi bị cật vấn, cậu chỉ nói:

- Ô, thông điệp đó khá buồn nếu người ta muốn biết.

Việc kiến thiết linh địa mới gặp khó khăn và hàng giáo phẩm cũng hoài nghi, không cho phép chính thức tổ chức hành hương tới Beauraing. Sáu tháng đầu năm 1933, sự kiện Đức Mẹ hiện ra tại đây hầu như chìm dần vào quên lãng, vì không có phép lạ nào xảy ra. Nhưng sự việc đổi mới khi Đức Mẹ làm phép lạ chữa lành ông Tilman Come, 58 tuổi.

Ông Tilman Come ở thôn Pontaury, cách Beauraing gần 50 cây số, bị tê bại vì liệt xương sống, ông đau đớn gần chết. Ông nài nỉ bà vợ đưa tới Beauraing. Ngày 11 tháng 6, 1933, ông bà lên đường. Dọc đường ông Tilman bị đau đớn kinh khủng. Khi tới hang đá Đức Mẹ, ông đọc được một vài kinh “Kính Mừng Maria”. Sau khi chờ một lúc, không thấy bệnh tật thuyên giảm, ông tính quay về Pontaury. Ngay lúc đó một cơn đau dữ dội xảy đến với ông, ông lớn tiếng nói với bà vợ:

- Tôi chết mất!

Tiếng kêu đau đớn này khiến đám đông người hành hương xót xa cho cái đau đớn của ông. Nhưng lập tức, trước mắt ngỡ ngàng của mọi người, ông Tilman Come đứng dậy, bước ra khỏi xe, đứng thẳng lên, dang tay dang chân, cái đau đớn đã biến mất.

Tin tức về phép lạ lành bệnh mau chóng loan truyền khắp Beauraing. Ông Tilman và mọi người hiện diện quì gối và từ trái tim thốt lên “lời tâm thành tạ ân”. Sau đó ông Tilman nói cho những người chung quanh ông biết về giây phút lạ lùng đó. Ông nói

ông không còn biết đến những gì chung quanh ông, trong một phút xuất thần ông thị kiến Đức Mẹ mỉm cười nhân từ nhìn ông và bảo ông Người “sẽ gặp ông ngày mai”.

Trên đường về Pontauray, ông Tilman ghé lại Hastière tham dự Thánh Lễ, và khi về tới Pontauray ông châu Minh Thánh Chúa tại nhà thờ. Sáng hôm sau ông đi bộ 3 cây số đến Mettet, đáp xe lửa đi Beauraing để giữ hẹn với Đức Mẹ, và trước đám đông đang chờ đợi, ông được thị kiến Đức Mẹ.

Lần này Đức Mẹ nói với ông Tilman:

- Mẹ đến đây vì danh dự Nước Bỉ và để bảo vệ đất nước này khỏi lại bị xâm lăng. Các con phải mau mắn lên.

Tin này có nghĩa Nước Bỉ lại bị xâm lăng, điều này hầu như không thể xảy ra, vì Nước Bỉ đã được hiệp ước quốc tế bảo đảm.

Tin tức này lập tức loan truyền khắp nước. Bốn ngày sau, 16 tháng 6, 1933, ông Tilman trở lại hang đá, và có năm em được thị kiến trước, các em được Đức Mẹ nhắc lại yêu cầu:

- Một nhà nguyện, một nhà nguyện lớn.

Từ đây ông Tilman trở nên người được thị kiến chính. Đức Mẹ hiện ra với ông nhiều lần cho tới tháng 8, 1933. Một trong những lần Đức Mẹ hiện ra với ông Tilman, Đức Mẹ cho biết Người muốn được tôn xưng là “Đức Mẹ Beauraing” và ký thác cho ông nhiều bí mật. Ông Tilman đã được hội đồng y khoa và giáo sĩ chất vấn, khám nghiệm trong nhiều giờ.

Linh địa Beauraing được thiết lập không phải tại địa điểm nơi Đức Mẹ hiện ra gần nhà dòng, mà ở phía bên kia đường xe lửa. Đức Mẹ chỉ dẫn nhiều chi tiết về kiến thiết bàn thờ trong thánh đường này.

Sau phép lạ chữa ông Tilman Come, nhiều người khác được Đức Mẹ chữa lành tại linh địa Beauraing. Vào cuối tháng 8 năm 1933, hàng ngày có nhiều ngàn khách hành hương viếng nơi Đức Mẹ hiện ra tại đây.

Năm 1935, đức giám mục tại Namur chỉ định một ủy ban điều tra sự kiện Beauraing, nhưng ngài từ trần trước khi cuộc điều tra kết thúc. Đức giám mục André Marie Charue, kế vị, tiếp tục công việc của ngài.

Ngày 2 tháng 2 năm 1943, trong Đệ Nhị Thế Chiến, quân Đức chiến đóng Nước Bỉ,

đức giám mục André cho phép việc tôn kính Đức Mẹ tại Beauraing. Ngày 2 tháng 7 năm 1949, đức giám mục chỉ thị cho các linh mục trong giáo phận xác nhận rằng: “Đức Nữ Vương Thiên Đàng thực sự đã hiện ra với năm thiếu niên tại Beauraing”. Ngài chính thức chấp nhận việc quyên góp xây dựng thánh đường và linh địa Beauraing. Thánh đường tôn kính Mẹ Thiên Chúa, Đức Nữ Vương Thiên Đàng được dâng hiến ngày 21 tháng 8 năm 1954.

ĐỨC MẸ BANNEUX | ĐỨC MẸ CỦA NGƯỜI NGHÈO

TẠI BANNEUX, NƯỚC BỈ, NĂM 1933

Về địa dư, Banneux là một làng nhỏ miền thôn quê cách thành phố lớn Liege 20 cây số, thuộc về vùng cao nguyên Ardene. Thành phố Liege là trung tâm văn hóa của miền Wallonien vương quốc Bỉ nói tiếng Pháp, nơi đây có tòa Giám mục, có trường đại học, có kỹ nghệ nặng, có sân bay, có đường xe lửa nối liền sang các nước lân bang...

Vào năm 1933 làng Banneux có hơn 300 người dân cư. Những người dân sinh sống nơi đây làm nghề nông nghiệp. Họ có đời sống yên tĩnh thanh bình nhưng nghèo. Vì là một làng nhỏ, nên Banneux không là một xứ đạo Công giáo riêng, nhưng là một họ lẻ có cha phó lo việc mục vụ thôi.

Banneux là một làng nhỏ, rất nghèo, cách Beauraing hơn 80 cây số về phía đông bắc, cách thị trấn Liège 16 cây số về phía đông. Một đặc điểm của Banneux là dân cư đều là tín hữu Công Giáo, nhưng rất nhiều người bị ảnh hưởng chủ nghĩa xã hội Marxist, họ cố tránh xa lãnh Giáo Hội.

Ông Julian Beco, cha của Mariette Beco (người được thị kiến), bị thất nghiệp, ít khi ra khỏi nhà. Vì hầu như mất đức tin, ông Julian không để cho vợ con tiếp xúc với giáo xứ.

Mariette Beco, 12 tuổi, lớn nhất trong các con ông bà Beco, chào đời vào ngày Lễ Truyền Tin, 25 tháng 3 năm 1921. Cô bỏ học, không những chỉ vì không thích học, mà còn vì phải thay mẹ săn sóc các em và làm việc phụ giúp ngân quỹ gia đình.

Lần hiện ra thứ nhất

Chiều tối thứ Bảy, 15 tháng 1, 1933, Mariette Beco, lúc đó cô lên 11 tuổi, nhìn qua cửa sổ ngắm các em về trễ. Đêm đó không trăng sao, tuyết rơi lất phất. Khi nhìn qua bụi cây trong vườn nhỏ của gia đình, Mariette thấy một bóng dáng phụ nữ sáng mờ mờ. Hồi hộp Mariette gọi mẹ mình và nói reo lên:

- Con thấy một Bà trong vườn nhà mình kìa.

Mẹ Mariette Beco cũng nhìn thấy thế, nhưng cho là “một mù phù thủy”, rồi làm ngo thúc dục con vào giường đi ngủ. Bà đóng cửa sổ lại. Mariette lại nhìn thấy bóng dáng đó. Khi nhìn rõ ràng, cô nhận ra đó chính là Đức Trinh Nữ. Đức Trinh Nữ ở trong bầu ánh sáng hình bầu dục. Áo dài của Người trắng tinh và sáng chói, kín ở cổ, khăn thắt

lưng màu xanh đẹp lạ lùng thả xuống đầu gối bên trái. Khăn choàng cũng trắng tinh như áo dài, che đầu và vai Đức Trinh Nữ. Bàn chân phải của Người có bông hồng vàng kim lộ ra dưới gấu áo dài. Người đeo chuỗi Mân Côi nơi cánh tay phải.

Khi ông Julian được con gái cho biết về thị kiến, ông dửng dưng, cho đó là ảnh hưởng các việc xảy ra tại Beauraing.

Từ ba tháng trước đó Mariette, theo lời mẹ Mariette kể lại, không đi tham dự thánh lễ ở thờ, không đi học Giáo lý xưng tội rước lễ lần đầu, và cũng chẳng đọc kinh cầu nguyện nữa. Mariette là một đứa trẻ có đời sống tâm linh không sốt sắng đạo đức.

Nhưng qua biến cố nhìn thấy Bà lạ với ánh sáng trong vườn, Mariette đã thay đổi đời sống ngược hẳn lại. Lúc 07.30 giờ ngày hôm sau Mariette thức dậy đi đến nhà thờ tham dự Thánh lễ Misa và đi học giáo lý với cha phó Jamin. Cha phó thấy Mariette đến, ông rất đỗi kinh ngạc, vì nghĩ rằng Mariette không học giáo lý xưng tội lần đầu nữa. Mariette chỉ đến học thời gian trước đây rất bất thường họa hiếm. Việc Mariette bê trễ như thế có lý do, vì cô là con gái lớn trong gia đình có bảy người con. Nên cô phải lo phụ giúp mẹ việc trong nhà, mà mẹ cô lại hay đau yếu không được khỏe. Còn cha Mariette là người dửng dưng đã quyết định con gái mình không bắt buộc phải tiếp nhận Bí Tích Rước Lễ lần đầu.

Tại trường học, cô kể chuyện thị kiến với một bạn học. Người bạn học của Mariette nghĩ rằng cần phải cho cha sở, cha Jamin, biết việc này. Cha Jamin cũng không để ý nhiều tới sự việc, vì ngài cũng nghĩ rằng đó là ảnh hưởng Beauraing.

Lần hiện ra thứ hai

Thứ Hai, 16 tháng 1, 1933, Mariette lại được thấy Đức Mẹ khi cô đi ra vườn giữa lúc trời lạnh cóng. Cha của cô kinh ngạc khi thấy cô đang quì cầu nguyện giữa trời lạnh đông đá.

Thứ Tư, 18 tháng 1, 1933, lúc 19 giờ, trời lạnh buốt đông đá, nhưng người ta lại thấy Mariette quì gối hai tay chắp lại cầu nguyện ở vườn, và không thể nào thuyết phục cô đi vào trong nhà được. Cha cô thấy thế chạy lại gần đánh thức cô cho khỏi cơn mê ngất trí cùng làm cho cô bớt sợ hãi. Nhưng Mariette không màng chi tới hành động của cha mình lúc đó. Ông chạy đi báo cho cha phó Jamin thay vì nhờ lối xóm giúp đưa Mariette vào trong nhà, nhưng không gặp được cha phó. Bà mẹ, bà Louise Beco, và một người em của Mariette thấy cô xuất thần, đi từ vườn ra đường, vừa đi vừa nói:

- Người gọi con.

Hai lần Mariette té quỳ xuống nên đường tuyết phủ đóng cứng. Lần ngã quỳ thứ ba bên vệ đường nơi có vũng nước chảy ra từ một nguồn nước ngầm. Mấy người đó cầm đèn đi theo cô cho tới khi Mariette quỳ xuống bên đường.

Bà lạ nói với Mariette:

- Con hãy nhúng đôi tay con vào nước này.

Mariette ngoan ngoãn làm theo lời chỉ dạy nhúng hai tay vào vũng nước lạnh buốt xuống tận đáy sâu. Và khi làm như thế Mariette để rơi cổ tràng hạt, nhưng ngày hôm sau tìm lại được. Mariette nhắc lại lời Bà lạ đã nói với mình:

- Dòng nước này dành cho con. Chúc con một buổi chiều tối an bình. Tạm biệt con.

Ngày hôm sau, cha Jamin đến nhà ông Beco tìm hiểu sự việc, lúc đó, trước sự ngạc nhiên của mọi người, ông Julian Beco xin xưng tội. Sáng hôm sau, 20 tháng 1, 1933, ông đi lễ, và những người nhóm Marxist tại Banneux chế nhạo ông về việc này.

Lần hiện ra thứ ba

Thứ năm ngày 19.01.1933 thời tiết ngoài trời rất xấu. Mariette ra quỳ gối trên một lối đi nhỏ hẹp trong vườn. Lúc đó vào khoảng 19.00 giờ và có 6 người cùng theo Mariette.

Trong vườn, Bà lạ xuất hiện, Mariette hỏi:

- Người là Ai?

Người đáp:

- Mẹ là Đức Trinh Nữ của người nghèo khó.

Lúc ở suối nước, Mariette hỏi Đức Mẹ ý nghĩa lời Đức Mẹ nói:

- Suối nước này dành riêng cho Mẹ.

Đức Mẹ giải thích là suối nước đó “dành cho mọi dân tộc, cho những người bệnh tật” và nói:

- Mẹ đến cứu giúp những người bệnh tật.

Mặc dầu trước kia Đức Mẹ đã nói “Tạm biệt”, Mariette vẫn tối tối quỳ cầu nguyện trong

vườn.

Lần hiện ra thứ tư:

Thứ sáu ngày 20.01.1933, Mariette cả ngày nằm trong giường để nghỉ cho đỡ mệt. Vì đêm qua cô trải qua cơn khó ngủ. Lúc 18.45 giờ cô chỗi dậy ra khỏi giường mặc quần áo và đi ra ngoài, cho dù bị ngăn cản. Cô mời những người lớn cùng đi với mình. Trên đường đi cô quỳ gối đọc kinh cầu nguyện ít lâu.

Khi Đức mẹ hiện đến, Mariette kêu lên:

- Ô, kìa Bà đến rồi.

Rồi cô nói chuyện với Đức Mẹ:

- Thưa Bà đẹp, Bà muốn điều gì?

Đức Mẹ mỉm cười nói:

- Mẹ muốn có một ngôi nhà nguyện nhỏ.

Rồi Đức mẹ giơ tay ra và lấy tay phải chúc lành cho cô. Mariette ngất xỉu ngã quỵ nằm xuống mặt đất. Người ta xúm, lại khiêng cô về nhà, sau đó cô tỉnh lại.

Liên ba tuần sau đó từ ngày 21.01. đến 11.02. Đức mẹ không hiện ra. Mọi sự trở lại yên tĩnh. Những người tò mò không còn đến xem đông nữa. Riêng Mariette vẫn trung thành hằng ngày vào lúc 19.00 giờ cô ra ngoài vườn quỳ cầu nguyện cho dù trời lạnh mùa Đông. Cô đọc kinh lần chuỗi bốn, năm, sáu, bảy tràng hạt. Đôi khi cô đọc kinh một mình không biết mệt mỏi.

Lần hiện ra thứ năm

Ngày 11.02.1933, như những lần trước Mariette đi trên đường ra chỗ dòng nước quỳ gối xuống hai lần và nhúng đôi tay vào dòng nước cùng làm dấu thánh giá trên mình. Bỗng chốc cô đứng dậy chạy nhanh về nhà và khóc. Cô hỏi cha mình về ý nghĩa “xoa dịu”, mà cô không hiểu lời Đức Mẹ nói với cô: “Mẹ đến đây xoa dịu nỗi đau khổ.”

Lẽ ra đến tháng 5 Mariette mới được rước lễ lần đầu, nhưng ngày hôm sau Cô được lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể lần đầu.

Lần hiện ra thứ sáu:

Ba ngày qua đi và người tò mò đến xem cũng giảm bớt đi. Ngày 15.02.1933 vào buổi chiều Mariette chỉ có ba người đồng hành được chứng kiến lần hiện ra thứ sáu của Đức Mẹ. Mariette nói với Đức mẹ thắc mắc của cha phó Jamin:

- Thưa Mẹ rất thánh, cha phó yêu cầu con nói với Mẹ xin một dấu chỉ.

Đức mẹ Maria trả lời:

- Hãy tin tưởng vào Mẹ. Mẹ sẽ tin tưởng các con.

Rồi Đức Mẹ nói thêm vào:

- Hãy cầu nguyện nhiều. Tạm biệt con.

Mariette cầu nguyện, xấp mặt xuống đất, cô khóc vì Đức mẹ biến đi mất. Đức mẹ Maria đã tin tưởng trao màu nhiệm cho đứa con nhỏ Mariette.

Lần hiện ra thứ bảy:

Ngày 20.02.1933 Mariette quỳ gối giữa trời tuyết đổ giá rét. Cô đọc kinh lần chuỗi mân cô có 8 người cùng đồng hành bên cạnh. Bất ngờ cô đọc kinh to tiếng và nhanh hẳn lên. Cô đứng dậy đi ra khỏi vườn, quỳ xuống hai lần trên mặt đường và lần thứ ba nơi dòng nước hôm trước. Nơi dòng suối nước cô cầu nguyện và khóc. Đức mẹ Maria nói với cô:

- Con yêu quý, hãy cầu nguyện nhiều.

Theo lời Đức mẹ nhắn bảo, Mariette đã làm theo, đêm hôm đó vào khoảng 22.00 giờ cha cô đã thấy con gái mình quỳ bên giường dựa vào một chiếc ghế, tay lần hạt đọc kinh.

Lần hiện ra thứ tám:

Mariette phải chờ đợi tám ngày trước khi Đức mẹ hiện ra lần thứ tám và cũng là lần sau chót ở Banneux với Mariette .

Thứ năm ngày 02.03.1933 lúc 15.00 giờ trời mưa như trút nước. Vào khoảng 19.00 giờ Mariette che dù đi ra ngoài, đang khi lần hạt đến chục thứ ba, trời tạnh ngừng mưa. Mariette giữ tinh lặng, giang tay ra, đứng dậy đi thêm một bước và quỳ xuống. Cô chống khuỷu tay xuống khóc nức nở. Thấy vậy cha cô đến đỡ cô dậy. Trời lại đổ mưa tiếp. Về nhà cô thuật lại trong dòng nước mắt sứ điệp Đức mẹ nói với cô:

- Ta là mẹ Đấng cứu chuộc, Mẹ Thiên Chúa. Con hãy cầu nguyện nhiều.

Đức Mẹ chấp đôi tay lại và nói:

- Tạm biệt con.

Mariette nói “Đức Mẹ nói với tôi chào tạm biệt, Tôi sẽ không nhìn gặp lại Đức Mẹ. Sau này Mariette nói: “Đức Mẹ chỉ nói một chữ tạm biệt.”

Như thế Đức mẹ hiện ra với Mariette Beco tất cả tám lần ở Banneux với bốn lần ra dòng suối nước, và bốn lần khác ở trong vườn hay ngoài đường.

Và từ ngày đó dòng suối nước Đức Mẹ Banneux như lời Đức Mẹ nói với Beco “dòng suối nước dành cho mọi dân tộc” đã trở nên dòng suối nước linh thiêng thu hút hàng trăm ngàn người đến cầu nguyện kính viếng Đức Mẹ nơi thánh địa Banneux.

Dòng nước nhỏ đã trở nên dòng suối lớn và hầu như lập tức nhiều người được lành bệnh nhờ nước suối này. Một ủy ban gồm hai bác sĩ y khoa và hai linh mục và một số người địa phương đã cấp thời xem xét các dữ kiện. Kết quả cuộc điều tra, các thành viên đều tuyên bố rằng không có điều gì dối trá về phía Mariette và gia đình cô. Mariette khỏe mạnh thể chất và tâm trí bình thường, không có dấu gì bất thường. Sau đó ít lâu Mariette vào nội trú để tránh khỏi bị chât vấn bởi quá nhiều phóng viên và người muốn tìm hiểu.

Sự kiện Đức Mẹ hiện ra tại Banneux được đức giám mục Kerkhofs, giáo phận Liège, báo cáo trực tiếp về Tòa Thánh vào cuối năm 1941. Chỉ trong thời gian hết sức ngắn, Tòa Thánh đã phúc đáp và việc sùng kính Đức Trinh Nữ của người nghèo hầu như lập tức được chính thức long trọng bắt đầu.

Một bệnh viện 250 giường dành cho người nghèo đã sớm được xây cất tại Banneux. Nhiều bệnh viện khác được xây dựng tiếp theo. Các bệnh viện này đều do các nữ tu thuộc chín dòng khác nhau điều khiển.

Thánh địa Banneux.

Sự kiện Đức mẹ Maria hiện ra với Mariette Beco đã được Giáo quyền địa phương chú ý theo dõi kiểm tra, đức giám mục giáo phận Liege từ năm 1942 đến 1947 đã chính thức công nhận việc sùng kính Đức mẹ Maria là mẹ của người nghèo. Ngày 22.08.1949 sự kiện Đức mẹ hiện ra tám lần ở Banneux được công nhận là đúng cùng chân thật.

Từ đó những khách hành hương kính viếng Đức Mẹ Banneux hoặc cá nhân riêng lẻ hay đoàn từng đoàn thẻ hàng kéo đến đông đảo, nhất là vào thời gian từ tháng Năm đến tháng mười hằng năm. Họ đến nhúng đôi tay vào dòng suối nước ban ơn lành, họ đến đọc kinh cầu nguyện cho những ý chỉ ước nguyện riêng tư, họ đến để kín mức nguồn ơn cho nhu cầu chữa lành, an ủi bệnh tật thể xác cũng như tâm hồn.

Ngày 21.05.1985 đức Thánh Cha Gioan Phaolo đệ nhị, bây là Hiển Thánh trong Giáo hội, đã hành hương đến Banneux nơi dòng suối nước này, và Ngài đã nhúng đôi tay vào dòng nước đó đang khi cầu nguyện. Dịp này có 100.000 người cùng đến hành hương chung với ngài.

Và hằng năm có tổng số khoảng hơn kém bốn trăm ngàn người đến dòng suối nước Banneux hành hương kính viếng Đức Mẹ, chủ yếu vào thời gian từ tháng Năm đến tháng Mười.

Ngày nay nơi thánh địa Banneux ngôi nhà của gia đình Beco còn được gìn giữ bảo trì, khu vườn sau nhà bây giờ là sân đốt nến cầu nguyện có một ngôi nhà nguyện nhỏ được xây dựng như ý Đức Mẹ mong muốn. Ngôi nhà nguyện được xây dựng khánh thành ngày 15.08.1933. Trong nhà nguyện Đức Mẹ hiện ra nơi Đức Mẹ đứng lúc hiện ra có lát đá hình kiểu Mosaic với dòng chữ “HUC Velens, VoLUIt MatrIsr eCLUDere peCtus” – Khi Đức mẹ hiện đến nơi đây, Đức mẹ muốn mở trái tim người mẹ ra.“

Trên con đường đi đến dòng suối nước, Mariette đã ngã quỵ xuống ba lần. Nơi những chỗ này còn ghi dấu lại với Logo có dòng nước và ngôi sao năm cánh của khắc ghi trên đó.

Ngôi nhà thờ lớn dâng kính Đức Mẹ của người nghèo với hơn 5.000 chỗ cho khách hành hương được xây dựng năm 1984. Ngôi thánh đường này được xây dựng nhìn bên ngoài như một chiếc lều, mà trong Kinh thánh Cựu điển tả chiếc lều dựng Hòm Bia lễ luật Thiên Chúa nơi gặp gỡ Thiên Chúa với dân của Ngài đang trên đường di chuyển lữ hành từ Ai Cập trở về quê hương Chúa hứa.

Ngoài ra còn có hai nhà nguyện Đức Mẹ hiện ra và nhà nguyện Thánh Phanxico nằm song song hai bên công trường Esplana, mỗi nhà nguyện có hơn 400 chỗ ngồi.

Dòng suối nước là trạm cuối cùng nơi Đức Mẹ hiện ra dẫn Mariette Beco và mọi người đến đó. Bể chứa đựng nước chảy ra từ nguồn vách đá như hiện nay được xây dựng làm năm 1985 có khắc ghi dòng chữ “Fons UnUS ChrIstUS JesUs hUnC aLMa reCLUDit – Chúa Giêsu Kitô là nguồn dòng nước duy nhất, mà Đức mẹ dẫn chúng ta đến, luôn hằng rộng mở cho mọi người.” Bên trên tường dòng suối nước tượng Đức

Mẹ Banneux hai tay chấp trước ngực, đầu hơi nghiêng cúi xuống mắt hướng nhìn đoàn con bên dưới đang nhúng tay cầu khẩn xin ban ơn phù giúp.

Trong khu rừng thông thánh địa là con đường với 15 chặng đàng thánh giá. Rải rác bên vệ đường trong thánh địa có những ngôi nhà nguyện nhỏ, những trạm bàn thờ kính Đức Mẹ, kính vị Thánh của những dân tộc đã đến đây hành hương. Đó là ước nguyện mong muốn của trung tâm hành hương Banneux như một dấu tích kỷ niệm để lại nơi đây. Dân Việt Nam Công giáo chúng ta có dựng trạm đài tượng Đức Mẹ Lavang.

Những con đường trong khu rừng thánh địa nơi đây tỏa chiếu không khí linh thiêng rất thích hợp cho những nhóm đoàn thể tổ chức rước kiệu cung nghinh Đức Mẹ từ quảng trường Esplana theo con đường đi qua dòng suối nước xuyên qua khu rừng có bóng râm mát tiến về nhà thờ dâng thánh lễ. Khu vực như thế này không có ở thánh địa bên Lourdes cũng như ở bên Fatima.

Ở thánh địa Banneux có nhà dành riêng để tiếp đón những người bệnh đến hành hương kính viếng Đức Mẹ. Trong thời gian hành hương từ tháng Năm tới tháng Mười, hằng ngày đều có giờ Châu Thánh Thể và chúc lành cho bệnh nhân.

Từ mấy năm nay, các Cộng đoàn Công giáo Việt Nam ở nước Đức, rồi từ các nước Âu Châu như Bỉ, Hòa Lan, Pháp, Anh, Lục xam bảo đến đây hành hương cung nghinh rước Đức Mẹ Banneux chung trong khu thánh địa vào ngày Chúa nhật thứ hai tháng Năm hằng năm, ngày này theo phong tục nếp sống văn hóa Âu châu cũng là ngày nhớ ơn mẹ. Số người đi hành hương ngày càng đông lên tới hàng ngàn người.

Thánh địa Banneux không rộng lớn về diện tích cùng bề dày lịch sử so với Lourdes, và Fatima. Nhưng địa điểm Banneux thuận tiện đường giao thông đi lại gần cho người Công giáo Việt Nam sống ở chung quanh các nước vùng Trung Âu châu, Bỉ, Đức, Pháp, Hòa Lan, Lục-xam-bảo, Anh quốc. Và nhất là thánh địa Banneux có chỗ lý tưởng cho việc rước kiệu, vốn dĩ là phong tục nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam có từ thời các Vị Thừa Sai người tây phương sang truyền giáo cách đây gần bốn trăm năm.

Mariette Beco, người thị kiến Đức Mẹ hiện ra là ai?

Những người được Đức Mẹ hiện ra ở Lourdes và Fatima là những người không lập gia đình vào sống trong tu viện trở thành nữ tu sau đó. Và sau khi qua đời đã được phong Á Thánh hay Hiển Thánh trong Giáo Hội.

Nhưng trường hợp Mariette Beco ở Banneux thì không như vậy. Mariette Beco vẫn là một giáo dân Công giáo sống đời sống hôn nhân gia đình giữa lòng xã hội tràn thề cho tới khi qua đời.

Mariette Beco là con gái lớn đầu lòng của gia đình đông con. Nên Mariette bạn phải lo phụ giúp mẹ việc trong nhà nhiều hơn.

Mariette trước khi được Đức Mẹ hiện ra, không là người sùng đạo, bỏ đi lễ nhà thờ, bỏ học giáo lý xưng tội rước lễ lần đầu thường xuyên. Sau khi được Đức Mẹ hiện ra khuyên bảo hãy cầu nguyện nhiều, Mariette mới quay trở lại chăm chỉ cầu nguyện nhiều, nhưng như cô nói: “Không muốn nói hay tỏ hiện ra bên ngoài cho ai thấy”.

Năm 1942 Mariette Beco lập gia đình và có ba người con, người con thứ ba qua đời lúc còn thơ bé sau khi mở mắt chào đời.

Đời sống hôn nhân của Mariette Beco gặp khủng hoảng, vợ chồng chia tay sống ly thân. Mariette Beco sống yên lặng lui vào ẩn dật không tiếp xúc công cộng cũng chẳng bao giờ cho phỏng vấn chụp hình hay nói về biến cố thêm bớt cùng rút lại những gì ngày xưa đã được Đức Mẹ hiện ra tâm lần với mình.

Năm 1985 Đức Thánh Cha Gioan Phaolo đệ nhị tới thánh địa Banneux hành hương kính viếng Đức Mẹ, Mariette Beco bằng lòng đến gặp Đức Thánh cha trong phòng áo nhà nguyện. Trong cuộc gặp gỡ này, Mariette Beco đã nói với Đức Thánh Cha: “Con chỉ là người đưa thư sứ điệp của Đức Mẹ thôi.”

Đời sống của Mariette Beco có nhiều đau khổ về tinh thần vì hoàn cảnh gia đình chia ly, cô đơn, con mất sớm, lại thêm bệnh tật đau yếu, chân đau mắt càng nhìn yếu kém gần như mù lòa lúc tuổi đời càng cao. Lúc tuổi già yếu Bà Mariette Beco vào sống trong nhà hưu dưỡng bên Banneux. Và ngày 02.12.2011 Bà Mariette Beco đã qua đời thọ 90 tuổi.

Mariette Beco đã được Đức Mẹ hiện ra và đã thuật lại những gì đã thấy đã nghe về biến cố phép lạ này. Mariette Beco sau biến cố phép lạ được Đức mẹ hiện ra bị nhiều người coi khinh có cả bị nhạo báng, bị hồ nghi và cho là cô đã phản bội.

Nhưng cho tới khi qua đời, Mariette Beco đã không bao giờ phản bội sứ điệp Đức Mẹ Banneux, và cũng chẳng bao giờ rút lại, cũng chẳng thêm bớt gì nữa. Mariette Beco trước sau vẫn trung thành giữ vững vị thế lập trường của mình. Cô thường nói: “Tôi đã nói tất cả những gì tôi phải nói. Tôi không có một lời nào nữa thêm vào hay rút lại.”

Khi hiện ra lần thứ năm hôm 11.02.1933, Đức mẹ đã nói với Mariette Beco “Mẹ đến đây xoa dịu nỗi đau khổ”, nhưng cuộc đời Mariette Beco cho tới khi qua đời lại gặp, theo con mắt nhìn suy hiểu của con người phàm trần, quá nhiều sự đau khổ.

Vậy đâu là ý nghĩa đạo đức thần học ẩn chứa qua biến cố Đức Mẹ hiện ra ở Banneux?

Những dấu chỉ đạo đức thần học.

Đức Mẹ Banneux đi lùi hướng mặt về đằng sau.

Đức Mẹ Maria đã hiện ra với Mariette Beco khởi đầu trong khu vườn sau nhà và đã dẫn Mariette theo con đường ra đến dòng suối nước. Trên con đường này Đức mẹ đã dẫn Mariette đi, Đức Mẹ đi trước quay mặt về phía Mariette cùng những người đi theo sau. Như thế Đức Mẹ đi lùi, mặt quay hướng nhìn người đi theo đằng sau. Điều này nói lên, Đức Mẹ hằng quan tâm đến mọi người, nhìn cùng lắng nghe tâm sự của con người.

Những người đến nơi này kính viếng luôn được Đức Mẹ ngó xuống nhìn cùng lắng nghe chúng ta tâm sự. Nơi dòng suối nước ban ơn lành, hai tay nhúng vào dòng nước xin ơn và mắt ngược lên tượng Đức Mẹ Banneux trên bờ tường cũng đang nhìn ta bên dưới.

Và cũng do cung cách Đức Mẹ đã làm như thế, nên ở thánh địa Banneux, kiệu Đức mẹ Banneux đi đâu mặt quay về phía người tín hữu đi theo sau kiệu.

Đây là một đặc điểm riêng ở thánh địa Banneux, và hầu như không thấy có ở nơi nào khác.

Mẹ của người nghèo

Lần hiện ra thứ ba với Mariette Beco, Đức mẹ đã trả lời thắc mắc của Mariette: “Ta là mẹ của người nghèo”. Với lời tự nhận đó, Đức Mẹ muốn mình ở giữa những người nghèo không chỉ về vật chất của cải tiền bạc, nhưng còn nghèo về đời sống tinh thần tâm linh nữa.

Chúa Giêsu trong bài giảng tám mối phúc thật đã ca tụng “những người có tâm hồn nghèo khó, vì nước trời là của họ.” (Mt 3,1). Họ nghèo về vật chất, nhưng lại giàu có tinh thần, vì tin tưởng vào Chúa.

Dòng suối nước cho mọi người

Đức Mẹ dẫn Mariette từ vườn sau nhà đi đến dòng nước rồi chỉ cho nhúng tay vào đó, rồi Đức Mẹ biến đi. Như thế, Đức mẹ muốn dẫn Mariette và mọi người đến với dòng suối nước ơn cứu độ là Chúa Giêsu, Đấng là nguồn ân đức các Bí Tích và sự sống vĩnh cửu.

Từ ngày đó biết bao nhiêu ngàn người lũ lượt hành hương đến cúi mình nhúng đôi tay vào dòng suối nước này cầu nguyện xin ơn chúc lành phù hộ của Đức Mẹ. Và nhiều người đã được ban ơn như lòng tin tưởng cầu xin.

Cử chỉ nhúng tay sâu vào dòng nước nói lên tâm tình muốn gặp gỡ Chúa Giêsu là nguồn suối mọi ân đức nơi Lời của Chúa và nơi các Bí Tích. Đời sống đức tin vào Chúa cho chúng ta cùng được tham dự chia sẻ vào mầu nhiệm ơn cứu chuộc của Chúa, không phải chỉ qua sự hiểu biết của lý trí, nhưng còn là lòng tin tưởng yêu mến cùng gắn bó mật thiết với Chúa nữa.

Dòng suối nước Đức Mẹ Banneux trở nên thời danh qua nhờ những phép lạ chữa bệnh, mà người tín hữu đến nhúng tay vào trong đó như Đức mẹ truyền bảo Mariette Beco: “Cho tất cả mọi dân tộc, mang lại sự yên ủi cho người đau bệnh, cho những người bị bệnh tật.”

Dòng suối nước Đức Mẹ Banneux là dấu chỉ của lòng yêu mến Chúa dành cho mọi người.

Đức Giêsu nói: "Ai uống nước này, sẽ lại khát. 14 Còn ai uống nước tôi cho, sẽ không bao giờ khát nữa. Và nước tôi cho sẽ trở thành nơi người ấy một mạch nước vọt lên, đem lại sự sống đời đời." (Ga 4,14.)

Những lần té ngã trên đường đi

Trên đường từ nhà được Đức mẹ dẫn đến dòng suối nước, Mariette Beco đã ngã té xuống đất ba lần. Những chỗ đó được ghi lại với hình ngôi sao khắc trên mặt đường.

Đức Mẹ hiện ra đã dẫn Mariette ra đến dòng suối nước bốn lần nói lên: Trong đời sống con người chúng ta hầu như hằng ngày đều đi trên cùng một con đường. Rồi bước đi tới cũng như trở lại trên con đường hằng ngày là hình ảnh nói lên sự chuyển động, làm lại đổi mới đời sống

Những lần Mariette ngã té quỵ gối xuống nền đường là hình ảnh những yếu đuối, những đau khổ thất vọng, những thử thách trải qua, những khiếm khuyết lỗi làm tinh thần chùng xuống, khiến ngã quỵ trên đường đến nguồn nước ân đức Chúa Giêsu Kitô.

Nhưng Đức mẹ Banneux lúc nào cũng nhìn Mariette cùng đoàn người đi theo với nụ cười trên môi. Như thế, Đức mẹ muốn nhắn gửi đi sứ điệp: Không có bình luận phê phán, chê trách lên án cùng đe dọa. Đức Mẹ Banneux luôn khuyến khích hãy can đảm lên và luôn vực nâng đứng dậy khi té ngã.

Đến thánh địa Banneux hành hương người ta sẽ không tìm thấy nơi đây những gì mang dấu vết văn hóa nghệ thuật thời xưa cũng như hiện đại. Không, đây là vùng thôn quê hẻo lánh, nên không có những điều đó.

Đến thánh địa Banneux người ta cũng không tìm thấy những vết tích của sự kiện lạ lùng hấp dẫn. Nhưng là để cầu nguyện xin ơn phù hộ an ủi từ nơi Đức mẹ Maria theo ý nguyện riêng tư.

Đến thánh địa Banneux người ta cũng không sống trải qua cảnh ồn ào nhộn nhịp của từng đoàn người hành hương nối dài đi ra, đi vào nơi này. Nhưng có được bầu không khí bình lặng thiêng liêng nơi đây của những người hành hương thanh thản đến cúi mình nhúng đôi tay vào dòng suối nước Đức mẹ, âm thầm đọc kinh hoặc nói lời tâm sự với Đức Mẹ, rồi họ lại thình lặn ra đi vào khu rừng đọc kinh suy niệm tràng thánh giá, hay vào những nhà nguyện đốt thắp nến đọc kinh xem lễ.

Những ngôi nhà nguyện, kể cả ngôi thánh đường rộng lớn với 5.000 chỗ ngồi dành dâng kính Đức mẹ của người nghèo mới được xây dựng 1984 chắc chắn bảo đảm an toàn, cũng làm bằng vật liệu đơn giản mộc mạc giữ nguyên màu sắc thiên nhiên.

Rồi cung cách trang trí từ bên ngoài vào bên trong thánh đường cũng mang sâu đậm nét dáng tinh thần nghèo khó đơn giản như Đức mẹ đã nói: “Ta là mẹ của người nghèo.”

Tháng Năm, tháng Hoa kính Đức Mẹ Maria.

ĐỨC MẸ HIỆN RA TẠI KERIZINEN

TẠI KERIZINEN, NĂM 1938

Lần này Đức Mẹ chọn hiện ra tại Kerizinen, một xóm nhỏ chỉ có dăm ba ngôi nhà vách đá cũ kỹ, nghèo nàn. Kerizinen cách eo biển Manche trên bờ Đại Tây Dương khoảng 2 cây số về phía bắc, cách Paris 480 cây số về phía Tây.

Người được Đức Mẹ chọn làm thông tin viên là Jeanne Louise Ramonel, lúc đó 36 tuổi, tàn tật, độc thân, sống cô đơn. Jeanne Louise sinh năm 1910. Chị có tất cả tám anh chị em. Những người này đều trưởng thành, có gia đình và ở riêng hoặc đi làm ăn xa. Khi được hai tuổi, Jeanne Louise bị bệnh tê bại. Năm 1936, cha sở thu xếp đưa chị đến Lộ Đức. Sức khỏe của chị dần dần khả quan hơn, chị tập tễnh bước đi được và tự làm lấy những việc cần thiết cho mình.

Ngày 15 tháng 9 năm 1938, Jeanne Louise đang ngồi đan áo và trông chừng con bò sữa của chị gặm cỏ ở đồng cỏ gần nhà. Bất chợt chị thấy một trái cầu ánh sáng hiện ra trước mắt chị và đứng cách mặt đất khoảng một mét. Bầu ánh sáng tỏa rộng ra, chị thấy trong chính giữa là một Phụ Nữ Trẻ Đẹp mà chị tin chắc là Đức Trinh Nữ. Jeanne quì xuống, và Đức Mẹ nói:

- Đừng sợ! Mẹ không làm hại con đâu! Con sẽ thấy Mẹ vào những lần khác nhau trong những năm tới. Khi đó Mẹ sẽ nói cho con biết Mẹ là Ai và muốn con làm gì. Một cuộc chiến mới đang đe dọa Âu Châu. Mẹ sẽ làm chậm cuộc chiến đó một vài tháng, vì Mẹ không thể bùng tai làm ngơ, nhiều lời cầu nguyện xin hòa bình dâng lên Mẹ tại Lộ Đức vào lúc này.

Tới đây Đức Mẹ biến đi. Jeanne Louise đã không nói với ai về thị kiến này.

Ngày 7 tháng 10 năm 1938, lễ Đức Mẹ Mân Côi, và đúng vào sinh nhật thứ 37 của chị, Đức Mẹ hiện ra nói với chị:

- Thế giới không ngưng xúc phạm Thiên Chúa bằng những tội nặng nề kinh khủng, nhất là các tội thuộc giới răn thứ sáu và thứ chín (thứ sáu: chớ làm sự dâm dục, thứ chín: chớ muốn vợ chồng người). Vì thế cuộc chiến này là hình phạt vì quá nhiều tội lỗi đó.

Đức Mẹ nói tiếp:

- Nhưng Thiên Chúa quá xót thương và ban cho các con phương tiện ơn cứu độ: hòa bình, các con sẽ sớm có hòa bình nếu các con biết cách mưu cầu. Nhưng để được hòa

bình, người ta cần phải sống cuộc đời cầu nguyện, hy sinh, đền tội. Các thiếu niên, đặc biệt là các nhóm cầu nguyện, cần phải năng cầu nguyện kinh Mân Côi, kèm lời nguyện ‘Lạy Chúa Giêsu, xin tha tội lỗi chúng con, xin cứu chúng con khỏi hỏa ngục, xin đem hết thầy các linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng thương xót của Chúa hơn’ để cầu xin cho kẻ tội lỗi. Con hãy nói với cha sở rằng ngài phải công bố thông điệp này. Mẹ sẽ ban cho thông điệp này sức mạnh siêu nhiên đánh động các tâm hồn”.

Jeanne Lousise lập tức báo cho cha sở về lần thị kiến này và thị kiến thứ nhất như Đức Mẹ bảo. Nhưng cha sở cấm chị không được nói điều đó với ai. Vì thế suốt 9 năm, cho tới lần thị kiến thứ mười ba, chỉ có chị Jeanne Louise và cha sở biết về thị kiến và các thông điệp của Đức Mẹ trong các thị kiến đó.

Ngày 1 tháng 12 năm 1939, Đức Mẹ hiện ra và khuyên chị Jeanne:

- Các con hãy nhớ chắc phải võ trang bằng lời cầu nguyện và hy sinh trong khi quân đội của các con (Pháp) đang chiến đấu.

Ngày 2 tháng 4 năm 1940, Đức Mẹ cảnh cáo:

- Người ta không cầu nguyện nhiều như trong tháng đầu cuộc chiến. Vì sự chênh lệch này, các con (Pháp) sẽ phải chịu đau khổ, mà phần chính là các binh sĩ của các con. Nhiều người sẽ bị cầm tù. Nhiều người sẽ chết vì đói khát và khốn khổ.

Đức Mẹ hiện ra ban thông điệp cho chị Jeanne Louise vào đầu tháng 5 năm 1940, khi nước Bỉ vừa mới bị Đức xâm lăng. Đức Mẹ nói:

- Các con dân Pháp của Mẹ, những giờ phút nghiêm trọng sẽ sớm đến với các con! Đất nước các con bị kẻ thù đe dọa xâm lấn.

Ngày 8 tháng 5 năm 1941, Đức Mẹ nói:

- Chẳng bao lâu nữa, nước Nga sẽ giúp làm nhẹ cuộc chiến. Kẻ thù của các con sẽ bị ảnh hưởng mạnh. Nhưng, bắt đầu từ giây phút này, các con phải cầu nguyện, cầu nguyện thiết nhiều. Hỡi các linh hồn Kitô hữu, vì kẻ thù vĩ đại này của Giáo Hội (Cộng Sản), sau cuộc chiến, sẽ hiện diện hầu khắp nơi, và chúng gây khó khăn nhiều cho Giáo Hội.

(Chúng ta thấy thông điệp ngày 8.5.1941 có nội dung rất gần thông điệp Đức Mẹ ban ngày 13.7.1917 tại Fatima. Bắt đầu từ năm 1950, Cộng sản lan tràn khắp thế giới như thác lũ và là mối đe dọa lớn cho các dân tộc, là khó khăn lớn cho Giáo Hội).

Ngày 1 tháng 5 năm 1944, chị Jeanne Louise thấy một cảnh bao la trước mặt: Ở một góc, có những người đang kéo lá cờ đỏ lên. Một số linh mục cố cản họ, nhưng các ngài bị họ đe dọa, hành hạ, và ném đá. Trong một góc, ma quỷ đang hết sức khoái chí, cổ vũ những người đang kéo lá cờ đỏ. Trong một chỗ khác, hình Đức Trinh Nữ đang khóc, và có hàng chữ “Hình Ảnh Của Chủ Nghĩa Cộng Sản”.

Sau khi Đức Mẹ hiện ra lần thứ 13, ngày 4 tháng 10 năm 1947, chị Jeanne Louise lần nữa chống nạng đi bộ hơn 2 cây số đến gặp cha sở tại Plounevez Lochrist để báo cho ngài những lời Đức Mẹ. Một cô bé tình cờ nghe tường tận đối thoại giữa cha sở và chị Jeanne Louise. Ngay sau đó, cô bé chạy tới trường học nói cho mọi người biết Đức Mẹ hiện ra với chị Jeanne Louise. Lần đầu tiên các thông điệp Đức Mẹ dạy chị Jeanne Louise được loan báo cho công chúng.

Chỉ ít lâu sau, một đài Đức Mẹ được dựng lên ở đồng cỏ. Người ta bắt đầu đến cầu nguyện tại đây, và chị Jeanne thuật lại cho mọi người các thông điệp của Đức Mẹ từ lần thứ nhất đến lần thứ hai mươi mốt.

Cuối tháng 5 năm 1949, Đức Mẹ làm phép lạ đầu tiên tại Kerizinen chữa lành một phụ nữ nguy tử tại bệnh viện. Sau khi các tín hữu dâng hoa cầu nguyện tuần chín ngày tại đài Đức Mẹ để cầu nguyện cho bệnh nhân nói trên, và Đức Mẹ hiện ra lần thứ 22, nhiều người thấy bầu ánh sáng đáp xuống nhà chị Jeanne. Sau thị kiến, chị Jeanne yêu cầu lấy một số hoa dâng tại đài Đức Mẹ, chị kết thành vòng hoa nhỏ, và nhờ đưa tới cho bệnh nhân. Ngay khi vòng hoa vừa được đặt xuống giường người phụ nữ, bà này lập tức bắt đầu nói, ngồi lên, và khỏi bệnh. Khi tin này được loan ra, không chờ kết quả của hội đồng giám định y khoa, cũng không chờ đức giám mục chấp thuận, mọi người đều cho là phép lạ thực sự.

Khi Đức Mẹ hiện ra ngày 6 tháng 8 năm 1949, chị Jeanne Louise xin Đức Mẹ cho dân cư ở đây một suối nước, vì người ta phải đi gần 2 cây số mới lấy được nước. Đức Mẹ hứa cho, nhưng tới năm 1952, người ta mới được hưởng nước suối này.

Ngày 9 tháng 12 năm 1949, Đức Mẹ bảo Jeanne Louise:

- Con hãy đến trình đức giám mục rằng Mẹ muốn ngài tổ chức cầu nguyện và hành hương tại đây, và một nhà nguyện được xây dựng tại đây. Tại đây, Con của Mẹ sẽ làm những phép lạ mà Chúa đã làm tại đây trước kia. Mẹ muốn các phép lạ đó được tái diễn, đặc biệt vì những người tội lỗi.

Nhưng đức giám mục đã không làm gì cả. Một số dân cư tại đây tự nguyện dựng lên một kiến trúc sơ sài nơi Đức Mẹ hiện ra. Bên trong có tượng Đức Mẹ được tạc theo chị

Jeanne Louise mô tả. Trong các thập niên 1950 – 1960, vào những dịp lễ, có tới 5 hoặc 6 ngàn người tụ họp tại nhà nguyện nhỏ này, và điều này làm giáo quyền không hài lòng.

Ngày 8 tháng 12 năm 1953, Đức Mẹ làm phép lạ mặt trời, bông tuyết, hoa và hương thơm, tương tự phép lạ mặt trời vũ tại Fatima ngày 13 tháng 10 năm 1917, nhưng khác là mặt trời tách ra làm hai mảnh và xoay ngược chiều nhau trước mắt hơn ngàn người hiện diện.

Trong thông điệp ngày 12 tháng 12 năm 1955, Đức Mẹ bảo chị Jeanne:

- Con hãy xin đức giám mục thành lập trong các giáo xứ ‘Hội Con Cái Mẹ’, mà Mẹ đã nói tới vào những năm đầu.

Và Đức Mẹ nói tiếp:

- Ma quỷ đã tung ra hết mọi mưu kế xảo quyệt của nó để những lần Mẹ hiện ra không được nhìn nhận tại Brittany, nhưng bất chấp nó, Mẹ sẽ vinh thắng.

Đức Mẹ đã hiện ra với chị Jeanne Louise ít nhất 71 lần. Nhưng tiếc rằng các thông điệp của Mẹ không được ghi lại, phổ biến đầy đủ và cấp thời, và giáo quyền địa phương đã không quan tâm tới, nếu không nói là cố ý chống lại. Một số giáo dân đạo đức tại Canada, Pháp và Bỉ cố gắng thu thập, phổ biến các thông điệp và tinh thần thông điệp tại Kerizinen.

ĐỨC MẸ HOA HỒNG MÀU NHIỆM

TẠI MONTICHIARI, NƯỚC Ý, NĂM 1947 – 1966

Người được Mẹ Maria chọn làm thông tín viên lần này là chị Pierina Gilli, lúc đó 36 tuổi, và nơi Đức Mẹ hiện ra là một bệnh viện tại Montichiari, nơi chị Pierina làm việc.

Montichiari nằm giữa vùng đồng bằng phì nhiêu của sông Pô, cách San Damiano khoảng 98 cây số về phía tây bắc, cách thành phố Brescia khoảng 60 cây số về phía đông nam. Fontanelle là ngoại ô của Montichiari, nơi chị Pierina Gilli chào đời ngày 3 tháng 8 năm 1911.

Theo chỉ thị của đức giám mục giáo phận Brescia, là đức cha đáng kính Giacinto Tredici, chị Pierina đã tới sống nhiều năm ở Brescia để giúp cho một tu viện. ở đây, cha đáng kính Giustino Carpin, thuộc đan viện Franciscan, trở thành cha giải tội cho chị, ngài cũng làm linh hướng cho chị nữa.

Hôm đó, chị Pierina đang làm việc một mình trong phòng tại bệnh viện, một vị phụ nữ tuyệt đẹp (Đức Mẹ) bất chợt hiện ra với chị. Đức Mẹ mặc áo dài màu tím, khăn choàng đầu màu trắng. Đức Mẹ rất buồn, mắt đẫm lệ, nhiều giọt lệ rơi xuống sàn nhà. Ngực Đức Mẹ bị ba mũi gươm xuyên qua.

Đức Mẹ chỉ nói:

- Cầu nguyện – Thống Hối – Đền Tội.

Sau đó Người nín thinh, những giọt lệ lóng lánh rơi xuống sàn nhà. Đức Mẹ biến đi.

Chúa nhật, 13 tháng 6 năm 1947, Đức Mẹ trở lại lúc sáng sớm. Lần này Đức Mẹ mặc toàn trắng và thay vì ba mũi gươm là ba bông hồng – trắng, đỏ và vàng kim. Chị Pierina hỏi:

- Xin Người vui lòng cho con biết Người là Ai?

Đức Mẹ mỉm cười nói:

- Mẹ là Mẹ Chúa Giêsu và là Mẹ tất cả các con.

Lúc đó Đức Mẹ ban thông điệp khá dài liên quan đến việc sùng kính mới dâng cho Mẹ và những sắp xếp các dòng tu và linh mục.

Đức Mẹ muốn ngày 13 hàng tháng được dành là “Ngày Của Mẹ Maria”, ngày tôn vinh

“Hoa Hồng Huyền Nhiệm” và vào ngày này, Đức Mẹ sẽ ban cho những ai tôn vinh Mẹ “tràn đầy ơn sủng và sự thánh hóa cao cả”.

Đến đây Đức Mẹ giải thích ý nghĩa ba mũi gươm đã đâm vào ngực Mẹ trong lần hiện ra trước:

- Lưỡi gươm thứ nhất là sự mất ơn gọi linh mục và tu sĩ;
- Lưỡi gươm thứ hai là các linh mục và tu sĩ sống trong tội trọng;
- Lưỡi gươm thứ ba là các linh mục và tu sĩ phạm tội phản nghịch của Juda Iscariot, những người này bỏ ơn gọi, mất đức tin cùng hạnh phúc vĩnh cửu và trở nên kẻ thù của giáo hội.

Kế đến Đức Mẹ giải thích ý nghĩa ba bông hồng:

1. Bông hồng trắng có nghĩa là tinh thần cầu nguyện;
2. Bông hồng đỏ là tinh thần đền tạ và hy sinh;
3. Bông hồng hoàng kim là tinh thần ăn năn thống hối.

Ngày 22 tháng 10 năm 1947, Đức Mẹ nói:

- Con của Mẹ mỗi một vì những xúc phạm triền miên và muốn thi hành đức công bằng của Ngài. Vì thế Mẹ đặt mình làm trung gian giữa Chúa và nhân loại, đặc biệt là những linh hồn được thánh hiến.

Tại nhà thờ giáo xứ, ngày 16 tháng 11 năm 1947, một số người hiện diện thấy chị Pierina xuất thần. Đức Mẹ nói:

- Con của Mẹ, Chúa chúng ta, mỗi một vì quá nhiều xúc phạm, những xúc phạm nặng nề, những tội chống lại đức trong sạch thánh thiện.

Sau một chút, Đức Mẹ nói tiếp:

- Chúa muốn gọi đến một trận lụt khác hoặc một hình phạt khác. Mẹ đã can thiệp. Mẹ khẩn thiết yêu cầu các linh mục bằng tình yêu mà cảnh cáo mọi người rằng họ không được phạm các tội đó nữa.

Tiếp sau khi Đức Mẹ hiện ra ở nhà thờ xứ Montichiari, nhiều phép lạ nhãn tiền chữa lành bệnh đã xảy ra. Nhưng đức giám mục Giacinto Tredici, giáo phận Brescia, ra lệnh

cho chị Pierina chằm dứt thị kiến và vào làm việc tại tu viện ở Brescia. Chị vâng lời và làm việc tại đây mười chín năm. Trong thời gian này, các lần thị kiến hầu như không còn xảy ra.

Nhưng vào tháng 2 năm 1966, khi chị Pierina đang cầu nguyện trong phòng, Đức Mẹ lại hiện ra cho chị biết Đức Mẹ sẽ hiện ra tại Fontanelle vào Chúa Nhật Phục Sinh, 17 tháng 4, 1966. Khi đức giám mục được báo cáo tin này, ngài cấm chị Pierina không được nói với ai, cũng không được về Fontanella.

Dẫu vậy, chị Pierina đã đi cùng với một người bạn về Fontanella và dừng lại nơi giếng nước cũ có bậc đá đi xuống. Chính tại giếng nước này, Đức Mẹ lại hiện ra sau kính Truyền Tin. Đức Mẹ nói:

- Con của Mẹ yêu thương vô cùng, và Chúa gọi Mẹ đến đây ban cho giếng nước này sức chữa lành bệnh tật. Để làm dầu ăn năn thống hối và thanh tẩy, con hãy quì gối và hôn bậc trên cùng này!

Chị Pierina đã thi hành như Đức Mẹ dạy:

- Bây giờ con lại hôn các bậc bước lên bước xuống và đặt ở đây một Tượng Chịu Nạn!

Bằng tay trái, Đức Mẹ ghi dấu nơi đặt Tượng Chịu Nạn. Đức Mẹ nói tiếp:

- Trước tiên các bệnh nhân và các con cái của Mẹ phải xin Con của Mẹ tha thứ tội lỗi họ, kể đó họ yêu mến hôn thánh giá này, sau đó múc nước uống. Con hãy lấy bùn, thoa vào hai bàn tay con, rồi rửa bằng nước giếng đó! Việc này cho thấy tội lỗi trở thành bùn và bụi dơ nơi trái tim các con cái Mẹ, nhưng được thanh tẩy trong nước ân sủng, các linh hồn lại trở nên thanh sạch và xứng đáng hưởng ân sủng.

- Mẹ ước muốn các người bệnh tật và tất cả mọi con cái của Mẹ đến giếng nước này. Nhiệm vụ của con là tại đây nhận các người bệnh tật và tất cả người cần con giúp đỡ.

Tới đây Đức Mẹ bay lên không trung. Người dang rộng hai cánh tay và áo choàng của Mẹ phủ khắp khoảng mênh mông trên bầu trời. Nơi cánh tay Đức Mẹ có chuỗi mân cô màu trắng.

Rất nhiều bệnh nhân tật nguyên được lành nhờ ăn năn thống hối và dùng nước giếng Đức Mẹ, và sự việc Đức Mẹ hiện ra với chị Pierina được bán chính thức nhìn nhận.

Vào thời gian này xảy ra chuyện là một kiến trúc có tên “Lâu Đài Thánh Maria” được

rao bán, có người định mua để biến nơi đó thành một hộp đêm ma quỷ. Tuy nhiên các mưu kế đó bị phá tan và Đức Ông Luigi Novarese đã mua lâu đài đó và biến thành nhà thương nối liền với viện dưỡng lão các linh mục. Ngày khánh thành long trọng, cha sở tại Montichiari, đức ông Rossi, đã mời đức giám mục Fatima, João Pereira Vencancio, tới dự.

Bây giờ chị Pierina được giáo quyền cho phép đón Đức Mẹ hiện ra. Đức Mẹ tiếp tục hiện ra với chị ít nhất thêm 36 lần, tuy không đều đặn, cho tới hết năm 1976.

Ngày 20 tháng 4 năm 1969, chị Pierina viết: “Đức Mẹ đã hứa ban dấu lạ trên trời để đẩy mau chiến thắng của Người”. Nơi dấu lạ xảy ra là nhà thờ ở Fontanelle.

Tới ngày đó, nhiều người đã tới sớm để cầu nguyện. Trời giông bão, bầu trời đen kịt, gió lạnh. Thành linh, một khoảng trống hiện ra trên mây. Khoảng trống đó trở nên tối hơn, cho tới khi tưởng chừng màn đêm xuống. Người ta nhìn đồng hồ, nhưng chỉ mới 4 giờ chiều.

Giữa bầu trời đen kịt, người ta nhìn rõ các ngôi sao lóng lánh. Các ngôi sao tiếp tục chớp sáng cho tới khi một triều thiên lớn gồm 12 ngôi sao hiện ra. Mặt trời từ xa tấp lúc này tới gần hơn, lớn hơn và sa xuống phía người ta. Rồi đổi thành màu đỏ với nhiều tia sáng đẹp mắt. Mặt trời như rung rinh lắc lư vì gió bão, và tưởng chừng rớt xuống.

Mọi người hoảng hốt. Nhiều người quì xuống cầu nguyện. Mặt trời ngừng rơi, bắt đầu xoay trên trục, phóng ra những ngọn lửa lớn xuống trái đất. Khắp bầu trời nhuộm đỏ. Cảnh tượng kinh hoàng và không thể hiểu.

Bất chợt, mặt trời trở lại khoảng trống đen lúc trước. Các đám mây trở thành màu trắng tuyết. Mặt trời bình thường lại xuất hiện, màu trắng bệch và vẫn còn trong khoảng đen, rồi từ từ di chuyển. Mặt trời đứng im một lúc trong vòng triều thiên mười hai ngôi sao. Kế đó, mặt trời tách ra tạo thành hình thánh giá ánh sáng rực rỡ.

Trong thời gian này, cả bầu trời đổi thành màu vàng. Mặt trời lại ra khỏi hành lang tối, tựa như sao chổi, nhưng lần này nó di chuyển từ từ, lắc lư và như nhảy tới nhảy lui.

Một lúc sau, khoảng tối trở nên sáng lại. Các ngôi sao mờ đi. Mây vẫn còn bao phủ bầu trời. Nhiều người tại Lonato, cách xa 12 hoặc 13 cây số, nhìn thấy hiện tượng lạ mặt trời tại Montichiari.

Xin đọc phần chi tiết tại:

ĐỨC MẸ ĐẰNG TRUNG GIAN MỌI ÂN SÙNG

TẠI LIPA, PHI LUẬT TÂN, NĂM 1948 – 1949

Lipa là một thị xã nhỏ, gần thị xã Rosario, thuộc tỉnh Batangas, cách Manila khoảng 10 cây số về phía đông nam. Lipa và Rosario thuộc vùng núi trên độ cao 500 mét. Dân cư vùng này sống thiếu thốn nhiều về vật chất. Tại đây có nhà dòng Carmel rất cổ kính. Các nữ tu Carmel tận lực giúp đỡ người nghèo khó tại đây. Trong số các nữ tu này là chị Teresita Castillo, người được Đức Mẹ chọn làm thông tin viên.

Sau đây là câu chuyện của cuộc hiện ra do tác giả Michael Brown kể lại:

Ba tiếng gõ cửa, một giọng nói và một mùi hôi thối:

Tại tu viện Carmelo cách xa thủ đô Manila khoảng 1 tiếng đồng hồ lái xe về phía nam, một nữ tu tên Tersita Castillo bị ma quỷ tấn công. Đó là ngày 31.7.1948 tại nước Phi Luật Tân. Satan cố gắng xô đẩy nữ tu này ra khỏi dòng tu. Hắn để lại dấu vết không phải là dấu chân con người.

Đa số các trường hợp mà Đức Mẹ Maria sắp hiện ra thì thường bị ma quỷ phá phách trước đó. Đến ngày 18.8.1948, sau khi nữ tu Teresita bị ma quỷ đánh đập, thì người chị bị đầy những vết thương bầm tím. Hắn hiện ra trên bức tường và cho chị thấy có lửa chung quanh đầu của hắn. Rồi hắn biến đi.

Chiều ngày 12 tháng 9 năm 1948, chị Teresita ở một mình trong vườn nhà dòng, nơi có nhiều cây nho gần bức tường. Chị nghe tiếng gọi tên chị. Chị quay lại nhìn xem ai gọi và thấy một đám mây trắng nhỏ ở trước khóm nho. Từ đám mây này tỏa ra những tia sáng rực rỡ. Thoạt tiên chị không nhìn rõ người trong đám mây. Từ đám mây tiếng nói vọng ra:

- Con đừng sợ. Con hãy hôn đất đi. Con hãy làm bất cứ điều gì Mẹ bảo con làm. Con hãy đến thăm Mẹ tại chính chỗ này 15 ngày liên tiếp. Con hãy ăn một vài cọng cỏ đi.

Ngày hôm sau, 13 tháng 9, 1948, chị Teresita nhìn rõ Đức Mẹ trong đám mây. Đức Mẹ nói:

- Người ta không tin lời Mẹ. Con của Mẹ, con hãy cầu nguyện, cầu nguyện nhiều vì sự đàn áp. Điều Mẹ xin ở đây cũng là chính điều Mẹ đã xin tại Fatima. Con hãy nói cho mọi người biết điều này.

Sau thị kiến ngày 13.9.48, những cánh hoa hồng bắt đầu từ trời rơi xuống vườn, khắp

khuôn viên nhà dòng, và bên ngoài nữa. Mặc dầu trời gió lộng, các cánh hoa đó không bị gió cản trở hoặc xáo trộn, cho tới khi xuống tới đất các cánh hoa đó mới chịu ảnh hưởng của gió. Hàng trăm người đã lượm những cánh hoa có hương thơm ngào ngạt này.

Trong 3 tháng, nữ tu Teresita tiếp tục cảm nhận được sự hiện diện dịu dàng, thiêng liêng và đầy tình yêu Mẫu Tử của Đức Mẹ Maria. Chị được nói chuyện với Mẹ ở vườn nho trong ngôi vườn.

Đức Mẹ đã hiện ra với chị Teresita đủ 15 lần. Một đôi lần Đức Mẹ xưng mình là “Mẹ Maria, Đấng Trung Gian Mọi Ôn Lành” và yêu cầu thiết lập một đài dâng kính Đức Mẹ tại chính nơi Đức Mẹ hiện ra.

Những cánh hoa hồng không phải chỉ mưa xuống ngày 13 tháng 9, 1948, mà tiếp tục trong tháng 10, và 5 ngày liên tiếp trong tháng 11, 1948. Người ta thi nhau lượm hết các cánh hoa hồng này và cung kính giữ. Nhiều ơn lành bệnh nhờ uống nước nấu những cánh hoa hồng này được ghi nhận.

Sau đó, cả tu viện, cả thành phố và mọi người đều chứng kiến hiện tượng kỳ diệu của Thiên Đàng. Hàng trăm và hàng ngàn người tụ họp tại tu viện để nhìn hiện tượng lạ xảy ra bằng chính đôi mắt họ.

Đó là thành phố Lipa, trước đó có một vụ tàn sát hung bạo trong thời chiến. Giờ này thì Thiên Đàng ban cho cả quốc gia này có những biến cố lạ lùng. Những hình ảnh Chúa Giêsu và các thánh hiện ra nơi những đám mây, có những cánh hoa hồng mang hình Chúa Giêsu rớt xuống từ trên trời. Ai nấy đều ngỡ ngàng chiêm ngắm, đến nỗi Đức Giám Mục đến tu viện để nhằm chặn đứng hiện tượng ấy nhưng khi ngài bước vào tu viện thì một trận mưa hoa hồng rơi rớt trên ngài.

Tại Fatima, nước Bồ Đào Nha cũng đã có lúc khi một đám đông tụ họp thì họ thấy những đóa hoa hồng từ trời rớt xuống. Tại Fatima người ta thấy hoa hồng hiện ra và biến đi trước khi hoa rớt xuống đất.

Tại Lipa thì các cánh hoa hồng có màu đỏ, vàng, cam... người ta nhặt được những cánh hoa đem về nhà làm kỷ niệm. Khi các nhà nghiên cứu các đóa hoa thì thấy một số cánh hoa có xuất xứ từ nước Nga, một quốc gia ở cách Lipa gần 2 ngàn dặm Anh, về phía bắc.

Trong cuộc hiện ra có một con chim màu xám đậu gần cành nho trong vườn trông giống như cành bụi gai ở Lộ Đức. Giống như thị nhân Lucia, chị Teresita được một

Thiên Thần ban Minh Thánh Chúa cho chị.

Khi các cánh hoa hồng rớt xuống thì những người đứng xem đã báo cáo rằng có một thánh tượng Đức Mẹ Maria đã được khắc theo lời mô tả của nữ tu Teresita thì miệng và hai bàn tay của thánh tượng Đức Mẹ cử động như đang đọc kinh và lần chuỗi.

Mặt Trời quay và nhiều người được chữa lành bệnh. Mẹ tự xưng tước hiệu là “Đấng Trung Gian Ôn Lành” (Medatrix of Grace). Đức Mẹ Maria ban những lời dịu dàng sau:

"Hỡi con của Mẹ, hãy cầu nguyện vì người ta không nghe lời Mẹ. Con hãy nói cho các con gái của Mẹ rằng sẽ có cuộc bách hại, bất ổn và chảy máu nơi quốc gia của các con. Kẻ thù của giáo hội sẽ cố gắng phá huỷ đức tin mà Chúa Giêsu đã thiết lập và Chúa chết cho đức tin ấy. Giáo hội sẽ chịu đau khổ nhiều.

“Hãy cầu nguyện cho sự hoán cải của những kẻ tội lỗi trên toàn thế giới.

“Hãy cầu nguyện cho những ai từ chối Mẹ và những ai không tin tưởng và không tín thác nơi Mẹ.

“Con hãy loan truyền ý nghĩa của Chuỗi Kinh Mân Côi bởi vì đó là một khí cụ bình an cho toàn thế giới.

“Hãy nói cho mọi người biết rằng phải cần sùng kính và cầu nguyện bằng Chuỗi Kinh Mân Côi.

“Hãy truyền bá lòng sùng kính Mẫu Tâm Vô Nhiễm Đức Mẹ Maria.

“Hãy làm việc sám hối cho các linh mục và nữ tu.

“Đừng sợ hãi vì tình yêu của Thánh Tâm Chúa Giêsu Con Mẹ sẽ làm dịu lại sự chai đá của những trái tim khô cằn, và tình yêu Mẫu tử của Mẹ sẽ là sức mạnh đập dập những kẻ thù của Thiên Chúa. Những gì mà Mẹ xin ở đây cũng giống như những gì Mẹ đã xin ở Fatima.”

Có những bí mật nhưng nữ tu Teresita đã giữ bí mật trong hơn 60 năm qua. Bà tiết lộ một ít với một phóng viên rằng:

"Tôi sẽ kể cho bạn một chút, một trong các điều bí mật là dành cho nước Trung Hoa, chứ không phải là nước Nga.”

Ngày 23 tháng 3, 1949, khắp cả thị trấn, mọi người bắt chột nhìn lên và thấy Đức Mẹ

đứng giữa đám mây. Chung quanh Đức Mẹ có những vòng hào quang màu đỏ, xanh, vàng, và lá cây. Hình ảnh Đức Mẹ trên đám mây này là hình ảnh ba chiều, vì một số người ở thẳng trước mặt Đức Mẹ thấy trọn vẹn khuôn mặt, nhưng những người ở phía bên nhìn thấy mặt Đức Mẹ đứng nghiêng. Đức Mẹ hiện ra lạ lùng này lâu trên hai tiếng đồng hồ để những người từ Rosario tới kịp chiêm ngưỡng. Một số người nói họ thấy Đức Mẹ từ xa 5 hoặc 6 cây số.

Khi Thánh Tượng Đức Mẹ Maria được tạc để cho mọi người đến chiêm ngắm và cầu nguyện thì có nhiều hiện tượng lạ kỳ và mầu nhiệm xảy ra. Mùi thơm của những cánh hoa hồng tỏa lan từ ngày này đến ngày kia trên mặt đất phía bên ngoài của Dòng Kín. Bầu không khí ướp đầy mùi hương hoa hồng ngào ngạt làm cho hàng ngàn tín hữu và những người hiếu kỳ đến say mê chiêm ngắm.

Một đài kính Đức Mẹ được lập tại nơi Đức Mẹ hiện ra, và thánh đường Lipa được dâng kính Đức Mẹ, Đấng Bầu Cử Muôn Ôn Lành. Những cánh hoa hồng từ trời mưa xuống đã được bọc trong bao plastic và gửi đi khắp thế giới.

Lúc ấy, vị Giám Mục Lipa là Đức Cha Alfred Verzosa đã tin vào cuộc hiện ra và cho phép các tín hữu tôn kính Đức Mẹ Là Đấng Trung Gian Mọi Ân Sủng.

Năm 1948, Đức Mẹ Maria tiên tri những biến cố sẽ xảy đến. Mẹ phán:

"Các con đừng ngăn cản nơi linh thiêng của Mẹ và đừng coi thường lời dạy dỗ của Mẹ."

Sau đó Đức Giám Mục Verzosa và Mẹ Bê Trên Dòng Kín rời khỏi chức vụ. nữ tu Teresita buộc rời khỏi dòng tu. Đến năm 1951, vị Giám Mục Rufino Santos ra lệnh ngăn cấm việc tôn kính này. Giáo quyền ra lệnh bắt các nữ tu phá hủy mọi sự. Các nữ tu vâng lời và đốt hết nhật ký, các cánh hoa hồng và những tấm thiệp ghi lời cầu nguyện nhưng họ không đành lòng phá hủy thánh tượng Mẹ Là Đấng Trung Gian Mọi Ân Sủng cho nên họ gói kỹ tượng trong các bao bì và giấu ở một nơi kín đáo.

Vào ngày 24 Tháng 1 năm 1991, hiện tượng cánh hoa hồng lại bắt đầu rơi từ trời xuống một lần nữa tại tu viện Camêlô ở Lipa. Một vài ngày sau đó, sáu trẻ em đang chơi đùa trong khu vườn của tu viện nhìn thấy tượng Đức Mẹ trở nên sống động.

Lệnh cấm ấy kéo dài suốt 40 năm. Mãi cho đến ngày 12.9.2015, Đức Tổng Giám Mục ở nước Phi Luật Tân mới công nhận việc Đức Mẹ Maria hiện ra tại Lipa, gần thủ đô Manila vào những thập niên 1940. Ngay sau khi ngài công nhận thì lập tức có những hiện lạ lùng xảy ra.

Một tượng Thánh Du có tước hiệu là Đức Mẹ, Đấng Trung Gian Mọi Ôn Lành tại thành phố Caloocan (Metro Manila), bắt đầu chảy dầu thơm liên tiếp từ ngày 14.9.2015, tức là chỉ hai ngày sau khi giáo hội do Đức Tổng Giám Mục Ramon C. Arguelles đã công nhận cuộc hiện ra của Đức Mẹ Maria.

Đức Tổng Giám Mục đã nói rằng:

"Các biến cố và cuộc hiện ra của Đức Mẹ Maria vào năm 1948 tại Lipa và những hiện tượng siêu nhiên là những điều đáng tin."

ĐỨC MẸ HIỆN RA TẠI NECEDAH

TẠI NECEDAH, WISCONSIN, HOA KỲ, NĂM 1949 – 1951

Tại Necedah, tiểu bang Wisconsin, Hoa kỳ, Đức Mẹ hiện ra với bà Mary Ann Hoof, lúc đó 40 tuổi, có chồng con.

Bà nói đêm 12 tháng 11 năm 1949, khi đang cầu nguyện, bà nghe tiếng khua trong phòng khách. Bà tới tìm hiểu thì thấy thứ gì giống như ánh sáng màu trắng. Thoạt tiên bà nghĩ đó là một trong các con của bà, nhưng khi nhìn kỹ, bà thấy một khuôn mặt nhỏ nhắn có khăn choàng đầu. Bà sợ và lui vào trong phòng. Nhưng bóng đó đi theo, ngừng lại cách đầu giường của bà khoảng hơn một mét, và đứng lặng lẽ nhìn bà. Bà Mary hết sức sợ hãi. Nhưng rồi bóng đó biến đi.

Thời gian lặng lẽ qua, đến ngày 7 tháng 4 năm 1950, bà thấy Xúc Chúa Giêsu trên Thánh Giá, treo trên tường, rực sáng và kích thích của tượng lớn gấp hai. Một tiếng nói từ tượng Khổ Giá vọng ra:

- Nay, con của Cha, con hãy cầu nguyện. Hãy cầu nguyện, hãy cầu nguyện, cầu nguyện tha thiết. Con của Cha, con phải vác thánh giá nặng, nhưng khắp thế giới người ta phải vác thánh giá nặng hơn và đau khổ vì kẻ thù của Thiên Chúa nếu các con không cầu nguyện. Các con hãy cầu nguyện, cầu nguyện tha thiết bằng trái tim.

Lễ Chúa Thánh Thần Ngự Xuống, ngày 28 tháng 5 năm 1950, bà Mary Ann nói:

“Tôi thấy bóng mờ màu xanh ở phía mấy cây nhỏ trong vườn, có tiếng bảo tôi rằng Thánh Nữ đến. Cho tới nay tôi vẫn gọi Người là Thánh Nữ vì tôi chưa thực sự biết Người là ai. Tôi bước ra ngoài. Ngay khi bước ra khỏi cửa, bóng màu xanh lướt qua các ngọn cây rồi hiện thành hình Đức Mẹ. Người đứng cách mặt đất khoảng một mét, mỉm cười, hai tay dang rộng”.

Ngày 29 tháng 5 năm 1950, Đức Mẹ hiện ra nói với bà Mary Ann:

- Hỡi Nước Mỹ, tỉnh dậy đi! Kẻ thù của Thiên Chúa đang bò khắp Nước Mỹ! Tất cả mọi người phải cùng nhau hoạt động chống lại kẻ thù của Thiên Chúa! Hãy cầu nguyện! Hãy cầu nguyện! Hãy cầu nguyện theo ý này! Các con phải cầu nguyện cho Nước Nga trở lại!

Ngày 16 tháng 6 năm 1950, lúc đó hơn một ngàn người tụ họp tại nhà gia đình Van Hoof và Nơi Thánh (nơi Đức Mẹ đứng khi hiện ra), có linh mục Lengowski, cha sở giáo xứ thánh Phanxicô và các chú giúp lễ cũng hiện diện. Đức Mẹ hiện ra ban thông

điệp quan trọng:

- “Với hàng giáo phẩm tại Hoa Kỳ! Quá nhiều người các con tham lam vật chất và đặt khoái lạc trước nhiệm vụ. Các con phải tự khiêm và làm gương cho các tín hữu. Các con hãy nhớ các con làm việc cho Chúa Giêsu ở trần gian. Các con phải tận lực kêu gọi đưa giáo dân của các con trở lại Giáo Hội.

“Nếu các con không nghe lời Mẹ lúc này, các con là những người đang suy thoái, các con sẽ chịu đau khổ kinh khủng vì những bạo hành và hình phạt tương tự xảy ra tại các quốc gia bị thanh lọc (= các nước cộng sản). Tất cả các con đều biết bom nguyên tử với sức hủy diệt của nó đang ở trong tay kẻ thù.

“Con hãy nói điều này với các linh mục của con và tất cả các linh mục khắp Hoa Kỳ và khắp thế giới. Có quá nhiều người coi xa hoa phè phỡn trọng hơn các nhiệm vụ của họ đối với Thiên Chúa.

“Các con đừng gây chiến với nhau. Ghen ghét hận thù giữa các tôn giáo chính là điều kẻ thù đang mưu cầu. Các linh mục phải là những mục tử đích thực, trang cao Chân Lý và Đường Lối của Luật Chúa, không phân biệt một ai”.

Giữa trưa ngày 15 tháng 8 năm 1950, Đức Mẹ ban cho bà Mary Ann thông điệp dài mà chỉ một vài phần được trích sau đây:

“... Kẻ thù ở khắp các ngành của chính phủ, lực lượng dân sự, truyền thông, quân đội, hàng linh mục, các mục sư và cả những người giúp việc khách sạn...

“... Các nữ gián điệp làm việc cho kẻ thù bay tới bay lui các thành phố, nữ phái của họ giúp họ đi lại dễ dàng...

“... Có tới 30 ngàn cán bộ cộng sản được huấn luyện làm linh mục để xâm nhập Giáo Hội Công Giáo. Hàng ngũ các mục sư cũng bị những mục sư đồ xâm nhập và vận động hủy diệt các tôn giáo...

“... Tất cả phải cùng nhau hoạt động chống lại kẻ thù của Thiên Chúa, mà nó (= tay sai ma quỷ) lúc này rất mạnh. Các con hãy nhớ các Giới Răn, Đường Thánh Giá, vì kẻ thù của Thiên Chúa hiện diện khắp nước Mỹ. Hẳn các con ngạc nhiên khi bộ áo lông chiên được lột ra và chúng sẽ xông lên – khắp chung quanh các con – mặc dầu một số hoạt động như là Kitô hữu – chúng có Satan trong tim...

“... Các linh mục không thể đơn phương làm việc này, người Công Giáo cũng không thể đơn phương làm việc này. Đó là lý do tất cả phải làm việc chung với nhau, không

phải bằng ghen tị và hận thù, mà bằng yêu thương, yêu thương người khác... Hững hờ và phạm thượng làm đau lòng Chúa chúng ta...

“... Vũ khí chỉ hủy diệt và tiếp tục hủy diệt... Nhưng tất cả các con phải nhớ những lời Mẹ cảnh cáo tại Fatima, Lipa và La Salette. Mẹ cảnh cáo các con ngày đó. Mẹ lại cảnh cáo các con nữa...

“... Sự tàn phá của Cộng Sản lúc này khởi đầu tại Triều Tiên, nhưng sẽ không ngừng tại đó nếu chúng ta không cầu nguyện. Nó chỉ mới khởi đầu tại Triều Tiên – một nửa nước Mỹ lâm chiến với kẻ thù của Thiên Chúa”.

Mặc dầu những người mộ mến Đức Mẹ tuôn đến Necedah và nhiều phép lạ lành bệnh, cải hối, và những sự lạ lùng được nhiều người chứng kiến tại chính nơi hoặc gần nơi Đức Mẹ hiện ra với bà Mary Ann, giáo quyền địa phương liên hệ phạt vạ treo bà Mary Ann và sáu người nhiệt thành nhất phổ biến tin tức và thông điệp của Đức Mẹ tại đây.

ĐỨC MẸ HIỆN RA TẠI JERUSALEM

TẠI JERUSALEM, DO THÁI, NĂM 1954

Chúng ta đều biết Jerusalem, Thánh Địa Ôn Cứu Chuộc, đã trải qua bao nhiêu thay đổi và phân chia. Suốt dòng lịch sử, Jerusalem đã bao lần đầm máu phân tranh, tàn phá. Ngày nay Jerusalem là thánh địa của Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo (Chính Thống Giáo, Công Giáo La Mã, Công Giáo gốc Ai Cập, Công Giáo gốc Syria, và Gregorian Armenian), Hồi Giáo. Ngày nay Jerusalem là thủ đô của hai quốc gia Do Thái và Palestine, và là điểm luôn nóng. Không xa Mộ Thánh Chúa Giêsu có đền thờ “Mái Đá Tròn” của Hồi Giáo. Các thánh đường, hội trường, đền thờ xen kẽ nhau.

Trong bối cảnh Jerusalem này của năm 1954, Đức Mẹ hiện ra tại trường học thánh Antony Aicập. Đức Mẹ hiện ra lần này không phải chỉ với một hoặc số ít người được thị kiến, Đức Mẹ hiện ra với tất cả các học sinh lớp V tại trường học này.

Khoảng 11 giờ sáng ngày 18 tháng 7 năm 1954, các học sinh lớp V đang học giáo lý tại trường thánh Antony. Những học sinh nhỏ tuổi này gồm các tín hữu theo Công Giáo gốc Ai Cập, Công Giáo Lamã, và Hồi Giáo. Sau giờ giáo lý, các học sinh đang nghỉ ăn trưa, một vài em nhìn ra cửa sổ. Bất chợt các em đồng thanh la lên:

- Đức Trinh Nữ! Đức Trinh Nữ!

Các em la lớn:

- Người đứng đó đó, phía bên kia sân gần cửa sổ.

Các em nhận ra Đức Mẹ vì Người mặc áo màu xanh và có hào quang màu trắng chung quanh.

Toàn thể học sinh ủa tới cửa sổ và tất cả đều nhìn thấy Đức Mẹ. Các cô giáo không nhìn thấy Đức Mẹ, nhưng không thể nào làm cho các em rời khỏi cửa sổ trở về chỗ. Lúc đó người thư ký nhà trường được kêu tới. Người này không nhìn thấy Đức Mẹ và bảo các học sinh đừng ngớ ngẩn. Sau khi làm cho các em trở lại chỗ, ông ra lệnh cài cửa để các em không ra sân được.

Chỉ ít phút sau, các học sinh lại đồng thanh reo hò. Lần này Đức Mẹ hiện ra với các em ngay trong phòng lớp. Một vài em nói Đức Mẹ lướt bay, một số khác nói Đức Mẹ bước đi trên nền nhà. Đức Mẹ hiện ra lần này lâu chừng năm phút, hoặc ít nhất lâu đủ để lôi kéo nhiều người lớn. Những người này trước kia không thấy Đức Mẹ. Khi Đức Mẹ đứng trước mặt các học sinh, Người rục rở hơn, và những người lớn hiện diện thấy

một bóng mờ và khuôn hình người. Kế đó Đức Mẹ biến đi.

Tin Đức Mẹ hiện ra với các học sinh lớp V tại trường thánh Antony được mau chóng loan truyền khắp nơi. Sau đó nhà trường cho học sinh ra về. Rất nhiều người đến thăm quan sát lớp học.

Nhà thờ Công Giáo Coptic (Ai Cập) sở hữu trường học nơi Đức Mẹ đã hiện ra được nhiều người và khách hành hương đến viếng. Ngày 25 tháng 7, 1954, một tuần lễ sau khi Đức Mẹ hiện ra nói trên, có tới hơn hai trăm người trong nhà thờ khi hát Kinh Chiều, những người này gồm Kitô hữu và Hồi Giáo.

Khi vị linh mục đang hướng dẫn hát kinh, toàn thể mọi người đồng loạt la lên. Khi vị linh mục nhìn lên, ngài hết sức sửng sốt đến độ không thể tiếp tục hát kinh. Vì vị linh mục cũng như tất cả mọi người trong nhà thờ nhìn thấy rõ ràng Đức Mẹ di chuyển ngay trên đầu từng người, hoặc ở giữa họ. Đức Mẹ hiện ra lần này lâu khoảng mười lăm phút. Có nhiều người tới sau, và hầu hết những người mới tới này cũng nhìn thấy Đức Mẹ. Kế đó Đức Mẹ biến đi từ từ.

Tờ Coptic Patriarch Journal đăng tin này, đức giám mục Giáo Hội Công Giáo gốc Ai Cập nói:

“Đức Mẹ không đến vì chúng tôi. Người đến vì nơi này là nơi thánh, chỉ vài thước trong chu vi Đồi Golgotha và Mộ Thánh Chúa”.

Sau khi Đức Mẹ hiện ra, những căng thẳng giữa khối Ả Rập và Do Thái lên cao độ, nhất là tại vùng Gaza các năm 1955 và 1956, bất chấp Liên Hiệp Quốc can thiệp. Ngày 29 tháng 10 năm 1956, Do Thái tấn công lãnh thổ Ai Cập, và chỉ trong một ít ngày, Do Thái chiếm vùng Gaza và bán đảo Sinai. Anh và Pháp chiếm vùng Kênh Đào Suez để giữ cho kênh đào khỏi bị phá hủy. Quân Liên Hiệp Quốc được gọi tới bảo vệ hòa bình giữa Do Thái và Ai Cập.

ĐỨC MẸ GARABANDAL

TẠI GARABANDAL, TÂY BAN NHA, NĂM 1961

Garabandal là một xóm nhà vách đá mái ngói nằm trên đồi, ở độ cao 700 hoặc 800 mét. Thành phố lớn gần nhất là Santander trên Vịnh Biscay. Khu vực này khô và lởm chởm đá, chỉ có một ít cây.

Chiều tối 18 tháng 6 năm 1961, sau kinh chiều ở nhà thờ, bốn cô bé vừa mới bẻ trộm mấy trái táo và chạy tới núp ăn ở khe đá. Các cô bé này là Conchita Gonzalez, Jacinta Gonzalez và Maria Dolores (Loli) Mazon đều 12 tuổi, và Maria Cruz Gonzalez 11 tuổi. Ba cô họ Gonzalez không có họ hàng với nhau.

Bất ngờ các em nghe tiếng ồn lớn, giống như tiếng sấm, rồi các em thấy một bóng người đẹp dễ rục rở hiện ra. Các cô hoảng sợ, chạy về làng và kể lại điều các cô thấy. Nhưng người lớn không tin. Các cô nói các cô thấy một thiên thần. Ngày hôm sau cha sở, cha Valentin Marichalar, đến gặp các cô tìm hiểu. Cha khuyên các cô nếu tối nay các cô thấy thiên thần nữa thì hỏi thiên thần là ai và tại sao thiên thần đến đây.

Bốn cô trở lại khe đá, có mấy cậu con trai đi theo, cả người lớn nữa. Các cậu con trai chọc ghẹo các cô, có cậu còn ném đá nữa. Nhưng thiên thần không đến. Đêm đó khi Conchita đang đọc kinh trước khi ngủ, cô nghe tiếng nói:

- Đừng sợ. Các em sẽ lại thấy tôi.

Cả bốn cô cùng nghe được lời đó. Nên các cô lại đến khe đá và gặp thiên thần. Thiên thần hiện ra với các cô tất cả tám lần. Có nhiều lần, người ta thấy các cô xuất thần, mắt nhìn lên cao, đầu ngửa ra sau. Người ta đâm kim vào các cô, nhưng các cô không cảm thấy đau đớn phản ứng gì cả. Khi các cô quì xuống thì những người lớn cũng quì theo và cầu nguyện chung với các cô. Thiên thần hiện ra và mỉm cười.

Khi hiện ra lần thứ tám, thiên thần nói với các cô:

- Tôi đến báo cho các bé biết Đức Trinh Nữ đến viếng thăm. Ngày mai Người sẽ đến thăm các bé dưới tước hiệu Đức Mẹ Núi Carmel.

Tin tức sùng sốt này được phổ biến mau chóng. Ngày hôm sau khu vực Garabandal tràn ngập xe cộ và khách tới. Khoảng 6 giờ chiều, đoàn người rất đông, có hàng chục linh mục và nhiều bác sĩ y khoa, đi theo bốn cô gái tới khe đá. Mọi người đều im lặng, chờ đợi.

Lúc 6 giờ chiều ngày 2.7.1961, trước mặt đám đông, các em ở vào trạng thái ngây ngất và thấy Đức Mẹ, có hai Thiên thần đi cùng, một vị là Tổng lãnh Thiên thần Micae và một vị là Thiên thần Gabriel.

Đức Mẹ hiện ra với các cô như đã hứa. Các em mô tả Đức Mẹ thế này: “Đức Mẹ mặc áo dài trắng với áo choàng xanh dương và triều thiên những ngôi sao vàng. Tay Đức Mẹ thon thả. Có dải khăn nâu trên cánh tay phải, trừ khi Đức Mẹ bế Chúa Con. Tóc Đức Mẹ rẽ ở giữa, màu nâu sẫm. Mặt Đức Mẹ dài, mũi đẹp. Miệng Đức Mẹ rất xinh với đôi môi hơi mỏng. Đức Mẹ nhìn như thiếu nữ đôi mươi. Đức Mẹ khá cao ráo. Không có tiếng nói nào như tiếng nói của Đức Mẹ. Không phụ nữ nào giống Đức Mẹ”.

Bây giờ khởi đầu cuộc đối thoại dài, trong đó các cô nói với Đức Mẹ về cuộc sống của các cô. Các cô ở trong tình trạng xuất thần, và khuôn mặt trở nên đẹp đẽ rạng rỡ khác thường mà những người ở gần các cô đều thấy. Rất nhiều máy ảnh đã chụp ảnh các em xuất thần và trong suốt buổi thị kiến.

Các em nói với Đức Mẹ bằng sự giản dị của trẻ em thân thiện nói với mẹ mình. Các em nói: “Chúng con nói với Mẹ về nhiệm vụ của chúng con, lý do chúng con tới đồng cỏ này...”. Các em cho biết: “Đức Mẹ cười khi nghe những điều nhỏ mà chúng cháu kể với Đức Mẹ”.

Sau lần hiện ra đầu tiên, Đức Mẹ còn hiện ra nhiều lần nữa, đôi khi mỗi tuần hiện ra vài lần, từ năm 1961 tới 1962. Bốn em gái không có kinh nghiệm thị kiến cùng nhau, đôi khi Đức Mẹ chỉ hiện ra với một em, hai hoặc ba em.

Đức Mẹ hiện ra tại Garabandal hầu như hàng ngày từ ngày đầu năm 1961 tới ngày 13 tháng 11 năm 1965. Tổng cộng có tới hai ngàn lần Đức Mẹ hiện ra tại đây. Các em được thị kiến đã trải qua những theo dõi, thí nghiệm của các bác sĩ y khoa. Bác sĩ Ortiz de Santander, hướng dẫn nhóm bác sĩ y khoa nghiên cứu hiện tượng các em được thị kiến xuất thần tại Garabandal, theo dõi các em 22 lần liên tiếp, xác nhận không tìm thấy điều gì bất bình thường nơi các em. Bác sĩ Puncerneau, đứng đầu hội đồng y khoa về hiện tượng Garabandal, sau khi trắc nghiệm các em xuất thần khoảng 20 lần, đã tuyên bố không có gì giải thích được tính cách bất thường nơi các em. Tất cả những lần các em đến khe đá đón Đức Mẹ đều được thu băng, chụp ảnh, không thiếu một chi tiết.

Một điều đặc biệt nữa là các em được gọi đi đón Đức Mẹ mỗi khi Đức Mẹ hiện ra. Có lần người ta hỏi tại sao lúc này các em chưa đến khe đá, các em đáp:

- Chúng tôi chưa được gọi.

Điểm đặc biệt nữa là “Rước Thánh Thể Chúa”. Trong lúc xuất thân, người ta thấy cả bốn cô há miệng đưa lưỡi ra. Về sau được cho biết là các cô được thiên thần cho Rước Thánh Thể Chúa Kitô. Ngày 3 tháng 7 năm 1962, Đức Mẹ bảo Conchita:

- Phép lạ sẽ xảy ra ngày 18 tháng 7 – như con nói ‘phép lạ nhỏ’.

Tin phép lạ ngày 18 tháng 7, 1962, được loan truyền khắp nước, khách hành hương tràn ngập Garabandal. Phép lạ nhỏ xảy ra lúc đêm khuya, giữa trời, dưới ánh trăng và muôn vàn ánh đèn máy thu hình. Khi đến “Chỗ Đồi Thông”, nơi Đức Mẹ chỉ, thánh linh Conchita quì xuống, đưa lưỡi ra như để rước lễ. Thiên thần bảo cô giữ lưỡi như thế cho tới khi Đức Mẹ hiện ra. Những người ở gần cô thấy trên lưỡi cô bánh Thánh Thể rực sáng. Cô ngậm miệng lại khi Đức Mẹ hiện ra như lời thiên thần bảo. Nhiều người đã thu băng, chụp ảnh bánh Thánh Thể trên lưỡi Conchita.

Đặc biệt khác với những lần Đức Mẹ hiện ra tại các nơi khác, tại đây ít khi Đức Mẹ ban thông điệp về vấn đề thế giới. Thông điệp đặc biệt ngày 18 tháng 6, 1965, được thông báo qua Tổng Lãnh Thiên Thần Micae mà khoảng 2 ngàn người hiện diện gồm người Pháp, Đức, Anh, Ý, Hoa Kỳ và Ba Lan, nghe được:

“Nhiều linh mục đang trên đường trầm luân và kéo theo nhiều linh hồn. Phép Thánh Thể được trao ban cách bất kính. Chúng ta phải tránh sự thịnh nộ của Thiên Chúa bằng những nỗ lực thống hối ăn năn”.

Ủy ban được đức giám mục Santander chỉ định, ngày 8 tháng 7 năm 1965, đưa ra thông cáo qua báo chí: “mặc dầu không có điều gì sai về giáo huấn, ủy ban không nghĩ rằng các thông điệp và những khuyến cáo tại Garabandal có bằng chứng khẳng định tính chất siêu nhiên về tất cả những gì xảy ra tại đó”.

Để tránh bị hiểu lầm là giáo quyền đã chấp nhận, các linh mục đều bị cấm không được đến Garabandal nếu không có phép.

Ngày 13 tháng 11 năm 1965, Đức Mẹ hiện ra lần chót với Conchita. Conchita được gọi và cô đến Vùng Đồi Thông một mình khi trời mưa tầm tã. Đức Mẹ nói những khó khăn sẽ xảy ra nếu tất cả mọi người không cố gắng sống thánh thiện hơn, và cho biết Đức Mẹ không hiện ra tại đây nữa.

Bốn cô được thị kiến đã trưởng thành và sống đời bình thường. Các cô tuyệt đối từ chối mọi lợi lộc vật chất đem đến do việc các cô được thị kiến Đức Mẹ.

Conchita được Đức Hồng Y Ottaviani gọi đến Lamã. Tháng 1 năm 1966, Conchita được bà mẹ và một linh mục hướng dẫn đã đến Lamã.

Tại Văn Phòng Tòa Thánh, cô được tiếp và hỏi han thân mật suốt 2 giờ 30 phút. Một vài ngày sau, cô được Đức Thánh Cha Phaolô VI tiếp trong buổi triều kiến riêng, trong cuộc đàm thoại Đức Thánh Cha nói với cô:

- Cha chúc lành cho con, và cùng với Cha toàn thể Giáo Hội chúc lành cho con.

Ít lâu sau, một phái đoàn đặc trách của Tòa Thánh được phái tới Garabandal điều tra các lần Đức Mẹ hiện ra, hỏi các nhân chứng. Cuộc điều tra kéo dài một ít lâu, nhưng không đưa ra thông cáo chính thức nào.

Xin đọc phần chi tiết tại:

<http://ebooks-tscongiao.blogspot.com/2016/08/Duc-Me-Garabandal.html>

ĐỨC MẸ HIỆN RA TẠI SAN DAMIANO

TẠI SAN DAMIANO, Ý ĐẠI LỢI, NĂM 1964

San Damiano là một làng thuộc vùng núi cách Milan khoảng 70 cây số về phía đông nam.

Bà Rosa Quattrini, được người địa phương gọi là “bà má Rosa”. Trong năm 1961, bà bị bứu trong ruột, đã nhiều lần điều trị tại bệnh viện Piacenza. Lần nằm bệnh viện cuối cùng, những bứu đó ăn qua vách ruột, phát chứng sung màng bụng, một bệnh làm đau đớn và chết người. Bà Rosa được cho xuất viện về nhà chờ chết. Lúc đó bà 52 tuổi.

Ngày 29 tháng 9 năm 1961, bà nằm trên giường đau đớn lăn lộn và được bà dì Adele săn sóc. Một phụ nữ tới nhà bà lạc quyền tiền cho cha Pio (Padre Pio), vị tu sĩ danh tiếng ở tu viện Capuchin tại San Giovanni Rontondo, gần Foggia. Người phụ nữ đó trạc hai mươi lăm tuổi, rất đẹp, tóc vàng. Phụ nữ đó mặc áo dài màu xanh xám cũ kỹ và mang xách tay màu đen. Bà nói bà từ xa tới.

Người phụ nữ lạ xin phép bà dì Adele để thăm bà Rosa. Khi chuông thánh đường vang lên báo hiệu kinh Truyền Tin, vị phụ nữ yêu cầu bà Rosa cầu nguyện kinh Truyền Tin với bà. Sau đó vị phụ nữ bảo bà Rosa bước ra khỏi giường và đưa tay cho bà Rosa vịn để đứng lên. Lúc đó vị khách đặt tay vào những chỗ đau đớn trên mình bà Rosa. Lập tức bà Rosa được khỏi bệnh – khỏi cả bệnh sung màng bụng cả bứu ruột. Sự lành bệnh lạ lùng này về sau được y khoa xác nhận là phép lạ.

Khi bà Rosa quì gối mắt đẫm lệ trước mặt vị phụ nữ, Người bảo bà đi San Giovanni Rontondo gặp cha Pio. Bà Rosa đã thi hành điều này khi bình phục hoàn toàn và quyền góp được tiền.

Khi bà Rosa tới San Giovanni Rontondo, cũng chính vị phụ nữ trẻ đó hiện ra với bà nói cho bà biết Người chính là “Mẹ Hay An Ủi và Mẹ Những Người Đau Khổ”.

Chính Đức Mẹ dẫn bà Rosa tới gặp cha Pio rồi biến đi. Theo chỉ dẫn của cha Pio, bà Rosa tận hiến phục vụ các bệnh nhân tại Piacenza.

Khoảng hai năm sau, cha Pio ngưng việc bà Rosa phục vụ bệnh nhân mà bảo bà phải trở về nhà, vì một sứ mệnh quan trọng đang chờ bà. Bà Rosa trở lại San Damiano vào năm 1963, nhưng không có sứ mệnh quan trọng nào rõ ràng cho tới ngày 16 tháng 10 năm 1964.

Hôm đó, trong khi bà Rosa đang nguyện kinh Truyền Tin, bà nghe tiếng từ bên ngoài gọi. Bước ra khỏi nhà, bà gặp Đức Trinh Nữ đứng trên cây lê. Đức Trinh Nữ bảo bà Rosa rằng Người sẽ đến thăm bà mỗi Thứ Sáu và ban thông điệp “để báo cho thế giới”.

Để chứng minh sự thực Đức Mẹ hiện ra, Đức Mẹ nói sẽ cho bằng chứng, thứ nhất là làm cho cây lê trở bông trái mùa. Đức Mẹ bảo đào một giếng nước ngay bên cây lê - rồi Đức Mẹ biến đi.

Sáng hôm sau cây lê đầy bông và hương thơm ngào ngạt. Hiện tượng này gây chấn động khắp miền. Trong 17 ngày, hàng ngàn người hiếu kỳ và phóng viên đã đến nhìn những bông lê lạ lùng, hàng trăm tấm ảnh đã được chụp và đăng trên báo chí.

Giếng nước đã được đào ngay và nước giếng chữa được người mù, câm, điếc, bất toại, và những thứ đau đớn khác, và nhiều người ăn năn trở lại.

Vào thứ Sáu kế, Đức Mẹ hiện ra với bà Rosa trên cây lê trong khi nhiều người hiện diện chung quanh bà. Đức Mẹ hiện ra với bà Rosa tại cây lê này vào mỗi thứ Sáu suốt 13 năm liên tiếp.

Khi hiện ra ngày 9 tháng 11 năm 1969, Đức Mẹ nói:

- Ba lần Mẹ sẽ mặc áo đỏ như hôm nay. Sau ba lần này, Thiên Chúa Cha Hằng Hữu sẽ thi hành công lý, nếu các con không xin tha thứ, nếu các con không ăn năn thống hối mọi tội lỗi và những phạm thượng này.

Tới đây, bà Rosa, xuất thân. Sau đó bà tường thuật rằng:

“Đức Mẹ đến trên cây lê, Người mặc áo toàn màu đỏ, trong ánh sáng hết sức huy hoàng vĩ đại đến độ chiếu sáng khắp thế giới – có toàn thể các thiên thần và các thánh tử đạo, những vị đã hy sinh mạng sống cho Chúa Giêsu”.

Ngày 17 tháng 10 năm 1967, một số người chụp được những tấm ảnh nơi Đức Mẹ hiện ra, trong hình cho thấy một bóng sáng mờ mờ. Bóng đó rõ ràng hình một phụ nữ mặc áo dài và có hào quang bao quanh. Phía dưới chân bóng sáng là những nhánh lá ở ngọn cây lê.

Ngày 8 tháng 12 năm 1967, Đức Mẹ làm phép lạ mặt trời trước mặt khoảng hai ngàn người hiện diện, mà một nửa số này từ Pháp, Thụy Điển, Đức, Nam Tư, Áo, Hoa Kỳ, Canada và nhiều quốc gia Nam Mỹ. Đám đông quan sát mặt trời vũ với những tia sáng muôn màu rực rỡ trong nửa giờ. Biến cố này đã được nhiều người thu hình.

Ngày 8 tháng 12 năm 1968, hàng chục ngàn người từ khắp nơi hiện diện gần cây lê nơi Đức Mẹ hiện ra với bà Rosa. Có tới 30 linh mục người Pháp đứng gần cây lê.

Tới một lúc, bà Rosa yêu cầu mọi người gấp dù của họ lại (trời mưa liên tiếp từ hôm trước). Lúc đó, cũng như tại Fatima, người ta được chứng kiến nhiều dấu lạ mặt trời. Các dấu hiệu lạ lùng này được nhiều người chụp. Các chuyên gia nghiên cứu các tấm ảnh này, nhưng không thể giải thích các hiện tượng này.

Đức Mẹ hiện ra với bà Rosa gần 700 lần trong 13 năm liên tiếp, chỉ dạy, kêu gọi, khiển trách nhân loại nhiều lắm. Rất tiếc, chúng tôi chỉ sơ lược sau đây.

Qua các thông điệp gửi bà Rosa, Đức Mẹ cho thấy Người đau lòng vì nhân loại làm lạc bội bạc. Những thông điệp này theo chủ đề: “ma quỷ hung hăng lan tràn khắp nơi trên thế giới”. Như thông điệp ngày 25 tháng 3 năm 1970, Đức Mẹ nói:

- Mẹ bị xúc phạm ở đây (thế giới), Mẹ bị khinh bỉ, bị phạm thượng quá mức! Điều này làm cho Mẹ đau lòng vì nhân loại không thấy rằng Mẹ đến để cứu tất cả”.

Một số thông điệp về tai ương sẽ xảy ra khắp hoàn cầu nếu nhân loại không ăn năn thống hối mà điển hình là:

“Con gái của Mẹ, con phải báo cho cả thế giới biết mọi người phải cầu nguyện vì Chúa Giêsu không còn sức vác nỏ thánh giá nữa. Mẹ muốn tất cả các con, người tốt và người xấu, đều được cứu rỗi. Mẹ là Mẹ Yêu Thương, là Mẹ tất cả mọi người, và các con, các con là con Mẹ. Vì thế Mẹ muốn tất cả các con được cứu độ. Mẹ đến cũng để kêu gọi cả thế giới cầu nguyện vì các hình phạt sắp xảy ra”.

Trong thông điệp ngày 9 tháng 9 năm 1969, Đức Mẹ nói:

- Các con của Mẹ, các con đừng sợ, vì Mẹ sẽ đến, phải, Mẹ sẽ đến ở giữa các con, và mọi người sẽ thấy Mẹ.

Trong thông điệp này 7 tháng 5 năm 1970, Đức Mẹ hứa:

- Mẹ luôn ở đây với các con, ngày đêm. Bao lâu thông tin viên của Mẹ còn sống, Mẹ sẽ luôn ở đây.

Bà Rosa Quattrini, thông tin viên của Đức Mẹ tại San Damiano, từ trần ngày 8 tháng 9 năm 1981, Lễ Sinh Nhật Đức Mẹ.

Ngày 29 tháng 12 năm 1966, Thánh Bộ Đức Tin tuyên bố việc phổ biến các mạc khải,

hiện ra, phép lạ, và đến những nơi có việc thiên đàng hiện ra không còn cần phải được giáo quyền cho phép. Quyết định đó được Đức Thánh Cha Phaolo VI phê thuận.

ĐỨC MẸ EL-ZEITOUN | ĐỨC MẸ ÁNH SÁNG

TẠI ZEITOUN, AI CẬP, NĂM 1968

El-Zeitoun, hoặc Zeitun, là một vùng ngoại ô yên tĩnh của thủ đô Cairo, nước Ai cập. Tại đây có một cộng đoàn Công Giáo Coptic (Công Giáo tại Ai Cập) mặc dầu phần lớn dân chúng ở Cairo là tín hữu Hồi Giáo.

Vào thời xa xưa, El-Zeitoun được gọi là Mataria, địa điểm theo truyền tụng, Thánh Gia đã lưu ngụ hoặc dừng chân trong cuộc hành trình trốn sang Ai cập để lánh trận cuồng nộ của bạo vương Hêrôđê. Một đền thánh đã được xây dựng tại đây gọi là nhà thờ Đức Maria để ghi nhớ cuộc lưu ngụ của Thánh Gia. Về sau nhà thờ này bị phá mất.

Năm 1925, một người thuộc gia đình Khalil được mạc khải rằng Đức Mẹ Thiên Chúa sẽ hiện ra tại thánh đường được xây tại Zeitoun. Gia đình này dâng cúng tiền bạc và đất để xây thánh đường Đức Maria thuộc cộng đoàn Coptic này. Nhưng mãi đến gần 46 năm sau, Đức Mẹ mới hiện ra tại đây, khi mà ít người nhớ lý do xây cất thánh đường này.

Ngày 2 tháng 4 năm 1968, nhằm ngày lễ Đức Mẹ Ánh Sáng, hai thợ máy xe hơi đang làm việc tại xưởng sửa xe tại ngã tư phố Tamanbey và đường Khalil ngang thánh đường. Một người tình cờ nhìn sang thánh đường và sững sốt vì thấy một “nữ tu” mặc toàn trắng đang đứng trên chóp mái vòm. Rồi người bạn cũng thấy. Hai anh nghĩ người nữ tu đó định nhảy xuống. Một người chạy đi báo cha sở, một người chạy đi báo cảnh sát và toán cấp cứu.

Đám đông tụ họp nhìn quang cảnh và bắt đầu bình luận về hào quang sáng trắng chung quanh người nữ tu. Toán cấp cứu tới. Đám đông càng đông thêm, nhiều người theo dõi và la lên bảo người nữ tu đừng nhảy mà xuống từ từ. Nhưng ngay lúc đó người nữ tu biến mất.

Hình dáng trên nóc thánh đường được nhiều người nhìn nhận là dáng dấp của Đức Trinh Nữ Maria. Sự việc làm lắng đọng sinh hoạt một chút, sau đó trở lại bình thường.

Ngày 9 tháng 4, 1968, hình dáng đó lại xuất hiện trên nóc thánh đường Đức Mẹ Maria. Khuôn mặt rạng ngời tiếp tục hiện ra cách quãng cho tới năm 1970. Tổng cộng có tới một phần tư triệu người đã nhìn thấy Đức Mẹ trên nóc thánh đường.

Có người chỉ thấy bóng sáng, có người không thấy gì cả. Nhưng đại đa số nhìn thấy rõ ràng. (Hình) Đức Mẹ có khi bước đi, có khi như bay, có khi xuống tận mép mái nhà thờ, có khi đi sang hẳn một phía, có khi gật đầu chào đám đông, dang tay đón chào và

chúc lành cho đám đông phía dưới. Những lần này, hàng ngàn người đã quì xuống nhận phép lành của Đức Mẹ.

Đức Mẹ hiện ra thường được báo trước bằng những tia sáng rực, sáng như chớp. Đức Mẹ hiện ra và ở lại chừng 15 phút, có khi lâu bốn tiếng đồng hồ như đêm 8 tháng 6 năm 1968, có khi hiện ra trên nóc thánh đường, khi ở trong đám mây.

Có lần, những làn hương thơm đặc biệt tràn qua thánh đường và dừng lại trên đám đông đứng phía ngoài. Nhiều lần những hình chim câu bay liệng trên không chung quanh nơi Đức Mẹ hiện ra, một loài chim không bay khi trời tối. Đôi khi có những bô câu hoặc những luồng sáng xếp thành hình thánh giá. Mọi người trong đám đông đều được nhìn thấy Đức Mẹ. Mặc dù không ban một sứ điệp nào, nhưng Đức Mẹ hiện ra nhiều lần trong tư thế cầu nguyện – như thể mời gọi toàn thể giới hãy liên kết trong việc thầm lặng chiêm ngắm và cầu nguyện với Thiên Chúa. Đức Mẹ thường cúi mình và chúc lành cho đám đông. Đức Mẹ cũng hiện ra với một biểu tượng, chẳng hạn thánh giá, nhành ô-liu, chuỗi hạt hoặc triều thiên.

Nhiều người chụp được ảnh những lần Đức Mẹ hiện ra, nhưng không tấm nào rõ mặt Đức Mẹ, nhưng hình bóng Đức Mẹ rõ ràng ở trong vòng hào quang. Hai cánh tay và bàn tay rõ ràng. Có tấm chụp được hình con chim trắng ở phía trên vầng hào quang đầu Đức Mẹ. Thành ra nhiều triệu người có thể nhìn thấy Đức Mẹ.

Tuần báo Watani của cộng đồng Coptic loan báo tin này đầu tiên, và mỗi tuần dành hai trang cho tin tức Đức Mẹ hiện ra trên nóc thánh đường. Sự việc cũng được nhiều báo chí quốc tế đăng tải kèm theo hình ảnh chụp được. Người ta từ khắp nơi trên thế giới kéo đến Zeitoun hành hương. Nhiều đêm có tới nhiều ngàn người tụ họp chờ đón Đức Mẹ hiện ra.

Ban đầu, mỗi tuần, Đức Trinh Nữ hiện ra hai hoặc ba lần. Sau những tháng đầu, chu kỳ các cuộc hiện ra về sau giảm dần, mỗi tuần chỉ còn một hoặc hai lần. Đức Mẹ hiện ra sau cùng là ngày 29 tháng 5 năm 1971. Tuy vậy, các vụ lành bệnh kỳ diệu vẫn tiếp diễn.

Dân chúng thuộc nhiều tín ngưỡng và gốc gác được hưởng các phép lạ mà họ tin là nhờ lời cầu bầu của Đức Mẹ, chẳng hạn các vụ chữa lành ung thư, phục hồi thị giác... Người ta còn nói Đức Mẹ đã giữ gìn một con trẻ khỏi bị xe lửa cán chết.

Các câu chuyện ấy đã thúc đẩy hàng giáo phẩm Giáo Hội Coptic tiến hành cuộc điều tra. Cảnh sát địa phương cho đây là một trò lừa bịp tinh xảo, nên họ đã phối hợp lùng xục khắp một vùng chu vi 15 dặm để cố phát hiện một bộ máy nào đó có thể phát ra

những hình ảnh như thế. Tuy nhiên, người ta chẳng tìm được một chiếc máy nào cả. Sau một cuộc xem xét khẩn trương, vào năm 1969, đức giáo chủ Kyrillos VI, giáo hoàng Giáo Hội Coptic tại Alexandria và giáo chủ tòa thánh Marco tại Phi Châu và Cận Đông, đã ban hành một tuyên bố công nhận tính xác thực của những lần Đức Mẹ hiện ra. Sau đó, Đức Phaolô VI cũng yêu cầu hồng y Stephanos I cứu xét kỹ lưỡng. Các cuộc hiện ra cũng được Tòa Thánh Vatican công nhận.

Đức giám mục Samuel thuộc cộng đồng Coptic tuyên bố:

“Đức Mẹ hiện ra là vì toàn thể nhân loại, vì đức tin vào quyền năng thiêng liêng ngày nay suy thoái. Thiên Chúa dùng mọi phương cách giúp người ta dựng lại đức tin. Chúng tôi (giáo hội Coptic) sung sướng, không phải chỉ vì những lần Đức Mẹ hiện ra, mà cũng vì những hiện tượng vĩ đại kèm theo đó là: ơn lành bệnh, đức tin và đời sống cầu nguyện được củng cố”.

Sơ lược lịch sử Ai Cập trong giai đoạn này, chúng ta thấy nhiều biến cố dồn dập, tưởng chừng Trung Đông mà Ai Cập ở thế đứng đầu có thể trở thành cánh tay phải của Liên Xô, nhưng chỉ ít năm sau khi Đức Mẹ hiện ra, tình hình thay đổi hẳn, với biến cố hiệp ước hòa bình Trung Đông được ký kết do Tổng Thống Anwar Sadat, Ai Cập, và Thủ Tướng Menachem Begin, Do Thái, với sự hiện diện của Tổng Thống Jimmy Carter, Hoa Kỳ, ngày 26 tháng 3 năm 1979, và các biến chuyển nối tiếp như chúng ta thấy ngày nay.

Lời Kinh Truyền Thống

Lạy Mẹ Maria, chiều kích của thiên đàng, nền tảng của trái đất, chiều sâu của đại dương, ánh sáng của mặt trời, vẻ đẹp của mặt trăng, huy hoàng của tinh tú... cung lòng Mẹ đã cưu mang Thiên Chúa là Đấng mà nhân loại phải sợ hãi trước uy linh của Người. Lòng Mẹ đã giữ lò than bùng cháy. Đầu gối Mẹ đã nâng đỡ sư tử oai phong lẫm liệt. Tay Mẹ đã chạm đến Đấng không thể tiếp xúc và ngọn lửa linh thánh trong Người. Ngón tay Mẹ giống như chiếc cặp bùng cháy mà vị ngôn sứ dùng để gấp những cục than tẻ. Mẹ là giỏ đựng thứ bánh cháy lửa sốt mền và là chén chứa đựng rượu phép. Lạy Mẹ Maria, lòng Mẹ đã nuôi dưỡng hoa trái tẻ hiến... Với lòng kiên trì, chúng con nài xin Mẹ bảo vệ chúng con cho khỏi sự thù nghịch đang rình rập, và như giọt nước không thể bị tách khỏi rượu thế nào, thì xin đừng để chúng con bị tách khỏi Mẹ và Con Mẹ là Chiên Con cứu độ cũng như thế.

Kinh nguyện Thánh Thể Êtiopi tôn kính Đức Maria

Lời Kinh Mới

Lạy Mẹ dẫu yêu, hôm nay xin Mẹ hãy ở bên con khi con đến với Chúa, để con biết làm tâm nín sự ồn ào trong linh hồn, để con vứt bỏ những lo toan và thắc mắc, để con thảnh thơi tất cả dục vọng và nhu cầu, ngõ hầu con được sống trong sự thanh vắng thánh thiện và nghe được những điều Chúa nói trong tâm hồn. Xin Mẹ giúp con cũng đến với mọi người như thế, để thực sự lắng nghe những điều của người khác mà không áp đặt bản thân vào những sứ điệp của họ, và hiệp thông với họ một cách gần bó hơn.

Amen.

ĐỨC MẸ HIỆN RA TẠI BAYSIDE HILLS

TẠI BAYSIDE HILLS, QUEENS, NỮ UỐC, NĂM 1970

(Chưa được Giáo hội công nhận)

Năm 1970, các tạp chí New York Times, Times và News Week đều phổ biến tin Đức Mẹ hiện ra tại Bayside, vùng Queens, Nữ Ước. Người được Đức Mẹ chọn làm thông tin viên là một bà nội trợ, bà Veronica Leuken, lúc đó 38 tuổi, có chồng và năm con.

Phân mở đầu các lần thị kiến liên tiếp hoặc gián đoạn từ năm 1970 đến 1980 là sáng hôm đó trong khi bà Veronica Leuken lái xe đưa ông chồng đi làm, bà vừa lái xe vừa cầu nguyện. Lúc này, bà ngửi hương thơm hoa hồng rất đặc biệt. lát sau, tại nhà bà, thánh nữ Têrêsa Hải Đồng Giêsu hiện ra với bà và một người con trai. Kế đó bà thấy một thánh giá lớn trên nền trời. lát sau thánh giá biến thành hình Đầu Chúa Giêsu đội mũ gai.

Ngày 18 tháng 6 năm 1970, Đức Mẹ hiện ra với bà Veronica ở trước tượng Đức Mẹ gần cột cờ phía trước nhà thờ thánh Robert Bellarmine ở Bayside Hills, Queens. Đức Mẹ cho biết Người muốn một linh địa được thiết lập tại chính nơi Đức Mẹ hiện ra để dâng kính “Đức Mẹ Hoa Hồng, Mẹ Maria Đấng Cứu Trợ Các Bà Mẹ”.

Tin Đức Mẹ hiện ra tại Bayside Hills được loan truyền mau chóng. Những đám đông bắt đầu tụ họp và những buổi canh thức bắt đầu tại nơi Đức Mẹ hiện ra. Bà Veronica hướng dẫn cầu nguyện đón Đức Mẹ vào các Chúa Nhật và Lễ Trọng. Mỗi lần có nhiều ngàn người tham gia. Các cư dân than phiền và phản đối vì khách hành hương quá đông làm xáo trộn nếp sống thường nhật của họ, đường lối kẹt cứng vì quá nhiều xe, các bụi cây trở thành nhà vệ sinh lộ thiên.

Văn phòng chương án tòa giám mục Brooklyn cho lệnh đưa tượng Đức Mẹ đi nơi khác, nhưng các buổi cầu nguyện và khách hành hương vẫn tập trung ở đây. Dân cư phản đối quá, cảnh sát phải can thiệp và xin tòa án cho bà Veronica dùng Khu Triển Lãm Quốc Tế cũ ở Flushing Meadows Park, khu này vẫn bỏ trống từ năm 1964 tới nay. Các buổi cầu nguyện tại địa điểm mới rất đông người tham dự, có ngày tới 118 xe buýt hai tầng chở khách hành hương tới.

Khoảng cuối năm 1971, Đức Mẹ cho biết Đức Mẹ cần hiện ra tại đây để truyền thông với thế hệ sa đọa, một thế hệ mà trái tim của họ quá cứng cõi, óc họ quá đóng kín, và mắt họ quá đui mù.

Đức Mẹ bảo bằng chứng hiển nhiên Đức Mẹ hiện ra có thể được ghi lại bằng máy ảnh

Polaroid. Hàng ngàn máy Polaroid đã đua nhau nhắm vào khoảng không trung gần nơi Đức Mẹ hiện ra. Nhưng chỉ có một số ít thấu được hình ảnh. Một máy chụp được ảnh Đức Mẹ đứng trên nóc nhà thờ thánh Robert Bellarmine. Có máy chụp được bóng người mờ mờ gần nơi bà Veronica quì cầu nguyện. Một khách hành hương người Úc chụp được ảnh hai thiên thần.

Các thông điệp của Đức Mẹ qua bà Veronica từ năm 1970 đến 1984 được ghi lại trong hai tập sách dày hơn một ngàn trang, về các chủ đề quan trọng chính sau đây:

- Đức Mẹ nói Nữ Ước là “hồ phân tình dục sa đọa”.
- Đức Mẹ cảnh cáo tình trạng lạm dụng tình dục lang chạ và ma túy gia tăng.
- Đức Mẹ cảnh cáo việc “tạo ra một thế hệ trẻ vô luân” qua các hệ thống truyền thông và kỹ thuật giáo dục nhằm tẩy não tuổi trẻ. Tất cả những thứ này là sự chuẩn bị cho việc “xuất hiện một thế hệ mới không đầu óc, những người này sẽ sẵn sàng chấp nhận các kế hoạch kiểm soát sinh sản của nhóm lãnh tụ thế giới”.
- Đức Mẹ cảnh cáo những hậu quả ngược của “nhạc kích động (nhạc Rock) bị một tổ chức quốc tế thờ Satan kiểm soát”.
- Đức Mẹ nói đến các âm mưu của các thủ lĩnh theo nhóm Illuminati. Nhóm này do Adam Weishaupt thành lập năm 1776 với chủ trương chống Giáo Hội, chống chủ nghĩa cá nhân, chống tự do của quần chúng và âm mưu khống chế cả tinh thần và thể chất.
- Đức Mẹ liên tiếp cảnh cáo “chính phủ toàn cầu và tôn giáo Satan khắp thế giới”.
- Đức Mẹ nói xã hội tràn ngập những phép lạ giả dối thời nay và mong ước có thêm nhiều phép lạ giả hơn nữa.
- Đức Mẹ nói tới những âm mưu núp dưới các tổ chức kinh tài, thông tin, và kinh tế, và “con gấu Nga = Liên Ban Xô Viết” và quốc tế cộng sản bị lên án rõ ràng.
- Đức Mẹ báo trước việc giết 16 triệu bào thai tại Hoa Kỳ sẽ xảy ra vì ngày càng gia tăng tình trạng thiếu suy xét, luân lý suy đồi, và cá nhân vô trách nhiệm.
- Đức Mẹ báo trước hạn hán, đói khát, mất mùa, bão lụt, động đất sẽ gia tăng theo tỉ lệ thuận với tình trạng nhân loại ngày càng tội tệ. Sẽ có những bệnh lạ lùng làm chết nhiều người. Sẽ có chiến tranh tàn phá nhiều thành thị.

- Đức Mẹ nói sớm muộn gì khi mà tội lỗi cá nhân và tập thể lôi kéo sự trừng phạt của Thiên Chúa, sau khi thế giới đã chịu đau khổ vì những ác họa chính họ gây ra, Thiên Chúa sẽ gọi “Trái Cầu Cứu Độ” đến tẩy sạch những gì còn sót lại.
- Đức Mẹ báo trước về Đức Thánh Cha Phaolô VI và triều đại Đức Thánh Cha Gioan Phaolô I chỉ có 33 ngày. Những sự việc đã xảy ra như Đức Mẹ đã báo trước.

Lưu ý: Đức Mẹ hiện ra tại Bayside Hills chưa được Giáo Hội công nhận.

ĐỨC MẸ MILAN

TẠI MILAN, NƯỚC Ý, NĂM 1972

Cha Stefano Gobbi, một linh mục dòng Pauline ở Milan, Nước Ý. Năm 1972, vì quá đau lòng trước con số các linh mục hồi tục, và nhiều vị khác dùng tác vụ của mình làm cơ hội để thóa mạ Đức Thánh Cha, cha Gobbi hành hương Fatima. Tại đây cha Gobbi được thúc đẩy lập “Phong Trào Các Linh Mục Của Mẹ Maria”, các linh mục tận hiến cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria và tuyên hứa trung thành trợ giúp Đức Thánh Cha. Trong 15 năm, Phong Trào đã phổ biến khắp thế giới.

Năm 1973, cha Gobbi bắt đầu ghi lại những ý tưởng được Đức Mẹ hướng dẫn. Cha linh hướng của cha Gobbi thúc giục cha gom những ý tưởng đó thành sách gởi cho các linh mục để yêu cầu thẩm định. Tập sách nhỏ đầu tiên đã được nhìn nhận là có những “đối thoại” đích thực của Đức Trinh Nữ. Từ đó cứ một hoặc hai năm, tập sách đó được tái bản với thêm những lời Đức Mẹ nói trong thời gian từ lần xuất bản trước tới lần tái bản mới nhất. Sách này bây giờ có nhan đề “Gởi Các Quý Tử Yêu Dấu Của Mẹ Maria”. Các lời Đức Mẹ trong sách này, gồm những lời chỉ dẫn, khích lệ. Tuy nhiên cũng gồm cả phần về hoàn cảnh Giáo Hội ngày nay và tương lai.

Các lời Đức Mẹ nói với cha Gobbi chính là dành cho các linh mục, nhưng những lời đó nhiều phần cũng chung cho cả nhân loại và các tín hữu con cái Mẹ. Vì thế chúng tôi trích lại một số đoạn quan trọng nhất.

Thứ nhất: Hiện nay Giáo Hội bị Satan tấn công dữ dội, nó gây hoang mang khắp nơi bằng cách xúi giục nhiều linh mục bỏ mất lòng tin vào Giáo Hội, nhiều linh mục khác chống lại giáo quyền, và nhiều linh mục khác cổ võ tín điều sai lầm nguy trang là tín điều được soi sáng rõ ràng hơn. Hoàn cảnh này ngày càng tồi tệ, cho tới khi ánh sáng của Chúa Kitô hầu như tắt hẳn, và Satan dường như giành được quyền thống trị thế giới.

Thứ hai: Những đau khổ Giáo Hội phải chịu sẽ đem lại kết quả là một hình phạt nghiêm khắc. Điều đó được mô tả bằng ngôn ngữ hết sức tương tự những lời một số người được thị kiến dùng, chẳng hạn, năm 1986, Mẹ Maria nói: “Vì nhân loại không chấp nhận lời Mẹ lặp đi lặp lại kêu gọi ăn năn cải đổi, đền tội và trở về với Thiên Chúa, một hình phạt kinh khủng nhất chưa hề có trong lịch sử nhân loại sắp xảy ra. Hình phạt đó kinh khủng hơn đại hồng thủy. Lửa từ trời sẽ rơi xuống và phần lớn nhân loại sẽ bị tiêu vong”.

Thứ ba: Chính nhờ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria mà Thiên Chúa sẽ cứu

Giáo Hội khởi cảnh đen tối đó và thiết lập Nước Chúa Giêsu Con Mẹ. Mẹ Maria đã liên tiếp thu nạp đạo binh “những hồn nhỏ” được hướng dẫn bởi các linh mục tận hiến cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ. Ngay vào lúc này tưởng chừng như Satan đã chiến thắng tất cả thì là lúc nó bị lật nhào.

Năm 1973, Mẹ Maria nói:

“Ngay khi Satan được tôn lên làm chúa của thế giới và nó nghĩ mình lúc này là người chắc chắn chiến thắng, chính Mẹ sẽ giựt con khỏi tay nó. Trong chốc lát nó sẽ bị trắng tay và chiến thắng sau cùng sẽ hoàn toàn thuộc về Con của Mẹ và thuộc về Mẹ. Đây sẽ là chiến thắng của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ nơi thế giới”.

Năm 1975, Đức Mẹ nói:

“Có một số người, nhân danh Mẹ, tin rằng họ có thể nói rõ ngày tháng các biến cố và sự việc. Nhưng họ quên rằng ngày giờ đó là một bí mật giấu kín của Trái Tim Hiền Phụ Hay Thương Xót của Thiên Chúa... Vì thế Mẹ bảo các con, các quý tử của Mẹ, các con đừng miệt mài tìm tương lai... hãy sống lúc này, hoàn toàn ký thác cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ...”

“... Những biến cố quyết định đã bắt đầu...”

Năm 1977, Đức Mẹ nói:

“Mẹ, nữ tì nhỏ bé của Chúa, sẽ đứng đầu một đoàn đông đảo những người khiêm tốn chống lại pháo đài do kẻ kiêu căng kiên cố phòng thủ. Mẹ xin các quý tử (các linh mục) của Mẹ một điều duy nhất là tận hiến cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ để họ hoàn toàn thuộc về Mẹ...”

Năm 1978, Mẹ Maria bảo đảm rằng:

“Sa mạc thế gian này sẽ được hoàn toàn đổi mới do lòng thương xót của Thiên Chúa Cha... Giáo Hội và thế giới khi đó sẽ có thể đạt tới sự huy hoàng chưa bao giờ có”.

Năm 1979, Đức Mẹ nói:

“Khi những búp lá đầu tiên xuất hiện trên cây, các con nói mùa đông sắp qua và mùa xuân gần tới. Mẹ đã chỉ cho các con thấy dấu chỉ của mùa đông khắc nghiệt mà Giáo Hội trải qua trong thanh luyện hết sức đau đớn...”

“Nhưng này coi, trong mùa đông khắc nghiệt nhất của Giáo Hội, các búp lá của sự

sống được canh tân đang bắt đầu xuất hiện... Đối với Giáo Hội, mùa xuân mới chiến thắng của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ gần đến. Giáo Hội sẽ vẫn là Giáo Hội, nhưng là Giáo Hội được canh tân, được làm cho rục rờ, được làm cho khiêm tốn hơn, mạnh hơn, nghèo khó vật chất hơn và phổ cập hơn nhờ sự thanh tẩy chính mình”.

“Nhiều búp mới đã được thấy trỗi lên nơi các ngành của Giáo Hội: những búp mới này là những người tín thác nơi Mẹ thiên đàng của họ - là các con, các Tông Đồ của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ. Các con là những búp nụ, các con bé nhỏ của Mẹ, các con được tận hiến cho Mẹ và sống theo tinh thần của Mẹ”.

...
“Trận chiến của Mẹ bây giờ bắt đầu rồi”.

...
Cha Gobbi nhắc lại lời Đức Mẹ trong năm 1984, mà nhiều điểm liên kết với các lời tiên tri tại Fatima và Medjugorje. Ngày Lễ Truyền Tin, **25 tháng 3 năm 1984**, ngày Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II dâng hiến thế giới cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội của Mẹ Maria, Mẹ nói:

“Hôm nay, Mẹ lặp lại lời yêu cầu toàn thể mọi người được tận hiến cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ”.

“Trước nhất, Mẹ xin điều đó nơi người quý tử yêu dấu của Mẹ (Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II), người thứ nhất trong các quý tử yêu dấu của Mẹ: vào dịp Lễ này, long trọng thực hành việc tận hiến, sau khi đã gửi thư mời các giám mục khắp thế giới kết hợp với Đức Thánh Cha thi hành việc long trọng tận hiến này”.

“Tiếc thay, lời mời này không được toàn thể các giám mục hoan nghênh. Những hoàn cảnh đặc biệt chưa cho phép cổ võ việc dâng hiến Nước Nga, điều Mẹ đã nhiều lần yêu cầu. Như Mẹ đã nói với con, việc dâng hiến này sẽ được thực hiện khi những biến cố đẫm máu sắp xảy ra”.

“Mẹ chúc lành cho hành động can đảm này của Đức Thánh Cha trong ước vọng ký thác thế giới và tất cả mọi dân tộc cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ. Mẹ tiếp nhận hành động đó cách yêu thương và tri ân. Nhờ hành động đó, Mẹ hứa can thiệp xin Chúa rút ngắn thời gian thanh tẩy, và làm nhẹ bớt hình phạt”.

Ngày 13 tháng 5 năm 1984, Đức Mẹ nói thêm:

“Hôm nay, con nhớ lại khi Mẹ hiện ra tại Fatima lần thứ nhất năm 1917, các con đang sống trong biến cố mà Mẹ đã nói với các con lúc đó”.

“Các con đang ở trong giai đoạn của cuộc chiến đấu giữa Mẹ, người phụ nữ mặc áo mặt trời, và kẻ thù của Mẹ, là con rồng đỏ, đang đi tới hồi kết. Vì lý do này, Mẹ lại hiện ra theo cách mới và thường xuyên hơn để bảo đảm với các con rằng sự hiện diện của Mẹ ở giữa các con là thường lệ”.

Trong Năm Thánh Mẫu, 1987, Đức Mẹ nói:

“Các con sẽ thấy đất mới và trời mới... Thiên Chúa Cha muốn chính tay Người khuôn đúc một nhân loại mới mà nơi họ hình ảnh của Người sẽ được nhìn thấy rõ ràng hơn, được hoan nghênh đón tiếp, và tình hiền phụ của Người được chúc tụng và tôn vinh...”

“... Nhân loại mới này sẽ trở lại một địa đàng nơi Chúa Kitô sẽ được tôn vinh, nơi đó vương quyền của Chúa sẽ được đón nhận và chúc tụng. Đó sẽ là triều đại hoàn toàn hạnh phúc, tốt đẹp, thuận hòa, hòa hiệp, thánh thiện, công chính và hòa bình”.

“... Chúa Thánh Thần sẽ ngự xuống như lửa... lửa đó đốt cháy và thanh tẩy, biến đổi và thánh hóa, lửa đó canh tân trái đất từ cốt lõi, lửa đó mở các trái tim đón nhận sự sống thực và đem lại cho các linh hồn sự sung mãn thánh thiện và ân sủng”.

Cũng trong Năm Thánh Mẫu, 1987, Mẹ Maria kêu gọi:

“... mọi người nhìn vào ‘Quyển Sách Vẫn Còn Niêm Phong’” và nói thêm: “Ngày nay Mẹ được Thiên Chúa phái đến để mở cuốn sách này, để các con thấy được các bí mật đó”.

Cũng trong năm 1987, Đức Mẹ nói:

“... Những người đang âm mưu sát hại Đức Thánh Cha sắp sửa thi hành kế hoạch của chúng. Vào lúc này, giờ chịu khổ hình Calvary và giây phút đau khổ của Ngài gần tới”.

Dịp khác trong năm 1987, Đức Mẹ nói:

“... Những dấu chỉ vĩ đại này, đang xảy ra trong thời đại các con, cho các con biết rằng chính lúc này sự thử thách đau khổ lớn lao đã đến với các con. Sự đau khổ đó chuẩn bị các con đón Kỷ Nguyên Mới mà Mẹ đã hứa với các con sự vinh thắng của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ”.

Lần khác trong năm 1987, Đức Mẹ nói:

“Các quý tử (các linh mục) yêu dấu của Mẹ. Ngày giờ của Mẹ đã đến. Đây là ngày giờ của Mẹ”.

Ngày 31 tháng 12 năm 1987, Đức Mẹ nhắc lại:

“Với tiếng nói từ mầu của Mẹ, Mẹ đang hướng dẫn tất cả các con hiểu ‘các dấu của sự thống khổ khắc nghiệt’. Từ các Sách Phúc Âm, những thơ các Thánh Tông Đồ và Sách Khải Huyền, các dấu đó đã được mô tả rõ ràng để giúp các con hiểu thời kỳ thống khổ khắc nghiệt này như thế nào. Tất cả các dấu chỉ này đang xảy ra trong chính thời đại này của các con”.

Ghi chú rằng trong Năm Thánh Mầu, 1987, này, nhiều biến cố vĩ đại đã xảy ra theo lời Đức Mẹ nói tại Fatima và tại Medjugorje. Hiệp ước tài giảm vũ khí nguyên tử được ký kết giữa Tổng Thống Ronald Reagan và Chủ Tịch Gorbachev vào ngày Lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngày 8 tháng 12 năm 1987. Hiệp ước này mở đầu hàng loạt các biến cố đặc biệt xảy ra tại Đông Âu trong những năm tháng tiếp theo đó.

Năm 1988, Mẹ Maria tuyên bố lý do của việc Mẹ gia tăng hiện ra cách lạ lùng khắp nơi trong thế kỷ này:

“Những ngày tháng này là thời kỳ thống trị của kẻ thù của Mẹ, Con Rồng Đỏ, Con Rắn Già, mà đầu nó Mẹ sẽ đập nát. Dưới ách thống trị của nó, những thử thách đau khổ, thương tích và đổ ngã đã tăng thêm cho các con, và vì thế mọi người đều lâm nguy bị hư mất. Vì thế Mẹ hiện ra với các con cách khác thường để khuyến giục các con vững lòng, tin thác, ẩn náu nơi Mẹ qua hành động dâng hiến cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ”.

Dịp khác, Mẹ nói:

“... Hãy dâng cho Mẹ tất cả thời gian còn lại từ nay cho tới ngày chấm dứt thế kỷ này”.

“Đây là thời kỳ 10 năm. Đây là 10 năm quan trọng. Đây là 10 năm quyết định. Mẹ xin các con cùng với Mẹ dùng thời gian này, vì các con đang đi vào giai đoạn chót của Mùa Vọng thứ nhì, dẫn tới vinh thắng của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ trong việc Chúa Giêsu Con Mẹ vinh hiển ngự đến”.

...

“Trong giai đoạn 10 năm này, sẽ đến lúc viên mãn thời gian đã được Mẹ chỉ cho các

con, bắt đầu từ La Salette cho tới những lần Mẹ hiện ra gần đây và hiện nay”.

“Trong giai đoạn 10 năm này, sẽ tới tột đỉnh của việc thanh tẩy, mà trong một số năm này, các con đã liên tiếp trải qua và vì thế những đau khổ sẽ trở nên lớn lao hơn nữa đối với toàn thể mọi người”.

“Trong giai đoạn 10 năm này, sẽ tới lúc hoàn tất thời gian đau khổ lớn lao đã báo trước cho các con trong Sách Thánh, trước khi Chúa Giêsu đến lần thứ hai”.

“Trong giai đoạn 10 năm này, tội lỗi được âm thầm chuẩn bị do tình trạng mất đức tin lan tràn không ngừng, sẽ trở nên rõ ràng”.

“Trong giai đoạn 10 năm này, tất cả các bí mật Mẹ đã mạc khải cho một số con cái của Mẹ sẽ xảy ra, và tất cả mọi biến cố đã được Mẹ báo trước cho các con sẽ xảy ra”.

Năm 1989, khi nói về sự phạm thánh khủng khiếp, Đức Mẹ nhắc lại lời tiên tri Daniel (12:9-12):

“... Nó tìm cách tấn công lòng mộ mến Nhiệm Tích Thánh Thể. Nó cho rằng Phép Thánh Thể chỉ có giá trị là một bữa ăn, nhằm giảm thiểu giá trị Phép Thánh Thể, nó tìm cách chối bỏ sự hiện diện đích thực của Chúa Giêsu trong Bánh Thánh”.

Năm 1990, Đức Mẹ nói:

“... Giáo Hội đang lao vào mối nguy hiểm trầm trọng, đến độ trở thành nạn nhân của tệ trạng bỏ đạo, mất đức tin đích thực. Những mối nguy đó đang đe dọa Giáo Hội là những tranh giành, chia rẽ, và rất nhiều chỉ trích công khai nhắm vào Đức Thánh Cha và Huấn Quyền của Ngài do các giám mục, linh mục, tu sĩ và giáo dân”.

Dịp khác trong năm 1990, Đức Mẹ nói:

“... Cũng trong Sách Thánh, trong thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Thessalonía, loan báo rõ ràng rằng, trước khi Chúa Kitô vinh hiển ngự đến, thời kỳ đông đảo bỏ đạo phải xảy ra. Việc mất đức tin là sự bỏ đạo thực sự. Vì thế sự lan tràn của việc bỏ đạo là dấu cho thấy việc Chúa Kitô đến lần thứ hai lúc này đã gần tới”.

Cũng trong năm 1990, Đức Mẹ nhắc lại lời Mẹ tại Fatima về tình trạng mất đức tin:

“... Tại Fatima, Mẹ đã báo trước cho các con biết rằng sẽ tới lúc đức tin đích thực bị mất. Đó chính là thời kỳ này”.

Dịp khác, Đức Mẹ nói:

“... Sắp sửa đến ngày chào đời của Giáo Hội Ánh Sáng, mà Chúa Giêsu Con Mẹ đang thành lập cho chính Người khắp nơi trên thế giới, để Giáo Hội đó sẵn sàng tin tưởng và hân hoan đón Chúa khi Chúa đến lần thứ hai”.

“Hiện nay Chúa Giêsu đang thiết lập Giáo Hội của Chúa, qua hành động mãnh liệt mà Chúa Thánh Linh làm nơi vườn Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ trên trời của các con. Đó là Giáo Hội Ánh Sáng. Sự huy hoàng của Giáo Hội này lớn lao hơn ngàn mặt trời chung lại. Giáo Hội này đang được hình thành nơi trái tim những người đơn sơ, những người bé nhỏ, những người trong sạch, những người biết đón nhận Chúa Giêsu cách hoàn toàn khiêm tốn, mà không chút thỏa hiệp với thế gian. Chúa Giêsu đang xây dựng Giáo Hội này, Giáo Hội Mới của Chúa, theo cách huyền nhiệm: âm thầm, ẩn dật, cầu nguyện và đơn sơ”.

“Chính Mẹ sẽ đập nát đầu con rắn, cột đầu con rồng và đánh bại tên Antichrist (Phản Kitô) để chuẩn bị ngày Chúa Giêsu đến lần thứ hai. Chúa sẽ khôi phục triều đại vinh hiển của Chúa giữa các con”.

...

“Trong thập niên cuối cùng của thế kỷ này (thế kỷ 20), các biến cố Mẹ đã báo trước cho các con sẽ xảy ra trọn vẹn”.

Một dịp vào **năm 1991**, Đức Mẹ nói:

“Chúa Thánh Thần sẽ làm cho các con hiểu những dấu thời đại các con. Đó là những thời kỳ đã được nói trước trong Sách Thánh, là những giai đoạn rất nhiều người mất đức tin, và “Antichrist = Kẻ Phản Kitô” xuất hiện. Đó là những thời kỳ hết sức tuyệt vọng và muôn vàn thống khổ đối với nhiều người. Các con sẽ trải qua các biến cố sau cùng này trong khi chuẩn bị đón Chúa Kitô đến lần thứ hai trong vinh quang”.

...

“Trong những thời kỳ này, những lầm lạc lan tràn mau chóng và thâm sâu hơn các con có thể tưởng tượng. Nhiều người mất đức tin và tình trạng bỏ đạo đang ngày càng lan tràn trong phạm vi Giáo Hội, tựa như cơn trọng bệnh ung thư khủng khiếp đã lan tràn khắp các chi thể”.

Cũng trong năm 1991, Đức Mẹ nói về Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, một tặng phẩm quý giá Mẹ ban cho các con:

“Hôm nay Mẹ xác nhận với con rằng đây chính là Vị Giáo Hoàng huyền nhiệm của Mẹ; Vị Giáo Hoàng mà Mẹ đã nói với các con của Mẹ trong các lần Mẹ hiện ra... Đức Thánh Cha đem lại cho mọi người ánh sáng Chúa Kitô, trong những thời kỳ đen tối khủng khiếp này”.

... Khi Đức Thánh Cha hoàn tất sứ mệnh Chúa Giêsu ký thác cho Ngài, Mẹ sẽ từ thiên đàng đến trần gian để nhận của lễ hy sinh của Ngài, và tất cả các con sẽ chìm trong bóng tối dày đặc của tình trạng bỏ đạo, mà lúc đó sẽ trở nên phổ thông”.

“Sẽ còn có những người trung thành với đức tin, chỉ còn có ít người còn sót lại là những người, mà trong những năm tháng này chấp nhận lời Mẹ kêu gọi, đã ẩn mình trong Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ. Chính số ít ỏi người còn sót lại này, đã được chuẩn bị và hình thành cho Mẹ, sẽ có nhiệm vụ đón nhận Chúa Kitô, Đấng sẽ đến với các con trong vinh quang, đem lại kỷ nguyên mới các con trông chờ”.

Dịp khác, Đức Mẹ nói:

“Chúa Thánh Linh chuẩn bị các tâm hồn đón Chúa Giêsu trở lại lần thứ hai. Vì thế ngày nay Chúa Thánh Linh đổ tràn đầy đoàn sủng mãnh liệt hơn và khác thường hơn so với thời kỳ đầu Giáo Hội, vì lúc này các con đã đi vào thời kỳ cuối cùng dẫn tới kỷ nguyên mới”.

“Chúa Thánh Linh có nhiệm vụ chuẩn bị nhân loại để nó hoàn toàn thay đổi, canh tân bộ mặt nhân loại, tạo dựng trời mới và đất mới”.

Năm 1992, Đức Mẹ nhắc lại tình trạng phạm thánh:

“Dấu chỉ thứ bốn là sự phạm thánh khủng khiếp, do chính tên đối nghịch với Chúa Kitô là tên Antichrist chủ trương. Nó sẽ vào Đền Thờ Thiên Chúa và ngồi trên ngai tòa của Chúa, và bắt tôn thờ nó như Thiên Chúa”.

...

“Dấu chỉ thứ năm gồm những hiện tượng bất thường trên không trung”.

Năm 1993, Đức Mẹ nói:

“Satan đã thành công xâm nhập Giáo Hội, thứ Do Thái mới của Thiên Chúa. Satan đã vào trong Giáo Hội, gây hỏa mù sai lầm và tội lỗi, mất đức tin và bỏ đạo, tương nhượng thế gian và tìm kiếm khoái lạc. Trong những năm này, nó đã thành công dẫn nhiều giám mục, linh mục, tu sĩ và giáo dân đi lạc đường...”

“Các con đang sống trong những năm đẫm máu của trận chiến, vì lúc này sự thử thách lớn lao đã đến với mọi người”.

Dịp khác Đức Mẹ nói:

“Tuy nhiên Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ là nơi nung nấu, đã được tìm kiếm và trông chờ, dành cho những ngày tháng thử thách đau khổ lớn lao lúc này đang đến với các con...”

...

“Các con càng đi sâu vào thời kỳ thử thách lớn lao, thì cách đặc biệt các con càng biết nhiều sự hiện diện hiền mẫu của Mẹ gần gũi các con, để giúp đỡ, bảo vệ, che chở và an ủi các con, chuẩn bị các con đón những ngày êm đềm trong ánh sáng và thanh bình”.

...

“... Con thử thách đau khổ kịch liệt nhất sẽ chóng qua. Nhờ Mẹ xin Chúa, những giờ đau khổ này sẽ được rút ngắn”.

...

“Lúc này, năm nay, các con đã tiến vào các biến cố Mẹ đã báo trước và nằm trong bí mật thứ ba của Fatima mà các con chưa được biết. Bây giờ bí mật này được tỏ hiện do chính những biến cố sắp xảy ra trong Giáo Hội và thế giới”.

...

“... Nhân loại sẽ trải qua thời gian đẫm máu của hình phạt. Nhân loại sẽ chịu các thứ bệnh dịch, đói khát, lửa cháy. Nhiều máu sẽ đổ trên các nẻo đường. Chiến tranh sẽ lan tràn khắp nơi, đưa thế giới đến tình trạng tuyệt vọng cùng cực”.

...

“Lửa sẽ từ trời xuống và phần lớn nhân loại sẽ bị vong mạng. Những người sống sót sẽ ghen với những người đã chết, vì khắp nơi chỉ có hoang tàn, chết chóc và đổ nát”.

Ngày 28 tháng 8 năm 1994, Đức Mẹ nói:

“Các con đã tới tột đỉnh của sự đau khổ và đang sống những năm tháng của hình phạt nặng nề mà, theo nhiều cách, đã được báo trước cho các con”.

Ngày 13 tháng 10 năm 1994, Đức Mẹ nói:

“... Lửa sẽ từ trời đến, nhân loại được thanh tẩy và hoàn toàn đổi mới để sẵn sàng đón Chúa Giêsu vinh hiển đến với các con trong vinh quang”.

Dịp khác trong năm 1994, Đức Mẹ nói:

“... Do việc Mừng Năm Thánh 2000, vinh thắng của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ, mà Mẹ đã nói ở Fatima, sẽ xảy ra. Việc này sẽ đến và qua đi bằng việc Chúa Giêsu trở lại trong vinh quang để thiết lập Nước Chúa nơi thế giới. Vì thế sau cùng các con sẽ thấy tận mắt trời mới và đất mới”.

ĐỨC MẸ BETANIA | ĐÁNG HOÀ GIẢI CÁC DÂN NƯỚC

TẠI BETANIA, VENEZUELA, NĂM 1976

Từ năm 1976, tại một trang trại nhỏ ở làng Betania, Finca, là một nông trại gần Caracas, cách thủ đô Caracas, nước Venezuela, không xa, Đức Mẹ đã hiện ra với María Esperanza Medrano de Bianchini.

Câu chuyện bắt đầu bằng sự kiện thánh nữ Têrêxa Hải Đồng hiện ra với bé María lúc ấy mới năm tuổi và trao cho em một bông hồng. Sau đó, năm María mười hai tuổi và bị chứng sung phổi cấp tính trầm trọng, Đức Mẹ đã hiện đến, giới thiệu một số thuốc men và đã cứu sống em. Trong độ tuổi thiếu niên, María lại được chữa khỏi bệnh bại liệt khi Thánh Tâm Chúa Giêsu hiện ra với em. Sau những cuộc thị kiến liên tiếp, María đã xin gia nhập dòng thánh Phanxicô, nhưng ngày 3 tháng 10 năm 1954, thánh nữ Têrêxa, trong một cuộc thị kiến, đã cho María biết ơn gọi của chị là làm vợ và làm mẹ. Cùng ngày hôm ấy, Thánh Tâm Chúa Giêsu truyền cho chị đến Roma. Tại đó, María đã gặp, và năm 1956, đã kết hôn với Geo Bianchini Giani.

Đức Mẹ tỏ cho María biết một nơi đặc biệt tại Venezuela để dành riêng cho việc cầu nguyện và hành hương. Trong một thị kiến, Đức Mẹ đã cho chị nhìn thấy trang trại ấy. María và Geo sau cùng đã tìm ra và mua lại địa điểm ấy vào năm 1974.

Đức Mẹ hiện ra lần đầu tiên tại trang trại Finca Betania vào ngày 25 tháng 3 năm 1976. Mặc dù khi ấy có rất đông người đang tham dự buổi cầu nguyện, nhưng chỉ một mình María được nhìn thấy Đức Mẹ. Đức Mẹ xưng mình là “Đáng Hòa Giải Các Dân Nước.” Sau đó, các cuộc hiện ra vẫn tiếp diễn nhưng không thường xuyên, đến năm 1990, Đức Mẹ hiện ra tổng cộng ba mươi một lần. Trong các năm đầu, chỉ có ít người được nhìn thấy Đức Mẹ, mặc dù nhiều người được chứng kiến các hiện tượng lạ, chẳng hạn làn sương từ trên trời phủ xuống, các bông hoa nở rộ, thanh âm của ca đoàn vô hình, hương thơm hoa hồng, và mặt trời chuyển động lạ thường.

Tuy nhiên, ngày 25 tháng 3 năm 1984, sau giờ thánh lễ trưa với đông người tham dự, Đức Mẹ đã hiện ra với một nhóm trẻ em bên thác nước gần đó. Chúng liền chạy về gọi người lớn, và Đức Mẹ lại hiện ra khi mọi người đã tụ họp đông đủ. Lần này, cả thảy 108 người hiện diện đã được nhìn thấy Đức Mẹ. Đức Mẹ đã hiện ra bảy lần trong buổi chiều hôm ấy.

Sứ điệp Đức Mẹ đem đến Betania là một sứ điệp hòa giải và yêu thương:

“Này các con, tình yêu của một Người Mẹ, Người quý yêu các con... đến như một khởi

đầu để đưa các con về với luật công bình, yêu thương, bình an và hòa giải!

“Mẹ mời gọi các con, vì giờ phút quan trọng cho việc hòa giải đã đến... Mẹ trao ban tình yêu của Mẹ cho tất cả các con cái của Mẹ, những cư dân địa cầu. Các con hãy trung thành với Chúa Giêsu, để có thể khám phá bí quyết tuyệt hảo của sự hiệp nhất... nhờ đó, các con sẽ tìm được chìa khoá để vào Nước Chúa!... Hãy tha thứ cho nhau. Hãy thương yêu nhau. Hãy phục vụ nhau... Tất cả các con là con cái Thiên Chúa. Tất cả các con đều được yêu thương.”

Năm 1984, đức giám mục giáo phận đã xúc tiến cuộc điều tra. Ngài thẩm vấn nhiều nhân chứng và cứu xét hơn năm trăm phép lạ chữa bệnh được tin là do Đức Mẹ Betania, trong số đó có vụ lành bệnh của một em bé bị chứng bệnh bifida cột sống, theo bệnh án của trung tâm y khoa hạt Westchester, Valhalla, New York. Năm 1987, đức giám mục đã khẳng định, “... Những lần hiện ra này là xác thực và có đặc tính siêu nhiên.”

Cha Piô đã hướng dẫn chị một thời gian. Sau khi cha Piô qua đời, ngài hiện ra cho chị biết chị sẽ phải tiếp tục con đường của cha. Những phép lạ Betania vẫn tiếp diễn. Chị María nhận được các dấu thánh. Chị còn được các ơn chữa bệnh, nhắc bổng lên không, hiện diện đồng thời tại hai nơi, nói tiên tri, đọc được những thầm kín nơi trái tim người ta, và còn được một vài đặc ân khác... Thánh Thể xuất hiện trên môi miệng chị, và người chị tiết ra hương thơm hoa hồng. Một trong những hiện tượng đáng chú ý nhất là hoa hồng đã tự nhiên nở ngay trên ngực chị: sự lạ này đã xảy ra mười sáu lần.

Trong thánh lễ ngày 8 tháng 12 năm 1991 tại Betania, Bánh Thánh đã chảy máu sau khi được truyền phép. Đây là một dấu lạ nói lên sự linh thiêng của trang trại. Hơn hai ngàn người cho biết đã được nhìn thấy Đức Mẹ Betania. Chị María tiếp tục được Đức Mẹ viếng thăm. Các sứ điệp của Đức Mẹ thường tiên báo về những cuộc chiến và tai ương, nhưng không ngừng nhắc nhở mọi người về tình yêu bao la của Thiên Chúa và mời gọi họ hãy sống hòa giải.

Năm 1993, có từ 1000 đến 2000 người đã chứng kiến bà Maria Esperanza thị kiến Đức Mẹ tại Betania. Đức Mẹ cho biết Mẹ là “Đấng Hòa Giải mọi người và mọi dân tộc” và cảnh cáo “chiến tranh khủng khiếp sẽ xảy ra nếu người ta không chấp nhận nền hòa bình từ Chúa Kitô đến”.

Đức Mẹ cũng báo một thời gian thanh lọc kinh khủng sẽ sớm xảy ra trước khi Chúa Giêsu đến, không phải vào Tận Thế, nhưng để ban một thời gian hòa bình và yêu thương.

Đức giám mục Pio Bello Ricardo, giám phận Caracas, sau khi mở cuộc điều tra và đích thân phỏng vấn chừng một ngàn nhân chứng, ngày 21 tháng 11 năm 1987 đã chính thức công bố:

“Theo xét đoán của chúng tôi, những lần thiên đàng hiện ra là rõ ràng xác thực và có tính chất siêu nhiên”.

LỜI KINH TRUYỀN THÔNG

Lạy Mẹ Maria, hiền mẫu của con, hôm nay cũng như mọi ngày, nhất là trong giờ chết, con xin trao phó linh hồn và thân xác con cho niềm tin diễm phúc, sự giữ gìn và sự chăm sóc đầy tình thương của Mẹ. Con xin trao phó tất cả những ưu tư và khốn cùng, cuộc sống và giờ cuối cùng cuộc đời của con cho Mẹ, để nhờ lời cầu bầu rất thánh và công nghiệp của Mẹ, tất cả những hành vi của con được qui hướng và được thuận theo thánh ý của Mẹ và của Con Mẹ. Amen.

Thánh Aloysius Gonzaga

LỜI KINH MỚI

Lạy Mẹ diễm phúc, con đã quá quen với chiến tranh lạnh. Con đã chôn chặt quá lâu những nỗi đau thương và sỉ nhục dĩ vãng đến độ những cảm xúc buồn phiền giữa con và [kể tên người kia] đã trở thành một phần bình thường, thậm chí còn dễ chịu trong cuộc sống của con. Cảnh bất hòa này xé nát tâm can con mỗi khi nghĩ đến. Con cảm thấy bị sa lầy trong cuộc chiến sinh tử thâm lặng này. Lạy Mẹ yêu dấu, xin hãy in sâu vào lòng con một khát vọng hòa giải. Xin giúp con thắng dẹp tính kiêu căng, những tổn thương và những hằn học, để chúng con có thể bắt tay làm hòa với nhau. Nhiều khi con thậm chí không dám nghĩ đến [kể tên người kia], nhưng xin Mẹ hãy xoa dịu tâm hồn con để con có thể viết một bức thư hoặc gửi một email đến cho [kể tên người kia]. Xin Mẹ hãy uốn lười con để con có thể điện thoại hoặc thực hiện một cuộc đối thoại chân thành với [kể tên người kia]. Và xin Mẹ củng cố chân tay, ý chí và linh hồn con để một ngày kia con có thể đến thăm [kể tên người kia], và đạt được giờ phút hòa giải bình an.

Lạy Mẹ Hòa Giải Các Dân Nước, con nài xin ơn này vì danh Mẹ.

Amen.

ĐỨC MẸ RWANDA | ĐỨC MẸ NGÔI LỜI

TẠI KIBEHO, RWNADA, NĂM 1981

Nước Cộng Hòa Rwanda có dân số khoảng 5 triệu, gồm ba sắc dân chính: Hutus, Tutsis và Twas. Trong quá khứ, dân Tutsis chỉ có 14 phần trăm dân số nhưng thống trị sắc dân Hutus gồm 85 phần trăm dân số. Con cháu dân Hutus luôn nuôi lòng hận thù dân Tutsis và thường xảy ra xung đột chủng tộc tại đây. Khoảng một nửa dân số Rwanda theo Thiên Chúa Giáo, trong đó 52% là Công Giáo.

Kibeho là một làng có nhà thờ và trường trung học do các nữ tu dòng bác ái Benebikira trông coi. Kibeho thuộc tổng giáo phận Butare.

Thứ Bảy, 28 tháng 11 năm 1981, các nữ sinh đang ăn trưa. Hôm đó Alphonsine Mumureke, 17 tuổi, một trong các nữ sinh, trực nhật. Nhiều lần trong ngày cô nghe tiếng gọi êm ái:

- Con của Mẹ, con của Mẹ.

Cô cho biết cô hết sức sung sướng, nhưng pha lẫn với sợ hãi.

Tiếng gọi đó phát ra từ hành lang kế bên. Alphongsine do dự một lát. Rồi lại nghe tiếng gọi, cô đi vào hành lang đó, quì gối, làm dấu thánh giá.

Đức Mẹ nói:

- Mẹ đây.

Lúc đó một “Bà Sáng Láng” hiện ra trước mặt cô, và cuộc đàm thoại lạ lùng bắt đầu.

Alphongsine hỏi:

- Thưa Bà, Bà là ai?

Bà Sáng Láng đáp:

- Mẹ là Mẹ Ngôi Lời.

Đức Mẹ hỏi:

- Con muốn gì ở đức tin?

Alphonsine đáp:

- Con yêu mến Thiên Chúa và Thánh Mẫu của Chúa, Người cho chúng con Con của Người là Đấng cứu độ chúng con!

Đức Mẹ nói:

- Chính vì thế Mẹ đến để bảo đảm với con, vì Mẹ đã nghe lời con cầu nguyện. Mẹ muốn các bạn của con có đức tin vững vàng hơn, vì những người đó không tin đủ.

Alphonsine đáp:

- Lạy Mẹ Chúa Cứu Thế! Nếu đích thực là Mẹ, chính Mẹ đến cho biết rằng trường chúng con có ít đức tin, chính vì Mẹ yêu thương chúng con! Con thực sự vui mừng vì Mẹ đến với con.

Tới đây Đức Mẹ mỉm cười và biến đi.

Alphonsine nói với các bạn về sự việc xảy ra, nhưng các bạn của cô không tin và còn cười nhạo cô. Alphonsine vẫn kiên cường với ơn gọi. Về sau, một vài bạn đồng lớp cùng cầu nguyện với Alphonsine, nhưng các cô đó không được thấy Đức Mẹ. Theo lời các bạn, Alphonsine xin Đức Mẹ cho các bạn của cô được thấy Đức Mẹ. Ngày 22 tháng 1 năm 1982, Anathalie Mukamazimpaka thấy Đức Mẹ và cũng xuất thân như Alphonsine.

Tin chấn động loan truyền khắp làng Kibeho. Các em được thị kiến bị bà Marie-Claire Mukangango, phụ tá đức cha Gahamanyi, giám mục tổng giáo phận Butare phản đối. Nhưng vào ngày 2 tháng 3, 1982, chính bà Marie-Claire cũng được thị kiến Đức Mẹ.

Đến tháng 7 năm 1982, hai chú bé Sagatshaya, lúc đó chưa là Kitô hữu Công Giáo, và chú bé Valentine, thêm bốn cô gái khác là Agnes, Vestine, Stephanie, và một cô nữa cũng tên Agnes, được thấy Đức Mẹ. Có tất cả tám người chính thức được thấy Đức Mẹ hiện ra, và có khoảng 20 người khác tại Kibeho và 10 người ở những nơi khác cũng nói là họ được thị kiến Đức Mẹ.

Những lần đầu, Đức Mẹ hiện ra tại phòng ngủ của các lưu trú sinh tại nhà trường. Về sau số người tham dự cầu nguyện và theo dõi Đức Mẹ hiện ra đông thêm, phòng ngủ đã được nói rộng (bỏ bớt vách ngăn) thành một nhà nguyện nhỏ. Nhưng rồi cũng không đủ chỗ, và các người được thị kiến đón Đức Mẹ ở phía ngoài nhà nguyện. Theo ý kiến của một nam tu sĩ, người ta làm một khán đài cao, các người được thị kiến cầu nguyện và đón Đức Mẹ tại đó, và những người từ xa có thể nhìn thấy họ. Các em được thị kiến thường nhắc lại ngay những lời Đức Mẹ nói với các em. Đức Mẹ cũng cho biết trước khi nào Đức Mẹ sẽ đến vào lần kế tiếp. Số người tham dự ngày càng đông, nên

người ta thiết trí hệ thống loa phóng thanh khắp khu vực rất rộng, và các em được thị kiến đeo microphone, để người khác có thể trực tiếp nghe những đối thoại trong những lần Đức Mẹ hiện ra.

Đề tài chính các lời Đức Mẹ là:

- Người ta không chú ý đủ đến những sự trên trời;
- Những chân lý mạc khải trong Phúc Âm bị coi là lỗi thời và người ta bỏ lơ;
- Người ta hững hờ với những cảnh cáo kinh hoàng ngày tận thế được nói trong Phúc Âm, người ta không chuẩn bị hoặc không thấy cần phải nhớ đến sự thánh thiện;
- Người ta coi thường các lời Mẹ.

Khách hành hương, cảnh sát, viên chức chính quyền, các linh mục, tu sĩ đều quan sát những hiện tượng lạ mặt trời một đôi lần xuất hiện tại đây.

Vùng Kibeho bị hạn hán, nhưng các em được thị kiến không xin Đức Mẹ cho mưa. Một hôm trong tháng 8, 1981, Đức Mẹ hỏi Anathalie:

- Tại sao các con không xin Mẹ ban nước (mưa) cho các con?

Cô bé đáp:

- Đức Mẹ nói Đức Mẹ sẽ cho theo ý Đức Mẹ và khi nào Đức Mẹ muốn!

Đức Mẹ nói:

- Bây giờ Mẹ ban cho các con cơn mưa thánh hiến.

Ngay sau đó, một trận bão kéo tới, và mưa như trút đổ xuống. Nhưng không ai chạy núp mưa. Mọi người quì giữa trời mưa như thác lũ, giữa những đám bùn mới, ca tụng “những giọt mưa từ trời”. Người ta hứng được nước mưa, và Đức Mẹ ban nhiều phép lạ chữa lành bệnh qua nước mưa này.

Trong số các thông điệp Đức Mẹ ban tại Kibeho, có nhiều thông điệp mang tính cách cảnh cáo những ác họa rừng rợn. Những người được thị kiến ở Kibeho nhận được các thông điệp đặc biệt này khi họ xuất thần hoặc nằm dài bất động, như chết, suốt hai hoặc ba ngày đêm. Thoạt tiên, người ta nghĩ các người được thị kiến trong hiện tượng này chết rồi, nhưng khám nghiệm y khoa thì cơ thể họ vẫn bình thường. Người ta

không thể nào làm cho những người này ra khỏi tình trạng xuất thần. Trong thời gian dài xuất thần này, những người được thị kiến trải qua những “chuyến đi”, “những cảnh hãi hùng”, “sự buồn phiền của Chúa Giêsu”, và “ngày tận thế”.

Ngày 15 tháng 8 năm 1982, sau khi năm người được thị kiến ra khỏi xuất thần, tất cả đều run rẩy sợ hãi, nước mắt đầm đìa. Cả năm người đều nói đã được cho thấy một đại cảnh “những trận lụt máu”, “vô số xác chết không được mai táng”, “những đám cháy rừng”, “những hố sâu lớn”, “ma quỷ xuất hiện”, “đầu người ta bị chặt vương vãi khắp nơi”. Khoảng 25 ngàn khách hành hương hiện diện đã rụng rời kinh hãi khi nghe những tường thuật này. Và những thị kiến đại họa này xảy ra nhiều lần.

Điểm đặc biệt là Đức Mẹ bảo các người được thị kiến phải rời khỏi Rwanda.

Tình hình xáo trộn tại Rwanda từ 1982 đến nay (1997) chứng minh những điều Đức Mẹ đã báo. Chiến tranh sắc tộc, những vụ tàn sát đẫm máu, trả thù, diệt chủng, đói khát, xảy ra giữa sắc dân Hutu và Tutsis kinh hoàng đến độ một nửa dân số bị chết.

Alphonsine đã cảm nghiệm được hiện tượng này vào ngày 20 và 21 tháng Ba năm 1982. Cô báo trước cho Sơ Hiệu Trưởng và các bạn học:

- Tôi sẽ trông giống như đã chết, nhưng đừng sợ; đừng chôn tôi!

Cuộc lễ hành đã trải qua 8 giờ. Các Linh Mục, các Nữ Tu, các giới Tu Sĩ, các trợ tá y tế của Hội Hồng Thập Tự, tất cả mọi người đều có thể thấy Alphonsine chìm đắm vào trong một giấc ngủ sâu, thân thể cô duỗi thẳng ra và rất nặng nề. Họ không thể nào nhắc nổi cô cũng như không thể nào gỡ bàn tay đang chấp lại của cô ra. Trong chuyến lễ hành ấy, Đức Trinh Nữ Hồng Phúc đã hiện tỏ cho cô thấy Thiên Đàng, Luyện Ngục và Hỏa Ngục.

Những người đến hành hương tại Kibeho đã làm chứng cho một số các hiện tượng lạ thường: hiện tượng mặt trời nhảy múa từ bên phải sang bên trái, từ phía trên xuống phía dưới trong khoảng thời gian 10 phút; hiện tượng mặt trời biến mất, thay vào đó là một mặt trăng màu xanh lá cây nhạt; hiện tượng các vì tinh tú nhảy múa; hiện tượng các cây Thánh Giá tỏa sáng trên bầu trời. Nhưng phép lạ vĩ đại nhất tại Kibeho là các đợt sóng những con người hoán cải, các đợt sóng những con người thực hành cầu nguyện, do bởi những lần hiện ra của Đức Mẹ. Đức Trinh Nữ Maria đã đặc biệt kêu gọi dâng hiến cho Mẹ bản thân con người và giới trẻ, những con người khốn khổ ấy trong thời đại chúng ta đang đến trường, không những không có Thiên Chúa mà còn chống lại Thiên Chúa!

Hậu quả nạn diệt chủng tại Rwanda:

Vào ngày 15.5.1982, sau 8 tiếng đồng hồ thị kiến, các thị nhân đã thấy trong thị kiến hình ảnh người ta chém giết lẫn nhau, những dòng sông đầy máu, những xác chết không được chôn cất, những đám cây cháy rụi. Đúng với thị kiến và thông điệp, điều này đã thực sự xảy ra tại Rwanda vào năm 1994 trong những cuộc nổi dậy của loạn quân, nhiều triệu người dân Rwanda đã bị giết, hãm hiếp. Trên báo chí người ta thấy các em tuổi còn măng sữa đã cầm súng trên tay sẵn sàng nhả đạn.

Xin đọc phần chi tiết tại:

<http://ebooks-tscong giao.blogspot.com/2016/08/Duc-Me-Rwanda.html>

KINH CẦU CÙNG ĐỨC MẸ NGÔI LỜI

Chúc tụng Mẹ Maria Đồng Trinh, Mẹ của Ngôi Lời. Mẹ của tất cả những ai tin vào Mẹ, và của những ai đón nhận Mẹ vào đời sống của họ. Chúng con quỳ đây trước nhan Mẹ để chiêm niệm về Mẹ. Chúng con tin rằng Mẹ đang ở giữa chúng con, như một người Mẹ ở giữa đàn con của mình, mặc dù chúng con không thấy được Mẹ bằng đôi mắt xác thịt của chúng con.

Chúng con chúc tụng Mẹ, Mẹ là con đường chắc chắn dẫn chúng con đến với Chúa Giêsu Cứu Chuộc, vì tất cả sự che chở phù hộ mà Mẹ không ngừng tuôn đổ trên chúng con, đặc biệt là trong sự khiêm cung, Mẹ đầy lòng từ bi nhân hậu, hiện ra cách lạ lùng ở Kibeho, khi thế giới đang cần Mẹ nhất.

Xin Mẹ luôn ban cho chúng con ánh sáng và sức mạnh cần thiết để đón nhận với hết cả lòng thành, lời kêu gọi của Mẹ với chúng con hãy hoán cải, sám hối và sống theo Lời Thánh Kinh của Con Mẹ. Xin hãy dạy chúng con cách cầu nguyện chân thành, và yêu mến anh em như Chúa yêu chúng con, để như lời Mẹ yêu cầu chúng con, chúng con có thể luôn là những bông hoa xinh tươi lan tỏa những hương thơm êm dịu ở mọi nơi và trên mỗi người.

Lạy Mẹ Maria chí thánh, Mẹ Sầu Bi của chúng con, xin dạy chúng con nhận biết giá trị của thập giá trong đời sống chúng con, để bất cứ những gì đang thiếu vắng sự đau khổ của Chúa Kitô, chúng con có thể lấp đầy thân xác chúng con cho nhiệm thể của Chúa, chính là Giáo Hội của Chúa. Và khi hành trình chúng con nơi dương thế chấm dứt, chúng con sẽ sống vĩnh cửu với Mẹ trên nước trời. Amen

ĐỨC MẸ MỄ DU

TẠI MEDJUGORJE, NAM TU, NĂM 1981

Medjugorje (Mễ Du) là một làng quê, sinh sống bằng nông nghiệp, trồng thuốc lá và nho. Medjugorje thuộc giáo phận Mostar, vùng Hercegovina, Nam Tư, ngày nay thuộc Croatia. Tại đây có nhà thờ thánh Giacôbê, núi Podbrdo và Núi Krizevac (Núi Thánh Giá). Năm 1933, giáo dân tại Medjugorje đã bằng sức người vận chuyển vật liệu xây đài Thánh Giá đồ sộ trên đỉnh Krizevac để kỷ niệm 19 thế kỷ Ôn Cứu Chuộc.

Trong chương trình tình thương vô cùng của Thiên Chúa, Mẹ Maria đã đến với chúng ta qua các thông tin viên tại Medjugorje từ ngày 24 tháng 6 năm 1981 tới nay (1999). Mẹ hiện ra hàng ngày, Mẹ vẫn còn hiện ra, Mẹ vẫn còn nhấn nhủ kêu gọi chúng ta về với Chúa với Mẹ, Mẹ cũng cảnh cáo chiến tranh tàn sát xảy ra, và kêu gọi mọi người sống thuận hòa. Vì khuôn khổ của ấn phẩm này, chúng tôi chỉ sơ lược một số điểm chính yếu và một vài trường hợp điển hình.

Khoảng 4 giờ chiều ngày 24 tháng 6 năm 1981, khi Mirjana Dragicevic, 16 tuổi, và Ivanka Ivankovic, 15 tuổi, đang đi dạo, bất chợt Ivanka nhìn lên Núi Podbrdo thấy một bóng người sáng chói bay là là cách mặt đất khoảng 300 mét. Ivanka kêu lên sau khi nhìn chăm chú:

- Nhìn kia Mirjana, Đức Mẹ!

Mirjana không tin, trả lời:

- Đi nào! Liệu Đức Mẹ hiện ra với chúng mình sao?

Và hai cô đi về.

Lúc sau hai cô lại có dịp trở lại nơi đã nhìn thấy bóng Đức Mẹ lúc trước và lại thấy Đức Mẹ. Hai cô quì gối đọc kinh và chiêm ngưỡng Đức Mẹ. Lúc đó Vicka Ivankovic, 17 tuổi, và Ivan Ivankovic, 16 tuổi, tới nơi và cũng được thấy Đức Mẹ. Cuộc thị kiến này lâu khoảng 45 phút.

Ngày 25 tháng 6, 1981, bốn cô cậu được thấy Đức Mẹ trong ngày hôm trước, có thêm Marija Pavlovic, 16 tuổi, và Jakov Colo, 10 tuổi, được thấy Đức Mẹ. Khi thấy Đức Mẹ, các cô cậu dâng lên bảy kinh Lạy Cha, bảy Kinh Kính Mừng, bảy Kinh Sáng Danh kính “Bảy Sự Đau Đớn Đức Mẹ”. Đức Mẹ đọc chung với các em các kinh Lạy Cha, kinh Sáng Danh. Đức Mẹ khuyên các em thêm Kinh Tin Kính vào sau các kinh này. Từ nay về sau, sáu cô cậu này được thị kiến Đức Mẹ hầu như hàng ngày.

Ngày 26 tháng 6, 1981, một số dân làng nghe biết việc xảy ra đã theo các em tới nơi Đức Mẹ hiện ra và ngỡ ngàng trước tốc độ các em chạy ngược lên núi khi Đức Mẹ hiện ra, và đều tin là có điều gì lạ lùng xảy ra. Vicka đem theo nước thánh. Khi Đức Mẹ hiện ra, Vicka vẩy nước thánh lên Đức Mẹ và nói:

- Nếu Bà là Đức Mẹ, xin ở lại với chúng con. Bằng không thì xin đi đi.

Đức Mẹ đáp lại bằng nụ cười thật đẹp.

Ngày 27 tháng 6, 1981, nhà cầm quyền (vô thần) tại Citluk gọi các em được thị kiến tới để điều tra và gọi các em đi khám nghiệm y khoa. Riêng Ivan Dragecevic bị khám nghiệm trong hơn một tiếng đồng hồ. Nhưng kết quả khám nghiệm xác nhận các em đều có tinh thần và thể chất bình thường mạnh khỏe. (Sau đó nhà cầm quyền còn nhiều lần làm khó các em được thị kiến, và cha Jozo Zokov, cha sở nhà thờ thánh Giacôbê, bị bỏ tù ba tháng vì bệnh vực các em được thị kiến). Sau khi rời khỏi cơ sở chính quyền, các em trở lại Núi Podbrdo đón Đức Mẹ. Trong lần thị kiến này, khi đáp lại câu hỏi của Ivanka:

- Bà là Ai?

Đức Mẹ trả lời:

- Mẹ là **Đức Trinh Nữ Maria**.

Vì chính quyền làm khó, từ 1 đến 8 tháng 7, 1981, các em đón Đức Mẹ hiện ra nơi căn phòng trống ở nhà cha sở. Từ 14 tháng 7 đến đầu năm 1982, Đức Mẹ hiện ra tại rất nhiều địa điểm khác nhau: ở ruộng rẫy, trong rừng, ở đồng cỏ, tại tư gia.

Từ đầu năm 1982 Đức Mẹ hiện ra tại phòng nhỏ bên cung thánh nhà thờ thánh Giacôbê.

Từ 13 tháng 9, 1987, cho tới nay, các em đón Đức Mẹ trên gác hát trong nhà thờ (thánh Giacôbê). Nhiều khi Đức Mẹ hiện ra với các em tại bất cứ nơi nào các em hiện diện.

Từ ngày 1 tháng 7, 1981, cha Jozo khởi xướng chương trình phụng vụ ban chiều tại thánh đường. Bí tích Hòa Giải là phần hết sức quan trọng trong chương trình Sinh Hoạt Thánh ban chiều, mỗi ngày có từ 15 đến 20 linh mục ngồi giải tội trong 4 hoặc 5 tiếng đồng hồ. Giáo dân địa phương hầu như lãnh Bí Tích Giao Hòa hàng tháng, có người hàng tuần. Khách hành hương hầu như không một ai không lãnh Bí Tích Giao Hòa khi ở tại đây.

Khi Đức Mẹ hiện ra, vẻ mặt các em rạng rỡ, vui vẻ, hân hoan, hạnh phúc, miệng hé mở như muốn mỉm cười, muốn nói hoặc uống những điều nhìn và nghe được. Mắt các em xoáy vào một tụ điểm, tuy vẫn chớp, nhưng không phản ứng đối với ánh đèn flash rọi vào như trong một số lần các thành viên trong ủy ban điều tra của đức giám mục thử nghiệm trên thân thể các em trong khi thị kiến Đức Mẹ.

Dường như Đức Mẹ chọn Thánh Giá trên Núi Krizevac, không xa Núi Podbrdo, làm nơi xuất phát các dấu lạ công khai mọi người thấy. Đức Mẹ làm phép lạ “mặt trời vũ” tại Fatima, và các phép lạ khác nhau tại những nơi Đức Mẹ hiện ra, nhưng các dấu lạ tại Medjugorje thì quá nhiều và gần như thường xuyên. Xin kể một trường hợp điển hình: ngày 21 và 22 tháng 10, 1981, Thánh Giá trên Núi Krizevac biến thành hình chữ “T” sáng chói, rồi hình dáng một phụ nữ giống như hình ảnh Đức Mẹ. Dấu lạ này lâu khoảng nửa giờ.

Trong những ngày đầu tiên Đức Mẹ đã hứa chữa bé Daniel bị tê liệt và không nói được:

“Hãy để cho họ (ý nói cha mẹ bé Daniel) tin vững chắc là bé đó sẽ được chữa khỏi bệnh”.

Bé Daniel đã lần lần khỏi bệnh và đi đứng, nói năng bình thường. Và có rất nhiều trường hợp lành bệnh lạ lùng khác đã được báo cáo và được khám nghiệm.

Những lời Đức Mẹ nói tại Medjugorje

Mẹ Maria đến với con cái của Mẹ khắp nơi, nhất là tại Medjugorje để kêu gọi mọi người sống hòa bình: hòa bình với nhau, hòa bình với Thiên Chúa = sống đạo = thánh hóa.

Ngay từ những ngày đầu, trước khi từ biệt, Đức Mẹ luôn nói: “Các con đi trong Bình An của Chúa”.

Ngày 26 tháng 6, 1981, để đáp câu hỏi của Ivanka:

- Tại sao Đức Mẹ tới đây và Đức Mẹ cần điều gì?

Đức Mẹ nói:

“Mẹ tới đây vì ở đây có nhiều người tin. Mẹ muốn ở với các con để **cải hóa** và **làm hòa** mọi người”.

Và chúng ta nhớ chiến tranh sắc tộc tại Nam Tư trong những năm đầu thập niên 1990 cho tới nay là một trong các lý do Mẹ kêu gọi chúng ta sống trong bình an của Chúa, làm hòa với nhau.

Để có cái nhìn tổng quát về các điều Mẹ dạy, hiểu phần nào tại sao Mẹ Maria hiện ra tại Medjugorje rờng rã bấy lâu nay (từ 1981 đến nay 1999 vẫn còn tiếp tục) và ý thức tầm quan trọng của biến cố và nhất là các lời Mẹ dạy, chúng tôi mạo muội lược trích một vài thông điệp của Mẹ theo các chủ điểm:

Đức Tin

Ngày ngày đầu Đức Mẹ nói:

- Mẹ đến để nói cho thế giới (nhân loại) biết rằng có Thiên Chúa, Thiên Chúa hiện hữu. Thiên Chúa là sự sung mãn của đời sống, và để được hưởng sự sung mãn này và được hòa bình, người ta phải trở về với Thiên Chúa.

Ngày 28.6.1981, các em hỏi:

- Đức Mẹ muốn chúng con làm gì?

Đức Mẹ đáp:

- Lòng tin cậy và yêu kính Mẹ.

Các em hỏi:

- Đức Mẹ không muốn hiện ra ở thánh đường để nhiều người được thấy Đức Mẹ sao?

Đức Mẹ đáp:

- Phúc cho ai không thấy mà tin. Họ hãy tin mà không cần nhìn thấy.

Ngày 31.1.1985:

“... Hôm nay Mẹ muốn kêu gọi các con mở rộng trái tim các con cho Chúa... Mẹ là mẹ các con và luôn muốn các con gần với Thiên Chúa Cha, để Người có thể luôn đổ tràn đầy ân sủng xuống trái tim các con...”

Ngày 9.5.1985:

“... Các con không biết bao nhiêu hồng ân Thiên Chúa đang ban cho các con trong

những ngày này khi Chúa Thánh Thần hoạt động cách đặc biệt... Các con hãy đưa trái tim các con trở lại với lời cầu nguyện và xin Chúa Thánh Thần đổ tràn đầy ơn xuống cho các con...”

Ngày 2.10.1986:

“... Mẹ lại kêu gọi các con cầu nguyện. Các con yêu quý, các con không ý thức được sự quý giá của lời cầu nguyện. Bây giờ là thời gian cầu nguyện: không có thứ gì khác quan trọng lúc này, chỉ riêng Thiên Chúa là quan trọng ...”

Yêu mến, biết ơn

Ngày 11.10.1984:

“... Các con yêu dấu! Các con cần biết rằng Thiên Chúa yêu thương các con và chính vì vậy Chúa thử thách các con. Các con hãy dâng lên Chúa những thánh giá của các con và đừng lo lắng...”

Ngày 29.11.1984:

“... các con không biết yêu và yêu mến lắng nghe những lời Mẹ liên tiếp ban cho các con... Các con phải biết rằng Mẹ đến thế gian để dạy các con biết nghe theo bằng lòng yêu mến, biết cầu nguyện với lòng yêu mến, chứ không phải vì cưỡng bách...”

Ngày 13.12.1984:

“... Các con biết ngày vui đang tới gần, nhưng nếu không có tình yêu các con sẽ không được gì cả. Vì thế, trước nhất các con hãy khởi sự yêu thương gia đình các con và mọi người trong giáo xứ...”

Ngày 31.7.1986:

“... Sự hận thù gây ra chia rẽ và làm cho người ta mù quáng đối với mọi người và mọi thứ. Mẹ mời gọi các con xây dựng đoàn kết và hòa bình. Các con thân yêu, các con hãy sống bằng tình yêu đặc biệt tại nơi các con sinh sống. Các con hãy lấy tình yêu làm dụng cụ duy nhất. Bằng tình yêu các con hãy biến đổi nên tốt những thứ mà ma quỷ chỉ muốn phá hoại và chiếm lấy cho nó...”

Ăn năn thống hối, cải đổi và thánh hóa

Từ 1.3.1984, trong các thông điệp gửi giáo dân xứ thánh Giacôbê và cũng là cho cả thế giới vào thứ Năm hàng tuần:

“Thế giới đang sống trong những mối căng thẳng ghê gớm và thế giới không thể nào được cứu vớt nếu cứ tiếp tục sống như thế này. Thế giới phải tìm thấy hòa bình và phải được cứu vớt. Nhưng thế giới không thể tìm thấy hòa bình nếu không có Thiên Chúa. Thế giới chỉ có thể tìm được hòa bình trong Thiên Chúa...”

**

“Con hãy nói với các con cái của Mẹ, hãy nói cho cả thế giới biết ngay khi có thể rằng Mẹ khao khát việc họ ăn năn thống hối. Lời duy nhất Mẹ ban cho thế giới là: ‘Hãy ăn năn thống hối và đừng chần chờ’. Mẹ xin Con của Mẹ đừng phạt thế giới. Các con không biết, các con cũng không thể biết, những gì Thiên Chúa sẽ gửi đến cho thế giới. Các con hãy ăn năn thống hối, hãy từ bỏ mọi thứ...”

**

“Các con hãy lau những giọt lệ trên mặt Mẹ, nước mắt đó Mẹ đổ ra khi Mẹ nhìn thấy những hành động của các con. Mẹ xin các con đừng để Trái Tim Mẹ phải khóc nhỏ huyết lệ vì những linh hồn hư mất do tội lỗi. Vì thế, các con hãy cầu nguyện, hãy cầu nguyện, hãy cầu nguyện”.

**

“... Các con hãy bảo thế giới đừng chần chờ nữa. Thế giới phải cải đổi chính nó. Khi Thiên Chúa đến, Người không đùa giỡn với bất cứ ai. Mẹ báo cho các con biết rằng các con phải nghiêm chỉnh tuân theo lời Mẹ nhắn nhủ...”

Ngày 13.2.1986:

“Các con hãy làm cho Mùa Chay này là dịp thúc đẩy đặc biệt để các con cải đổi. Các con hãy khởi sự ngay từ bây giờ. Các con hãy tắt vô tuyến truyền hình và từ bỏ mọi thứ vô ích khác. Các con yêu quý, Mẹ kêu gọi từng cá nhân các con cải thiện đời sống. Thời gian này dành cho các con...”

Cầu nguyện, ăn chay

Ngày 19.4.1984:

“Các con yêu quý! Các con hãy kết hiệp với Mẹ. Các con hãy cầu nguyện, hãy cầu nguyện, hãy cầu nguyện!”

Ngày 9.6.1984:

“... Chúa Nhật Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, các con hãy cầu nguyện xin Chúa Thánh Thần ban ơn trung thành với sự thực... Các con phải xin Chúa Thánh Thần ban cho các con tinh thần cầu nguyện để các con có thể cầu nguyện nhiều hơn nữa. Mẹ là Mẹ các con phải nói cho các con biết rằng các con cầu nguyện quá ít...”

Ngày 5.7.1984:

“... Hôm nay, Mẹ muốn bảo các con: luôn bắt đầu và kết thúc công việc bằng lời cầu nguyện. Nếu các con làm như vậy, Thiên Chúa sẽ chúc lành cho các con và mọi việc các con làm...”

Ngày 6.9.1984:

“... Hãm mình và cầu nguyện là điều kiện tất yếu để có hòa bình...”

Ngày 20.9.1984:

“... Mẹ xin cả giáo xứ này ăn chay để cảm tạ ơn Chúa đã cho Mẹ ở lại với các con lâu như thế này. Các con yêu dấu! Hãy ăn chay và cầu nguyện bằng trái tim các con...”

Phúc Âm, Thánh Lễ, Phép Thánh Thể, và Bí Tích Giao Hòa

Ngày 15.3.1984:

“... Các con hãy liên tục châu Minh Thánh Chúa. Mẹ luôn hiện diện mỗi khi các tín hữu châu Thánh Thể. Những ơn đặc biệt được ban cho các con vào lúc đó...”

Ngày 18.10.1984:

“... Mẹ yêu cầu các con đọc Sách Phúc Âm trong gia đình các con hàng ngày. Hãy để Sách Phúc Âm nơi dễ thấy trong nhà, nơi nào mà Sách Phúc Âm sẽ luôn nhắc con đọc và cầu nguyện”.

Ngày 14.2.1985:

“... Mẹ muốn các con lắng nghe và sống theo mọi điều Mẹ nhấn nhủ. Mọi gia đình phải cầu nguyện và đọc Sách Phúc Âm”.

Ngày 7.3.1985:

“... Các con yêu quý, hãy khuyến khích những người trẻ cầu nguyện và tham dự Thánh Lễ...”

Kinh Mân Côi

Ngày 17.9.1984:

“... Mẹ nài nỉ các gia đình đọc kinh Mân Côi trong gia đình...”

Ngày 8.10.1984:

“... Các con hãy dâng tất cả mọi lời các con cầu nguyện mỗi tối trong gia đình các con để xin cho người tội lỗi ăn năn thống hối vì thế giới tội lỗi nặng nề kinh khủng. Các con hãy cầu nguyện Kinh Mân Côi mỗi tối”.

Ngày 8.8.1985:

“... Mẹ kêu gọi các con cầu nguyện cách đặc biệt chống lại Satan... Các con yêu dấu, các con hãy mặc giáp trụ chống lại Satan; với chuỗi Mân Côi trong tay các con sẽ chiến thắng Satan...”

Ngày 25.2.1988:

“... Các con hãy để chuỗi Mân Côi trong tay các con như dấu chỉ cho Satan biết các con là của Mẹ...”

Tận hiến, đền tạ Thánh Tâm Chúa và Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria

Ngày 22.3.1984:

“... Mẹ đặc biệt yêu cầu các con trọn Mùa Chay này tôn kính các thương tích Con của Mẹ phải chịu... Các con hãy liên kết các con với lời cầu nguyện của Mẹ cho giáo xứ này để những đau đớn Chúa phải chịu không trở nên quá sức chịu đựng...”

Ngày 5.4.1984:

“... Mẹ đặc biệt kêu gọi các con tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giêsu, Con Mẹ. Các con hãy làm việc đền tạ vì những thương tích làm đau đớn Trái Tim Con Mẹ. Thánh Tâm Chúa đã bị xúc phạm vì mọi thứ tội lỗi...”

Ngày 17.5.1984:

“... Mẹ vui mừng vì có nhiều người ước ao tận hiến cho Mẹ... Con của Mẹ sung sướng vì sự tận hiến của các con...”

Ngày 11.8.1984:

“... Các con hãy cầu nguyện bằng trái tim các con, và khi cầu nguyện các con hãy dâng hiến bản thân các con cho Chúa Giêsu...”

Ngày 13.6.1985:

“... Lời cầu nguyện của các con có thể là một hành động tận hiến và kết ước với Chúa. Các con thân yêu, Mẹ biết sự mệt mỏi của các con, nhưng các con không biết tận hiến cho Mẹ. Mẹ xin các con trong những ngày này hãy thực hiện hành động tận hiến cho Mẹ...”

Ngày 20.6.1985:

“... Các con hãy ký thác mọi vui buồn và tất cả những khó khăn của các con cho Mẹ. Mẹ muốn an ủi các con trong mỗi cơn thử thách đến với các con...”

Ngày 14.10.1985:

“... Mẹ, là Mẹ các con, yêu thương các con và Mẹ muốn thúc giục các con cầu nguyện. Các con yêu quý, Mẹ không mệt mỏi và Mẹ kêu gọi các con ngay cả khi các con lìa xa Trái Tim Mẹ. Mẹ đau đớn vì bất cứ ai đi lạc đường. Nhưng Mẹ là Mẹ và Mẹ tha thứ dễ dàng. Mẹ reo mừng vì mỗi người con trở về với Mẹ...”

Mẹ là Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ là Nữ Vương Hòa Bình, Mẹ là Mẹ các con

Ngày 27.6.1981 khi đáp lời Ivanka hỏi: “Bà là Ai?”, Đức Mẹ đáp: “Mẹ là Đức Trinh Nữ Maria”.

Ngày 26.6.1981:

“... Mẹ muốn ở với các con để cải hóa và làm hòa mọi người... Hòa bình, hòa bình, các con hãy làm hòa với nhau... Các con đi trong bình an của Chúa”.

Ngày 1.5.1986:

“... Mẹ kêu gọi các con bắt đầu cải đổi đời sống trong gia đình các con. Hãy làm cho gia đình các con là bông hoa thuận hòa mà Mẹ muốn dâng lên Chúa Giêsu. Mọi gia đình phải tích cực trong lời cầu nguyện. Chính điều Mẹ ước ao là những kết quả của lời cầu nguyện sẽ được nhìn thấy trong gia đình. Chỉ có cách đó Mẹ mới có thể dâng các con như những cánh hoa lên Chúa Giêsu trong việc hoàn thành kế hoạch của Ngài...”

Ngày 31.7.1986:

“... Sự thù hận gây ra chia rẽ và làm cho người ta mù quáng đối với mọi người và mọi thứ. Mẹ mời gọi các con xây dựng đoàn kết và hòa bình. Hỡi các con thân yêu, các con hãy hoạt động bằng tình yêu đặc biệt tại nơi các con sinh sống. Các con hãy lấy tình yêu làm dụng cụ duy nhất của các con. Bằng tình yêu các con hãy biến đổi nên tốt những thứ mà ma quỷ chỉ muốn phá hoại và chiếm lấy cho nó. Chỉ có cách này các con sẽ thuộc về Mẹ hoàn toàn và Mẹ có thể giúp đỡ các con...”

Ngày 25.7.1988:

“... Các con bé nhỏ của Mẹ! Các con đừng sợ, vì Mẹ ở với các con ngay cả khi các con nghĩ rằng không cách nào thoát khỏi và Satan đang làm chủ tình thế. Mẹ đem hòa bình đến cho các con. Mẹ là Mẹ các con, là Nữ Vương Hòa Bình. Mẹ ban cho các con những ơn hoan lạc, để đối với các con, Thiên Chúa sẽ là tất cả mọi sự trong cuộc sống của các con...”

Sứ mệnh tông đồ

Ngày 9.6.1984:

“... các con... hãy cầu xin Chúa Thánh Thần ban ơn trung thành với sự thực. Ôn trung thành với sự thực do Chúa Thánh Thần ban rất cần thiết cho các con để các con chuyên đạt các lời của Mẹ nguyên vẹn mà không thêm bớt chút gì...”

Ngày 31.10.1985:

“... Mẹ muốn kêu gọi các con làm việc cho Giáo Hội. Mẹ thương yêu các con đồng đều. Mẹ muốn các con tận lực làm việc cho Giáo Hội. Các con yêu dấu, Mẹ biết các con có thể, nhưng các con không muốn, vì các con cảm thấy mình không xứng đáng với nhiệm vụ đó. Các con phải can đảm. Giống như những bông hoa nhỏ, các con làm cho Giáo Hội được sung mãn để tất cả chúng ta đều hạnh phúc...”

Ngày 24.4.1986:

“... Các con hãy là gương sáng bằng cuộc sống hàng ngày của các con và là chứng nhân cho Chúa Giêsu...”

Ngày 8.5.1986:

“... Các con có trách nhiệm về những lời Mẹ nhắn nhủ tại đây. Suối nguồn mọi ân

sống ở tại đây và các con phải là hồ chứa đựng những hồng ân đó. Vì thế Mẹ kêu gọi các con chu toàn trách nhiệm của các con với tinh thần cao cả. Từng người có nhiệm vụ mang những thông điệp này theo mức độ người đó nhận được. Mẹ kêu gọi các con, bằng tình yêu, đem những hồng ân này tới cho người khác. Các con đừng giữ những hồng ân này cho riêng mình”.

Ngày 5.6.1986:

“... Mẹ kêu gọi các con tích cực trong việc sống và đem các lời Mẹ nhắn nhủ tới cho mọi người. Mẹ ước ao tất cả mọi người các con trở thành hình ảnh sống động của Chúa Giêsu và là nhân chứng cho thế giới bất trung này. Mẹ ước ao các con trở thành ánh sáng cho mọi người và là nhân chứng cho mọi người chung quanh. Các con yêu quý, các con không được kêu gọi đi theo bóng tối; các con được kêu gọi trở thành ánh sáng. Vì thế, các con hãy là ánh sáng bằng cách các con làm gương sáng qua cuộc sống của các con...”

Xua trừ quỷ dữ

Ngày 12.7.1984:

“... Những ngày này Satan nỗ lực phá hoại kế hoạch của Mẹ. Các con hãy cầu nguyện để kế hoạch của nó không thành công. Mẹ sẽ cầu xin Chúa Giêsu, Con Mẹ, xin Chúa ban cho các con ơn hiểu biết chiến thắng của Chúa đối với những cám dỗ của Satan...”

Ngày 14.1.1985:

“... Satan rất mạnh. Nó tận lực muốn phá hoại các chương trình Mẹ đã thực hiện với các con. Các con cần phải cầu nguyện. Cứ cầu nguyện không ngưng nghỉ. Mẹ sẽ xin với Con Mẹ để các chương trình Mẹ đã khởi sự được hoàn thành. Các con hãy kiên nhẫn và vững vàng trong lời cầu nguyện. Đừng để Satan làm cho các con nản lòng. Nó đang nỗ lực hoạt động trên khắp thế giới. Các con hãy thận trọng...”

Ngày 25.6.1985:

“... Mẹ yêu cầu các con xin mọi người đọc kinh Mân Côi. Với kinh Mân Côi các con sẽ chiến thắng mọi khó khăn mà Satan đang tận lực làm đau đớn cho Giáo Hội Công Giáo. Tất cả các linh mục hãy đọc kinh Mân Côi. Hãy dành thì giờ cho kinh Mân Côi...”

Ngày 8.8.1985:

“... Mẹ kêu gọi các con cầu nguyện cách đặc biệt chống lại Satan. Satan muốn hoạt động mạnh hơn nữa để các con có thể thấy nó hoạt động. Các con yêu quý, các con hãy mặc áo giáp chống lại Satan; với chuỗi Mân Côi trong tay các con sẽ chiến thắng Satan...”

Ngày 30.1.1986:

“... Các con yêu quý, các con đừng cho phép Satan thống trị trái tim các con. Các con đừng để mình là hình ảnh Satan mà hãy là hình ảnh của Mẹ...”

Lưu ý: Cho đến nay 2011 Đức Mẹ vẫn còn tiếp tục hiện ra tại Mễ Du, các thông điệp hàng tháng từ các thị nhân được loan đi toàn thế giới.

ĐỨC MẸ HIỆN RA TẠI HRUSHIV

TẠI HRUSHIV, UKRAINE, NGA SÔ, NĂM 1987

Ngày 27 tháng 4 năm 1987, một năm sau thảm họa lò nguyên tử tại Chernobyl, Liên Xô, Đức Mẹ hiện ra tại thánh đường Chúa Ba Ngôi ở làng Hrushiv, Ukraine, Liên Xô. Hồi đó Ukraine vẫn còn thuộc Liên Bang Xô Viết, và Cộng Sản còn toàn quyền thống trị. Bất chấp những nỗ lực và biện pháp ngăn chặn gay gắt của công an, các đoàn hành hương vẫn từ khắp Liên Bang Xô Viết tuôn đến Hrushiv.

Đức Mẹ hiện ra hàng ngày trong ba tuần liên tiếp, và những đám đông đón Đức Mẹ có ngày lên tới nhiều chục ngàn người. Trái với các lần Đức Mẹ hiện ra tại các nơi khác chỉ có một hoặc một số người được thấy Đức Mẹ, tại Hrushiv, có khi cả một nửa số người hiện diện được nhìn thấy và nghe Đức Mẹ nói. Đức Mẹ thường bay là là trên thánh đường Chúa Ba Ngôi, một kiến trúc bằng gỗ. Thánh đường này đã bị chính quyền Cộng Sản đóng cửa khoảng 40 năm trước.

Mẹ Maria thường bận y phục màu đen, ẵm Chúa Hài Đồng Giêsu. Tại Hrushiv cũng như tại bất cứ nơi nào khác, Đức Mẹ kêu gọi cầu nguyện và thống hối. Đức Mẹ hứa Ukraine sẽ được tự do trong vòng mười năm. Ukraine tuyên bố độc lập năm 1991. Mẹ Maria nói thêm:

“Việc Nước Nga trở lại sẽ xảy ra nhờ những người tử đạo tại Ukraine”.

Nhưng Đức Mẹ cảnh cáo:

“Nếu Nước Nga không nhìn nhận Chúa Giêsu là Vua, toàn thế giới sẽ lâm nguy. Mẹ nhìn thấy lửa cháy, các làng mạc bốc cháy. Lửa cháy trên mặt nước. Lửa cháy trên không trung. Mọi sự đều cháy, nếu người ta không trở lại với Chúa Cứu Thế, sẽ có chiến tranh, sẽ có hủy diệt khủng khiếp”.

CHÚA GIÊSU VÀ MẸ MARIA HIỆN RA TẠI SCOTTSDALE

TẠI SCOTTSDALE, ARIZONA, HOA KỲ, NĂM 1987

Chúa Giêsu và Mẹ Maria bắt đầu hiện ra tại Scottsdale, Arizona, từ năm 1987, thoát tiên với Gianna Talone, về sau dần dần tới chín người thuộc giáo xứ thánh Maria Goretti được thị kiến Chúa và Mẹ. Chúa và Mẹ Maria hiện ra có khi tại nhà riêng, có khi tại thánh đường, có khi tại buổi cầu nguyện của nhóm cầu nguyện, có khi với một người, có khi với cả nhóm.

Bắt đầu từ tháng 9 năm 1987, Gianna Talone, có chồng, tưởng rằng chị mơ thấy Đức Mẹ đứng âm thầm cầu nguyện bên giường của chị. Về sau sự kiện xảy ra thêm hai lần liên tiếp nữa, chị tin là Đức Mẹ hiện ra với chị. Tháng 6 năm 1988, Gianna đến Medjugorje và Đức Mẹ hiện ra nói với chị lần đầu tiên tại đây. Chị không tin chị được thị kiến Đức Mẹ, nên chị tìm gặp Vicka (một trong sáu người được thị kiến Mẹ tại Medjugorje), Vicka cho chị biết Đức Mẹ sẽ hiện ra với chị nhiều lần tại Scottsdale. Từ khi chị trở lại Scottsdale, Chúa Giêsu và Mẹ Maria hiện ra nói với chị nhiều lần. Đức Mẹ hiện ra với Gianna lần thứ nhất tại nhà chị ngày 19 tháng 12 năm 1989. Từ đó về sau, Đức Mẹ hiện ra với chị Gianna hàng ngày, trừ ngày thứ Sáu hàng tuần vì Đức Mẹ yêu cầu chị hy sinh không thấy Mẹ trong ngày này. Gianna cũng được yêu cầu hy sinh và đã chịu đựng nhiều hy sinh đau khổ vật chất và tinh thần, gia đình đổ vỡ, mất việc làm, v.v...

Ngày 31 tháng 3, 1989, Annie Ross Fitch thấy Đức Mẹ lần đầu tiên đang lúc dâng hiến tượng Đức Mẹ tại nhà thờ thánh Maria Goretti. Hôm đó, Annie nghe tiếng nói:

- Con của Mẹ, con phải quyết định. Con phải quyết định dâng cuộc đời con cho Mẹ, hoặc không. Nhưng con phải quyết định ngay lúc này. Không còn thì giờ nữa.

Annie nói:

“Tôi tiến tới tượng Đức Mẹ như mọi người khác, đặt bó hoa trong tay tôi nơi chân Đức Mẹ. Tôi hôn chân Đức Mẹ và dâng cho Mẹ trái tim tôi... Tôi nói với Mẹ rằng tôi quyết định dâng cho Mẹ tất cả mọi sự của tôi. Tôi thốt thức bước đi”.

Khi Annie về nhà đêm đó, tiếng nói lại tiếp:

- Con của Mẹ, Mẹ muốn con viết.

Sau nhiều lần cố gắng, Annie ghi lại thông điệp Đức Mẹ đọc rõ ràng. Từ đó về sau Annie tiếp tục được đối thoại với Mẹ Maria. Chúa Giêsu cũng hay nói với chị. Khi nói với Annie, Chúa và Mẹ Maria yêu thương nhưng cương quyết giúp chị sửa đổi cuộc sống.

Annie được trao cho nhiệm vụ chính là cầu nguyện xin chấm dứt nạn phá thai và cầu nguyện cho các linh mục và tu sĩ. Chị cũng được cho thấy những cảnh cáo và hình phạt đang chờ đợi thế giới. Ngày 18 tháng 10 năm 1990, Annie được cho biết đây là lần cuối cùng chị được thị kiến thường xuyên. Đức Mẹ sẽ hiện ra với chị vào sinh nhật của chị và những lúc khó khăn.

Người thứ ba được thị kiến tại Scottsdale là Steve Nelson. Anh vốn không phải là một tín hữu Công Giáo nhiệt thành. Anh đã xa nhà một thời gian và trở về. Anh bắt đầu cầu nguyện và tham dự Thánh Lễ hàng ngày. Chúa Giêsu và Mẹ Maria nói với anh trong lòng. Thoạt tiên anh sợ, vì sợ rằng anh sẽ phải đi tu làm linh mục, giữa lúc anh đang hướng về lập gia đình.

Điều mà Steve cho là có ý nghĩa nhất là sống như anh hiện là:

“Chúa và Đức Mẹ không thể muốn tôi trở thành thứ gì không phải là tôi. Chúa và Mẹ gọi tôi đúng y như Steve Nelson là gì, vì Chúa và Mẹ yêu tôi là tôi”.

Điều duy nhất Đức Mẹ đã cho tôi thấy là:

“Steve, Mẹ muốn con là con, và cho người khác thấy dù con gặp những khó khăn, ngay cả những thăng trầm, nếu con trồng cây và ký thác, con có thể đem niềm vui và an bình tới cho mọi người”.

Susan Evans, lúc đó 29 tuổi, đã trải qua nhiều thất bại. Chị đã được ơn gọi trong lòng từ lâu trước khi Chúa và Đức Mẹ hiện ra tại Scottsdale. Khi chị đang dự một tiệc cưới trong gia đình, chị giựt mình khi nghe tiếng nói:

- Con có vui lòng hy sinh gia đình cho Cha không?

Chị đáp:

- Lạy Chúa, có, vì con yêu Chúa hơn.

Sau đó chị được Chúa hỏi chị có vui lòng chịu đau khổ vì Chúa không, và cho chị thấy cảnh người ta hững hờ đối với Chúa. Thời gian này, chị chưa yêu mến Mẹ Maria nhiều. Chị bắt đầu cầu xin với Mẹ, xin Mẹ đưa chị trở về với Chúa, với Giáo Hội.

Trong vòng năm hoặc sáu tuần lễ, chị được đưa trở lại với Giáo Hội. Chị bắt đầu tham dự Thánh Lễ hàng ngày, và ở lại khoảng 2 tiếng đồng hồ mỗi ngày để cầu nguyện... Chị được Phép Thánh Thể lời cuốn mãnh liệt. Chị khóc khi rước Thánh Thể, vì đó chính là đặc ân, vì Chúa đã đem chị ra khỏi cuộc sống tội lỗi đến cuộc sống tốt lành hơn.

Chúa Giêsu và Mẹ Maria hiện ra nói với chị Susan, nhưng không nhiều. Những đối thoại trong lòng nhiều hơn. Tháng 11 năm 1987, Đức Mẹ bảo Susan rằng Mẹ muốn một nhóm cầu nguyện gồm những người trẻ tại Scottsdale. Nhóm này đã được thành lập và thi hành lời Mẹ từ ngày đó.

Susan đã được yêu cầu chịu đau khổ vì Chúa, và chị đã trải qua những đau đớn thể chất và tinh thần. Chúa Giêsu bảo chị rằng chị sắp phải chiến đấu. Chị đáp:

- Lạy Chúa, vâng, con sẽ tận lực chiến đấu.

Những chiến đấu đó không làm chị sợ hãi, nhưng chị đau đớn sợ hãi kinh khủng vì những người không tin, hoặc những người tin nhưng không trở lại với Thiên Chúa. Chị nói:

“Tôi đã tận lực chiến đấu trong hai tháng rưỡi. Sau cùng tôi phát điên với Chúa... Tôi trao hết cho Chúa. Tôi không thể giấu Chúa điều gì. Chúa đã đổ đầy lòng tôi sự an bình. Đúng là ma quỷ không thể làm gì được một khi người ta hoàn toàn thành thực ký thác cho Chúa”.

Đức Mẹ dạy Susan về đức bác ái:

- Bác ái là từ bỏ mình. Bác ái là cho đi những đặc ân con được: yêu thương, đức tin, hy vọng, vui vẻ. Bác ái là tặng những đặc ân này cho người khác. Bác ái cũng là hoàn toàn tận hiến con cho Chúa.

Năm người nữa được thị kiến tại Scottsdale là Jimmy Kupanoff và James Pauley, Mary Cook, Stefanie Sataab, Wendy Nelson (em của Steve Nelson).

Ngoài nhóm chín giáo dân, cha Jack Spaulding (cha sở nhà thờ thánh Maria Goretti)

và nữ tu Lucy cũng được Chúa và Mẹ dùng làm thông tín viên tại Scottsdale.

Trích lược một vài thông điệp quan trọng Chúa Giêsu và Mẹ Maria gửi thế giới qua các người được thị kiến tại Scottsdale.

Ngày 18 tháng 5, 1989, Chúa Giêsu bảo chị Stefanie ghi lại:

“Các con khắp thế giới, các con hãy nghe theo lời Cha kêu gọi. Thời giờ Cha đến sẽ sớm hơn các con muốn tin. Chính là Cha, Chúa Giêsu Kitô, Đấng là Sứ Giả của Lòng Thương Xót cho thế giới, nhưng các con không nghe theo lời Cha. Các con yêu dấu, hãy đọc Sách Thánh và mở rộng trái tim các con! Cha đang dùng người tôi tớ này để kêu gọi các con ăn năn thống hối. Các con hãy nhớ rằng Vị Tầy Giả đã đến thế gian trước Cha để kêu gọi dân của Cha. Lúc này Cha gọi đến với các con những người được Mẹ của Cha tuyển chọn để kêu gọi các con. Các con bảo, ‘Những người đó là những người sùng đạo quá khích; những người đó điên; những người đó bị ma quỷ lừa dối hướng dẫn’. Cha nói cho các con biết, các con hãy nhìn vào cuộc sống của những người đó, cuộc sống của những người được kêu gọi truyền bá lời Phúc Âm mới của Cha. Những người đó bất toàn; những người đó cũng mắc tội, nhưng những người đó từ bỏ bản thân họ để phục vụ Cha và phục vụ Mẹ của Cha theo lời Cha yêu cầu”.

“Đã đến lúc các lời tiên tri bắt đầu xảy ra trọn vẹn. Hãy lắng nghe những người con đó vì họ ước muốn các con được cứu độ. Các con đừng ghen tức hoặc thành kiến. Các con hãy ý thức rằng tất cả mọi người đều được gọi trở nên con cái. Chẳng bao lâu nữa các con sẽ được kêu gọi đáp lại sự kiêu căng của thế giới này – sự kiêu ngạo xúc phạm Thiên Chúa Cha, lạm dụng các đặc ân của Người, và lạm dụng các tạo vật của Người. Các con hãy lắng nghe lời Cha; hãy lắng nghe lời Cha”.

Ngày 2 tháng 6, 1989, Stefanie nhận được thông điệp về những người không kính yêu Mẹ Maria và về người Do Thái:

“Cha là Chúa, là Thiên Chúa của các con, lo lắng từng cảm xúc, từng ước nguyện của các con. Không một người nào đến với Cha mà phải thiếu tình thương hoặc sự hướng dẫn. Thiên Chúa Cha của Cha, yêu mến Cha, muốn tôn vinh Cha, vì thế Người ký thác các linh hồn cho Cha. Các linh hồn là chiên của Cha. Cũng do tình yêu của Cha đối với Đức Trinh Mẫu của Cha, Cha ký thác các linh hồn làm con của Người, làm tôi tớ của Người. Khốn thay những người nói họ thuộc về Cha mà phê phán Mẹ của

Cha!”

“Các con nghĩ rằng thánh giá của Cha làm bằng gỗ! Thánh giá của Cha làm bằng sự thống khổ, thống khổ vì tội lỗi các con, đau khổ vì sự khước từ của các con, thống khổ vì những đau thương các con gây ra cho chính các con và cho các chiên khác của Cha”.

“Có phải các con quá khờ khạo và quá tự cao tự đại đến độ nghĩ rằng chỉ có một đường lối nên thánh không? Cha, là Chúa, Thiên Chúa của các con, bảo cho các con biết rằng không phải vậy. Tại sao Cha đến để cứu dân Do Thái? Cha đến vì họ không yêu mến Thiên Chúa Cha của Cha. Có ơn cứu độ cho những người yêu mến Cha của Cha mà không biết Cha. Cho dù Cha là Con Người, Cha có ngăn cản những người không nhận biết Cha vào Thiên Đàng không? Nếu Con Người (= Cha) không làm như thế, thì sao các con lại tin rằng các con có thể làm điều đó? ‘Khốn thay’, Cha nói với những người kết tội dân Do Thái. Những người đó (= dân Do Thái) được Thiên Chúa Cha của Cha chọn. Cha là Ánh Sáng vì Cha ở với Thiên Chúa Cha; những ai yêu mến và vâng lời Thiên Chúa Cha thì thuộc về Cha như họ thuộc về Thiên Chúa Cha. Chúng Ta (= Thiên Chúa Cha và Cha) là Một”.

“Các con chiên Kitô hữu của Cha, các con đừng kiêu căng lừa dối mình. Cha bảo, ‘Tất cả mọi người tôn thờ Thiên Chúa Cha đều được vào thiên đàng’, như Thiên Chúa Cha phán, ‘Tất cả những ai tôn thờ Con của Cha đều được vào thiên đàng’”.

Ngày 3 tháng 6 năm 1989, chị Stefanie nhận được thông điệp của Chúa Giêsu kêu gọi ăn năn thống hối và nói về vấn đề phá thai:

“Các con của Cha ở Hoa Kỳ và khắp thế giới, các con hãy nghe Cha là Chúa của các con, khi Cha kêu gọi các con ăn năn thống hối. Các con yêu dấu, Cha đau lòng khôn tả khi Cha phải đưa ra lời kêu gọi này. Các con quá xa Cha. Các con phải nhìn nhận tội lỗi của các con trước khi mở trái tim và ý chí của các con cho việc ăn năn thống hối và cải đổi”.

“Phá thai. Cha muốn nói về phá thai. Sao mà các con dám tự dành vào tay các con quyền quyết định về sự sống. Thiên Chúa Cha dành quyền này cho riêng Ngài mà thôi. Vì kiêu căng, các con đã tự mình quyết định về đời sống của quá nhiều con cái mà Thiên Chúa Cha ban cho các con. Sao các con dám nói với Đấng Tạo Hóa tạo dựng khi nào và cách nào! Các con không phải chỉ kiêu căng đối với nhau mà còn kiêu căng đối với Thiên Chúa, Cha Toàn Năng của chúng ta! Hãy lắng nghe lời Cha

bảo các con, các con đừng bàn thảo những giá trị của đời sống thể chất; hãy bàn thảo những giá trị của đời sống tinh thần, đời sống của linh hồn, chứ không phải của thân xác. Chính vì tội của các con mà những linh hồn này bị khước từ quyền thánh hiến qua cuộc sống đời này. Do lòng thương xót của Thiên Chúa Cha, các linh hồn đó được đưa tới bên cạnh và nơi chân Mẹ của Cha để các linh hồn đó nhận được tình yêu, mà vì ích kỷ, các con đã khước từ”.

“Có phải các con nghĩ rằng một thân xác mà không hoạt động bình thường thì không còn là nơi Chúa Thánh Thần ngự, Đấng thánh hiến linh hồn suốt cuộc sống? Các con lầm, không phải thế. Thân xác là đặc ân của Thiên Chúa để ban tính bén nhạy cho linh hồn. Nếu Thiên Chúa tạo dựng linh hồn để ca tụng Ngài bề trong và cần khả năng thể lý hoặc tâm thần, thì nhân loại là ai mà dám quyết định “không” về sinh mạng trẻ thơ?”

“Đây là tội mà Thánh Tâm Cha đòi phải ăn năn thống hối và Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Rất Thánh Mẹ của Cha đau buồn vì tội này. Các con hãy trở lại với Cha và từ bỏ điều ác độc này, Cha sẽ ban cho các con sức mạnh để có thể yêu thương con cái như Thiên Chúa Cha là Cha yêu thương các con vô điều kiện. Hỡi con cái của Tân Ước, hãy nghe lời Cha”.

Ngày 6 tháng 6 năm 1989, Chúa Giêsu bảo Stefanie ghi lại thông điệp kêu gọi chúng ta trở lại với Chúa Giêsu, với Thiên Chúa Cha, và nói về Đức Hiền Mẫu của Chúa:

“Hỡi con cái khắp thế giới, hãy nghe lời Cha kêu gọi. Các con tự ru ngủ mình bằng sự tự mãn và bởi những hy vọng giả trá về quá nhiều phương diện. Đây là lý do các con bị quá quyền rũ bởi tội lỗi, bởi những phương cách tội lỗi, bởi tư tưởng tội lỗi”.

“Cha nói cho các con biết cầu nguyện là giải đáp. Quá nhiều người các con cầu nguyện hy vọng Thiên Chúa Cha sẽ ‘nhưng không’ đáp lời cầu nguyện của các con. Các con hãy nhìn vào bề trong các con. Bề trong là linh hồn các con, và Thiên Chúa Cha nói với chính linh hồn các con. Linh hồn các con quá yếu đuối vì chênh mảng. Các con không tập luyện linh hồn như tập luyện thân xác các con, mà thân xác con thì quá chóng tàn. Các con có suy nghĩ điều này không?”

“Cha trông chờ các con của Cha trở về với Cha và với Thiên Chúa Cha. Các con hãy trở lại với Cha ngay bây giờ trước khi quá trễ. Các con có nghĩ rằng Mẹ của Cha được phép hiện ra và hiện diện tại nhiều nơi mà không có lý do đặc biệt không? Mẹ của Cha là biểu tượng, là Evà mới, và Mẹ của Cha là Nữ Hoàng đối với nhân loại và Trái

Đất. Các con hãy theo Mẹ của Cha. Nếu các con là những người Tin Lành, các con hãy noi gương Mẹ của Cha về lòng đơn sơ và trinh khiết. Chỉ bằng gương sáng, Mẹ của Cha sẽ dẫn các con trở về. Đối với những người Cha đã ban ơn biết rõ Mẹ của Cha, hãy đi theo Người. Mẹ của Cha yêu thương tất cả mọi người các con, mọi sắc tộc, mọi tôn giáo, mọi nguồn gốc. Các con có muốn biết cách từ bỏ tội lỗi và ăn năn thống hối không? Cha bảo các con rằng hãy theo Mẹ của Cha. Mẹ của Cha sẽ dẫn các con đến với Cha bằng sự kết hợp thần linh bất diệt của chúng ta. Amen, hỡi các con của Cha, amen; hãy tập luyện linh hồn các con để cho tình yêu của Mẹ của Cha đối với các con hướng dẫn và nâng đỡ các con”.

Ngày 7 và 12 tháng 6, 1989, Chúa Giêsu nói qua Stefanie về tình trạng ly dị và giới răn thứ sáu.

Ngày 19 tháng 6, 1989, Chúa nói về những người giàu có và có quyền hành trên thế giới.

Ngày 26 tháng 6, 1989, Chúa kêu gọi người ta khiêm tốn trở về với Chúa:

“Hỡi con cái thế giới, hãy nghe lời Cha! Chính Chúa, Thiên Chúa, Chúa Giêsu Kitô, đến với các con và hết lòng khiêm nhường xin tình yêu của các con, xin các con đáp ứng sự hy sinh của tình yêu của Cha đối với các con. Lòng khiêm tốn. Xã hội ngày nay thiếu lòng khiêm nhường. Cha đã đến thế giới của các con khi dân được tuyển chọn của Thiên Chúa Cha không còn lòng khiêm tốn đối với Ngài. Bây giờ các con không còn khiêm tốn đối với Cha. Hỡi các con yêu dấu, các chiên của Cha, hãy theo Cha trên đường khiêm tốn và hy sinh. Các con phải mở rộng trái tim các con theo cách này. Các con hãy nói với Cha, ‘Chúa ơi, con mệt mỏi vì kiêu căng, ích kỷ, tham lam, và ngạo mạn. Chúa ơi, con ước ao đường lối của Chúa!’ Các con yêu dấu, hãy nói lời này với Cha, Cha sẽ làm cho mọi sự trở nên dễ dàng cho các con. Cha không đòi các con cải đổi trái tim và thay đổi cuộc sống rồi mới đến với Cha. Trái lại, Cha bảo các con, ‘Các con thế nào thì hãy đến với Cha như vậy’. Nếu các con ly dị, hãy đến với Cha; nếu các con đã khước từ con cái được Thiên Chúa Cha gọi đến cho, hãy đến với Cha; nếu tham lam dâm dật làm ô uế trí óc và trái tim các con, hãy đến với Cha! Cha là nguồn nước rửa sạch, là máu thanh tẩy ban ơn cứu độ. Cha là nguồn ánh sáng cho các linh hồn tối tăm. Cha nói cho các con biết về tội lỗi các con không phải để các con cứ gục đầu tội nhục mà không bao giờ đến với sự thanh luyện của Cha. Không phải vậy, hỡi các con của Cha, hỡi các chiên của Cha, Cha kêu gọi các con đến với Cha để đầu các con gục xuống vì tội nhục có thể được Cha nâng thẳng lên, ngõ

hầu ánh sáng của Cha có thể chiếu sáng trên các con, trên mặt các con, xuyên thấu trái tim và linh hồn các con. Nhìn nhận tội lỗi các con, đúng; nhưng cũng quan trọng nhất là nhận biết Cha. Vì Cha là hy vọng của các con”.

“Cha chúc bình an cho các con, những người con của Cha đã nghe lời Cha kêu gọi và trở lại với Cha. Cha sẽ bên đỡ các con trong ngày chung thẩm. Amen”.

Ngày 9 tháng 7 năm 1989, Chúa nói về Mẹ Maria và Thánh Giuse:

“Quá nhiều người không biết tính cách tinh tuyền của sự trinh khiết của Mẹ của Cha. Ngay cả đến các tông đồ của Cha cũng không biết sự cao quý tột độ hiếm có và đích thực này, duy nhất và cao quý tột độ, được tạo dựng duy nhất trong cả vũ trụ vạn vật. Các con hỏi tại sao điều này không ghi trong các sách phúc âm của Cha? Các con bắt đầu hiểu. Cha đến thế gian không phải là kết thúc công việc của Cha; đó không phải là toàn thể sứ mệnh của Cha. Đó mới chỉ là khởi đầu. Mẹ của Cha kết hiệp với Cha theo cách Cha và Mẹ của Cha là Những-Người-Đồng-Công-Cứu-Chuộc, nếu muốn, các con có thể nói là những người cộng tác, trong một sứ mệnh duy nhất. Tại sao Thiên Chúa chọn Bà Mẹ và Người Con Trai? Vì tính cách tinh tuyền của mỗi liên hệ theo những quan hệ của loài người làm cho mỗi liên hệ đó vượt quá sự ngờ vực mà Satan tưởng tượng. Nếu Mẹ Cha và Cha là vợ chồng, thì tính cách tinh tuyền, sự trinh khiết của Thiên Chúa nơi Mẹ của Cha và nơi Cha, hẳn đã đáng khả nghi. Các con muốn biết tại sao ma quỷ cố gieo rắc sự nghi ngờ lên mỗi liên hệ trong trắng và thánh thiện của Cha với thánh Maria Magdalena – sự đẹp đẽ của người tội lỗi thống hối đó trước mặt Thiên Chúa với lòng yêu thương và sự tha thứ của Ngài: bởi vì Satan muốn bôi nhọ hình ảnh hy vọng này. Sự nghi ngờ cũng xảy đến đối với sự liên hệ giữa dưỡng phụ yêu dấu Giuse của Cha và Hiền Mẫu yêu dấu, đáng thánh của Cha. Làm sao mỗi liên hệ hoàn toàn được Thiên Chúa, Thiên Chúa Cha Toàn Năng, cứu mang, bị nghi vấn đến như thế. Mẹ của Cha và dưỡng phụ của Cha đã trở nên những đáng thánh thiện, chứ không phải Cha; Cha là Thiên Chúa, Thiên Chúa mặc thân xác loài người, với sự toàn hảo của thiên tính của Thiên Chúa chảy trong huyết mạch của Cha. Cha yêu thương tôn kính đối với hai đáng thân yêu này, các ngài làm sáng tỏ và tôn vinh Thiên Chúa Cha hằng hữu của Cha. Cha long trọng nói cho các con, những người con yêu dấu của Cha, biết và Cha muốn thế giới biết rằng Cha, Vua các Vua, Ngôi Hai Thiên Chúa, chấp nhận những ai tôn kính thánh dưỡng phụ Giuse, một người công chính đích thực, và tôn kính Hiền Mẫu Maria, Bông Huệ Tinh Tuyền của Thiên Chúa, và đáng hộ vệ Người”.

“Thế giới phải biết rằng vinh quang của Thiên Chúa ở nơi hai đáng thánh này và họ phải bắt chước thánh đức của các ngài: sự thánh thiện, vâng phục, thanh khiết, yêu

thương - tình yêu trong tính cách tinh tuyền của Thiên Đàng. Đã đến lúc Chúa Con được Thiên Chúa Cha tôn vinh; và lúc này cùng với Thiên Chúa Cha, Cha tôn vinh các thánh nhân, các vị đó là Giuse, vị thánh của toàn thể nam nhân, và Đức Maria, sự tinh tuyền và tinh chất của toàn thể phụ nữ. Tất cả những ai theo chân hai đấng thánh này trong con đường thánh thiện thì cũng theo Cha đến với Thiên Chúa Cha, trở nên của Người, trong tinh thần, lý trí, thân xác và linh hồn”.

Ngày 22 tháng 6, 1989, Chúa nói:

“Các môn đệ yêu dấu của Cha, các con đừng theo đường lối của thế gian. Các con chỉ nghe theo lời kêu gọi thần linh của Cha thôi. Cha kêu gọi các con đến với ân sủng, đến với hy vọng, bác ái, yêu thương, vui vẻ, khôn ngoan, xót thương, can đảm, và mọi thánh đức của Thần Linh Thiên Chúa Cha. Cha, là Chúa của các con, yêu thương và mời gọi các con trở lại với Cha, con đường của Cha, sự bình an của Cha, và mục đích của Cha. Hãy tôn vinh Thiên Chúa Cha, hãy tôn kính Mẹ của Cha, và Thiên Đàng sẽ là của các con. Các con hãy nghe theo lời Cha kêu gọi; đó là lời kêu gọi của tình yêu và lòng thương xót của Cha. Phúc cho các con những người đã đáp ứng. Các con hãy đến với những người chưa đáp ứng lời Cha; Cha chúc lành cho các con”.

Gianna được Chúa Giêsu dạy nhiều điều và nhiều thông điệp tiên tri về những việc kinh hoàng. Gianna và Mary Cook cũng được Mẹ Maria ban cho nhiều thông điệp mà chúng tôi chỉ sơ lược một vài.

Ngày 17 tháng 1, 1992, Đức Mẹ ban thông điệp cho nhóm cầu nguyện qua chị Mary Cook:

“Các con yêu dấu của Mẹ, chính Mẹ là Mẹ các con. Tối nay Mẹ đến đây vì Con của Mẹ cho phép Mẹ đến với các con, và vì Mẹ quá yêu thương các con! Mẹ cảm ơn các con đã hết sức tận hiến yêu mến Con của Mẹ. Các con yêu dấu của Mẹ, tối nay Mẹ yêu cầu các con kết ước cầu nguyện. Việc các con quyết tâm cầu nguyện xin Con của Mẹ là yếu tố quyết định đối với chương trình của Mẹ. Các con hãy xin Mẹ cầu bầu (can thiệp xin Chúa cho) và Mẹ sẽ giúp các con. Các con bé nhỏ của Mẹ, Mẹ luôn đưa tay ra để giúp các con. Các con hãy nắm lấy tay Mẹ. Mẹ sẽ dẫn các con đến với Con của Mẹ. Các con hãy cầu nguyện bằng trái tim, các con sẽ tìm được giải đáp về thánh ý Con của Mẹ cho các con. Các con hãy chân thành cầu nguyện xin Chúa. Không phải giấu diếm điều gì. Chúa biết mọi sự”.

Ngày 23 tháng 1, 1992, Đức Mẹ ban thông điệp qua chị Gianna cho nhóm cầu

nguyện:

“Các con yêu dấu, Mẹ đến xin các con cầu nguyện và yêu mến. Mẹ đến vì Con của Mẹ là tình yêu, và Chúa yêu thương các con. Các con bé nhỏ yêu dấu của Mẹ, trước tiên hãy bắt đầu yêu thương gia đình các con. Hãy yêu thương nhau”.

“Các con hãy nhớ Satan đang tận lực gây chia rẽ và phá vỡ sự liên kết không phải chỉ nơi gia đình mà cả thế giới. Các con hãy cùng nhau yêu thương hợp thành một nhóm mạnh mẽ, và các con sẽ có sự che chở chống lại các cám dỗ của nó”.

“Mẹ yêu thương các con bé nhỏ của Mẹ và Mẹ chúc lành cho các con nhân danh Con của Mẹ. Mẹ cảm ơn các con hưởng ứng lời Mẹ”.

Ngày 21 tháng 5, 1992:

“Các con bé nhỏ yêu dấu của Mẹ, các con cầu nguyện làm cho Mẹ vui. Hãy cầu nguyện! Hãy cầu nguyện! Hãy cầu nguyện! Mẹ dâng lời cầu nguyện của các con lên Chúa Giêsu để Chúa hiến dâng các con lên Thiên Chúa Cha. Các con yêu dấu của Mẹ, cầu nguyện là khí cụ mạnh sức ngăn cản sự bất đồng chia rẽ và sự hỗn loạn do ma quỷ tạo ra. Các con của Mẹ, các con hãy đoàn kết. Đừng nhìn lại quá khứ, nhưng hãy đoàn kết ngay lúc này và cùng tiến bước từ điểm này. Đừng cố gắng chế ngự hoặc cố chấp. Những thứ này chỉ đưa đến tự hủy diệt, chứ không phải tự do tinh thần. Các con bé nhỏ, Mẹ yêu thương các con, và chúc lành cho các con nhân danh Con của Mẹ. Mẹ cảm ơn các con nghe theo lời Mẹ”.

Ngày 4 tháng 6, 1992:

“Các con yêu dấu của Mẹ, Chúa Giêsu yêu thương các con. Chúa là Con yêu dấu của Mẹ, Chúa Giêsu yêu dấu của Mẹ. Ở giữa thế giới của các con có những phấn đấu và khó khăn, nhưng tất cả đều có thể bị khắc phục vì Chúa Giêsu đã chiến thắng thế gian... Mọi thứ tình yêu là của Chúa, và tất cả đều phải được qui về Chúa để sống kết hợp với Chúa trong sự bình an của Chúa. Các con bé nhỏ, Mẹ chúc lành cho các con, và Mẹ khuyến khích các con ngay lúc này tận hiến cho Chúa Giêsu trong quyết tâm yêu thương. Các con không sợ gì khi các con hoàn toàn tận hiến cho Chúa như Chúa đã hiến mình cho các con... Cảm ơn các con đáp ứng. Sự bình an có thể tồn tại nếu các con khởi sự sống thuận hòa và vị tha. Chúc lành cho các con nhân danh Đấng phái Mẹ tới”.

Ngày 2 tháng 7 năm 1992, Chúa Giêsu ban thông điệp qua cha Jack Spaulding:

“Các con yêu dấu của Cha, khi các con tới đây cầu nguyện tối nay, nhiều người xin được chữa lành bệnh. Các con yêu dấu, Cha nói cho các con biết Cha muốn chữa lành tất cả các con, nhưng các con ít khi xin được chữa lành bệnh trầm trọng nguy cấp nhất. Các con yêu dấu, bệnh tật cần được chữa lành đó là tội lỗi các con. Tội lỗi hủy diệt các con; tội lỗi làm cho các con tê liệt; tội lỗi làm ung thư linh hồn các con. Các con yêu dấu, Cha mời gọi các con ngay lúc này trao cho Cha tất cả mọi tội lỗi của các con để Cha có thể chữa lành các con thực sự. Cha yêu thương các con. Cha đã chết vì các con. Thiên Chúa Cha đã cho Cha sống lại vì các con. Các con yêu dấu, đừng để tội lỗi làm cho các con nản lòng. Hãy dâng các tội lỗi của các con cho Cha. Cha sẽ chữa lành các con. Cha yêu thương và ban cho các con sự bình an, ơn tha thứ và lòng thương xót của Cha”.

Ngày 27 tháng 8, 1992, Đức Mẹ ban thông điệp qua chị Gianna:

“Các con yêu dấu, Mẹ nài nỉ các con hết sức lưu tâm khi Con của Mẹ cho phép Mẹ ở đây. Các con bé nhỏ, các con hãy gạt qua một bên những sai lầm và sợ hãi. Có quá nhiều tiêu cực làm cho sự hủy diệt nhân loại mau tới. Mẹ kêu mời các con xích lại gần nhau trong cầu nguyện. Hãy canh tân việc cầu nguyện trong gia đình các con và tận hiến thì giờ sống với Chúa Giêsu. Điều này khẩn thiết.

Những xung đột lớn lao đang dần dần lộ diện. Chia rẽ trong các gia đình dẫn tới chia rẽ trong Giáo Hội. Giao hòa là điều khẩn cấp.

Mẹ đã kêu gọi cầu nguyện, cải đổi, thống hối, các con đã bắt đầu tiến tới liên kết với Thiên Chúa; nhưng các con lại trở về đường cũ.

Mẹ kêu gọi vâng phục Đức Thánh Cha của Mẹ, nhưng kết quả lại là chia rẽ.

Nhu cầu khẩn thiết lúc này là phải cầu nguyện, giao hòa, tương thuận, yêu thương và cải đổi! Hãy từ bỏ những gì cản trở các con thăng tiến tinh thần. Hãy đọc Sách Thánh, và lắng nghe Chúa Thánh Linh nói thông điệp của Con của Mẹ”.

“Ngay từ lúc này, các con hãy bắt đầu củng cố liên kết với Thiên Chúa bằng việc yêu thương chính mình và khôi phục lòng tự trọng. Các con hãy thôi trốn chạy mình. Các con không thể yêu thương đồng loại nếu các con không yêu chính các con. Các con đang đi theo đường lối sức mạnh chứ không phải đường lối yêu thương. Tội nặng nhất là tội hủy diệt tình yêu. Điều này khẩn thiết. Sự ác độc này đem lại hậu quả là ghen tương, thù ghét, giết chóc và chia rẽ. Chiến tranh, những xung đột sức mạnh và chiến tranh kinh tế nổi lên vì thiếu yêu thương. Con của Mẹ mỏi mệt, mỏi mệt lắm rồi. Đức tin vào Thiên Chúa bị bỏ quên. Đến lúc mà mọi người nam nữ trên trái đất này sẽ

nhận biết Thiên Chúa hiện hữu. Mọi người sẽ nhìn vào tình trạng linh hồn mình. Những phút giây ngắn ngủi đó tương như đời đời. Vàng bạc mà các con yêu mến sắp trở nên bụi hào nhoáng và bị quét sạch”.

“Lúc này các con phải sống trong sự trọn lành của đức tin. Kẻ ác độ tin rằng chúng vô hình, nhưng không phải thế. Các con đừng sợ. Thiên Chúa hứa ban sự chiến thắng trên các quyền lực của ma quỷ và thế giới cho những ai trung tín với Ngài. Các con bé nhỏ của Mẹ, các con phải biết rằng chỉ một mình Thiên Chúa có thể làm cho các con nên thánh. Các con có thể nhận được dấu ấn của Thiên Chúa trên linh hồn các con bằng việc ký thác ý chí của các con cho Chúa. Tình yêu của Thiên Chúa sẽ trút đầy các con và thay thế mọi thứ, nếu các con chấp nhận tình yêu đó. Mẹ chúc lành cho các con bé nhỏ của Mẹ, và Mẹ cảm ơn các con hưởng ứng lời kêu gọi khẩn cấp của Mẹ”.

ĐỨC MẸ AKITA

TẠI AKITA, NHẬT BẢN, NĂM 1973

Tóm Lược Cuộc Đời Nữ Tu Agnes Katsuko Sasagawa

Sơ Agnes Katsuko Sasagawa vì sanh thiếu thán nên cơ thể rất yếu đuối, nhưng nhờ sự thương yêu đùm bọc của gia đình mà nhân cách của sơ đã phát triển trong những điều kiện tốt nhất. Năm 19 tuổi, do sự nhầm lẫn trong một cuộc giải phẫu ruột dư, trung tâm thần kinh của sơ bị tê liệt. Chị bị tê bại trong 16 năm liền, trải qua hết giải phẫu này đến giải phẫu khác tại bệnh viện này đến bệnh viện kia. Trong thời gian nằm ở nhà thương Myoko, sơ làm quen với một người y tá Công Giáo rất ngoan đạo. Nhờ sự ân cần chăm sóc của người y tá này, bệnh tình của sơ thuyên giảm; và cũng chính tại đây sơ đã chấp chững tiến vào đức tin Công Giáo.

Giờ đây tâm hồn sơ đã được tình yêu của Thiên Chúa thức tỉnh, không bao lâu sau sơ ước ao được dâng mình phụng sự Thiên Chúa và tha nhân. Chị ước muốn được sống trong một tu viện, nhưng gia đình thì lo ngại cho sức khỏe của sơ. Sau khi thuyết phục được gia đình, sơ được nhận vào dòng nữ Junshin ở Nagasaki. Nhưng bốn tháng sau bệnh tình tái phát, sơ phải trở vào nhà thương Myoko. Lần này sơ bị hôn mê trong 10 ngày liên tiếp, bệnh tình trở nên rất nghiêm trọng. Được uống nước suối Đức Mẹ Lộ Đức do các sơ em trong nhà dòng gửi tới, nước suối vừa trôi xuống cổ họng, thì sơ tỉnh lại và chân tay tê cứng của sơ cử động lại được.

Sau khi bình phục, sơ quyết định trở lại tu viện Đức Mẹ ở Junshin, nhưng cha sở Takada khuyên sơ nên đến giúp một nhà thờ mới xây cất ở Myoko. Sau đó, sơ được nghe về Tu Hội Nữ Tỳ Thánh Thể, một cộng đoàn sống đời tận hiến mà vẫn ở ngoài xã hội. Theo lời mời của ĐGM John Ito, vị sáng lập Tu Hội, sơ gia nhập cộng đoàn nhưng vẫn tiếp tục ở lại giúp xứ Myoko gần nhà thương. Ngoài việc giúp giáo xứ, sơ còn phụ trách dạy giáo lý.

Tháng 4 năm 1984, Đức Giám Mục John Ito sau nhiều năm điều tra kỹ lưỡng đã tuyên bố biến cố Akita là biến cố có nguồn gốc siêu nhiên, và phê chuẩn cho toàn giáo phận được phép sùng kính Đức Mẹ Akita.

Biến Cố Đức Mẹ Khóc

Những biến cố lạ lùng đầu tiên ở Akita xảy ra ngày 12 tháng 6, 1973 khi sơ Agnes trông thấy những luồng ánh sáng huyền nhiệm phát xuất đột nhiên từ nhà tạm. Những hiện tượng tương tự như thế tiếp tục xảy ra hai ngày sau đó.

Vào ngày 28.6.1973, một vết thương hình thập giá xuất hiện trên bàn tay trái của sơ Agnes. Vết thương chảy máu nhiều làm sơ rất đau đớn. Ngày 6 tháng 7 năm 1973, Sơ Agnes nghe một giọng nói từ tượng Đức Trinh Nữ Maria trong nhà nguyện nơi mà sơ đang cầu nguyện. Bức tượng được điêu khắc từ một khúc gỗ từ cây Katsura và cao khoảng gần một mét. Cùng ngày này, một vài sơ khác thấy những giọt máu chảy ra từ tay phải của bức tượng. Vết thương trên bàn tay phải của bức tượng vẫn hiện rõ cho đến ngày 29 tháng 9 thì biến mất. Vào ngày 29 tháng 9 khi vết thương trên tay phải bức tượng biến mất, những sơ trong dòng thấy bức tượng bắt đầu chảy nước nơi trán và cổ. Ngày 3 tháng 8, sơ Agnes nhận được thông điệp thứ hai. Ngày 13 tháng 10, sơ nhận được thông điệp thứ ba cũng là thông điệp cuối cùng.

Hai năm sau vào ngày 4 tháng 1 năm 1975, bức tượng Trinh Nữ Maria bắt đầu khóc. Bức tượng tiếp tục khóc trong 6 năm 8 tháng kế tiếp. Tất cả là 101 lần bức tượng khóc. Tại sao lại 101 lần? Cũng như Kinh thánh nói bởi một người (là Adam) mà tội lỗi đã đi vào thế gian, thì cũng nhờ bởi một Người (là Đức Kitô) mà thế gian được cứu rỗi. Con số 101 được Đức Mẹ cho biết có ý nghĩa như sau:

"Đây là ý nghĩa của con số 101. Điều này có nghĩa là tội lỗi đến với nhân loại do bởi một người nữ, và cũng do bởi một người nữ mà ơn cứu độ được mang đến cho nhân loại. Con số 0 ở giữa tượng trưng cho Thiên Chúa là Đấng hằng hữu. Con số 1 phía trước số 0 là biểu tượng của bà Evà, con số 1 phía sau số 0 là biểu tượng của Đức Trinh Nữ Maria."

Các Thông Điệp

Từ 1973 đến 1981, tượng Đức Mẹ (bằng gỗ) tại Akita, Nhật Bản, đã khóc 101 lần vào nhiều dịp khác nhau. Nhiều lần tượng Đức Mẹ khóc tại Akita đã được chụp ảnh, và chuyên viên vô tuyến truyền hình thu hình. Một số lần, Mẹ ban cho nữ tu Agnes Sasagawa Katsuko, ở tại tu viện nơi có tượng Đức Mẹ Khóc, thông điệp để nói lại cho thế giới.

Thông điệp thứ nhất ngày 6.7.1973

"Con yêu dấu, tập sinh của Mẹ, con đã ngoan ngoãn vâng lời Mẹ từ bỏ mọi sự để theo Mẹ. Sự tàn tật của đôi tai có làm cho con đau đớn lắm không? Hãy tin chắc là con sẽ được chữa lành bệnh điếc tai. Vết thương nơi bàn tay có làm cho con đau đớn không? Hãy cầu nguyện để đền tội cho loài người. Mỗi người trong tu viện này đều là những người con bất khả thay thế của Mẹ. Con có sốt sáng khi đọc kinh của các Nữ Tỳ Của Thánh Thể không? Vậy Mẹ con ta cùng đọc nhé."

"Lạy Trái Tim Cực Thánh Đức Chúa Giêsu, thực sự hiện diện trong Minh Thánh, con xin hiến dâng linh hồn và xác con, để hiệp nhất cùng Thánh Tâm Chúa, vẫn hàng ngày được dâng làm của Lễ Hiến Tế trên các bàn thờ khắp thế gian, để tôn vinh Đức Chúa Cha, và cầu xin cho Triều Đại Cha trị đến. Xin Chúa đoái nhận của lễ hèn mọn này là bản thân con. Xin Chúa sử dụng con theo Thánh Ý Chúa để tôn vinh Đức Chúa Cha, và cho sự cứu rỗi các linh hồn.

Lạy rất Thánh Đức Mẹ Chúa Trời, xin Mẹ đừng bao giờ để con phải xa lìa Người Con Thần Linh của Mẹ. Xin Mẹ che chở và bảo vệ con như con riêng Mẹ. Amen."

"Khi đọc xong bài kinh thì có giọng nói Thiên đàng tiếp:

"Hãy cầu nguyện nhiều cho Đức Giáo Hoàng, cho các Giám Mục và các Linh Mục. Từ khi được chịu phép Rửa Tội, con vẫn trung thành cầu nguyện cho các ngài. Hãy tiếp tục cầu nguyện nhiều... cầu nguyện nhiều. Hãy nói lại với bề trên của con tất cả những gì đã xảy ra hôm nay và hãy vâng lời người trong mọi sự người sẽ nói cho con. Bề trên của con đã yêu cầu con hãy sốt sắng cầu nguyện".

Thông điệp thứ hai ngày 3.8.1973

"Con yêu dấu, tập sinh của Mẹ, con có yêu mến Thiên Chúa không? Nếu con yêu mến Thiên Chúa, hãy lắng nghe lời Mẹ phải nói với con. Điều này rất quan trọng... Con hãy nói lại với bề trên của con.

"Rất nhiều người đang gây buồn phiền cho Chúa. Mẹ muốn có nhiều linh hồn an ủi Ngài để giảm thiểu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa Cha. Cùng với Con của Mẹ, Mẹ muốn nhiều linh hồn dâng những đau khổ và khó nghèo của mình, để đền tạ cho kẻ tội lỗi và những kẻ vô ơn bội nghĩa.

"Để cho thế gian biết được cơn thịnh nộ của Ngài, Thiên Chúa Cha đang chuẩn bị giáng xuống toàn thể nhân loại một sự trừng phạt ghê gớm. Mẹ đã nhiều lần cùng với Con Mẹ, can thiệp để làm nguôi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa Cha. Chính nhờ hiến dâng những đau khổ và hy sinh của Con Thiên Chúa đã phải chịu trên Thánh Giá và Máu Châu Báu của Người, cùng với những linh hồn dẫu yêu an ủi Thiên Chúa của cơ binh những linh hồn hiến tế, mà Mẹ đã ngăn ngừa được nhiều tai họa đang xảy đến. Cầu nguyện, ăn năn thống hối và những can đảm hy sinh có thể làm giảm cơn thịnh nộ của Thiên Chúa Cha. Mẹ muốn cộng đoàn các con cũng làm như vậy... đó là yêu mến đức khó nghèo, thánh hoá cộng đoàn và cầu nguyện để đền tạ cho những sự xúc phạm và vô ơn bội nghĩa của rất nhiều người. Hãy đọc và ý thức ý nghĩa kinh các Nữ Tỳ Của Thánh Thể và đem ra thực hành; hãy phó dâng (tất cả những gì Thiên Chúa

gửi đến), để đền tạ tội lỗi. Mỗi người phải hết sức cố gắng, tùy theo khả năng và địa vị của mình, hoàn toàn phó thác chính mình cho Chúa.

"Ngay cả trong một Tu Hội đời, việc cầu nguyện rất cần thiết. Những linh hồn ao ước cầu nguyện đang trong trên đường được kết hợp lại. Đừng ràng buộc chú ý nhiều đến hình thức, hãy bền đỗ và sốt sắng cầu nguyện để yên ủi Chúa.

Ngừng một lát Đức Mẹ nói tiếp:

"Điều con nghĩ trong lòng có xác thực không? Con có thực sự quyết định trở nên viên đá bị loại bỏ không? Tập sinh của Mẹ, con là người không do dự, mong ước được hoàn toàn thuộc về Chúa, muốn được trở nên hiền thê xứng đáng của Phu Quân thì hãy khẩn hứa với sự hiểu biết rằng con phải chịu đóng danh vào Thập Giá bằng ba cái đinh: Đó là ba cái đinh của khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời. Trong ba điều này, đức vâng lời là nền tảng. Để hoàn toàn từ bỏ bản thân, hãy để bề trên hướng dẫn cho con. Ngài sẽ biết cách hiểu con và hướng dẫn con."

Thông điệp thứ ba ngày 13.10.1973

"Con gái cưng của Mẹ, hãy lắng nghe những lời Mẹ phải nói với con. Và con hãy nói lại với bề trên của con."

Ngưng một lát:

"Như Mẹ đã nói với con, nếu loài người không ăn năn hối cải và cải thiện đời sống, Thiên Chúa Cha sẽ giáng xuống một sự trừng phạt khủng khiếp. Sự trừng phạt này còn khủng khiếp hơn nạn đại hồng thủy, một sự trừng phạt mà loài người chưa từng thấy bao giờ. Lửa sẽ từ trời đổ xuống tiêu diệt một phần lớn nhân loại, người lành cũng như kẻ dữ, không tha cả linh mục lẫn những kẻ trung thành. Những kẻ sống sót sẽ cảm thấy cô quạnh đến nỗi thèm khát số phận của người chết. Khí giới duy nhất còn để lại cho các con là chuỗi Mân côi và Dấu Chỉ mà Con Ta để lại. Hãy đọc kinh Mân côi mỗi ngày. Với chuỗi Mân côi, hãy cầu nguyện cho Đức Thánh Cha, cho các Giám mục và các linh mục".

"Thế lực ma quỷ sẽ xâm nhập vào tận Giáo Hội, đến nỗi người ta sẽ thấy Hồng y chống đối Hồng y, Giám mục chống đối Giám mục. Những linh mục có lòng sùng kính Mẹ sẽ bị chính anh em linh mục của họ khinh miệt và chống đối... Thánh đường và bàn thờ bị cướp phá; Giáo Hội thì đầy rẫy những kẻ chấp nhận thương nhượng, ma quỷ sẽ ép buộc nhiều linh mục và những linh hồn thánh hiến từ bỏ việc phụng sự Thiên Chúa".

"Ma quỷ đặc biệt sẽ không buông tha những linh hồn đã dâng hiến cho Chúa. Nghĩ đến sự mất mát quá nhiều linh hồn như thế là nguyên nhân làm cho Mẹ đau buồn. Nếu tội lỗi gia tăng cả số lượng và cường độ thì sẽ không còn tha thứ cho họ được nữa."

"Hãy can đảm nói lại với bề trên của con. Ngài sẽ biết cách nào để khuyến khích mỗi người các con phải cầu nguyện và hoàn thành những công việc đền tạ"

Khi Tiếng Nói đã ngưng, tôi thu hết can đảm để ngược đầu lên, thì thấy bức tượng vẫn còn sáng láng, nhưng nét mặt Mẹ đượm một vẻ buồn. Rồi tôi định bụng để hỏi câu, 'Ai là bề trên của con?' Bỗng nhiên tôi cảm thấy Thiên thần hiện ra bên cạnh tôi, tôi không nghe được tiếng nói nhưng chỉ cảm thấy Thiên thần nói với tôi, 'Trong những dịp như vậy đúng ra con có thể hỏi những câu hỏi quan trọng hơn.' Nhưng ngoài Đức Giám Mục, tôi còn có ba bề trên nữa, nên nghĩ đây là cơ hội để hỏi.

Tức thì Tiếng Nói trả lời:

"Đó là Đức Giám Mục Ito, người điều khiển tu hội của con."

Đức Mẹ mỉm cười và nói tiếp:

"Con còn điều gì cần hỏi nữa không? Hôm nay là lần cuối cùng Mẹ nói với con bằng tiếng nói thọ sinh. Từ nay trở đi con sẽ vâng lời đáng được gửi đến với con và bề trên của con".

"Hãy năng cầu nguyện kinh Mân côi. Chỉ một mình Mẹ còn có thể cứu các con khỏi những thảm họa sắp xảy ra. Những ai tin tưởng nơi Mẹ thì sẽ được cứu rỗi."

Lá Thư Của Địa Phận

Đức Giám Ito mục ra chỉ thị nghiêm ngặt cho các nữ tu rằng: "Những biến cố xảy ra ở đây rất huyền nhiệm, vì thế nên hành xử một cách thận trọng. Tôi yêu cầu mỗi chị em giữ im lặng về việc này". Thế nhưng chẳng bao lâu biến cố này được tiết lộ qua những khách hành hương đã chứng kiến các biến cố và rồi bài viết được đăng trên nguyệt san Công Giáo. Bài viết ấy cho biết số người chứng kiến Đức Mẹ khóc lên đến 500 người. Không những người ta thấy nước mắt mà còn cảm nghiệm một mùi thơm dễ chịu lúc ấy nữa.

Vào ngày 22.4.1984 trước khi về hưu theo luật của Giáo phận Niigata, Giám mục Ito phổ biến "Thư Giáo phận liên quan đến tượng Đức Mẹ Akita" như sau:

- Theo cuộc điều tra của tôi, không có điều gì từ chối những chuỗi biến cố siêu nhiên chung quanh tượng Đức Mẹ ở Seitai Hoshikai, Yuzawadai, thành phố Akita. Và tôi cũng không tìm thấy điều gì trái ngược với đức tin và luân lý.

- Vì thế, tôi không ngăn cấm việc tôn kính Đức Mẹ Akita trong giáo phận cho tới nay chúng ta có được trả lời chắc chắn từ Tòa thánh Rôma.

Tháng 6 năm 1988 Đức Hồng Y Ratzinger, Trưởng Bộ Tín lý đức tin, đưa ra phán quyết về biến cố ở Akita và những thông điệp là đáng tin cậy và có giá trị đức tin.

Bạn thân mến,

Những biến cố hôm nay đang xảy ra từ nhiều nơi trên thế giới và ở Việt nam dường có phần đúng với lời tiên tri của Mẹ. Là Mẹ ai cũng thương con mình. Mẹ Maria một đàng thương chính Con mình, một đàng Mẹ thương chúng ta. Mẹ không muốn nhân loại đi sai đường, Mẹ không muốn một lưỡi gươm thấu qua lòng Mẹ một lần nữa khi thấy hình phạt của Thiên Chúa giáng xuống trên nhân loại, Mẹ không muốn nhân loại tiếp tục lầm bước trong đêm tối. Mẹ mời gọi nhân loại hãy trở về với Thiên Chúa bằng cách sám hối, ăn năn và dâng những hy sinh lên Thiên Chúa. Vũ khí mà Mẹ ban cho nhân loại để chiến đấu với thế gian và ma quỷ đó chính là Chuỗi Mân Côi. Ước gì mỗi người hãy tiếp tay với Mẹ giữa thế giới hôm nay đầy biến loạn và đã rời xa Thiên Chúa. Mẹ đang mời gọi bạn, đặc biệt những người con yêu mến Mẹ hãy tiếp tay với Mẹ để hướng nhân loại về với Thiên Chúa và làm dịu bớt cơn thịnh nộ mà nhân loại đang chọc giận Ngài.

ĐỨC MẸ NAJU

TẠI NAJU, NAM HÀN, NĂM 1985

Linh Địa Naju, nơi xảy ra phép lạ Đức Mẹ khóc

Naju là một thị trấn nhỏ với khoảng 90 ngàn dân thuộc miền Tây Nam bán đảo Triều Tiên (Korea – Đại Hàn), cách Thủ đô Seoul (Hán Thành) chừng 320 Kilô mét về phía nam. Naju thuộc Giáo phận Kwangju.

Triều Tiên có lịch sử lâu dài với hơn 5 ngàn năm lịch sử, chịu ảnh hưởng truyền thống Phật Giáo và Khổng Giáo.

Triều Tiên đón nhận ánh sáng Đức tin Công giáo từ đầu thế kỷ 18 và phát triển mạnh vào cuối thế kỷ 19, khiến sinh ra cuộc bách hại Kitô Giáo với trên 10 ngàn Kitô hữu đã hy sinh mạng sống để minh chứng Đức tin. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tôn phong 89 vị lên bậc hiển thánh vào năm 1984. Triều tiên cũng đã bị chia đôi đất nước vào năm 1950. Ngày nay số tín hữu Công giáo lên tới trên 3 triệu trong số 43 triệu dân trên đất Nam Hàn.

Lược chuyện về chị Julia

Mẹ Maria đã chọn Naju, một giáo xứ miền quê thuộc giáo phận Kwangjy. Người được Đức Mẹ chọn làm thông tin viên và là cộng sự viên hy sinh chia sẻ những đau đớn thể xác cầu nguyện theo ý Mẹ là chị Julia.

Julia sinh năm 1947 là ái nữ của một vị học giả cổ điển Trung hoa. Cụ thân sinh của Julia đã bị mất tích trong thời Nam bắc phân tranh 1950 và cô em út cũng qua đời khi mới lên 2 tuổi. Julia sống với mẹ, một người mẹ can đảm và chuyên cần lam lũ nuôi con ăn học qua hết bậc trung học. Đến năm 25 tuổi (1972) cô kết hôn với Juliô, người con cả trong gia đình. Anh chị sinh được 4 cháu (Tên là Rosa, Tomas, Térésa và Philip). Anh chị đã lãnh nhận được ơn đức tin và đã trở thành con Giáo Hội vào lễ Phục sinh 1981.

Sau lần trở lại, chị dành hết thì giờ vào việc phục vụ khách hàng (nơi cửa tiệm hớt tóc của chị), lo cơm nước cho chồng con và săn sóc gia đình.

Ông Lubino Park là khách hàng quen thuộc của chị. Ông bị chứng bệnh sung phổi từ khi ông phục vụ các bệnh nhân trong bệnh viện Lao trị. Ông xin chị Julia cầu nguyện cho trước khi khám nghiệm giải phẫu. Vốn có tinh thần tông đồ, nên chị đã dâng một tuần bảy ngày với các việc hy sinh và kinh nguyện để cầu cho ông. Kết quả sau ba lần

tái khám, bác sỹ cho hay ông đã khỏi bệnh cách lạ lùng. Để trả ơn chị Julia, ông xin tặng chị một món quà tôn giáo bày bán trong tiệm ảnh tượng của nhà thờ. Chị Julia chọn bức tượng Đức Mẹ ban ơn lành làm kỷ vật và cũng là để nhớ ơn Mẹ đã nhậm lời chị cầu nguyện.

Sau khi sinh cháu thứ tư, chị mắc một chứng bệnh thập tử nhất sinh. Trước cảnh tượng đau đớn năm chờ chết, chị đã nhiều lần ý "chấp nhận cái chết" với chồng con. Chị cũng cố gượng viết một chúc thư dành cho người sẽ làm vợ kế của chồng chị. Chị cũng được cha Sở xứ đạo Naju thường xuyên đến cho chị lãnh nhận Minh Thánh Chúa và khuyên nhủ ủi an trong khi chờ chết. Hôm ấy trong giấc ngủ mơ, chị thấy mình được Chúa chỉ dẫn đọc Thánh Kinh. Chị mở nhằm đoạn sách nói về người đàn chị loạn huyết lâu năm được Chúa chữa lành nhờ lòng tin. Sau giấc chiêm bao ấy, cũng nhờ lòng tin, chị được Chúa cho hoàn toàn bình phục, lại ban cho hết những gì chị khẩn cầu. Vì thế, nghĩ đến ơn Chúa ban, chị quyết định biến nhà mình thành nơi cư trú cho mọi kẻ nghèo hèn. Từ tháng 5, 1985 cơn bệnh của chị lại tái phát, nhưng Chúa vẫn cho chị đủ sức để làm việc phục vụ.

Chị Julia từ lúc thiếu thời đã trải qua cuộc sống nhiều đau khổ tinh thần và vật chất. Sau ngày được Rửa Tội, chị Julia được Chúa gởi cho nhiều đau đớn hơn nữa, nhưng lần này chị vui vẻ chấp nhận và hiểu được thánh ý Chúa tác động trong đời chị. Chị đã được in năm dấu thánh của Chúa Cứu Thế. Chị được yêu cầu chịu đựng rất nhiều đau đớn để đền bù tội lỗi thế giới ngày nay, nhất là tội phá thai.

Hiện tượng Đức Mẹ chảy nước mắt

Từ tháng Sáu năm 1985, tượng Đức Mẹ trong phòng của chị bắt đầu khóc nước mắt thường và huyết lệ, nhiều người, có cả các linh mục, chứng kiến. Những giọt nước mắt và huyết lệ đã được gởi đi thử nghiệm và được chứng thực là nước mắt và máu người thực. Tượng Đức Mẹ khóc được đưa tới nhà nguyện mà sau này được xây cất để có chỗ rộng cho nhiều người kính viếng. Cho đến ngày 14 tháng 1 năm 1992, tượng Đức Mẹ đã khóc 700 lần. Có rất nhiều người, cả linh mục và tu sĩ, chứng kiến.

Lần đầu tiên Đức Mẹ khóc

Chị Julia viết: "Sau khi đi thăm Kwangju, tôi đến Naju lúc 11g20 khuya ngày 30 tháng 6, 1985. Tôi đọc kinh Mân cô xin cho kẻ có tội được ơn trở lại và cho những người đang đau khổ tại Kwangju. Đang khi đọc kinh, tôi ngạc nhiên thấy nước mắt chảy dài trên đôi mắt tượng Mẹ. Tôi hồ nghi không phải là nước mắt Mẹ nên tôi đánh thức chồng tôi đang ngủ gục, để nhìn cho rõ. Hai chúng tôi nhìn sát mắt Mẹ và chúng tôi xác định là nước mắt thật sự đã chảy ra từ khoé mắt Mẹ.

Sáng hôm sau tôi thức dậy từ 6 giờ và đi thẳng đến chân tượng Mẹ để quan sát lại. Tôi thấy những giọt nước Phép tôi vẩy lên tượng khi đêm đã khô sạch, nhưng vết nước chảy từ khoé mắt Mẹ hôm qua, giờ vẫn còn chảy đều. Trước khi rời nhà đi làm, Juliô bảo tôi "đừng tiết lộ cho ai biết về hiện tượng lạ này". Anh lại bảo tôi "phải cầu nguyện sốt sắng hơn" nữa.

Suy đến lời Chúa nói trong Phúc Âm: "Sự gì kín đáo đến đâu rồi cũng bị phơi bày trên mái nhà". Vì thế, chẳng bao lâu sự kiện Đức mẹ khóc tại Naju được loan đi khắp nơi và thiên hạ kéo đến đông nghẹt cả đường phố. Gia đình anh chị Juliô đã trở thành nơi cầu nguyện suốt đêm ngày. Sinh hoạt gia đình hoàn toàn bị xáo trộn, nhưng anh chị và các con đều chấp nhận cách vui vẻ. Nước mắt Đức mẹ lần đầu tiên này chảy liên tiếp suốt ba tháng trời.

Chị Julia được đón nhận thông điệp

Từ ngày 18 tháng 7 năm 1985, bà Julia bắt đầu đón nhận những thông điệp của Đức Mẹ và Chúa Giêsu. Các thông điệp này là những phương thế linh đạo một số dành bà để giúp bà thăng tiến trên đường thánh thiện và một số dành cho những người bà có bổn phận phải loan truyền sứ điệp của trời cao cho thế giới.

Đức Mẹ đã tỏ cho biết về con đường thiêng liêng theo thánh Teresa thành Lisieux: Cầu nguyện, sinh hoạt chung, chịu đựng hy sinh, làm việc đền tội dâng lên Thiên Chúa vì yêu mến và sống khiêm nhường hiệp ý với Mẹ thì rất có giá trị trong việc cứu rỗi các linh hồn.

Đặc biệt nhất là chị Julia nhiều lần được Đức Mẹ, từ pho tượng, hoặc tượng biến thành Đức Mẹ sống động, ban qua chị Julia những thông điệp cho Giáo Hội, cho các linh mục, giáo dân, và thế giới. Chúng tôi xin lược trích một vài.

18 tháng Bảy 1985, Đức Mẹ nói:

“Thật đáng buồn khi nhiều người vẫn nghi ngờ sau khi nhìn thấy máu, mồ hôi và nước mắt của Mẹ mà vẫn còn nghĩ rằng đó chỉ là những giọt nước lã. Mẹ yêu cầu con truyền bá sự thật. Con có biết rằng Thánh Tâm Chúa Giêsu, Con của Mẹ, bị tan nát vì tội lỗi nhân loại không? Thánh Tâm Chúa bị xé nát ngày này qua ngày khác khi tội lỗi nhân loại tăng nhanh, và hỗn loạn lan tràn. Con hãy làm việc đền tạ. Con hãy truyền bá Kinh Mân Côi trên khắp thế giới để ngăn chặn chiến tranh và cho người tội lỗi ơn hoán cải. Đó là vũ khí của con. Trái Tim Mẹ tan nát vì ngựa thai vô giới hạn. Con hãy cầu nguyện để ngăn chặn phá thai và cả cho người phá thai nữa”.

“Con hãy loan truyền Tình Yêu đang bốc cháy nơi Trái Tim Mẹ. Lửa Yêu Mến... Mẹ muốn các con được hạnh phúc. Vợ chồng được Thiên Chúa kết hợp để sống một cuộc đời hạnh phúc. Nhưng Thánh Tâm Chúa Giêsu, Con của Mẹ, bị tan nát vì người ta thù ghét lẫn nhau và không thể tha thứ cho nhau”.

“Các con phải yêu thương nhau. Ai là tha nhân gần gũi các con nhất? Làm sao các con có thể nói là kính mến Thiên Chúa và Mẹ được trong khi các con không thể yêu thương ngay những người trong gia đình các con? Hãy thánh hóa gia đình bằng tình thương và lòng hòa thuận. Đây chính là điều mà Chúa Giêsu, Con của Mẹ, ‘khát’ đó”.

“Hãy thực hiện tinh thần hiệp nhất giữa những người phục vụ Mẹ. Muốn vậy, con cần phải hy sinh nhiều. Những người làm việc cho Mẹ và cho Chúa Giêsu thiếu hiệp nhất và bị phân tán. Cũng như Thiên Chúa Cha, Thiên Chúa Con và Thiên Chúa Thánh Linh là Một, thì các con cũng phải trở nên một trong khiêm nhường để làm gương tốt cho người khác”.

20 tháng Mười 1986, tiếng Đức Mẹ phát ra từ pho tượng (chảy huyết lệ):

“Thế gian này đang ung thối vì tội lỗi. Dù với Máu cực thánh của Chúa Giêsu, Con của Mẹ, cũng khó lòng xoa dịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa Cha. Con hãy cho Mẹ mượn thân xác và miệng lưỡi con”.

“Mẹ run lên vì lạnh lẽo. Ai muốn đến an ủi Mẹ? Ai là người an ủi Trái Tim Mẹ đang run lên vì lạnh lẽo? Bây giờ Mẹ van xin các con thay vì các con nài xin Mẹ. Hãy cầu nguyện cho các linh mục, những người con của Mẹ. Các ngài vẫn đang bị cám dỗ liên miên. Muốn che chở các linh mục, các con cần phải đem áo quần, lương thực, thức uống cho những người mà linh hồn đang bị trần truồng, đói khát. Qua những linh hồn này, ma quỷ trở nên mạnh mẽ và hoạt động hơn. Muốn chống lại chúng, các con phải nhã nhặn dâng lời cầu nguyện cùng với những hy sinh và tự chối bỏ, cùng một lượt với tinh thần khó nghèo và việc đền tội của các con nữa. Hãy trở về với Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ... Hôm nay Mẹ đặc biệt kêu gọi các con khước từ bản thân và trút bỏ tính ích kỷ. Mẹ sẽ là khiên thuẫn che chở các con. Dù ma quỷ có bắn tên lửa thì chúng cũng không làm hại được các con. Hãy cầu nguyện mà không phải lo lắng gì hết. Mẹ muốn các con đứng bên Mẹ và can đảm tiến lên để cứu vớt thế giới này đang ngụp lặn trong tội lỗi”.

- Mẹ Maria cũng đặc biệt dạy chị Julia về Thiên Đàng, Luyện Ngục và Hỏa Ngục.
- Dịp Đại Hội Thánh Thể tại Hán Thành từ 5 đến 8 tháng Mười, 1989, Mẹ Maria cho chị Julia biết về âm mưu sát hại Đức Thánh Cha và yêu cầu cầu nguyện cho Ngài.

- Chúa Giêsu và Mẹ Maria còn dùng biển cố Naju để nhân mạnh Chúa thực sự hiện diện trong Phép Thánh Thể. Nhiều lần chị Julia rước Mình Thánh Chúa, và Mình Thánh Chúa trong miệng chị trở nên miếng thịt tươi, và máu tươi, mà hình chụp được ghi lại rõ ràng.

Nhiều trường hợp xảy ra với chị Julia về phép lạ Mình Thánh Chúa được quay phim và kiểm nghiệm rõ ràng, vì vậy những trường hợp này không thể là giả được. Ngoài ra còn có những phép lạ về Mình Thánh và Máu Thánh khác cũng xảy ra tại nơi này, với những dấu lạ mà nhờ đó người ta hoàn toàn có thể tin tưởng một cách tuyệt đối. Cũng có những dấu lạ xuất hiện trên chính thân thể chị Julia, với những vết thương huyền diệu, mô tả lại phần nào về cuộc thương khó của Chúa. Trong khi quay phim, nhiều lần người ta cũng ghi lại được những phép lạ bất ngờ xuất hiện, Bánh Thánh từ trên sa xuống với những hoa văn đẹp.

Nhiều lần chị Julia rước lễ, và Mình Thánh trở thành miếng thịt đỏ tươi trong miệng chị.

Tại Naju, những phép lạ cũng nhiều, thông điệp từ Chúa và Mẹ cũng nhiều, nhưng ở đây chúng ta chỉ nói một ít thôi, bạn có thể tìm hiểu thêm.

Sách này được gửi miễn phí đến các độc giả từ:

<http://ebooks-tscongiao.blogspot.com>

Xin đừng sao chép rồi bán lại dưới mọi hình thức.